

JOURNEY

BEYOND THE STARS

A STORY OF THE EARLY LIFE
OF MUHAMMAD SUBUH

RETOLD BY
LJOMAN KEELE

hành trình ra ngoài thiên hà

Minh Thần dịch 2018

© 5.2019 góc nhỏ

HÀNH TRÌNH RA NGOÀI THIÊN HÀ

Minh Thần
dịch 2018

gm
2019

JOURNEY

BEYOND THE STARS

A STORY OF THE EARLY LIFE
OF MUHAMMAD SUBUH



RETOLD BY
LUQMAN KEELE

ILLUSTRATED BY
BRENDA CHAT McKIE
CONRAD VELASCO
LATIF VOGEL
LUQMAN KEELE



STARLIGHT PRESS

BOOK DESIGN BY
LUQMAN KEELE
CONRAD VELASCO

COVER
DESIGN: LUQMAN KEELE
MODEL: NORMAN YEEND



STARLIGHT PRESS
GPO Box 2573
Sydney
NSW 2000
Australia
Tel: (02) 262 2433

Copyright © 1988 Luqman Lateef Keele
ISBN 0 7316 3723 2

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, without the prior permission of the publishers. Such permission, if granted, is subject to a fee depending on the nature of the use.

Printed in Singapore by
Grenadier Press

Mục lục

	hành tình thời niên thiếu	
CHƯƠNG 1		12
CHƯƠNG 2		23
CHƯƠNG 3		36
CHƯƠNG 4		45
CHƯƠNG 5		53
CHƯƠNG 6		68
CHƯƠNG 7		83
CHƯƠNG 8		94
	hành trình của một thanh niên	
CHƯƠNG 9		103
CHƯƠNG 10		112
CHƯƠNG 11		126
CHƯƠNG 12		143
CHƯƠNG 13		152
CHƯƠNG 14		163
CHƯƠNG 15		179
CHƯƠNG 16		194
	hành trình ra ngoài thiên hà	
CHƯƠNG 17		212
CHƯƠNG 18		224
CHƯƠNG 19		237
CHƯƠNG 20		251
CHƯƠNG 21		262
CHƯƠNG 22		274
CHƯƠNG 23		295
CHƯƠNG 24		308
CHƯƠNG 25		323
	từ nơi này qua nơi kia ở Java	
CHƯƠNG 26		341
CHƯƠNG 27		359
CHƯƠNG 28		368
LỜI BẠT:	những hành trình vòng quanh thế giới	384
THỤẬT NGỮ		389

JOURNEY BEYOND THE STARS

A STORY OF THE EARLY LIFE OF
MUHAMMAD SUBUH

JOURNEY MAPS

I.

CHILDHOOD JOURNEY

II.

JOURNEY OF A YOUNG MAN

III.

JOURNEY BEYOND THE STARS

IV.

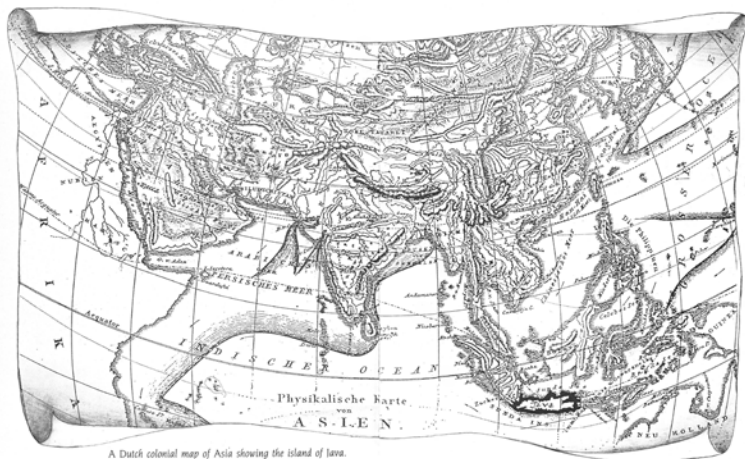
JOURNEY ACROSS JAVA

EPILOGUE: JOURNEY AROUND THE WORLD

AUTHOR'S NOTE: JOURNEY BACK TO KEDUNGJATI

GLOSSARY

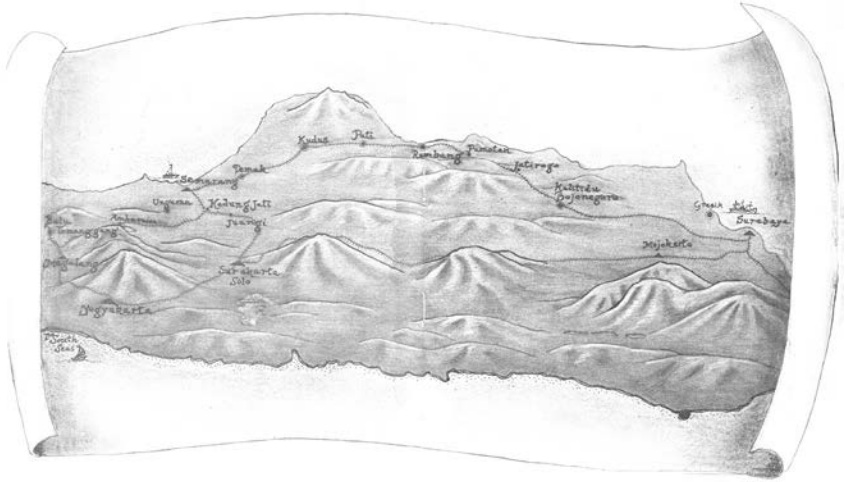
BIBLIOGRAPHY



A Dutch colonial map of Asia showing the island of Java.



Early English map of Java



Topographical relief map-picture of Central Java
 Topographical relief map-picture of Central Java



The small village of Kedungjati in Central Java was an important railway depot during the days of the Dutch colonization.



MUHAMMAD SUBUH

I.

hành trình thời niên thiếu.

CHƯƠNG 1

Mặt trời mọc tại Kedungjati, khúc sông quanh co lấp lánh, đường sắt xe lửa lập loè, xoáy nước *kedung* gợn lăn tăn bên cạnh cây tếch *jati*.

Kursinah nhìn buổi sáng chói lọi đang lên. Cô đi về nhà, một căn nhà nhỏ bé của gia đình, sau khi đã ngủ suốt đêm tại nghĩa trang. Cô thực hiện lễ tắm gội và cầu kinh rạng đông. Lúc đó là *subuh*, tảng sáng.

Mẹ cô, Masiyah, và bố cô, Kato-Seh, đã nhiều lần khiển trách cô: „Kursinah, con không nên ngủ gần mồ mả, dù đó là mồ chôn của một tổ tiên, một hoàng vương lẫy lừng của Demak.“

Kursinah cúi đầu nghe cha mẹ mình nói. Cô là một thiếu nữ cao hơn mức trung bình, xương gò má cao, khuôn mặt cứng cõi, sự cương quyết của cô hiện rõ trên nét mặt.

Không, việc một cô gái ngủ tại nghĩa trang không là chuyện thường thấy. Những người khác, những kẻ lớn tuổi hơn, có lẽ đã theo cái cổ tục đó, để cầu xin tổ tiên phù hộ, nhưng một thiếu nữ thì chưa bao giờ.



Kursinah ngủ gần mồ mã của tổ tiên, mong ước như vậy sẽ nhận được ân phúc của họ cho sự kết hôn của mình.

Kursinah nhớ tới những trải nghiệm đêm hôm đó. Đang say sưa ngủ, cô chợt bàng hoàng thức dậy. Một con cọp đang đi đến phía cô, một con thú to lớn, trắng như ánh trăng, như bạc đồng trơn mượt mờ mờ. Con thú đó lặng lẽ đến gần cô tại mồ mã. Cô rùng mình như lần đầu. Cô lấy làm lạ vì sự xuất hiện đó. Đó là điềm gì? Đây không là lần đầu cô trông thấy con cọp màu trắng đó.

Ánh nắng mặt trời buổi sáng tuôn tràn vào nhà bếp, sưởi ấm cơ thể ớn lạnh của cô. Cô khom mình xuống đốt lò lửa cho nóng hơn. Cô thường phải làm bữa ăn sáng. Nấu trà. Trà cho bố mẹ.



Cô chạy về nhà để làm bữa ăn sáng cho bố mẹ và phơi nắng cho ầm. Cô tự hỏi không biết nhìn thấy con cạp có là điềm tốt hay không.

Họ vừa cầu kinh xong, cô có thể kể cho họ. Tiếng nói êm dịu của họ lắng xuống, và có tiếng sột soạt của chiếc *batik sarong* của Ibu khi bà mặc đồ.



Khi Kursinah pha trà ở nhà, cô nghe lóm phụ thân Chasidi và hoàng thân Sumowardoyo nói chuyện với nhau về chuyện hôn nhân của mình.

Từ con đường tới nhà Kursinah và không mấy xa con đường làng leo lên ngọn đồi tới nhà ga, Chasidi Kartodiharjo đang ngồi nghỉ tới Kursinah dưới cổng vòm căn nhà ông bác mình.



Chasidi yêu Kursinah. Trong tâm mình anh xin phụ thân giúp mình cưới được cô.



Đối với những người Java khác, cô cao hơn mức trung bình, anh nghĩ, như đã từng nghĩ như vậy nhiều lần. Nhưng cô là một thiếu nữ đáng chú ý. Họ có thể thành gia thất?



Chasidi mơ ước thoáng nhìn thấy Kursinah lúc ban ngày tại khúc quanh của con sông.

Anh ước lượng vận may mình. Anh cảm thấy Kursinah yêu mình - tuy họ hầu như chưa được dịp cùng nhau trò chuyện. Cha mẹ ghê anh thường có mặt bên cạnh Kursinah khi cô tới thăm, nhưng cách cô nhìn anh khiến anh thấy có hy vọng. Anh không cao hơn mức trung bình như Kursinah, nhưng không nghĩ là mình xấu trai. Anh ở trong một căn nhà đẹp nhất tại Kedungjati, tuy khó có thể được coi là thuộc thành phần khá giả. Người nuôi nấng anh là anh ruột của bố anh, 'hoàng thân' Raden Mas Rachiman Sumowardoyo, và đó không là điều bất lợi. Con người khôn ngoan, tử tế, hơi khoa trương đó, xuất thân từ triều đại Solo. Người ta đồn rằng ông đã bị trục xuất khỏi của triều đình nhà vua, đã vượt qua biên giới Solo để tới lánh thân tại Kedungjati ở Semarang.

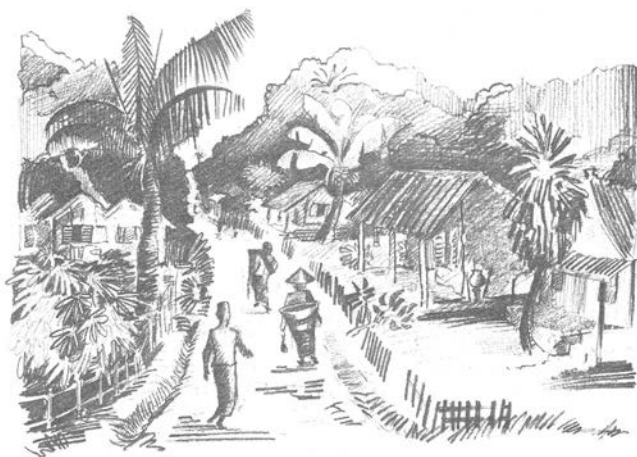
Chasidi chưa từng hỏi bác mình điều đó có thật hay không. Anh không bao giờ muốn tỏ lòng bất kính hỏi thẳng ông về chuyện

đó. Chasidi duỗi vai bước vào nhà chào hỏi bố ghẻ và xin phép ông cùng với mẹ ghẻ Sumirah cho phép mình đi ra ngoài. Raden Nganten Sumirah, một phụ nữ xinh đẹp, cũng là một ‘công chúa’ – hoàng thân hay công chúa, đó là những tước hiệu thông thường ở Java.

Sumowarddoyo trừng trừng nhìn Chadisi, khi anh bước vào phòng đứng cúi đầu. Thằng nhỏ này chắc đang nghĩ tới cô con gái của Karto-Seh, ông suy ngẫm. Dù nghĩ như vậy, ông cũng ngạc nhiên thấy Chasidi quỳ trước mặt đặt trán và lòng bàn tay trên đầu gối ông theo truyền thống *sungkeman*. Đó chỉ là cách cúi rạp mình xuống để xin phép cho được ra ngoài đi làm. Sumowarddoyo ngờ ngờ đoán được ý định đưa con nuôi mình.

Cả ông và Chadisi đều không nói gì. Giữa họ không nói gì với nhau cũng có thể hiểu nhau.

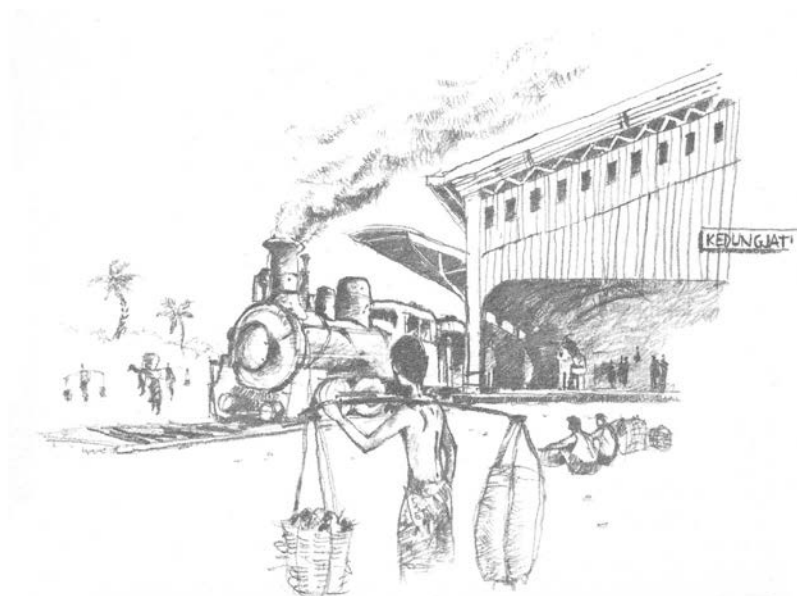
Sumowarddoyo cười thầm. Đến lúc phải đến xin hỏi Karto-Seh gả Kursinah cho con nuôi mình.



Mỗi ngày Chasidi đi trên con đường tới ngọn đồi thoai thoải để tới làm việc tại trạm xe lửa.

Chasidi cảm thấy nhẹ nhõm khi xong *sungkem*; anh đứng lên xin phép cho mình tới công sở tại nhà ga. Anh chỉ là một thợ máy nhưng yêu thích công việc với xe lửa của mình. Anh thích thú mỗi sáng trèo lên đồi để nhìn thấy sự lằng xằng hối hả của thiên hạ tại trạm ga đang đợi chờ chuyến xe đầu tiên từ Bulu.

Có lẽ, Chasidi nghĩ khi anh bước qua đường xe lửa, chỉ có lẽ thôi, lúc cuối trưa, mình có thể thoáng nhìn thấy Kursinah. Những lúc gần đây, cô thỉnh thoảng đi trên những con đường mòn vùng quê để tới nghĩa trang. Cô có thể đi ngang qua cái *kedung* gần lùm cây tre lớn là nơi hoàng vương Diponegoro thường dùng để dưỡng quân trong những trận chiến với người Hà Lan.



Trạm xe Kedungjati đã đầy những hành khách và con buôn đi loanh quanh trong lúc chờ đợi chuyến xe đầu tiên.

Nhưng anh cũng biết rằng người Hà Lan đã làm nên các đường xe lửa tại Java. Những đường đó nối liền Batavia với miền Tây với những thị trấn không mấy nhộn nhịp của Trung Bộ Java, và với phương hướng tới hải cảng Surabaya.

Chasidi Kartodiharjo yêu thích những con đường vắng rền đó đem mình tới bờ ven quê hương mình là một ốc đảo. Anh đã đứng nơi giáp ranh bờ biển phía Bắc, nơi là bến tàu của hải cảng Semarang, để thán phục những môn cơ khí đã khiến cho người Hà lan có thể lặn ở Java và trên mặt biển.

Anh nghĩ tới những ngày tháng huy hoàng của Java: trong thời đế quốc Majapahit, lúc Java là trung tâm của Á Châu, trong đó có những học giả và nhà tu hành đạo cao đức trọng qua lại nơi bờ biển.

Chasidi biết đó là lúc thế lực quê hương anh đạt tới chỗ cao nhất, lúc tôn giáo của anh bắt đầu truyền tới các ven biển.

Phụ thân Kursinah nhớ tới những chuyện về sự xuất hiện của Hồi giáo tại Java. Người ta nói rằng, chính ông, Karto-Seh, là hậu duệ của vương quốc Hồi giáo Ciberon, một trong những nước đầu tiên theo Hồi giáo.

Chasidi bước vào cái văn phòng nhỏ bé của nhà ga. Anh phải biên chép một vài điều, và mơ ước làm nên những chuyện vĩ đại...như tự tay mình một ngày nào đó làm nên một đường xe lửa. Chợt nhiên người ta kêu anh đi giúp sửa chữa tháp nước. Suốt ngày anh làm việc nơi tháp nước, và thường nghĩ tới Kursinah...

Kursinah không mấy ngạc nhiên, khi Eyang Sumowardoyo sáng hôm đó tới nhà mình lúc đã muộn. Ông là một nhân vật ấn tượng với phong cách và lời ăn tiếng nói nhã nhặn, và hiển nhiên đã khiến cô, như những dân làng khác, phải kính sợ. Tuy nhà cửa không khang trang thuộc thành phần khá giả, phụ thân Kursinah đã khiến cô trở nên một người kiên định mộ đạo. Khi còn trai trẻ tại Ciberon, ông đã đi khắp nơi thụ giáo hết đạo phái này tới đạo phái khác, để học hỏi thâm sâu hơn về đạo Hồi. Masiyah, mẹ cô, đã truyền cho cô cái năng khiếu hiểu biết về tâm linh và thực tại của thế giới vô hình. Những điều đó luôn khiến cô có đức tin vững chắc.

Khi đem trà cho vị khách là ,thân vương' dùng, Kursinah vẫn luôn nhớ mình là hậu duệ của Sunan Kalijogo, một vị đạo hạnh cao nhất trong nhóm *Chín vị Wali*, Cửu Thánh. Cô đã từng viếng mộ vị thánh đó rồi hay sao? Cô còn nhớ chính ông ngoại mình, cũng như Sumowardoyo, là một người tới lánh thân từ triều đại Solo.

Nhưng điều khiến Kursinah an tâm nhất, khi cô cả gan đứng gần phụ thân và ông hoàng đang im lặng, là con cọp màu trắng.

Cô nhớ tới cách nó đứng nhìn mình đêm hôm qua. Có những kẻ gọi nó là ,con cọp của các thiên sứ', cô nghĩ. Những người khác thì gọi là ,con cọp của Sunan Kalijogo'. Nếu là giấc mơ, trải nghiệm đó còn sống động hơn thực tại của lúc tỉnh giấc. Cô cảm thấy lại một lần nữa những gì đã cảm thấy, khi con cọp bước đi bước lại quanh các mồ mả – ngay trong khi phụ thân và Eyang Raden Mas Sumowardoyo đang trò chuyện nơi phòng khách căn nhà nhỏ bé của mình.

Lần đầu gặp con cọp màu trắng, Kursinah cảm thấy một nỗi sợ đau đặng. Phụ thân và hoàng thân đã biết được bí mật của cô? Sumowardoyo đang nói tới chính cô, Kursinah. Ông ăn nói một cách điềm nhiên, quanh co, theo lối dân quý tộc Java, để đề nghị cho đôi trẻ thành thân. Khuôn mặt phụ thân trở nên lạnh nhạt, nhưng cô nhìn thấy lông mày và cặp mắt an hòa của ông: dấu hiệu tối thiểu của sự chấp thuận. Cô cảm thấy an tâm. Cô nhớ lại con cọp một lần nữa: nỗi sợ của cô đã mất đi như thế nào, khi cô chăm chú nhìn nó di động và hành động như đã quen biết mình.

Kursinah mỉm cười trong lòng. Cô cảm kích là điều đó đã xảy ra như vậy. Con cọp chắc chắn đã nhận thấy cô đang chăm chú nhìn nó, bày tỏ tình cảm cô trên khuôn mặt – khi nào điều này đã xảy ra như thế nào? Cách đây vài tháng? Có lẽ vậy.

Kể từ khi đó, cô cầu xin ân phước của *Gusti Allah*, Thượng Đế Cao Cả: Cô đã ngủ gần những mồ mả của tổ tiên mình.

Cô quyết định: cô sẽ đi viếng mồ một lần nữa.

Chasidi đợi chờ vô vọng nơi xoáy nước phía dưới cây tếch cao ngất. Bóng chiều đã trải rộng. Có những đứa bé làm nước bắn tung toé và bơi lội trên sông. Không bao lâu nữa anh sẽ về nhà. Khi hoàng hôn màu xanh dương xuống, anh vội vã đi qua những cánh đồng trồng lúa. Anh nhận thấy bố mẹ ghẻ mình đang chờ đợi mình về nhà.

Sau khi cùng nhau thực hiện lễ cầu kinh *Maghrib* của buổi chiều, họ ngồi trong phòng khách. Ánh nến và ánh sáng chiếc đèn dầu treo lấp lánh trên khuôn mặt bố mẹ nuôi anh.

Đêm đã khuya và sao trên trời sáng như ánh đèn, khi Eyang Sumowardoyo cuối cùng cầu xin Bapak Kartoh-Seh cho Kursinah được kết hôn với Chasidi Kartodiharjo...

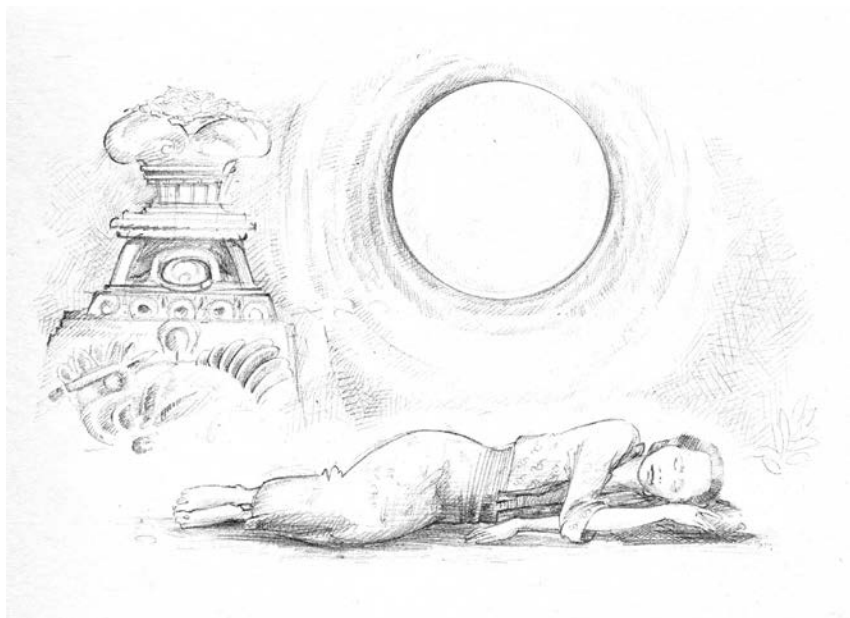
Kursinah biết rằng phụ thân cô sẽ cho hay ông ưng thuận hay không. Đó là cách ông đợi chờ cho tới khi mọi cảm xúc ông được lắng đọng.

Kursinah cũng đợi chờ, cho tới khi bố mẹ mình đã ngủ hẳn. Cô rón rén ra ngoài và lặng lẽ đi tới nghĩa trang, dưới ánh sáng êm dịu ban đêm của những ngôi sao lưa thưa.

Cô biết cách đi tới nơi tới chốn giữa các mồ mả. Chẳng bao lâu, cô đã tới nơi, quỳ xuống bên cạnh mồ mả và tụng niệm khúc *Fatihah* của kinh Quran.

*Nhân danh Chúa Chí Tôn
Đấng Đại Từ Đại Bi
Con xin tạ ơn Chúa
Đấng Đại Từ Đại Bi
Phán Xét lúc tận thế.
Con chỉ phụng thờ Chúa
Con chỉ cầu xin Chúa.*

*Xin Chúa chỉ cho con
Đường đi Chúa cho con,
Không là đường những kẻ
Đã làm đường lạc lối,
Những kẻ đã làm Chúa
Giận dữ và phẫn nộ.*



Trong một giấc mơ ban đêm Kursinah thấy ánh trăng màu trắng từ trên trời chiếu xuống đầu mình.

Ngay sau đó, Kursinah say sưa ngủ. Cô mơ thấy trăng tròn rớt xuống từ trên trời – một quả cầu sáng rực như mặt trời – xuống đầu cô. Cô cảm thấy ánh sáng đó như nhập vào con người mình rồi nổ tung trong đó. Cô giật mình thức dậy.

CHƯƠNG 2

Chỉ vài tháng sau đó đã có một căn nhà nhỏ bé, một loại nhà gỗ, được xây cất trong vườn nhà của vợ chồng Sumowardoyo. Đó là một quà tặng của Eyang Sumowardoyo cho cô dâu và chú rể, Kursinah và Chasidi.

Sumowardoyo và Karto-Seh đã từng hợp tác làm ăn. Karto-Seh làm nghề cung cấp vật liệu xây cất, và trong lúc này thì cả ông và Sumowardoyo đều làm ăn trong ngành đấu thầu và xây cất.

Kursinah yêu thích căn nhà nhỏ bé đó, những ngói nhà màu đỏ, giường ngủ hình vuông của nó với những cửa sổ nhìn ra ngoài vườn và bầu trời. Cô ngồi đó nhẹ nhàng đụng vào bụng mình, khi hai nhân công đang quét vôi tường nhà. Bên trong mình, cô cảm thấy sự sôi sục của một sự sống mới.



*Món quà của cha mẹ
đôi bên cho Chasidi và
Kursinah là một nhà gỗ
nhỏ bên cạnh căn nhà
Sumowardoyo.*

Đối với cô, sự việc cô mang thai liên quan tới giấc mơ trong đó trăng tròn rớt xuống đầu mình. Cô không kể cho bất cứ ai về giấc mơ đó, về những trải nghiệm của mình, ngay cả những trải nghiệm của thời còn là thiếu nữ. Thay vì vậy, cô giữ những cái đó cho chính mình, coi đó là những tặng vật quý báu nhất.

Mới đây, cô cảm thấy được khích lệ bởi trực giác của mình về đứa con mình mang trong bụng, bởi những sự bàn tán cô tình cờ nghe được từ phòng khách của Sumowardoyo. Không biết là Kursinah đang lóm nghe được, Sumowardoyo một hôm nọ nói với một vị *imam* tới thăm ông: "Tôi nghi đứa bé đó sẽ không là một kẻ tầm thường." Nhà tu hành Hồi giáo đó gật gù đồng ý: "Hình như nó sẽ trở thành một người được kính trọng, thậm chí còn được tôn sùng."

Những lời nói tình cờ nghe lén được đó như những âm hưởng của điệu Kursinah tin.

Chasidi Kartodiharjo tiếp tục làm việc tại nhà ga, nhưng công việc anh thường khiến anh phải xa nhà trong vài ngày. Anh thường được phái tới sửa chữa những thiết bị tại Rembang, ngay cả tại Gresik. Mỗi lần về từ Kedungjati anh đều nhận thấy Kursinah có gì đó thay đổi. Đó không chỉ là sự thay đổi của thể chất trong tình tự mang thai, mà còn là điệu Kursinah trở nên khả ái hơn, điềm nhiên hơn.

Tính điềm nhiên của Kursinah càng trở nên rõ rệt hơn trong những ngày tiếp theo đó, khi núi lửa Kelud tác hại nổ tại Trung Bộ Java. Bầu trời màu xanh biến thành tối mù trong nhiều tiếng đồng hồ. Chim chóc và những thú vật khác bỏ mạng vô số, mọi người đã hoảng hốt và tin đồn về ngày tận thế truyền bá khắp nơi. Núi lửa phóng ra một khối tro càng lúc càng rộng lớn, ngay sau đó lan tràn tới Semarang và Kedungjati. Cây cỏ, đồng ruộng, cây đu đủ, nhà cửa, đường làng, tất cả đều đầy bùn tro núi lửa. Đường xe lửa phải được làm cho sạch mỗi ngày, và nhiệm vụ đó phải ráo riết được thực hiện từ nhà ga này tới nhà ga khác.

Bầu trời trở nên đen tối. Thông thường sáng ngời, ánh sao hầu như không thể xuyên qua màn đêm. Ban ngày, những ngọn núi gần

Semarang có vẻ như có những vòng đai mây mù và bùn tro bao quanh.



Khi núi lửa Kelud bùng nổ, Kursinah ở rất gần đó lúc sắp sinh đẻ, nên lấy làm lo lắng.

Bắt đầu có những tin đồn về sự tử vong đáng ngại càng lúc càng gia tăng của những đứa bé, đặc biệt những đứa mới sinh.

Có những kẻ cho rằng đó là hậu quả của không khí ô nhiễm, sự dần dần phát triển của bùn tro trong phổi các đứa bé. Những người khác thì coi đó là những điềm gở.

Chasidi biết rằng Kursinah lo lắng cho đứa bé chưa sinh ra. Thực vậy, cô tự hỏi số mệnh đứa con mình, theo những gì cô hiểu, sẽ khiến nó có thể sống sót hay không trong thời buổi quái lạ này.

Nhưng cô yên tĩnh chờ đợi, và hình như cô đã nghe thấy linh hồn mình cho hay những biến cố đó sẽ hết sau khi đứa bé an toàn sinh ra.



Kursinah cầu xin Thương Đế cho con mình được an toàn và mạnh khỏe sinh ra.

Hầu như mỗi ngày trong thời kì hỗn loạn đó, Sumowardoyo đều đi tới trạm Kedungjati – bề ngoài là để thăm Chasidi. Tất cả những ai làm việc tại đó đều quen biết ông cụ đó. Tuy đã cách đây nhiều năm không làm việc cho NIS (Nederlands Indische Spoorwegen) nữa, ông vẫn còn phải tới đó tối thiểu mỗi tháng một lần, để ký giấy tờ lãnh tiền về hưu.

Lí do chánh yếu khiến Sumowardoyo thường xuyên đến đó là để được dịp đọc báo chí Hà Lan.

Sumowardoyo thường đi vào văn phòng Chasidi. Nếu anh có mặt, họ sẽ trò chuyện đôi chút. Nếu không, ông sẽ lấy đọc một tờ báo gấp lại trên bàn giấy của Chasidi. Ông ngồi đọc trong một hay hai tiếng đồng hồ về những gì xảy ra khắp nơi trên thế giới.

Sumowardoyo thích thú muốn biết về những biến cố hải ngoại. Ông nhận rõ là những tình trạng không được giải quyết ở Trung Bộ

Java là thành phần của tình hình thế giới.

Sumowardoyo chăm chú đọc những chuyện về thiên văn học và đường xe lửa. Việc đưa con sắp sinh ra của Kursinah cùng với tuổi tác cao của ông khiến ông tìm đọc những bài về sinh đẻ và chết chóc.

Lúc đó là tháng 7 năm 1901.

Một vết đen ngòm xuất hiện trên mặt Mộc Tinh. Hình nó tròn sắc bên với một quầng mờ nhạt phía trước và phía sau.

‘Trông giống với đồi núi lửa Kedud đã nổ,’ Sumowardoyo nghĩ khi đọc bài báo đó.

Giáo sư Haenkel đi tàu thủy từ Âu Châu tới Java để tìm kiếm những di tích của Người Java: ‘ *vật thiếu trong một bộ*’ [*missing link*: động vật trung gian giữa vượn và người tiền sử] trong sự tiến hóa của loài vượn thành loài người. Sumowardoyo không hiểu tại sao một loài này có thể biến thành một loài khác, nhưng ông cũng thích thú đọc, nhất là những tin về đường xe lửa.

1901 là năm những đường xe lửa được đặt tại Á Châu, ông đọc được. Con đường dài giữa St. Petersburg tại miền Tây và Vladivostok tại bờ biển miền Đông của nước Nga đã hoàn thành. Con đường dài 264 km từ Bangkok tới Korat được khai mạc – đánh đổi với sự thiệt mạng của hàng ngàn người. Vua và Hoàng Hậu nước Siam đến thăm Java.

Hoàng tử Hirohito của Nhật Bản sinh ra; nhân vật sẽ là vua George của nước Anh sinh ra; nữ hoàng Victoria qua đời.

Sumowardoyo nhận thấy những biến cố trọng đại đó có tính cách tiên tri. ‘Nhưng người dân Kedungjati chẳng biết gì hết ngoài những đám mây đen của núi Kelud,’ ông nghĩ trong khi đi về nhà.

Chủ Nhật ngày 22 tháng 6, Kursinah sinh ra một đứa bé trai lúc 5

giờ sáng.



Subuh sinh ngày 22 tháng 6, 1901, cùng giờ, ngày, tháng và năm với Thiên Sứ Muhammed. Ông nội Sumowardoyo đặt tên cho đứa bé là Sukarno. Nhưng đứa bé đau ốm trầm trọng.

Sumowardoyo có mặt trong lúc đó, ông rất xúc động. Ông thấy thời gian sinh ra của đứa bé thật đặc biệt.

Ông đứng trong căn nhà nhỏ bé. “Hôm nay” ông nói “đúng là ngày, tháng và năm sinh của Thiên Sứ Muhammed.”

Ông nhớ lại như thế nào mỗi năm trong ngày đó, trong lúc ông còn là một quan chức của triều đình vương quốc Hồi giáo Surakarta, ông đã chứng kiến cảnh súng ống và đại bác bắn 40 lần chào mừng ngày sinh ra của Thiên Sứ.

Người ta tắm gội cho đứa bé, quấn nó trong khăn, rồi đưa cho ông nội nó. Ông cầm nó lên, rồi nâng niu ẵm nó.

“Bố sẽ chăm sóc đứa bé này,” ông nói với Kursinah và Chasidi.

“Bố muốn nó luôn bên cạnh bố.” Đứa bé được đặt cho cái tên là Sukarno.

Đứa bé ở chung với Kursinah và Chasidi trong những tuần lễ đầu tiên, hầu như lúc nào cũng trên chiếc giường hình vuông nhỏ bé. Nhưng với thời gian, nó càng lúc càng được vợ chồng Sumowardoyo trông nom. Đó một phần là vì Chasidi phải xa nhà, nhưng phần nhiều cũng là vì tình trạng sức khỏe nó càng lúc càng kém.

Sau khoảng 2 tháng, hiển nhiên cậu bé Sukarno đã đau ốm trầm trọng khiến có thể chết. Điều này hình như là sự tác hại của đợt những đứa bé phải chết tại Kedungjati sau cơn nổ của núi lửa Kelud.

Kursinah đã nghe những gì các cô lão nói về núi lửa Kelud. ‘Kelud,’ họ nói, nghĩa là một cái chổi sẽ quét sạch thế giới.

Cô không thể chấp nhận việc đứa con yêu quý của mình sẽ bị quét sạch.

Trong lúc đó Chasidi đã trở thành một viên chức kĩ thuật của nhà ga. Về nhà sau khi nhiều ngày xa vắng, anh nhận thấy tình trạng sức khỏe Sukarno, con trai mình, trở nên trầm trọng. Bất cứ nơi đâu mình tới, anh đều nghe nói tới những chuyện tương tự về những đứa bé bị đau ốm, kém sức khỏe và phải chết.

Anh đến nói chuyện đó với Kato-Seh và bố nuôi mình. Hai ông cụ đang ngồi hút thuốc nơi cổng nhà.

Chasidi có thể trông thấy chính họ cũng đang lo lắng. Anh ngồi đó cùng họ nhâm nhi một ly trà. Lời nói của bà mẹ nuôi Sumirah vang dội trong đầu óc anh: “Thằng bé có thể sắp chết.”

“Nak Chasidi,” *Nak* là lối xưng hô gọi một người con thân thiết, Karto-Seh nói với con rể. “Ông nội con là hoàng vương Sayid Muhammed Abubakar.” Sự nhận xét của Karto-Seh khiến mọi

người đang im lặng phải chú ý. “Bố nuôi con đây,” ông lịch thiệp chỉ qua phía Sumowardoyo, “thuộc hoàng tộc.” Nak Kursinah đương nhiên cũng là hậu duệ của hoàng vương Purbokusumo trong dòng dõi của Sunan Kalijogo. Nhưng con cũng nên biết rằng dòng dõi của chúng ta và thằng nhỏ Sukarno có thể vẽ ngược lại tới một hậu duệ trực tiếp của Thiên Sứ Muhammed, Sheikh Maulauna Maghribi, một người đã từ Mecca tới Indonesia cách đây mấy thế kỉ. Tổ tiên ông xuất thân từ Ai cập. Vẽ ngược lại xa hơn nữa, họ xuất thân từ một hòn đảo là quốc gia của một vùng biển nội địa mà người ta gọi là Địa Trung Hải. Đất nước cổ xưa đó hiện nay không còn nữa, vì nó đã chìm dưới đáy biển. Đó là một hòn đảo hình tròn người ta gọi là Sparta: không phải là Sparta của Hy Lạp...

“Dù sao thì Sheikh Maulauna Maghribi cũng đã tới Java, và người ta nói rằng ông đã lập gia thất với một người thuộc hoàng tộc, và cũng do đó mà có dòng dõi của *Chín Vị Walis*. Các vua chúa của Java đích thực thuộc dòng dõi những vị thánh đó”.

Ban đầu Chasidi lấy làm ngạc nhiên là Karto-Seh đã kể cho mình nghe những chuyện đó. Nhưng dần dần anh hiểu được điều ông bố vợ mình muốn mình hiểu. Ông cụ tìm cách làm cho anh nhận thức được dòng dõi tổ tiên đưa con anh là điều khiến vận mệnh nó thuộc quyền định đoạt của một uy quyền siêu đẳng. Karto-Seh mong rằng như vậy sẽ làm cho Chasidi bớt lo nghĩ hơn. Anh đã không bớt lo hơn, nhưng cũng bắt đầu cầu nguyện trong lòng.

“Về phía chúng tôi,” Sumowardoyo bàn thêm, “chúng tôi là hậu duệ của Sheikh Wali Lanang mà tổ tiên là Thiên Sứ Muhammed, và hậu duệ của họ đã sinh ra Ageng Solo.”

Chasidi nhớ tới những chuyện người ta kể về Ageng Solo: ông là người đã nắm giữ được sấm sét. Anh tự hỏi những thành tích của Solo có tương tự hay không với những thí nghiệm về điện lực ở Mỹ của Benjamin Franklin. Nếu là vậy thì Solo đã che giấu điều đó, thay vì đem truyền bá cho mọi người. Có nhiều điều ở Java hình như người ta muốn giữ bí mật.

“Mataram, một vương quốc vĩ đại nhất của Java, nằm dưới quyền cai trị của con cháu Ageng Solo. Tên tuổi ông thì con đã biết: Senopati, vua Hồi giáo Agung.”

Chasidi lấy làm lạ về những chuyện kể lại đó: nếu những gì bố nuôi anh nói là sự thật, thì từ sự tình cờ kết giao của hai dòng họ, anh biết được đứa bé Sukarno là hậu duệ của Thiên Sứ Muhammed.

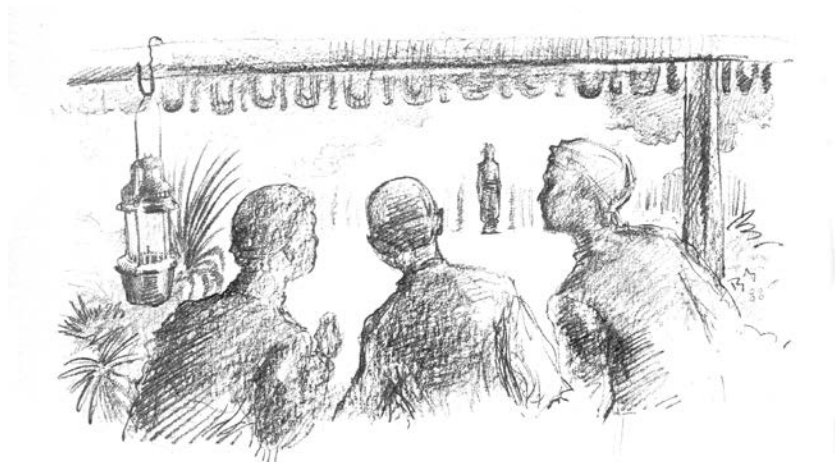
“Nhưng nếu họ là tổ tiên mình, điều đó không nhất thiết cho mình đạt được những tính chất thực sự cao quý,” Sumowardoyo nói tiếp. “Chỉ ân huệ của Thượng Đế mới khiến được như vậy.”



*Ông nội và ngoại
đưa bé biết được
chỉ có các tổ tiên
thuộc dòng dõi
cao quý mới có thể
che chở nó – chỉ
Thượng Đế mới
làm được chuyện
đó.*

Ba người họ đều yên lặng ngồi. Những tiếng khóc của bé Sukarno chọc thủng cơn nóng lúc cuối trưa. Người ta nghe thấy tiếng kêu bực dọc của Kursinah và Sumirah, người này gọi người kia từ phòng ngủ tới nhà bếp.

Chasidi là người đầu tiên nhận thấy một kẻ mặc đồ đen đứng ngoài đường.



Mọi người đều lo sợ chuyện chẳng lành, cho tới khi có một người ăn mặc đồ màu đen dùng chân bên ngoài căn nhà gỗ nhỏ.

“Bố,” anh điềm nhiên nói. Cả hai ông bố đều đứng lên vì âm điệu khẩn cấp trong giọng nói của Chasidi. “Coi kia – một kẻ lạ mặt ngoài cổng.”

Karto-Seh tái mặt khi trông thấy một ông lão rất cao, đôi vai hình vuông, đang đứng ngoài đường. Hiển nhiên ông đang đứng nghe những tiếng khóc của đứa bé và những tiếng om sòm trong nhà.

Hoàng thân Sumowardoyo là người đầu tiên phản ứng. Lặng thinh, như bị thôi miên, ông bước ra ngoài gặp kẻ lạ mặt. Kẻ đó hiển nhiên lớn hơn ông vài tuổi. Trong lúc ngủ trưa, Sumirah đã phải thức dậy vì một linh cảm trong một giấc mơ; bà nhìn qua cửa sổ khi chồng mình đến gần kẻ lạ mặt.

“Thưa cụ,” Sumowardoyo nói với ông lão mặc đồ đen. Kẽ lạ mặt quay mình đối diện ông, để lộ một cách ăn mặc không đúng niên đại: một thứ quần áo cách đây hơn trăm năm.

“Thưa cụ, tôi có thể làm gì cho cụ?” Sumowardoyo hỏi.

Kẽ lạ mặt nghe ngóng một lần nữa. “Đứa bé có vẻ bị đau ốm.”

“Cụ nói đúng đấy, nó đau ốm suốt tháng nay. Có lẽ vì núi lửa...”

Kẽ lạ mặt có vẻ đang suy nghĩ. “Tên nó là gì?”

“Sukarno,” Sumowardoyo đáp.

“Ra là vậy!” kẻ lạ mặt nói. “Nhưng nó sinh ra lúc nào?”

“Cùng ngày, tháng và năm với Thiên Sứ Muhammed,” Sumowardoyo nói.

“Nhưng *lúc nào* trong ngày?” kẻ lạ mặt hỏi. “Có phải sinh ra lúc tảng sáng?”



"The child was born at dawn," he said, "so call him Subuh, which means 'dawn'.

“Lúc 5 giờ sáng.”

“Là như vậy, lúc bình minh,” kẻ lạ mặt nói. Tại sao không gọi nó là *Sub’hi*? Cứ lấy cách gọi lúc cầu kinh bình mình đặt tên cho nó.”

Hoàng thân Sumowardoyo ban đầu hơi do dự, nhưng rồi cũng gật gù một cách quả quyết. Cuối cùng, để tỏ sự biết ơn, ông nhắm mắt lại trong một khoảnh khắc, như để thưởng thức cái cảm giác vui sướng sâu đậm trong lòng. Khi ông mở mắt ra, kẻ lạ mặt đã đi mất. Tuy nhìn ra ngoài đường, và ngay cả tới con hương lộ đến nhà ga, ông cũng không thể thấy dấu vết nào của kẻ lạ mặt.



Sumowardoyo yêu quý đứa bé như chính con cháu mình

Kato-Seh, Chasidi và Sumirah, tất cả đều có vẻ như không chú ý gì, hay đi từ phòng nhà tới cổng nhà, ngay trong lúc Sumowardoyo nhắm mắt cúi đầu.

Khi họ nhìn ra ngoài, kẻ lạ mặt đã biến mất.

Kể từ ngày đó, tên đứa bé đổi thành *Sub'hi*, và theo cách phát âm của người Java, người ta gọi nó là Subuh.

Còn có thêm cho nó một cái tên kính cẩn là Muhammed, để thành Muhammed Subuh.

Kể từ khi đó, Muhammed Subuh lành bệnh để mạnh khoẻ lớn lên.



Kedungjati rất giống những ngôi làng khác của miền Trung Java.

CHƯƠNG 3

Sumirah yêu quý Subuh như con cháu ruột thịt. Bà yêu quý nó như một bà nội yêu quý một đứa cháu ngoan, như một người mẹ yêu quý một đứa con duy nhất.

Chasidi và Kursinah nhận biết được tình thương đặc biệt của ông hoàng già và bà công chúa cho bé Subuh. Đối với người Java việc ông bà hay thân nhân một đứa bé chính thức hay không chính thức nhận nuôi nó, là chuyện thường tình. Vả lại, Chasidi và Kursinah ở gần nhà bố mẹ Chasidi, nên họ cũng vui lòng để cho ông cụ và bà cụ đó chăm nom cho đứa con đầu lòng mình.

Hơn nữa, Chasidi cũng không thường xuyên có mặt ở nhà vì được thăng quan tiến chức. Nên tất nhiên hầu hết thời gian gia đình chỉ

gồm 4 người: Sumowardoyo, Sumirah, Kursinah và bé Subuh.

Sumirah mỗi ngày cảm kích sự xuất hiện của đứa bé. Bà nhận thấy sự hiện diện của đứa bé có một ảnh hưởng cực kì tốt đẹp. Trước kia thì chồng bà có vẻ hơi khoa trương, thậm chí bê tha, nhưng bây giờ thì ông lại trở nên ân cần, tử tế và điều độ trong tất cả những gì ông làm cho bà và đứa bé. Ông hoàng già đó hết giờ này tới giờ khác, ngày này tới ngày khác, có mặt bên cạnh Subuh, thường thường cùng với Sumirah và Kursinah. Ông thường ngâm nga những đoạn thơ cổ xưa của Java, hoặc ca hát những giai điệu du dương, hoặc giúp vui cho đứa bé với những con rối của kịch bóng Java – những hình *wayang kulit* bằng da đục khoét thành những khuôn mẫu tuyệt đẹp. Bất cứ lúc nào có khách, Sumowardoyo đều đem đứa bé đặt trên đùi mình để khoe khoang với những kẻ viếng thăm.

Những người khách đó thường xuyên có mặt tại nhà vợ chồng Sumowardoyo, dù họ đến thăm ông hay Sumirah. Cũng có những kẻ từ triều đình Solohay Jogjakarta; những *dalang*, những kịch sư tuồng wayang, trên đường tới Magalang hay Semarang; những bô lão; những kẻ truyền dạy đạo Hồi; và đôi khi một học giả người Java theo Thiên Chúa giáo và đã qua Âu Châu.

Kursinah và song thân cô khiến cho đức tin ở đạo Hồi của vợ chồng Sumowardoyo trở nên kiên định hơn trong việc cầu nguyện, trai giới và làm việc từ thiện. Họ điềm nhiên tuyệt đối tin tưởng sự vạn năng và tình thương của Thượng Đế.

Mỗi ngày Chasidi đều làm việc siêng năng trong ngành đường sắt. Anh là người nối kết cậu con trai mình với tất cả những gì mà đường xe lửa đem lại cho Java và thế giới: một thời hiện đại trong đó máy móc chinh phục được thời gian và không gian, và người ta có triển vọng được giải thoát khỏi một mặt là sự cai trị của người Hà Lan, mặt khác là sự đè nén của những tập tục cổ xưa. Lớn lên trong một tình thế của sự pha trộn giữa cái mới và cái cũ, cậu bé Subuh còn thừa hưởng năng khiếu kinh doanh của Karto-Seh: ông

là một nhà thầu khoán, một nhà buôn bán vật liệu, một người kiếm được tiền và biết làm sổ sách. Ông và Chasidi, anh là người cũng hiểu được sự trọng đại của những bản tường trình, kiểm kê và tổng kết tài sản, mỗi ngày là cái khóa cạnh tranh đấu kiếm ăn bổ túc cho cái khóa cạnh huyết thống quý tộc của Sumowardoyo và Sumirah.

Tuy vẫn còn thích nghĩ mình là một ‘hoàng thân’ của triều đình Solo, nhưng Sumowardoyo biết rằng tước hiệu của mình chỉ là tàn tích một thời xa xưa. Một cách trang trọng, người ta đôi khi gọi ông là ‘Raden Mas’ và vợ ông là ‘Nganten Mas’, một lối xưng hô bày tỏ sự kính trọng với những người thuộc hoàng tộc.

Tương tự, cậu bé Subuh cũng là một ‘Raden Mas’, và trong lúc cậu còn nhỏ, Sumowardoyo đã khiến cậu thâm hiểu được cái tước hiệu đó có nghĩa gì. Tuy thế, những gì cậu thấy là ấn tượng nhất về tổ tiên mình, là chuyện về những người đã thoái vị để sống một cuộc đời đạo hạnh.

Vợ chồng Sumowardoyo – ông hoàng già và Sumirah – không có con. Sumirah có một cô con gái, Partini, với một người chồng trước đó, và Sumowardoyo đã nhận nuôi Chasidi là con người em mình, Mas Sumosuputra.

Nên họ đã coi Subuh đích thực là cháu nội mình, và thường đem cậu đi chung khi họ đi ra ngoài nhà.

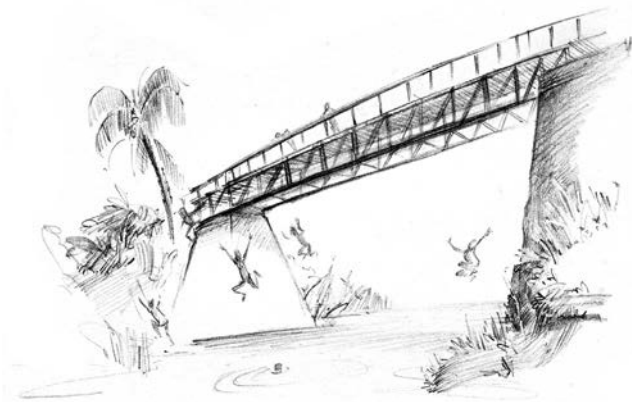
Sumowardoyo thường đem Subuh đi coi kịch đèn chiếu, và trong lúc đó, chưa đầy một tuổi, cậu nghiêm trang ngồi trên đùi ông nội mình coi hình bóng của những anh hùng như Arjuna di chuyển trên màn ảnh bằng vải màu trắng. Tới lúc nửa đêm, cậu có thể đã ngủ, nhưng khi xảy ra lúc khoảng 2 hay 3 giờ sáng những trận đánh ác liệt giữa những quái nhân khổng lồ, những vua chúa và thần nhân, Subuh thường thức dậy. Cậu thích nghe những tiếng ‘clack-clack’ và ‘gong-gong’ của nhạc *gamelang* trong những cuộc quyết đấu tay đôi, và xem hình bóng các hiệp sĩ quay lộn trên màn ảnh.



Sumowardoyo thường đem bé Subuh đi coi kịch đèn chiếu wayang kulit tại Kedungjati hay những ngôi làng lân cận.

Lúc sáng, sau lúc kết thúc cuộc trình diễn từ hoàng hôn tới bình minh của tuồng *wayang*, chính Chasidi là người đến đem Subuh về nhà. Chasidi thường trước hết đi tới phía những đường xe lửa đằng sau ngôi làng trên con đường tới Gubug. Tiếp theo anh sỏi bước đi dọc theo đường xe lửa, trên vai cũng con trai mình.

Cuối cùng họ thường tới một trụ cầu bắc qua chỗ lồi con sông, nơi trên đó Kedungjati được xây thành. Khi qua cầu, Chasidi và bé Subuh thích thú nhìn những đứa trẻ nhảy xuống sông từ những thành cầu bằng đá.



Trên đường về nhà bé Subuh thích nhìn đám trẻ trong làng nhảy từ cây cầu đường sắt xuống sông

Chasidi hiểu rằng tầm quan trọng của cầu và nhà ga không do làng Kedungjati, mà do việc các giám đốc của công ty đường sắt N.I.S đã chọn Kedungjati là một ngã ba, nơi các hàng hóa vận chuyển bằng đường biển từ Tây tới Đông và từ Bắc tới Nam có thể được chuyển qua từ xe lửa này tới xe lửa khác, hay được tồn trữ trong lúc chờ đợi.

Chasidi và cậu bé trai anh đều thích thú đứng nhìn xe lửa, và coi mình là thành phần của cái thế giới đó. Đôi khi cả hai bố con và ông nội đưa bé đều đứng hay ngồi nơi đường tàu tránh hay trong văn phòng nhỏ bé của Chasidi, để chăm chăm nhìn những đầu máy xe lửa đang đến với những toa hành khách và hàng hóa của nó. Muhammed đã bắt đầu đi xe lửa khi cậu còn bé tí.

Ngày sinh nhật đầu tiên của cậu bé Subuh là một ngày vui vẻ. Không những cái thời kí khiến lo lắng của những tháng đầu tiên đã trải qua một cách an toàn, mà đứa bé con được mạnh khỏe kể từ đó. Cậu rõ rệt trông giống với bà mẹ mình: cậu đã cao hơn mức trung bình đối với tuổi tác mình. Một cách đôi khi chín chắn và vui vẻ của một đứa bé đầu tiên, Subuh học cách nói năng và đi đứng nhanh chóng hơn những đứa trẻ cùng tuổi. Tuy thế, khi có sự hiện diện của những kẻ lạ mặt, cậu thường lặng thinh, và khi nói điều gì cậu hình như thường nói lắp hay thốt điều mình đã suy nghĩ trong một lúc.

Trong lúc sinh nhật đầu tiên của Subuh, bố mẹ và ông bà nội cậu lấy làm vui mừng là dụng ngữ của đứa bé đã khuếch trương để bao gồm nhiều nơi chốn và sự vật khiến chú ý. Cậu bé có thể gọi tên của tất cả những con thú trong nhà: gà vịt, dê và cá. Cậu biết được tên của những trái cây như *rambutan*, *durian* và *nangka*. Cậu nhận biết được nhiều nhân vật của kịch đèn chiếu. Cậu hiểu được 'trạm ga' và 'xe lửa'. Cậu thường nói hai chữ đó, rồi chỉ về hướng con đường làng tới trạm ga. Có ai đó sẽ đem cậu tới đó, lấy làm vui phải làm chuyện đó. Thường thường là Eyang Sumirah.



Sumirah đi dạo cùng Subuh dạy cho cháu mình biết tên các chim chóc và cây cỏ.

Kursinah thường là người nấu ăn cho gia đình – nuôi một kẻ làm bếp trong nhà là một sự xa hoa mà ngay cả ông cụ Sumowardojo cũng cảm thấy là không thích đáng. Kursinah thường nhìn bà mẹ chồng mình cầm tay cậu bé Subuh chậm chạp đi trong vườn nhà, hay giúp cậu bước lên những nấc thang. Họ có thể đứng giữa một con đường không lát đá, hoặc đi theo một con chim mynah hay một con gà trống khệnh khạng, hoặc đuổi theo những con bướm. Khi Kursinah nhìn tiếp theo, họ đã đi mất – tới con hương lộ tới những xe lửa, hay tới con đường tới một trong những bạn bè của Sumirah.

Sau một trong những cuộc đi chơi như vậy với đứa cháu nội, Sumirah kêu Chasidi và Kursinah vào phòng mình. Bà ngồi trên mép một chiếc giường Hà Lan lớn rộng, trong lúc mặt trời lúc chiều phản chiếu ánh sáng dịu ấm trên chiếc tủ đựng quần áo bằng gỗ tếch. Chasidi và Kursinah đến ngồi đợi xem sẽ được hỏi về chuyện gì.

“Chuyện về đứa bé này,” bà nói. “Cách đây vài tuần, mẹ ngạc nhiên thấy nó nói những điều nó nói là nhìn thấy. Mẹ coi đó là giả bộ, nhưng không thể không kinh ngạc. Chẳng hạn như hôm nọ, mẹ nghĩ là nó đang nói chuyện với chính mình. Nhưng nó lại nói là nó đang nói chuyện với một người nó trông thấy. Thế nhưng, lúc

đó lại chẳng có ai ngoài đường.”

Những lời nói của Sumirah xác nhận những gì Kursinah đã trải nghiệm. Nhiều lần, bé Subuh đã làm cô để ý tới những gì đang xảy ra trên trời, những hình thù ánh sáng đi ngang qua trái đất: những cảnh tượng mà chính mắt cô không thể nhìn thấy.



Bà nội Subuh nhận thấy cháu mình cảm thấy cơn đau của những đứa bé khác khi chúng đánh nhau, và khi nó trông thấy trên trời những gì mà mình không thấy được.

Tuy nhiên, Chasidi chỉ mỉm cười, và tìm cách tránh né bàn tới những chuyện đó. Cô nói: “Mẹ, con nghĩ đó chỉ là lúc những điều như vậy thường xảy ra cho một đứa bé.”

Sumirah xoè lòng hai bàn tay đưa ra ngang bụng. “Nak Chasidi,” bà nói. “Con nói tới lúc nào đây? Con đã nghe nói tới lúc một đứa bé nhìn thấy những đứa bé khác đang đánh nhau, và khi nhìn thấy như vậy, nó cảm thấy đau đớn nơi này nơi kia trong cơ thể?”

Chasidi gật gà gật gù. “Con đồng ý là những gì nó nghiệm thấy có vẻ kỳ quái, thậm chí không giải thích được, nhưng con không biết chúng ta có thể làm gì được.”

Sumirah và Kursinah không biết phải làm gì. Kursinah chỉ biết là cái tính chất khác thường của con mình là bằng chứng về thực tại những gì mình đã mơ thấy trong lúc mang thai. Trong giấc mơ cô nghe thấy sau này đứa bé sẽ là một người đặc biệt và được tôn sùng.

Đối với mình, Sumirah biết rằng đứa bé có khả năng nhìn thấy những gì mắt phàm không nhìn thấy được. Bà muốn Chasidi hiểu được cái khía cạnh ẩn tượng đó của con trai anh, khi bà kêu gọi vợ chồng anh đến gặp mình. Chasidi hỏi họ có thể làm gì với những thị giác siêu nhiên đó của Subuh, và đó là lần đầu tiên anh nhìn nhận những chuyện đó là sự thật. Theo phong cách thẳng thắn của anh, Chasidi sẽ phải để ý nhiều hơn tới bản chất của đứa bé.

Chasidi nói: “Mẹ, dù nó nhìn thấy gì đi nữa, thì điều đó cũng không quan trọng. Nó làm cho mọi người vui vẻ.”

Kusinah nhìn qua phía chồng mình. Anh đã nói lên những gì trong đầu óc cô.

“Thực vậy, đúng như vậy,” Sumirah đáp. “Hôm nọ, bố mẹ con đã đem nó đi ăn cưới. Nó rất ân cần, vui lòng đến ngồi chung với gia đình cô dâu. Nó nói với bà mẹ cô dâu: ‘Tốt quá, tốt quá’. Điều đó khiến bà vui vẻ, và bà đã ngưng khóc.”

“Nó đã khiến cho Eyang vui vẻ,” Kursinah nói “nhưng con e ngại là ông cụ sẽ chiều chuộng làm hư nó.”

Sumirah thở dài. Bà biết rằng chồng mình không bao giờ ngần ngại cưng chiều Subuh với sự yêu chuộng và những quà tặng của ông, nhưng điều đó đã khiến những người khác trong gia đình trở nên ganh tỵ.

Subuh đã được nuông chiều quá nhiều, bà nghĩ. Nhưng chính bà cũng có tội như chồng bà...

Ngay lúc đó Sumirah, Chasidi và Kursinah nghe một tiếng đập mạnh nơi cửa phòng ngủ. Đó là bé Subuh, cậu muốn vào phòng.

CHƯƠNG 4

Muhammed Subuh thường có mặt trong những đám cưới tại những nơi chung quanh Kedungjati. Cậu bé 2 tuổi, với phong cách trầm tĩnh, cặp mắt lớn, cái nhìn chăm chăm không nhấp nháy, luôn có bên cạnh ông bà nội cậu.



Ông bà bé Subuh đem nó cùng mình đi dự những lễ cưới, và ban đầu thì người ta vui mừng trông thấy nó.

Một hôm nọ trong năm 1903, họ được mời đi dự một đám cưới có vẻ không khác với những đám cưới khác.

Một *imam* trước đó đã làm cho đôi trẻ chính thức thành vợ chồng, với những tuyên thệ theo đạo Hồi, một hôn thú được đúng đắn ký kết, những quà tặng là một cuốn kinh Quran và những chiếc nhẫn bằng vàng. Tiếp theo là những lễ nghi cưới hỏi của Java.

Chú rể và gia đình thông thả đi trên con hương lộ, những chiếc dù Java giương cao trông như hình tượng của hạnh phúc và ân điển, đồng thời cũng là sự che chở khỏi cơn nắng của mặt trời vùng nhiệt đới.

Họ đi đến ngưỡng cửa ngôi nhà cô dâu. Tóc búi, lông mày tô vẽ, khuôn mặt và thân thể trang điểm theo kiểu một công chúa, với những xâu hoa lài và đồ nữ trang bằng vàng, cô dâu và gia đình xuất hiện đi ra ngoài. Cuối cùng đôi trẻ gặp nhau: họ đã không nhìn nhau trong một tháng trước lúc lễ nghi hôm nay.

Trước tiên, cô dâu và chú rể ném *sirih*, những lá trà vào nhau. Chú rể cởi bỏ chiếc dép lê màu đen, và với chân không đạp vỡ một quả trứng gà trong một chén bát đặt nơi ngưỡng cửa.

Cô dâu đang rửa chân cho chú rể, dấu hiệu của sự phục tòng, thì có một tiếng nói cao lanh lạnh:

“Họ không hợp nhau.”

Sửng sốt, nhiều người quay mặt qua phía có tiếng nói đó. Đó là của một đứa trẻ, bé Subuh.

“Người đàn ông sẽ bỏ người đàn bà,” đứa bé nói tiếp.

May mắn là mọi người đã không nghe thấy những gì cậu bé 2 tuổi Muhammed Subuh đã nói. Nếu không thì buổi lễ sẽ bị xáo trộn.

Nhưng nhiều người trong gia đình cô dâu và chú rể đã nghe thấy

những gì đứa bé nói, và họ đã bực tức và chửi mắng.

Sự cố đó được dàn xếp với những sự xin lỗi của vợ chồng Sumowardojo, và chẳng bao lâu người ta chỉ coi đó là những sự bột phát của một đứa bé. Và mọi người đã quên hẳn chuyện đó.

Tuy thế, 5 tháng sau, khi chàng trai mới thành chồng bỏ vợ mình để chạy theo một cô gái khác tại Trung Bộ Java, gia đình đôi bên nhớ lại điều cậu bé Subuh đã cảnh báo.



Đôi khi Subuh nói chú rể và cô dâu không hợp nhau, nên người ta cảm thấy bực tức vì nó -nhất là khi những lời nói đó là sự thật.

Sau vụ đó, Sumirah trở nên thận trọng hơn trong việc đem cậu theo tới những nơi lễ lạc. Bà không bao giờ biết trước được những gì cậu sẽ nói. Bà và chồng mình, Kursinah và Chasidi, đều trách mắng Subuh, và cấm cậu không được công khai nói những điều như vậy. Nhưng dù cố gắng, cậu vẫn không thể dằn lòng. Trong một vài trường hợp khác nữa, cậu thường nói: “Không được, anh ấy lấy cô ấy là không đúng”, hoặc “Họ sẽ gặp khó khăn”. Sau khi những tiên đoán đó thành sự thật, những thiệp mời đi dự cưới cho Sumirah và Sumowardojo luôn có thêm sự yêu cầu là họ đừng

mang cháu nội mình theo.

Muhammed Subuh gần như không bị thiệt thòi gì vì không được phép cho đi dự những lễ cưới. Dù sao, những lễ cưới chỉ là một trong vô số những dịp cậu có thể dự cùng với những người dân Kedungjati và những làng mạc lân cận.

Một đại sự thường có mà cậu được dự, là lễ *selematan*. Trong những buổi lễ đó, cậu tham dự sự an toàn sinh ra của một đứa bé; sự chuẩn bị cất bao đầu quy cho trẻ con, điều đánh dấu chúng trở thành đàn ông; sự cúng tế cho một kẻ vừa chết.



Subuh thích nhìn người ta làm những thức ăn đặc biệt cho những buổi selematan.

Subuh thích nhìn cảnh những thức ăn tinh xảo được sắp xếp ngay ngắn trong những dịp đó. Thỉnh thoảng, cậu còn tham dự với những đứa trẻ khác gấp xếp những tàu lá cây cọ thành đồ trang trí, và nhìn xem các cô gái cùng với bà mẹ họ cuốn những bánh đa và bánh tếp trong những chiếc lá tươi vừa được cắt từ những cây chuối. Cậu thích thú nhìn cảnh cái gia đình rộng lớn đó gồm già và trẻ, mọi người cùng nhau làm việc trong tinh thần của *gotong royong* là sự tương trợ.

Khi tới lúc các người lớn cầu kinh trong những lúc *selematans* đó, các đứa trẻ thường chạy ra ngoài chơi đùa. Tuy nhiên, cậu bé Subud lại trở nên trang nghiêm cùng cầu kinh với các người lớn. Cậu ngồi riêng biệt tại một góc nào đó trong phòng, nơi người ta

cầu kinh. Cậu cũng sẽ nhắm mắt lại, chấp tay đặt trên bụng, khi cậu nghe tụng những câu kinh bằng tiếng Ả Rập.

Subuh cũng thường đi dự với ông nội những lễ lạc của thôn xã, nơi âm nhạc du dương của đồng quê, với những giai điệu truyền cảm của Á Châu và Ả Rập, làm cho mọi người có hứng thú khiêu vũ – ngay cả Sumowardojo. Nhưng Subuh muốn ông nội mình cư xử một cách điều độ hơn; cậu níu lấy cái *kain*, vạt áo của ông nội, cho tới khi ông không thể khiêu vũ nữa và phải từ biệt mọi người tại buổi lễ để về nhà.



Tuy già nhưng ông nội Subuh cũng thích nhảy múa trong những buổi lễ lạc.

Có những cuộc đi chơi xa hơn, ra tới ngoài đồng.

Có lần Sumowardojo và Sumirah, đi tới Solo cùng với Chasidi và Kursinah. Chasidi phải làm điều gì đó cho công ty đường sắt, và Sumowardojo thì đi thăm bạn bè. Họ cùng nhau đi xe lửa.

Họ đi xuyên qua miền quê Trung Bộ Java, với những núi lửa mọc lên một cách đáng kể từ những ruộng lúa bằng phẳng và những con sông quanh co.

Subuh lắng nghe những người trong gia đình đếm kể tên tuổi những ngọn núi lớn, và nhìn xem các đỉnh núi thay hình đổi dạng, như đó là những đám mây đang chuyển động; chỉ là xe lửa đang chuyển động, không là những ngọn núi.

Họ tới Solo, với cái *kraton* kì bí của nó, một lâu đài với 7 sân trong, mỗi sân có tường cao bao quanh. Một trong những sân đó có một tháp màu trắng, nơi những kẻ học đạo tập luyện cách xuất hồn và nhìn xuyên qua tường.



Có lần mọi người trong gia đình của Subuh tới Solo nhìn thấy cái lâu đài với ngọn tháp cao màu trắng và kỳ bí.

Cách *kraton* không xa là một khu chợ gần bến xe lửa. Cái *pusa* đó đầy nhóc dân quê, hàng hóa, rau cải và trái cây, những xe ngựa *andong*. Kursinah bồng bế bé Subuh đi qua những cửa hàng đầy người ngoài trời.

Đột nhiên đám đông rẽ ra, và người ta trông thấy một ông lão ăn mặc theo kiểu những người của *kraton* đi thẳng tới nơi của Kursinah.

Cô đứng không nhúc nhích, đưa con bất động trong vòng tay mình, nhìn ông lão đến gần mình với khăn đội đầu quý phái, vạt áo bằng vải batik và áo khoác cao cổ. Kursinah nghe thấy tiếng thì thầm của

đám đông: “Ông Sunan đấy!”, “Ông Sunan của Solo! ông hoàng đức cao đạo trọng của Kraton!”, “Ông Sunan muốn gì với người phụ nữ đó?”



Đám đông tại chợ Solo tránh ra nơi khác, khi ông hoàng đức cao trọng Sunan đến bên Kursinah nói Subuh sẽ là một nhân vật vĩ đại.

Kursinah hết sức mong cho ngay lúc này có Sumirah bên cạnh mình trong lúc bà đang đứng trong một tiệm bán những đồ dùng bằng bạc.

Nhưng ông lão đã đứng trước mặt cô, chăm chăm nhìn đôi mắt con trai cô.

“Phải săn sóc đứa bé này,” ông Sunan nói. “Phải luôn bảo vệ nó.”

Kursinah gật đầu. Đám đông nín lặng.

“Một ngày nào đó, đứa bé này sẽ là một nhân vật vĩ đại, làm nên những chuyện vĩ đại.”

Nói xong, ông lão đức cao đạo trọng đó quay mình chậm chạp đi qua khu chợ.

Kursinah chết điếng người. Hàng trăm người trở mắt nhìn cô, đợi chờ cô sẽ làm gì.

Subuh chợt chỉ lên phía trên nói: “Coi kìa! Coi con chim lớn kia kìa!” Đám đông nhìn lên trời, và thoáng thấy một con đại bàng đang bay vút.

Lợi dụng cơ hội đó, Kursinah đi chỗ khác xuyên qua đám người quanh mình. Cô mất hút trong đám đông.

CHƯƠNG 5

Khi Subuh còn nhỏ, Kedungjati chưa có trường tiểu học và mẫu giáo. Cậu bé học hỏi dưới sự giám hộ của ông bà nội mình.

Lúc Subuh 4 tuổi, Kursinah mang bầu một đứa con thứ hai. Chasidi đi làm từ lúc chưa bình minh tới lúc chiều, thậm chí tới hoàng hôn. Subuh học hành từ ông nội cậu những điều cơ sở về cách chơi nhạc *gambang*, thứ đàn phím gỗ của Java.



Sumowardoyo dạy cho Subuh biết những nghệ thuật, âm nhạc và truyền kì của Java - như cách chơi đàn gambang.

Sumowardoyo – Subuh gọi ông nội là ‘Eyang Kakun’ – ngồi khoanh chân trên một chiếc chiếu, đưa cháu ông trên đùi ông. Ông hoàng già đặt những cây đũa gỗ đàn trong những nắm tay nhỏ bé của Subuh, rồi nắm lấy bàn tay và cánh tay cậu bé để dẫn dắt cậu gõ trên chiếc đàn bằng gỗ.

Đó cũng là cách Subuh học hỏi những bước đầu tiên viết những con số, chép lại những chữ hình vòng xoắn của ngôn ngữ Java bác học, và vẽ trên những quần áo vải *batik*.

Ông hoàng già bà bà công chúa cầm lấy đôi tay cậu bé để dẫn dắt cậu làm những động tác học hỏi đó.

Sumowardoyo coi bốn phận mình là truyền thụ cho cậu những kiến thức và tài năng mình, để cậu thấy được điều ẩn tượng này là những nghệ thuật đó đã được triển khai ở Java bởi Sunan Kalijogo, một trong Chín Vị Thánh.

Tên tuổi của Sunan Kalijogo thường được nhắc tới trong những gì mà ông cụ và bà cụ dìu dắt truyền dạy cho Subuh, trong lúc cậu từ 3 tới 5 tuổi.

Chính Kalijogo, họ giải thích, là người đã tạo nên những mô-típ cổ điển của *batik*; chính ông là người đã tạo những mẫu mực cổ điển của ca nhạc Java; và chính ông là người đã tổng hợp *kịch đèn chiếu wayang-kulit* thành một màn kịch rộng lớn, được mọi người ưa thích cho tới nay.

Trong *wayang* Subuh học được tinh thần hiệp nghĩa của các *satria* hay những hiệp sĩ và hoàng vương quý phái – một lối sống chủ yếu là sự hoàn thiện tâm tính qua đấu tranh, thử thách và hy sinh, và qua sự tuyệt đối tin tưởng quyền lực bao tồn của Thượng Đế Duy Nhất.

Sumowardoyo cho Subuh hay là Sunan Kalijogo đã truyền những hiểu biết đó cho người dân Kedungjati cách đó 4 thế kỉ: nơi cái *kedung* trong con sông dưới thân cây tếch, nơi ông thường dừng

chân trong những cuộc hành trình chung quanh Java.

Có những kẻ tự cho là họ đã trông thấy thần hồn vị thánh đó ăn mặc toàn màu đen, tại lùm cây nơi đó trên bờ sông.

Subuh đã nghe nói tới chuyện một kẻ lạ mặt mặc đồ màu đen đến nhà mình, đổi tên mình từ Sukarno thành Subuh, và theo những người trong gia đình kể lại thì điều đó đã cứu mạng mình. Cậu tự hỏi không biết kẻ đó là hồn ma hay thần hồn của Kalijogo.



Subuh luôn muốn biết người đàn ông mặc đồ màu đen đã thay đổi tên tuổi mình là ai, nhưng mẹ cậu không bao giờ cho cậu biết mà chỉ tiếp tục nấu ăn.

Bất cứ lúc nào cậu hỏi mẹ mình, Kursinah đều im lặng trong lúc đang chiên đậu hủ hay giã ớt sambang trong một cối giã bằng đá. Khi cậu hỏi Sumirah, bà chỉ gơ tay nói: “Chỉ Thượng Đế mới biết được.” Khi cậu hỏi ông nội mình, ông cụ đáp: “Một ngày nào đó con tự mình sẽ biết được.”

Subuh thấy tốt hơn là đến hỏi bố mình. Trả lời những câu hỏi,

điều Chasidi đáp lại là một câu hỏi: “Con có thấy đồng hàng hóa là thuốc lá chở tới Demak?” hoặc “Hôm nay có quá nhiều gỗ tẻch và muối chở tới Batavia!” Anh luôn đề cập tới những chuyến tàu: chúng đi đâu, chúng từ đâu tới, chúng chở những gì.

“Biết bao gỗ tẻch cuối cùng sẽ cho những phòng khách của người Hà lan,” Chasidi nhận xét rầu rĩ. “Nhưng không có đồng xu nào cuối cùng sẽ vào túi chúng ta.”

Cậu bé Subuh – khoảng 5 hay 6 tuổi có thể đi học – hiểu được những sự than phiền của bố mình.

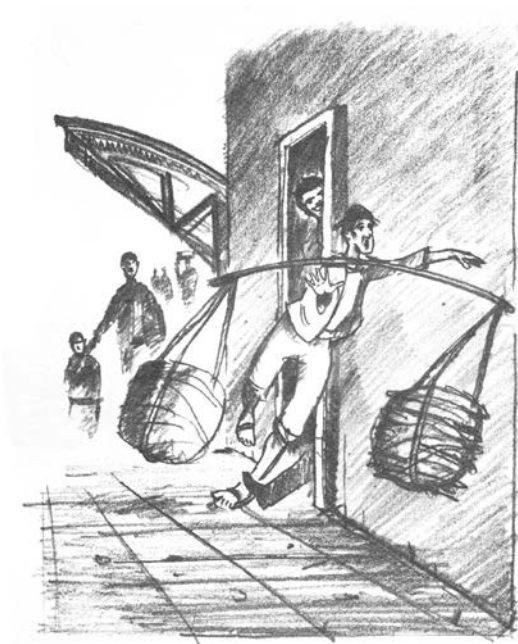
Một hôm nọ là lúc Subuh đang chơi đùa giữa những thùng thừa trên thềm ga. Mái hiên rộng của nhà ga tạo nên những bóng mát mờ mờ. Thiên hạ ngồi rúc vào nhau dưới bóng mát.

Hai công nhân nông trường mang vác những gánh lá thuốc lá với những cây sào đu đưa trên vai họ. Khi họ đi qua trạm ga, hai nhân viên Hà Lan, hai thanh niên mặt đỏ ăn nói ồn ào, đột ngột bước ra từ nơi cửa ra vào. Họ trông thấy những người công nhân đó, nháy mắt nhìn nhau, rồi làm bộ đi đứng vụng về vấp vào những kẻ đang gánh vác. Khi những kẻ đáng thương là người da nâu đó cùng té ngã trên thềm ga, họ ôm bụng cười hô hố.

Đứng gần con trai mình, Chasidi nói: “Con thấy đó, còn bao lâu nữa chúng ta có thể chịu đựng? Còn bao lâu nữa chúng ta sẽ phải gánh vác cho họ, để họ làm chúng ta té ngã, rồi trả cho chúng ta một số tiền thù lao rẻ mạt để chúng ta đứng lên, để ve vãn lòng tự hào của chúng ta.”

Subuh chăm chú nhìn những bắp thịt quai hàm của bố cậu phồng lên xẹp xuống khi ông trông thấy những người Hà Lan vút vài đồng tiền cho những kẻ gánh vác, rồi tiếp tục cười đi nơi khác.

Cậu bé không hỏi bố cậu về những chuyện của thế giới vô hình – chỉ những chuyện của cái thế giới mọi người có thể sờ mó và trông thấy.



Chasidi và Subuh đôi khi trông thấy những người đồng hương bị người Hà Lan đối xử tệ hại.

Nhưng cậu vẫn còn khiến bố cậu ngạc nhiên vì cái tài năng tiên tri của mình, trong khi theo một trò chơi cậu nấp dưới một chiếc bàn trên đó bố cậu đặt một cái chai. Subuh không biết được như thế nào cậu biết được nơi chốn của chai; cậu hình như tự nhiên biết được. Cậu không bao giờ đụng vào, dù nhiều lần chạy bò dưới bàn. Cậu không bao giờ nói tới sự việc đó.

Từ lúc còn nhỏ Subuh đã học được những gì không bất cứ ai có thể trông thấy hay cảm nhận được, và quả thực không có nhiều người trông thấy những gì cậu trông thấy, và đương nhiên cũng không tin cậu khi cậu nói tới những điều đó.

Ngày em trai mình sinh ra, Subuh chăm chú nhìn bố mình và ông nội mình cầu nguyện rồi đem chôn dưới đất trong vườn cái nhau gói trong một tấm vải. Cậu nghe nói đó là điều xảy ra cho mình lúc cậu sinh ra.

Subuh trông thấy bé Supa'at trong vòng tay Kursinah, mặt đỏ vì khóc. Ông ngoại cậu, Karto-Seh bồng bế đưa bé, và điều đó khiến mọi người hình như biết được rằng đứa bé mới sinh sẽ gần cận Karto-Seh và Masiyah, như Subuh đã gần cận Sumirah và Sumiwardoyo.

Và đó là điều sẽ xảy ra. Sau khi lớn lên và được Kursinah nuôi dưỡng trong lúc đầu, bé Supa'at hầu như lúc nào cũng qua bên nhà Karto-Seh. Còn Subuh thì tiếp tục ở với ông nội mình. Kursinah giúp chăm lo nhà cửa cho đôi bên, trong khi ở chung với Chasidi trong căn nhà trong vườn của mình.

Theo cách đó, mọi người trong gia đình chia sẻ cho nhau gánh nặng cũng như niềm vui nuôi nấng con cái. Ông bà nội ngoại của Subuh sẽ không cảm thấy lẻ loi, trong khi Chasidi và Kurtsinah có nhiều dịp được bên nhau hơn. Ngoài ra, một đứa bé nuôi nấng như vậy sẽ được lợi nhiều về mặt giáo dục.

Điều này đặc biệt đúng với Subuh. Tình thương của ông hoàng già đối với cậu được thể hiện qua một lối giáo dục tự nhiên hầu như bao gồm nhiều đề tài.

Nhưng tới lúc Subuh được cho tới nhà trường đi học, cái tình thương đó lại khiến cậu đôi khi không được học hành đều đặn. Ông bà nội cậu cho cậu tới học tại một ngôi trường nào đó, nhưng rồi họ thấy nhớ cậu tới nỗi họ phải đem cậu về nhà trở lại tại Kedungjati.

Nên sự học hành của Subuh không được đều đặn, vì cậu được đem tới chỗ này hay chỗ kia, với những lúc ở nhà với ông bà nội mình.

Điều đó xảy ra khi Muhammed Subuh 7 tuổi.

Bởi Kedungjati không có trường học, nên cậu được cho tới Semarang để đi học. Một thân nhân của Sumirah, một người có địa vị ở Semarang, chăm nuôi cậu. Nếu không nhờ địa vị của nhân

vật đó, Subuh không mấy có triển vọng được học tại một nhà trường có uy tín.

Đó là lần đầu tiên Subuh trông thấy và nhớ lại được quang cảnh và mùi vị của hải cảng Semarang nhộn nhịp. Từ trạm ga cậu ngồi trên một chiếc xe có ngựa kéo. Sumirah chỉ cho thấy tòa hành chánh cổ xưa của người Hà Lan với hai tháp hình tròn, ngôi giáo đường cổ xưa của họ với mái vòm rộng lớn, và con sông Kalisari với những thuyền bè và sà-lan đi ra Biển Java.

Họ đến nơi chốn muốn đến – một ngôi nhà bằng gạch được trát vữa, với những phòng ốc mát mẻ tối tăm và cửa sổ bằng kính vẩy bẩn. Đêm hôm đó, sau khi dọn dẹp phòng ốc và quần áo cho Subuh, Eyang Sumirah ngồi bên cạnh cậu cho tới khi cậu ngủ. Ngày hôm sau, bà từ biệt. Subuh trông thấy những giọt nước mắt của bà, và cảm thấy nỗi đau buồn trong tim bà.



Bà nội Sumirah đem Subuh tới Semarang học tại một trường Hà Lan, nhưng bà và Sumowardoyo thấy nhớ Subuh, nên lại đem cậu về nhà.

Subuh bắt đầu học những điều căn bản cần cho được vào trường tiểu học Europeesche Lagere School của người Hà Lan. Ngay khi Subuh bắt đầu vào học, một điện tín đến từ Kedungjati, và người ta thu xếp hành lý cho cậu tức khắc về nhà: ông bà nội cậu không thể chịu đựng được nữa tình cảnh phải xa vắng cậu.

Subuh cảm thấy buồn bã trong lòng vì những biến cố đột ngột đó, bởi cậu đã thích thú học hành theo chương trình Hà Lan và mong ước được học nhiều hơn. Nhưng cậu không nói điều đó cho bất cứ ai, và vui vẻ trở về với cuộc sống ở Kedungjati.

Mỗi ngày Subuh cõng Supa'at trên vai đến tiệm tạp hóa của người Trung Hoa nơi cuối đường làng. Cậu mua cho mình và em trai hai món đồ chơi làm với giấy và tre. Họ đến trạm cảnh sát gần đó lên nhìn thanh kiếm lớn trên tường nơi hậu thất.

Trong những lúc đó, cả hai đều thấy đói và khát: Subuh dẫn Supa'at tới quán ăn tại trạm ga của Madame Van de Meer. Cậu mua kẹo dừa và một ly trà ấm. Hai anh em ngồi nơi lề đường quán ăn - bé Supa'at ngồi trên đùi Subuh - mút kẹo và nhâm nhi trà trong khi nhìn những con chó lông ngắn nơi nhà ga ngủ gà gật bên đường sắt.

Subuh cũng dẫn em mình đi chơi và thám hiểm nơi phía sau căn nhà họ. Cậu chỉ cho em biết cách làm những chiếc thuyền nhỏ xíu bằng lá chuối cho trôi nổi trên những con lạch của ruộng lúa. Họ ngồi xem những con cá màu bạc trong những những dòng suối của đồng ruộng, những ếch nhái và chuồn chuồn trên bờ.

Họ nhìn xem những đứa trẻ nhà quê, những đứa chưa từng được đi học, trông coi những đám bò yên lặng màu trắng gồm vài con với những cầm mềm nhẹ, những con trâu dính đầy bùn với đôi mắt hung dữ.

Subuh thuyết phục được một trong những đứa trẻ đó cho mình và Supa'at được cưỡi trâu. Hai anh em được dịp ngồi trên lưng

một con trâu chậm chạp đi qua những rừng tre và con đường đầy bùn, tới một bờ sông là nơi ngâm nước của đám trâu bò thở phì phì.



Subuh dạng chân cưỡi trâu cùng em trai là Supa'at.

Nơi đó, với tất cả những đứa trẻ nhà quê khác, Subuh học cách bơi lội và ngụy lặn. Cậu nhìn xem những đứa trẻ lớn tuổi hơn lấy những lá lược của cây dừa buộc thành một chiếc bè vững chắc để lướt trên sông.



Đám trẻ phiêu lưu trên chiếc bè tự chế bằng cây cọ

Cậu cũng làm như vậy, trong khi bé Supa'at chơi đùa trên bờ cỏ đầy bùn.

Kursinah là người tìm thấy các đứa con mình – hai đứa bé đắm nước, đầy bùn bẩn, hầu như lỏa lồ đang vui thích nhảy đùa bên bờ sông với những đứa trẻ khác. Cô đứng nhìn những cậu con trai mình. Ngay cả phải xét về tuổi tác, cô cũng biết rằng Subuh cao và trầm tĩnh hơn, trông giống với mình; Supa'at thì chiều cao kém hơn, nóng tính, trông giống với Chasidi.

Kursinah không cần phải kêu gọi để Subuh biết mình đang có mặt.

Cô chỉ việc nhìn Subuh, Subuh nhìn lại, gạt đầu, đi lấy quần và vốc bé Supa'at lên.

Tiếp theo là cậu theo mẹ mình đi về nhà.

Kursinah đi đứng chậm chạp, Subuh nhận thấy. Bụng mẹ mình nhô ra. Subuh biết rằng bà sắp sinh ra một đứa con khác.

“Cháu ngoan, thật hết sức tình cờ,” Sumowardoyo vui mừng nói với Subuh khi họ về nhà, “cháu có thể đi học nơi đây tại Kedungjati.”



Bà nội Sumirah thấy nhẹ nhõm là bây giờ có một thầy giáo ở Kedungjati, nên Subuh có thể ở bên cạnh mình và Sumowardoyo mà vẫn được đi học.

Nói điều đó, ông giới thiệu một thanh niên cao hơn mức trung bình, khoảng 22 tuổi, con một người hàng xóm. Tóc tai anh rối bù, anh đeo một cặp kính tròn.

“Nak Sutrisno đã tốt nghiệp tại một trường học Hà Lan ở Ambawara,” ông cụ nói. “Anh ấy làm việc tại Bộ Lâm Nghiệp gần đây. Anh có thể về nhà sau mỗi chiều.”

Subuh dò hỏi nhìn người thanh niên cao hơn mức trung bình đó.

“Thầy sẽ dạy học cho em mỗi ngày, tại Kedungjati nơi đây,” anh nói.

Subuh kinh ngạc vì một thầy giáo có thể trẻ tuổi như vậy. Cậu cứ cho các thầy giáo phải lớn tuổi hơn bố mẹ mình, thậm chí còn hơn cả Sumirah và Sumiwardoyo, hay những *imam* và *dalang* tới thăm họ.

Nhân viên Bộ Lâm Nghiệp trẻ tuổi đó chính thức dạy học tại tư gia anh cho Subuh và một vài đứa nhỏ khác nơi lân cận. Đó là lúc đích thực đi học đầu tiên của Subuh: đó là những buổi học nóng nực lúc chiều, cách học là lối học thuộc lòng nơi một phòng học tự chế. Nhưng điều đó chỉ được 6 tháng.

Trong lúc đó, Kursinah sinh ra Sunarti, một đứa gái. Bố mẹ chồng cô chấp thuận cho cô được giữ nuôi Sunarti nơi nhà cô.

Subuh thường thức dậy lúc trước bình minh. Ông hoàng già, tuổi đã hơn 60, đang đứng gần mình trên giường, thì Subuh chợt mở mắt ra.

Trông thấy ông nội mình như vậy luôn khiến Subuh cảm thấy một sự ấm cúng và tình thương đặc biệt.

Cậu không bao giờ hỏi tại sao ông lại siêng năng cầu kinh lúc bình minh, mà chỉ việc chấp nhận đó là điều gì tự nhiên. Có lần cậu lén nghe thấy Sumirah nói điều gì đó với Kursinah khiến cậu thắc mắc.

“Không ngờ sẽ có một điều như vậy,” Eyang Puteri – bà nội – Sumirah nói. “Thấy đó! Chồng tôi thức dậy mỗi ngày cho *subuh*.”

Cậu nghe thấy mẹ và bà nội mình cười khúc khích vì lối chơi chữ đó.

“Chính thằng nhỏ hay sự cầu kinh đã khiến ông thức dậy?” Sumirah cười.

Kursinah không coi thế này hay thế kia là đáng kể hơn: Sumowardojo đã đặt ra một khuôn thước mà cô mong rằng con trai mình sẽ không bao giờ quên theo.



Mỗi ngày, ngày nào cũng như nhau, cậu bé Subuh và ông hoàng già đều quỳ bên cạnh nhau để hành lễ lúc bình minh.

Thân hình mảnh mai của Sumowardojo và Subuh – người này phong nhã và cao hơn mức trung bình, người kia thì nhỏ bé và mềm mại – đứng dưới ánh sáng chập chờn, ông cụ đứng trước đưa cháu, nhẹ nhàng lắc lư và cúi quỳ theo lối hành lễ của Hồi giáo.

Sau bữa ăn sáng gồm cơm, rau cải ninh nhừ và đậu nành, Subuh giúp mẹ và bà nội đi thu lượm trứng gà nơi đằng sau nhà, và đi lấy nước từ một giếng nước thâm sâu bằng gạch. Họ đi coi đu đủ đã chín chưa, và hái một nải chuối xanh để đặt trong một chén bát nơi phòng khách.

Trông mẹ và bà nội mình nấu ăn, Subuh bỗng bế Sunarti trong một chiếc *sarong*.

Khoảng giữa buổi sáng, ông hoàng già đem đàn *gambang* ra. Ông chơi đàn, và Subuh nhận thấy mình nghe theo những tiếng leng keng của cửa điệu múa Java. Sumiwardoyo nhẹ nhàng hát đệm

khiến Subuh thoáng hiểu được âm nhạc và động tác nào diễn tả một nhân vật *wayang* nào.

Ngày hôm đó, khi Subuh mát mẻ tắm gội với nước từ một thùng chứa nước, một phái đoàn gồm những người hàng xóm và kẻ lạ mặt đến trước cổng nhà.

Subuh đi ra ngoài để chuẩn bị học hành theo ông thầy làm việc Bộ Lâm Nghiệp, thì Sumirah chặn cậu lại trước khi cậu tới cánh cửa vào nhà.

“Hôm nay là ngày cuối cùng học ở Kedungjati,” cô thì thầm nói. “Coi kìa – người đàn ông mặc đồ *Belanda*, ông ấy là người của trường học ở Ambarawa.”

“Vậy, ông là *Belanda*?” Subuh hỏi, lặp lại *Belanda*, một chữ Java có nghĩa là người Hà Lan.

“Không, không,” Sumirah mắng mỏ, “nhưng ông ấy nói tiếng Hà Lan, và con một ngày nào đó cũng sẽ nói tiếng Hà Lan.”

“Con sẽ tới Ambarawa để nói tiếng Hà Lan?” Subuh hỏi.

Sumirah bâng khuâng mỉm cười.

“Như vậy thì con sẽ không ở chung nữa với Eyang Kalung và Eyang Puteri?”

Eyang Puteri Sumirah chỉ có thể mỉm cười, bà không biết trả lời ra sao. Bà đặt tay trên vai Subuh. Cậu không cần bà nói cho mình là phải chờ đợi.

Họ im lặng đứng bên nhau, ngay nơi cổng ra vào.

Sau một vài phút, họ nghe thấy tiếng chân người và bàn ghế kéo lê. Những kẻ đến thăm đang ra đi.

“Như vậy là xong chuyện,” Eyang Kakung Sumowardojo nói. “Con cháu chúng ta sẽ mỗi sáng lấy chuyến xe lửa đầu tiên, và mỗi chiều về nhà từ Ambarawa.”



Một thế giới mới lạ mở ra cho Subuh xem, khi cậu đi xe lửa tới trường học ở Abamrawa, và từ đó về nhà

Sumirah bấu véo trên má Subuh. Cậu không than vãn chịu đựng cái dấu hiệu đỏ của sự yêu mến, và vui mừng trông thấy sự lấp lánh trong ánh mắt bà nội mình làm mất đi nỗi lo buồn của bà.

“Mình sung sướng tới nỗi muốn ca hát,” bà nghĩ. “Subuh sẽ có thể ở đây – tuy chỉ là nửa ngày nhưng như vậy cũng khiến cho chúng ta vui sướng trong căn nhà này”.

CHƯƠNG 6

Ngồi gần cửa sổ, Subuh nhìn xuống đèo núi. Xe lửa chạy rầm rầm qua cây cầu trên con sông đổ xô của Ambarawa. Trên những tảng đá mòn cạnh men sông có những người đàn bà đang ngâm nước và nện thoi các sơ-mi và *sarong*. Subuh cũng trông thấy một người đàn bà đang gội tóc.

Ambarawa nằm dưới chân một ngọn núi lửa, xe lửa ì ạch xông lên đường dốc tới thành phố. Trong lúc những đứa trẻ Kedungjati khác ăn nói huyên thuyên, Subuh chăm chú nhìn thắm nhuần phong cảnh, nhận xét trên đường những căn hộ trát vữa sáng chói của người Hà Lan. Ánh nắng sáng sớm làm cho thành phố trên đồi lấp lánh.

Subuh chợt có linh cảm mình sẽ học hành nơi đây trong hai năm. Cậu không bao giờ tự hỏi những hình ảnh của tương lai đó từ đâu tới. Và cậu cũng không quên đi được.

Xe lửa đi vào trạm ga, các đứa trẻ xô nhau ra ngoài, phấn khích nhưng trật tự. Có một thầy giáo của nhà trường tới đón họ. Cùng nhau họ đi trên một con đường hơi uốn cong từ bến xe tới một tòa nhà màu kem sữa với những khung cửa sổ chạm trổ, những cửa sổ cao bằng đá phiến và một cái chuông to lớn bằng đồng thau treo từ một mái hiên.

Nhà trường dạy tiếng Hà Lan đó của người Thiên Chúa giáo được đặc biệt lập nên cho những đứa trẻ Java.

Subuh đã có thể đọc được một vài chữ Hà lan đơn sơ, nhưng cậu cũng lo lắng như những đứa trẻ khác về cuộc thi vấn đáp trong ngày đầu tiên đó.

Từng đứa một, các đứa trẻ đã vấp vấp đọc những câu văn mà thầy giáo lấy từ những tạp chí bằng tiếng Hà Lan.

“Subuh, tới phiên em,” thầy giáo cộc lốc nói. Ông cầm một cây gậy nhỏ gõ vào lòng bàn tay cậu. Ông đã đánh nhẹ vào những khớp ngón tay của hai đứa trẻ đã lắp bắp đọc.

Subuh mở trang báo mình phải đọc ra.

“Giáo sư...Heidegge...” Subuh khoan thai đọc, “khẳng định.. người...Java...có đầu óc...”

Subuh cứng họng. Cậu cảm thấy cổ họng mình bị bít lại như một ống nước bằng tre bị tắc nghẽn.

“Đọc tiếp,” thầy giáo hạ lệnh.

Nhưng miệng lưỡi Subuh bị kẹt cứng. Cố gắng tới mấy đi nữa cậu cũng không thể thốt ra chữ cuối cùng là ‘thấp kém.’

Không phải là cậu không muốn đọc là ‘người Java có đầu óc thấp kém’. Cậu hầu như cũng không hiểu được điều đó có nghĩa gì. Cậu chỉ không thể làm cho miệng lưỡi mình hoạt động.

“Subuh, đây là lần cuối.”

Nhưng ngay cả khi trông thấy cây gậy, cậu cũng không làm cho mở ra được quai hàm mình.

Một điều như vậy đã xảy ra trước đó. Đôi khi Subuh hoàn toàn

không thể nói một vài điều hay đọc một vài chữ. Cậu muốn lặp lại những chữ tục tĩu mà những đứa trẻ khác dùng để chửi mắng mình, nhưng miệng lưỡi cậu bị kẹt cứng như trong lúc này.



Ban đầu Subuh không thể nói những gì không là sự thật, không tốt đẹp hay khiến khó chịu.

Cây gậy tàn nhẫn quất trên những ngón tay cậu.

“Subuh, em đọc được mà!” thầy giáo quát tháo. “Đọc đi nào!”

Nhưng Subuh hầu như chỉ có thể nói năng lắp bắp.

Đứa trẻ ngồi cùng bàn, một đứa từ Ambawara, cười thảm đặng sau bàn tay mình. Thầy giáo tiếp tục làm công việc kiểm thí. “Em kể tiếp!”

Subuh xoa bóp những khớp ngón tay đỏ thẫm của mình, tự hỏi không biết mình đọc hay nói được bất cứ gì hay không, một cách dễ dãi.

Ông nội cậu đã biết trước được vấn đề đó, trước lúc cậu ra đi.

“Nếu miệng lưỡi cháu không nói gì được,” ông nói, “thì phải có lí do. Cháu chỉ việc kiên nhẫn thì sẽ hiểu được tại sao.”

Subuh thận trọng gấp xếp lại bài báo mình phải đọc, để đem đó đem nó về nhà tại Kedungjati. Cậu ngồi một mình gần cửa sổ – những đứa trẻ khác không muốn nói chuyện với một kẻ ăn nói lấp bấp.

Ngày đầu đi học đã bất lợi, nhưng Subuh cũng cố gắng tỏ vẻ vui mừng vì được học hành. Trên chuyến xe về nhà, cậu lo ngại mình ngu dốt. Có lẽ mình không thể học hành nhanh chóng như những đứa trẻ khác.

Khi Subuh tới Kedungjati lúc gần tối, mẹ cậu đang một mình đợi cậu nơi trạm ga. Kursinah trông thấy nổi buồn trong cặp mắt cậu.

Thay vì đi qua đường sắt rồi đi dọc theo con đường làng về nhà, cô dẫn cậu đi dạo qua một trụ cầu tới một khu rừng dẫn đến một ngọn đồi nhìn xuống ngã ba một con sông, nơi những nhà tu khổ hạnh thường đến để trai giới.

Kursinah trầm lặng khi họ đang đi, nhưng cô biết là mình phải hỏi chuyện, khiến con trai mình có thể nói những gì có đầu óc.

“Sunan Kalijogo thường đi trên con đường này,” cô nói.

“Ông có tới núi?” Subuh hỏi.

“Đó là điều người xưa kể lại,” cô đáp.

“Ông đã làm gì trên núi?”

“Có lẽ là *prihatin*.”

“Mẹ, *prihatin* thực sự là gì?”

“*Prihatin* là làm điều gì khó khăn mà không ai yêu cầu mình làm.

Nhưng con làm để cho cuộc sống mình trở nên khá hơn.”

Từ vẻ mặt của Subh, Kursinah nhận thấy mình đã nói điều khiến con mình xúc động.

“Nó có thể khiến con học hành hành khá hơn?” Subuh hỏi.

“Tự nó thì không thể được,” Kursinah đáp, “con cũng phải tự mình luôn cố gắng. Con phải chăm chỉ học hành. Con không thể chỉ học nửa chừng.”

“Con có thể làm gì là *prihatin*?”

“Đúng ra thì con đã làm *prihatin* rồi mà không nhận thấy. Đấy, con đã có thể *ngủ* trên một chiếc giường êm ái, nhưng Eyang Kakung đã cho con một chiếc chiếu trải trên sàn nhà, để con chút ít thấy được thế nào là gian khổ.”

“Như vậy thì khiến con học hành khá hơn được như thế nào?”

“Thực ra không chỉ để cho học hành khá hơn. Khiến con bớt sung sướng, Eyang mong con sẽ nhận được nhiều ân phước hơn cho tương lai con. Điều đó như là gian khổ trong lúc này để được những gì tốt đẹp cho mai sau.”

“Eyang làm cho con từ bỏ những gì *hiện nay* là êm đẹp, để *mai sau* con có những gì êm đẹp hơn.”

“Đó là ý nghĩa của những gì người xưa nói: ‘Không thể có những gì ngọt ngào mà không có những gì cay đắng.’ ”

Subuh suy tư về những gì mẹ mình nói.



Kursinah an ủi con trai mình, khuyên nó nên chăm chỉ, lương thiện, kiên trì và cố gắng làm những điều chân chính.

Họ leo lên đống đá vôi, tìm đường đi qua các bụi cây, nhìn lên trời xuyên qua những lá cây dày đặc. Họ ngồi nghỉ ngơi ra vào một hang động nhỏ bé. Kursinah đã mang theo một gói bằng lá cây chuối trong đó có những *onde- onde*, một thứ bánh bao bằng gạo nếp có hạt vừng và đậu xanh. Khi đang nhai một chiếc bánh, Subuh chăm chăm nhìn khu rừng mê mông trải tới những đỉnh đồi bao quanh Kedungjati và Semarang.

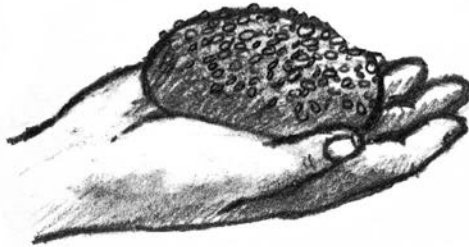
“*Prihatin* nào con thể lựa cho mình?” cậu hỏi.

“Thế này, trong một lúc nào đó con có thể bỏ ăn uống những gì mình thích.”

Đang nhai bánh, Subuh dừng lại. Cậu nhìn Kursinah. “Như thứ bánh này?” Cậu hỏi. Mẹ cậu gật đầu. Cậu cau mày dò hỏi: cậu rất thích *onde-onde*.



Để vượt qua những khó khăn, Subuh học cách cố ý thiếu thốn những gì mình yêu thích - như bánh ngọt onde-onde.



“Con muốn *prihatin* để làm gì?” Kursinah hỏi.

“Để trở nên thông minh.”

“Nhưng con đâu có ngu đần.”

“Đôi khi con nói năng lắp bắp không thể đọc chữ. Những đứa trẻ khác nói là con ngu đần.”

“Nak Subuh,” Kursinah dịu dàng nói, “quan trọng không phải là sự thông minh, mà là có thể đạt được những gì tốt đẹp trong lúc còn

sống trên trần gian. Đó là con đường mọi người nên theo, nhưng thiên hạ lại nghĩ cái họ cần là sự thông minh.”

“Ibu, con đường đó là thế nào?”

“Ông nội Karto-Seh nói rằng đó là sự tu dưỡng một vài đức tính không mấy khó làm.”

“Những đức tính đó là gì?” Subuh hỏi.

“Lương thiện là một. Lương thiện không khó làm. Bất cứ ai cũng có thể lương thiện. Lương thiện tức là đáng tin cậy, làm đúng những gì người ta bảo mình làm, không hơn không kém, khiến người ta tin cậy mình.”

“Siêng năng cũng là một đức tính. Bất cứ ai cũng có thể siêng năng. Siêng năng là làm đi làm lại điều gì đó, một cách đều đặn. Tức là hết sức làm việc.”

“Eyang Kakung Karto-Seh nói rằng sống là hoạt động, và hoạt động nghĩa là làm việc. Vậy con phải làm việc hết mình. Phải siêng năng.”

“Khi làm việc để cố gắng đạt được điều gì đó, con luôn phải làm tới nơi tới chốn. Con phải kiên trì. Kiên trì là một trong những đức tính khác. Kiên trì thì chỉ là tiếp tục làm, thử đi thử lại nhiều lần.”

“Kế đến là *prihatin* – chịu gian khổ.”

“Cuối cùng, bất cứ những gì mình làm, con phải làm những gì tốt đẹp, những gì làm lợi cho người ta, những gì không làm hại họ.”

“Eyang Karto-Seh nói rằng nếu theo con những đức tính đó, cuộc sống con sẽ khả quan hơn.”

“Ra sao?” Subuh hỏi.

“Eyang nói rằng điều xảy ra là những ai có những đức tính đó là những kẻ thực sự làm những gì Thượng Đế muốn họ làm. Các thiên thần của Thượng Đế xem xét tất cả những gì chúng ta làm. Khi họ thấy con là người lương thiện, siêng năng, luôn làm tới nơi tới chốn, chịu gian khổ, tìm cách làm điều gì tốt đẹp, thì họ sẽ khiến cho những người khác làm những điều này nọ cho con. Chợt nhiên sẽ có những người giúp đỡ hay tin cậy con. Những người đó hoàn toàn không hiểu tại sao họ lại giúp đỡ con. Nhưng thực ra thì đó là con đang làm những gì mà Thượng Đế muốn. Đó không là vì con thông minh, hay có một tước hiệu quý tộc, hay có nhiều tiền, hay là điều gì như vậy.”

“Nếu làm như vậy, con sẽ không ăn nói lấp bắp nữa?” Subuh hỏi.

“Chỉ Thượng Đế mới biết được. Nhưng con cứ việc thử,” Kursinah đáp.

Subuh muốn thử.

Bất cứ những gì thầy giáo tại Ambarawa bảo mình, cậu đều cố gắng làm một cách đầy đủ. Khi nhận thấy miệng lưỡi mình tê cứng trong lúc đang tìm cách đọc hay nói những gì không thích đáng, cậu nói với thầy giáo là chắc mình có thể đọc những gì khác, chứ không là đoạn phải đọc. Thầy giáo sửng sốt vì sự lương thiện mộc mạc của Subuh. Ông xem xét kĩ lưỡng một trong những đoạn văn ông cho Subuh đọc, đặc biệt những đoạn khiến cậu bé dè dặt. Ông nhận thấy đó là những gì chứa những chữ thô tục, hay những thành kiến và ngụ ý biếm. Thầy giáo nhận thức được tuy chính mình là người Java, nhưng mình đã để cho những tư tưởng của người Hà Lan ảnh hưởng tới mình. Ông đã không kĩ lưỡng xét lại.

Sau vụ đó, ông chăm chú để ý tới cậu bé Subuh.

Đối với tuổi tác mình thì cậu là một người cao hơn mức trung bình. Cậu tự hào nhưng lịch thiệp. Cậu chịu khó tập viết và đọc, kiên trì học môn toán.

Cậu bé có năng khiếu, ông nhận thấy, làm cho những kẻ chung quanh mình cố gắng học hành khá hơn. Thầy giáo cũng nhận xét thấy hiệu quả lối dạy học mình của mình. Ban đầu ông cho đó là nhờ thái độ chăm chỉ của Subuh. Nhưng sau một thời gian ông nhận thấy chính mình cũng phải tự hỏi không biết có những gì đang xảy ra đằng sau cặp mắt to lớn, bí hiểm của Subuh.

Thầy giáo nhận thấy khi Subuh bên cạnh mình, thì chính mình cũng tìm cách thực hiện những gì mình mong muốn đạt được, hay mong nghĩ thế nào là một thầy giáo tốt. Những bạn học của cậu bé thì cũng cư xử một cách khá hơn.

Khi Subuh không có mặt trong lớp học hay đi làm những chuyện lật vật gì đó cho thầy giáo, các bạn học của cậu cảm thấy khuây khỏa; họ tuy xấu hổ nhưng lại lấy làm vui mừng về việc đã không đạt được những gì Subuh trông đợi ở họ. Họ lại tiếp tục hành xử như trước kia: gây lộn, chọc tức nhau, ăn nói tục tĩu.

Khi Subuh trở về, mọi người đều vui vẻ là lại có cậu – dù họ không muốn.



Những học sinh khác đều noi gương Subuh và cố gắng cư xử tốt đẹp, nhưng không luôn được như vậy.

Subuh coi những sự thay đổi mà mình trải qua tại trường học – từ sự bị cô lập và khinh miệt cho tới sự được kính trọng và giao cho những nhiệm vụ đặc biệt – là kết quả những nỗ lực làm theo những gì mà bà nội đã cắt nghĩa cho mình.

Bởi sự chăm chú của mình Subuh có thể học hành như bất cứ đứa trẻ nào khác, tuy đã phải nhiều lần vắng mặt hơn những đứa trẻ khác vì tình thương và hoàn cảnh cô độc của Eyang Kakung và Eyang Puteri.

Một hôm nọ khi trở về Kedungjati và nhận thấy Sumirah đang đau ốm và yếu mệt không đi đứng được, Subuh biết rằng ngày mai mình phải bên cạnh bà. Cậu thành tâm cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin Chúa tạo ra cách khiến con sống và đi học được tại Kedungjati.” Đó sắp là lúc tới ngày sinh nhật thứ 9 của cậu: cậu thức giấc cho tới bình minh, theo tục lệ thức đêm của ngày sinh nhật. Và đó cũng là cơ hội làm cho bà nội có bầu có bạn.



Subuh thức suốt đêm lúc 9 tuổi, để ở bên cạnh bà nội Sumirah khi bà đau ốm.

“Con nói cho nội nghe về sự học hành của con,” Sumirah thì thầm nói, “điều đó sẽ giúp nội quên đi bệnh tật mình.”

“Dạ, Eyang Puteri,” Subuh đáp. “Hôm nay tụi con có môn chánh tả Hà Lan, rồi làm toán, toán cộng...” Cậu ngưng nói.

“Sao? Rồi thì sao nữa?” Sumirah dò hỏi.

“Không hay ho gì, con không nên kể cho nội nghe. Chắc nội sẽ cảm thấy khó chịu hơn...”

Sumirah mở mắt nhìn đứa cháu mình. Trông cậu xanh xao.

“Con cứ kể đi.”

“Dạ, con sẽ kể cho nội,” cậu ngập ngừng nói. “Hôm nay trong giờ ra chơi, con thấy một trong những đứa lớn tuổi hơn đánh một đứa bạn trong lớp con. Đứa lớn tuổi đó rất khỏe.”



Subuh kể cho bà nghe việc một kẻ côn đồ trong nhà trường làm hại một đứa bạn, và việc mình can thiệp để bảo vệ đứa bạn.

“Con cảm thấy như chính cánh tay mình bị đánh, khi đứa lớn tuổi đó vịn cánh tay bạn mình. Con sợ thằng đó vì nó bắt những đứa khác cho nó kẹo bánh hay đồ chơi của mình.”

“Nhưng con đã đến bên nó nói: ‘Không được đánh bạn tao.’ Nó không đánh nữa. Nhưng rồi nó chạy tới phía con la hét: ‘Mày là ai? Mày cũng sợ! Mày chỉ làm tàng! Mày tưởng mày là ai?’ Nó muốn đánh con, nhưng tay con đã cử động như lúc đôi khi con tập múa. Nó kêu la: ‘Ôi! ôi!’ Nó còn nói: ‘Mày không là cái thá gì! Mày là một thằng ngu! Một thằng từ Kedungjati!’ Con nói: ‘Đúng, nhưng tổ tiên tao là Sunan Kalijogo.’”

“Nó càng cười nhạo con thêm rồi nói: ‘Tổ tiên mày là một kẻ ăn trộm, một kẻ cướp đường! Sunan Kalijogo là một đứa trẻ xấu xa làm hại người ta, và làm những gì nó thích.’ ”

“Nhưng Thượng Đế đã làm cho ông ấy thành một người tốt. Nhưng nó không muốn con nói gì. Nó đoạt lấy cây bút viết mới tinh của bạn con rồi la hét chạy mất: ‘Tao là Sunan Kalijogo’ ”

Sumirah càng lúc càng thích thú nghe chuyện đó. Tuy đau bệnh, bà ngồi dậy nhìn đứa cháu nuôi mình. Mắt bà đẫm lệ.

“Eyang Puter,” Subuh nói, “có thật vậy không, Sunan Kalijogo là một đứa trẻ xấu xa?”

Quên hẳn mình đang bệnh tật, Sumirah nói:

“Theo một vài truyền thuyết, Sunan Kalijogo là một đứa trẻ hư đốn. Người ta nói ông trở thành một kẻ cướp với những chuyện này chuyện nọ. Nhưng nội không hề nghĩ đó là sự thật.”

“Nhưng tại sao những tích xưa đó lại nói như vậy?”

“Những tích xa xưa đó được viết theo lối xa xưa. Lối xa xưa đó là dùng hình tượng. Subuh, con có biết thế nào là một hình tượng?”

“Không, Eyang Puteri. Một hình tượng là gì vậy?”

“Hình tượng là một hình ảnh người ta dùng để giải nghĩa điều gì đó. Như thế tất cả những gì chúng ta nghe người kể về ông cũng chỉ là hình tượng. Người ta kể ông là một kẻ xấu xa, hư đốn, một tên cướp, thì đó cũng chỉ là hình tượng cho thấy chúng ta không thể đạt được bất cứ những gì là tốt đẹp nếu không phải trải qua khó khăn. Đó là hình tượng của tục ngữ: Không có hạnh phúc nào mà không phải qua đau khổ. Vấn đề với những tích xưa đó là những gì con trông thấy hôm nay. Đưa trẻ xấu xa tin đó là sự thật. Nó tự nói: Nếu Sunan Kalijogo là một kẻ xấu xa, thì mình cũng có thể là một kẻ xấu xa. Nhưng nó không hiểu truyện đó thực sự có nghĩa gì. Đó chỉ là một hình tượng!”

“Nhưng tại sao người ta đã kể những truyện đó, nếu chỉ là hình tượng?” Subuh hết sức ngạc nhiên. Điều đó đối với cậu có vẻ thiếu lương thiện.

“Là vì người ta muốn che đậy sự thật, khiến nó trở nên đặc biệt và bí hiểm. Đó là những gì xảy ra ở Java. Mọi việc đều giữ kín và là bí mật.”

“Nhưng hiện nay là một thời đại mới. Thời đại của xe lửa, toán số và khoa học. Thời đại của những gì có thật. Subuh, cháu ngoan của nội, con đừng dễ dãi tin những chuyện những chuyện thần tiên xưa kia, những chuyện về những gì chưa từng xảy ra. Chỉ tin ở chính mình và những gì mắt mình thấy”.

“Nếu con cần phải hiểu được thực tại của chuyện gì đó – ngay cả về *Sunan* – thì phải có bằng chứng. Hiện nay là thời đại của chứng cứ. Do đó mà nội đã hết sức tìm cách cho con vào được những trường học khá nhất, khiến con không bị lạc hậu trong cái thời đại này. Do đó mà nội muốn con thành một con người hiện đại, một người có thể giúp ích, như y sĩ, kế toán viên hay kĩ sư.”

Run lập cập, mặt đỏ ửng, Eyang Puteri Sumirah nằm xuống nhắm

mất lại. Subuh ngẩn người ngồi bên cạnh. Cậu chưa từng thấy bà nội mình, một phụ nữ nhan sắc, nói năng nhiều như vậy. Cậu chưa từng nhận thức được là bà nội đã có những ý nghĩ đó.

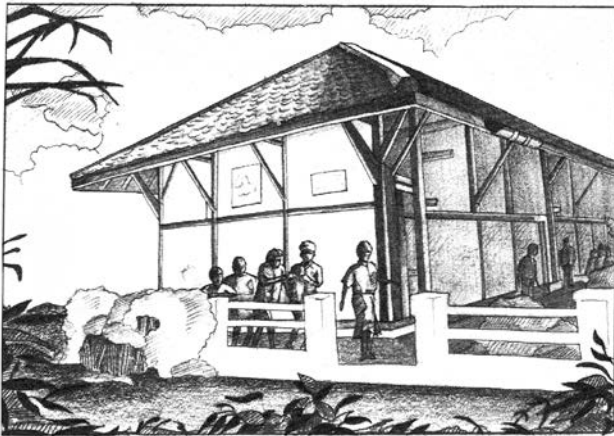
Chuyện đó như là một quà sinh nhật đặc biệt.

Một biến cố khác cũng được coi là quà sinh nhật, là sự khai mạc trường tiểu học đầu tiên tại Kedungjati: Eyang Sumirah cũng đã nhúng tay vào chuyện đó.

CHƯƠNG 7

Subuh lấy làm vui mừng vì được đi học ở Kedungjati. Cậu học tiếng Java và Mã Lai, cố gắng tiếp tục học tiếng Hà Lan với những thầy giáo mà bà nội mình mượn.

Trường học mới được xây, các giáo viên và phụ huynh học sinh đều phấn khởi và tự hào. Trường học nằm bên phải con đường từ Gubug tới Salatiga, một con đường chạy xuyên qua trung tâm Kedungjati.



Sau khi ngôi trường tiểu học ở Kedungjati được xây cất, Subuh không còn tới Ambarawa nữa.

Những bức tường bên trong và bên ngoài nhà trường đều quét vôi. Trần nhà cao hơn mức trung bình, các phòng học đều rộng rãi.

Subuh không biết được sự khó khăn của vợ chồng Sumowardojo và bố mẹ mình, nếu họ phải tiếp tục gửi mình tới học tại Ambarawa. Nên khi cậu tỏ ước muốn đi học tại ngôi trường mới mở, họ nhanh chóng tán thành, tuy thiếu sự thuận lợi là một chương trình giảng dạy của Hà Lan.

Công việc làm ăn của Sumowardojo và Karto-Seh, tuy phát đạt trong 8 năm kể từ lúc Subuh sinh ra, đã phải sút kém vì tình trạng mua bán ế ẩm trong ngành xây cất. Sau khi giúp xây cất ngôi trường mới, họ không còn nhận được nữa những hợp đồng cung cấp vật liệu.

Họ luôn tiêu sài thận trọng, Karto-Seh và Masiyah là những người tằn tiện. Nhưng hoàn cảnh bắt buộc mọi người dựa vào tiền hưu của Sumowardojo, những bông tai bằng vàng và đồ nữ trang của Sumirah phải bán dần bán mòn, đặc biệt khi phải tổ chức một *selematan*.

Chasidi vui mừng vì Subuh không phải đi xa. Nhưng anh lấy làm buồn là mình không thể trợ cấp thêm cho cậu, cho Kursinah và Supa'at. Số tiền lương sỡ sài công ty đường sắt trả cho anh – tuy anh được thăng chức một cấp – chỉ đủ dùng để nuôi vợ và chi tiêu cho những vật dụng cần dùng trong nhà, cho thức ăn và quần áo.

Những nơi buôn bán trong vùng bị suy sút, còn các viên chức Hà Lan thì bòn mót từng đồng từng cắc từ nền kinh tế thuộc địa đang sút kém của họ.

Chasidi biết rằng Kursinah sắp sinh ra một đứa con thứ tư, và anh cũng biết rằng mình là kẻ duy nhất có trách nhiệm với đứa bé sắp sinh cũng như với bé Sunarti.

Khi Sumowardojo cho anh hay có một nhân viên bưu điện đã tới để xem xét viện mua những căn nhà của họ, Chasidi đồng ý là

Chasidi cùng với ông hoàng già và bà công chúa sẽ vui lòng dọn nhà, nếu họ kiếm được một nơi chốn mới.

“Người đó nói là nơi chốn chúng ta, gần nơi cuối đường tới trạm ga, sẽ có thể thành một sở bưu điện tốt đẹp. Ngoài ra, đó còn là một căn nhà còn tốt, vững chắc – không có gì tốt hơn ở Kedungjati,” Sumowardojo cho hay.

“Bố, có thể như vậy được không,” Chasidi hỏi, “nếu bố bán ruộng đất và nhà cửa, thì thay vì mua một căn nhà khác – như căn nhà Hà Lan mà bố muốn nơi bên kia trạm ga – bố và Bapak Karto-Seh sẽ xây cất một nơi chốn mới? Cả hai đều hiểu biết xây cất nhà cửa một cách bớt tốn kém nhất. Có thể nhờ vậy mà bố còn dư được tiền bạc cho chính mình và mẹ.”

“Cho cả Subuh và mọi người,” ông hoàng già suy tư nói. “Nak, như vậy có thể sẽ tốt đấy.”

“Có một khu đất bên cạnh khu rừng nhỏ, gần *kedung*,” Chasidi đánh bạo đưa ra ý kiến.

“Ừ...” Sumowardojo nói. “Thiên hạ thường không muốn ở đó, có phải vậy không?”

“Bố, có lẽ họ sợ trông thấy hồn ma của các chiến sĩ của Diponogero.”

Cả hai đều lặng lẽ cười.

“Như vậy thì càng tiện cho việc mua bán,” Sumowardojo suy ngẫm.

Ngay sau vụ đó, họ thay đổi địa chỉ cũng như vận mệnh suy sút của mình.

Căn nhà trước kia của họ biến thành sở bưu điện, Sumowardojo và Karto-Seh xây cất một căn nhà đơn sơ nhưng rộng rãi cho ông hoàng già và bà công chúa, cho Chasidi và Kursinah, cho Subuh, bé

Sunarti và đứa bé trai sắp sinh là Subandi.

Ngôi nhà đó còn gần trường học hơn.

Subuh có thể từ cổng nhà tới lớp học chỉ mất một phút, nhưng trước kia là 15 phút từ căn nhà gần trạm ga.

Mỗi sáng cậu vui vẻ đi học, quyết định học tất cả những gì học được của ban tiểu học.

Trước khi đi học và ăn sáng – ngay sau lễ cầu kinh bình minh – cậu đi ra phía sau nhà tới những nấc thang bằng đá dưới những cây tre và cây tETCH trên một ngọn đồi nhỏ.

Nơi đó, trong một tiếng đồng hồ, cậu tập võ.

Subuh thích những động tác thanh nhã, nhịp điệu như múa may của *pencak-silat* – võ thuật của Java – kể từ lúc còn bé ở chung với ông nội. Eyang Sumowardojo đã nhận biết được thân hình mảnh thon mềm mại của Subuh là điều kiện thuận lợi cho sự luyện võ, và nếu tập luyện đúng cách, cậu có thể một ngày nào đó trở thành một cao thủ.

Bởi Subuh thường độ địch với những đứa trẻ lớn tuổi hơn – những đứa còn đồ hung dữ trong trường học hay ngoài đồng ruộng, thậm chí cả những tên du đãng – nên Sumowardojo và Chasidi quyết định cho cậu học võ.

Không phải là Subuh thích những truyện phiêu lưu lãng mạn của Si Pitung hay những nghĩa sĩ khác trong truyền thuyết. Đó là động cơ của những đứa trẻ khác, nhưng những động cơ đó đã mất dần phần hứng thú, khi các môn học trở nên khó khăn hơn.

Đối với Subuh *pencak-silat* thể hiện một lý tưởng, một triết lý được biểu hiện qua thể xác. Đó là điều khiến tối đa dùng được những bộ phận của chính mình – óc não, tim can, cảm xúc, thân thể và cái giác quan thứ sáu mà cậu có – theo một chiều hướng

liên tục, cân đối, không bị gián đoạn, không biết trước được. Nhờ vậy mà có thể nghiệm thấy động tác của tất cả các tầng lớp của con người mình.

Bất cứ những gì mình làm – ca hát, viết lách, cầu nguyện, học hành, bơi lội, trồng đu đủ, chơi nhạc *gambang* – cậu đều thấy là không đầy đủ: hình như chỉ có một vài bộ phận của chính mình được sử dụng.

Nhưng *pencak-silat* khiến cậu cảm thấy mình hoàn toàn sống động.

Cậu đặc biệt cảm thấy sống động, khi mỗi sáng chỉ có một mình tập *pencak-silat* nơi khu rừng nhỏ.



Khu rừng nhỏ tại Kedungjati.

Chính khu rừng đó là nơi Diponegoro dùng để trú quân, và Kalijogo dùng để truyền đạo. Subuh không trông thấy vong hồn của họ, nhưng cậu thích nghe tiếng lá cây xào xạc và âm thanh êm ái xoay tít của con sông.

Một buổi sáng nọ khi đến khu rừng nhỏ, Subuh nhận thấy không chỉ có riêng mình. Phía dưới nơi cây tếch cao có một chiếc thuyền nhỏ đã đổ neo. Subuh tự hỏi không biết như thế nào người chèo

thuyền đã lèo lái được qua nơi xoáy nước để vượt qua khúc quanh con sông.

Trên bờ có một người đang đứng mà Subuh đoán là người chèo thuyền. Ông không mặc áo sơ-mi, chiếc quần màu đen đã bạc màu của ông vén lên nơi khăn thắt lưng. Ông đang biểu diễn một số những thế võ *pencak-silat* mà Subuh chưa từng thấy trước kia.



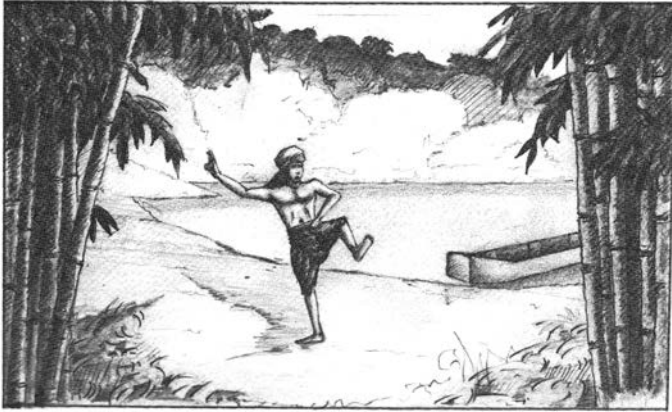
Lúc sáng sớm, Subuh thích tập võ pencak silat nơi lùm cây gần bờ sông.

Subuh yên lặng đứng nhìn, hoàn toàn bị lôi cuốn vì tốc độ và sự biến hóa những thế võ của người chèo thuyền. Người đó xoay tròn trên một chân như một con cò. Giữa không trung ông xoay mình như một con mèo. Ông lắc đưa như một con rắn có mào. Ông đá như một con ngựa núi.

Subuh không thể cưỡng lại tính tò mò. Từng bước một cậu bị lôi kéo từ khu rừng nhỏ tới nơi người lái thuyền đang múa võ bên bờ sông.

Điều khiến ngạc nhiên là người chèo thuyền – có vẻ còn trẻ nhìn từ xa – trông không như 18 hay 19 tuổi như Subuh đã đoán, mà

như 30 hay hơn. Tuy ông đã liên tục múa nhiều thế võ, nhưng trán ông ra hiệu cho cậu múa không để lộ một giọt mồ hôi nào.



Người chèo thuyền biểu diễn những thế võ pencak silat.

Người chèo thuyền gật đầu nhìn cậu bé, cậu đến gần ông. Ngay cả trong lúc đang múa võ, ông ra hiệu cho cậu múa chung với mình.

Subuh làm theo. Cậu không cảm thấy rụt rè, nhưng tự hỏi không biết làm thế nào mình có thể chống đỡ những cú đá và thế đánh cuộn xoáy tinh xảo của cánh tay ông.

Điều khiến Subuh kinh ngạc là cậu thấy chính mình cũng đang diễn những thế võ mà mình chưa từng học qua. Những thế đó chống trả những thế của người chèo thuyền: ông mỉm cười tỏ vẻ hài lòng đối với tài nghệ của Subuh. Họ tiếp tục múa võ trong khoảng gần được nửa tiếng đồng hồ.

Subuh nhận thức được là có kẻ đang quan sát mình và người chèo thuyền. Điều đôi khi xảy ra là có thể có một người dân quê nào đó đến nghỉ mệt nơi khu rừng nhỏ xem Subuh tập võ. Sự hiện diện của một kẻ lạ mặt làm cho người chèo thuyền lắc đầu, và một cách dần dần và trang nhã ông ngưng múa võ. Subuh cũng ngưng múa, rồi cúi mình chào theo cách của một người trẻ Java đối với người lớn tuổi hơn. Người đó vẫy tay chào tạm biệt, leo lên thuyền rồi

dùng sào chống thuyền vượt qua khúc quanh con sông.



Subuh ngạc nhiên thấy mình có thể chống đỡ những thế võ của người chèo thuyền, nhưng cậu chưa từng làm hại bất cứ ai với tài năng mình.

Subuh không bao giờ gặp lại người chèo thuyền một lần nữa, nhưng có điều gì đó nói với cậu là không được cho bất cứ ai hay biết về người đó. Trong nhiều ngày tiếp theo, cậu không thể không mong cho được gặp ông nơi con sông. Để khiến cho bớt thất vọng, cậu cố diễn lại những trải nghiệm của mình lúc gặp ông hôm đó. Khi làm như vậy, Subuh bắt đầu ứng biến một cách không cố ý, đôi khi chế biến được những thế võ mới, đôi khi cố sức lặp những thế mà mình nhớ lại được của người chèo thuyền.

Những kẻ nhìn xem Subuh ứng biến nói với người dạy võ cho cậu là cậu đã xuất thần. Nhưng võ sư của cậu, cũng như vợ chồng Sumowardojo, thì biết rõ hơn. Subuh luôn hoàn toàn sáng suốt, tỉnh táo, luôn ‘có đó’.

“Điều đó là như vậy, khi ai đó tìm thấy chân tài mình,” võ sư nhận xét. “Chẳng bao lâu tôi chẳng còn gì để dạy cho nó.”

Võ sư pencak-silat vượt râu, khi một buổi chiều nọ ông xem xét Subuh. Bố cậu cũng có mặt trong lúc đó.

“Pak Chasidi, ông thấy đấy,” võ sư nói, “con trai ông có thể dễ dàng đánh trúng đích thủ. Nhiều đệ tử của tôi ở Kendalisodo, Demak và Solo trong lúc tập luyện không thể không muốn đánh trúng ai coi đó là điều rủi ro. Nhưng Nak Subuh thì không bao giờ làm vậy.”

“Tôi nghĩ là nếu làm vậy nó sẽ làm hại cho chính mình,” Chasidi đáp.

“Không phải vậy,” võ sư nói, “Nak Subuh biết đỡ và đánh mà không làm hại cho chính mình. Ngoài ra, nó không sợ bị hại.”

“Nó sợ làm hại kẻ khác,” Chasidi cho hay. “Theo tôi thấy, đôi khi như thế nào đó nó có thể cảm thấy sự đau đớn của kẻ khác.”

Võ sư gật gù đồng ý.

“Người Java như chúng ta không thích xung đột. Chúng ta làm bất cứ gì có thể được để tránh tranh chấp. Theo tôi, đương nhiên võ thuật của chúng ta có tính cách tự vệ, chứ không công kích. Dù vậy, tôi chưa từng thấy một đứa trẻ bản chất nhã nhặn nào như Subuh mà lại giỏi môn *pencak-silat*. Thường thường những đứa trẻ hiếu thắng lại là những đứa khá nhất.”

Trong cuộc diễn võ *pencak-silat* mỗi năm tại Gubug, Subuh biểu diễn xuất sắc hơn bất cứ đứa trẻ nào khác cùng tuổi.

“Xuất sắc hơn cả những đứa trẻ tuổi lớn gấp đôi và đã tập luyện nhiều năm,” võ sư cho Chasidi hay. “Nhưng tại sao nó lại không muốn tham gia cuộc họp tại Demak. Chuyện đó tôi không hiểu nổi.”

Không ai hiểu nổi ngoài Kursinah. Trong khi cho bé Subandi bú, cô nghe Chasidi kể lại những gì võ sư *pencak-silat* đã nói. Cô biết

rằng con trai mình không tập *pencak-silat* vì hiếu thắng, hay để được ngưỡng mộ. Cậu tập chỉ vì thích tập, và bởi trong tim can mình cậu biết rằng cách tập biết vâng lời và siêng năng, cách hết sức làm cho tới cùng, cách làm *prihatin*, những điều đó hình như có kết quả là mình tiến bộ trong *pencak-silat*.

Đối với cậu *pencak-silat* là cách chuẩn bị chính mình cho những việc khác. Cậu không biết chắc đó là những gì. Là một y sĩ? Một kế toán viên? Xây cất đường xe cho loại xe mới là xe hơi? Đi tàu vòng quanh thế giới? Cậu không biết. Nhưng tập *pencak-silat* là cách khiến mỗi ngày nhớ tới được điều mẹ cậu đã răn dạy là phải phải đạt được cái gì tốt đẹp trong cuộc sống trên trần gian.

Qua sự mỗi ngày tập luyện võ nghệ, Subuh bắt đầu cảm thấy cần phải có những cách thức cải thiện bản thân khác.

Điều đó xảy ra trong nhiều trường hợp. Thầy giáo thường đề cập tới những điều như ‘chân tính’ và ‘sự dẫn đạo của linh hồn’. Hoặc ông gián tiếp nói tới cái ý nghĩa tâm linh của *panca indra*, ngũ quan. Hoặc ông thường nói bóng nói gió về sự yên tĩnh của cảm xúc hay sự trầm định trên núi.

Những sự thoáng nói đó đã thấm vào Subuh và để lại dấu vết. Nhưng sự việc mẹ cậu là một người Hồi giáo thành kính theo khuynh hướng cổ truyền của người Java là dung hòa nhất thần giáo của đạo Hồi với các *dewas* hay thánh thần của đạo Hindu và đạo Phật, đã không tạo thành những quan niệm của Subuh.

Nhưng nguyên do khiến cậu bé 10 tuổi bắt đầu nghĩ tới cách cải thiện bản thân chính là sự tập luyện *pencak-silat*. Cậu thường cảm nhận được một động tác, một thế võ mà mình chưa từng học, ngay cả với lúc gặp người chèo thuyền. Có thể nói vậy, cậu hầu như ném được, sắp nhớ ra được. Nhưng giữa lúc mình đang là mình và lúc nhận biết được cái động tác khó hiểu đó, thì có một khoảng trống. Cái khoảng trống đó nằm trong lòng mình, và cậu không biết làm cách nào lấp trống nó.

Cậu chưa từng nói với bất cứ ai về những cảm nghĩ của mình. Cậu chỉ việc làm theo những gì đến với mình: trong lúc tập pencak-silat, trong lúc học tại nhà trường, và trong lúc học cầu kinh và giữ đúng những đức tính mà Kursinah đã nói tới với cậu.

CHƯƠNG 8

Thé chiến Thứ nhất diễn ra ác liệt tại Âu Châu trong lúc Subuh lại đến Ambarawa học hành.

Với những đứa trẻ khác cậu đã học xong lớp một của ban tiểu học ở Kedungjati.

Cậu cũng đã học được tất cả những gì mà võ sư pencak-silat dạy cho mình.

Bởi không có một trường học nào khác ở Kedungjati, nên Subuh lại phải tới Ambarawa để học tiếng Hà Lan.

Do một sự tình cờ là may mắn, Daslan, một người anh của Kursinah, được thuyền chuyển từ Semarang tới Ambaraw để làm việc cho công ty đường sắt N.I.S. Nên Subuh không còn phải đi đi lại lại tới Ambarawa, mà có thể ở chung với Bapak Daslan.

Subuh tin điều Ibu Kursinah đã nói với mình, trước khi cậu tới Ambarawa:

“Nak, Ibu sẽ buồn vì thương nhớ con nhiều, rất nhiều. Cả Eyang Kakung và Eyang Puteri cũng vậy. Bố con có thể thấy gặp con nhiều hơn chúng ta, vì ông có thể dùng xe lửa tới thăm con; và tất nhiên con có thể về thăm chúng ta cách vài tuần một lần. Nak, nhưng con không cần phải lo nghĩ vì chúng ta thiếu vắng con, bởi như vậy thì con có thể sáng suốt và yên tâm học hành. Phải nhớ điều này: Sunarti, em gái con, đã lớn mạnh, và em trai con, Subandi, cũng sẽ ở bên cạnh chúng ta. Chúng sẽ lấp trống sự trống vắng trong tim can chúng ta trong lúc con xa nhà.”

Subuh cảm thấy sự đau đớn của nỗi nhớ nhà trong tim can mình.

Cùng với nỗi nhớ nhà là sự biến đổi của một bé thơ thành một thanh thiếu niên.

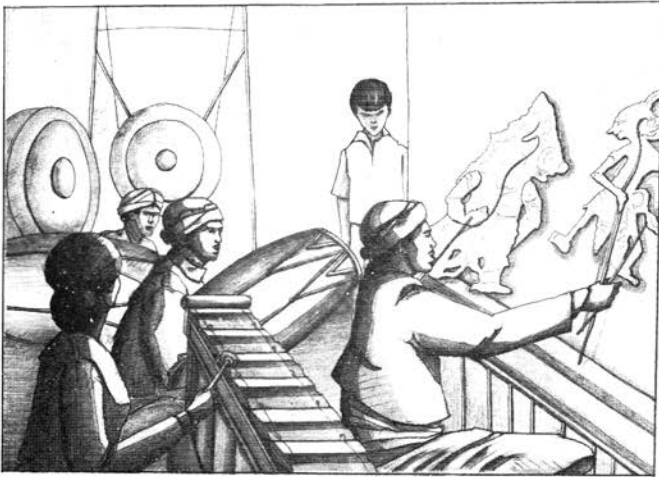
Trong tuổi 12 với những đứa trẻ khác đã cùng học xong với mình, Subuh chuẩn bị cho sunat – lễ cắt bao quy đầu. Subuh hiểu được từ ông nội mình là lễ nghi đó sẽ tiêu trừ những nhớ nuốc tổ tiên để lại. Do đó cậu đã đặc biệt cẩn thận chuẩn bị bằng cách trai giới trong nhiều ngày và nguyện thề là sẽ không nói chuyện với bất cứ ai trong một tuần.

Trong lúc đó cậu thức cho tới bình minh, làm dhikir trong đó cậu tụng đi tụng lại câu *Laillaha illala, Laillaha illala* – không có thánh thần nào ngoài Thượng Đế, không có thánh thần nào ngoài Thượng Đế – trong khi lắc lư nhẹ nhàng tới trước và sau, theo nhịp điệu của sự tụng niệm.

Cái *selematan* ăn mừng lễ cắt quy đầu được tổ chức bên trong



Khi học xong ban tiểu học, Subuh trở về Ambarawa học hành để thành một y sĩ. Cậu luôn nhớ tới màn kịch đèn chiếu cho lễ selamatan cất bao đầu quy của mình.



và chung quanh căn nhà mới. Nhiều khách khứa tới dự để chúc mừng cậu thiếu niên Muhammed Subuh. Họ đem đến những món quà là tiền bạc và quần áo gói trong những tấm giấy nhiều màu sắc và trông như được mạ vàng. Theo tục lệ, Subuh phải ngồi trên một đi-văng mặc một chiếc *sarong* cứng mới, một chiếc mũ khăn xếp và áo gió của người Java, và mang một đôi dép lê bóng loáng như ông nội mình.

Cao điểm của lễ ăn mừng là diễn kịch *wayang-kulit* nơi khu rừng nhỏ. Buổi kịch diễn ra suốt đêm đó tốn kém không ít. Eyang Sumowardojo lấy làm vui mừng là mình theo đề nghị của Chasidi: xây cất một căn nhà mới mẻ nhưng đơn sơ. Nếu không thì không có đủ tiền đài thọ một lễ ăn mừng cho đứa con và cháu mà họ yêu quý.

Tại Ambarawa Subuh thường nhớ lại buổi lễ đó: việc làm cuối của ông nội – như lá bùa hộ mệnh cho người đi biển tới một nơi xa xôi – trước khi cậu nhổ neo lên đường trên biển cả cuộc đời mình. Cậu cảm thấy việc đó là như vậy.

Một di sản khác, điều cậu coi hầu hết là của Sumirah, là sự quyết tâm trở thành một y sĩ. Đó là đường đời cho mình mà bố mẹ cùng với ông bà nội ngoại cậu đều khuyến khích và tán thành. Một y sĩ giúp ích cho mọi người: điều duy nhất họ có thể hình dung về định mệnh của đứa trẻ.

Kí ức về cái *sunat selekatan* đó – cùng với cái không khí choáng váng, cái cảm giác như đang đi trên không trung chứ không trên mặt đất, màn kịch *wayang* rục rĩ về sự lần đầu đi tìm chân lý của nhân vật Arjuna – đã thấm nhập vào chí hướng của một thiếu niên quyết tâm trên con đường đời dài lâu, tốn kém và khó khăn, để đạt được bằng cấp y khoa. Cái thái độ đó đã đưa đường dẫn lối cho cậu bé Subuh trên những bãi cát ngầm của tuổi niên thiếu. Phải học hành nhiều, đeo đuổi một lý tưởng, nên cậu không có nhiều thì giờ cho những tình cảm của nỗi nhớ nhà, nỗi cô đơn và cho những ham muốn của mình.

Ông nội cậu có lần đã nói: “Cháu ngoan, cháu là một đứa bé may mắn. Những đứa khác phải chọn một cô gái môn đăng hộ đối để kết hôn và đợi chờ sự sắp đặt tốt đẹp của bố mẹ, thì cháu lại chưa từng nghĩ tới hôn nhân. Bởi hôn nhân – một cô gái thích hợp, người bạn đời đích thực – tự nhiên sẽ đến với cháu. Khi gặp cô ấy, cháu sẽ biết. Cháu chắc chắn sẽ biết được.”

Subuh biết mình phải chăm chỉ học hành. Không con đường nào khác ngoài cách đó. Sự quyết tâm đó không khiến cho những cảm xúc trong lòng cậu trở nên kém mãnh liệt hay đau đớn hơn. Nhưng nó tạo nên một màng tơ nhện trên đó cậu đi mỗi ngày. Cậu cảm thấy đó là tất cả những gì khiến mình không bị những bụi gai lớn đâm thủng, những gì mình cảm thấy đang mọc ngay dưới màng nhện mỏng manh.

Daslan, người anh Kursinah, hết sức chăm lo cho Subuh. Ông khiến cho cậu biết những cách ứng xử tốt đẹp bằng cách khiến cho cậu không thể làm cách nào khác. Ông khiến cậu hiểu được những bốn phận của mình, ông tạo nên cho cậu những tiêu chuẩn và phương châm làm việc khắt khe. Ông lưu giữ Subuh lại tại Ambarawa trong những thời kì lâu dài hơn điều cậu nghĩ mình chịu đựng được.

Một trong những thời kì đó là lúc Subandi, em trai út Subuh, mắc bệnh phải chết. Subuh đi dự đám tang để an ủi Kursinah. Cái chết của em trai mình khiến Subuh trở nên nghiêm túc. Cái chết một cách bất ngờ và ngẫu nhiên đó – tuy đó là điều thường xảy ra ở Java – khiến cậu buồn phiền, đầu óc không tập trung được. Nên cậu đã mải mê vào việc học hành – một hoạt động khiến đầu óc bớt căng thẳng và tránh phải lo nghĩ về những chuyện mình không thể hiểu được.

Daslan biết rằng em gái mình đặt nhiều kỳ vọng ở cậu con trai trưởng của cô. Ông biết rằng cô muốn mình và gia đình chống phòng cho Subuh không bị hại – đặc biệt bởi những ảnh hưởng khiến bị hư tổn của bạn bè. Chính Daslan cũng đã khiến cho mình

còn trong trắng cho tới hôn nhân – và ông đã vui mừng vì làm được như vậy. ‘Trong đời mình chúng ta luôn bị cám dỗ,’ Karto-Seh đã từng nói. ‘Không cần phải thử thách chính mình, khi còn quá sớm.’



Subuh được 12 tuổi khi Subandi, đưa em trai còn bé, qua đời; sự mất mát đó khiến cậu học hành nhiều hơn để quên đi nỗi buồn.

Do đó mà Daslan khiến cho mỗi giờ Subuh phải có chuyện gì đó để làm. Ông mong rằng mỗi ngày cậu sẽ tiêu thụ nghị lực mình vào sự học hành tiếng Hà Lan, vào việc giúp ông lập nên những bản đồ đủ chi tiết, những danh sách đường xe lửa của những lúc chất hàng lên tàu và mục lục xe lửa.

Subuh tận tâm làm những công việc đòi hỏi sự chi li cẩn thận đó. Với thời gian, cậu hấp thụ đầy đủ thông tin về đường xe lửa và biết cách hoạt động của nó, khiến Daslan tự hỏi chắc sau này sự

ngiệp của cháu mình là trong N.I.S, chứ không là trở thành một y sĩ. Nhưng ông không nói điều đó cho bất cứ ai, và để cho Subuh đi tới cái mục tiêu mà gia đình cậu đã đặt ra cho cậu.

Lúc đó là năm 1917.

Cậu thiếu niên Subuh từ trường học về nhà sau một buổi học. Cậu đi tập *pencak-silat* với một nhóm bạn bè. Khi võ sư phải vắng mặt tới một thành phố khác, Subuh thay thế cho ông để thử tài các bạn học mình. Cậu trở về nhà Pak Daslan, đi vào phòng mình, cởi bỏ quần áo, đi tắm rửa, làm lễ cầu kinh buổi chiều, rồi xếp dọn sách vở để học hành. Suốt hôm đó cậu cảm thấy bần khoản. Cậu cho điều đó có liên quan tới cái u bướu trong ngực mình mà cậu nhận thấy cách đó vài tuần. Cái đó khiến cảm thấy như có một trái banh, một hòn đá hay trái táo sắp rớt xuống. Chiều hôm đó, trong lúc đang tập *pencak-silat*, cậu cảm thấy nó rớt xuống. Và bây giờ, có thể nói vậy, là một lỗ trống trong cảm xúc nơi ngực.

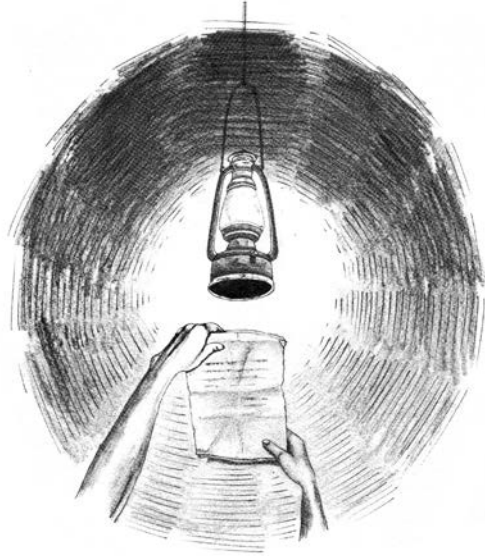
Cậu nhìn những cuốn sách bằng tiếng Hà Lan. Những chữ trông như con giun theo lối viết chữ La Tinh hình như chẳng có ý nghĩa gì và không thể hiểu nổi.

Cậu thấy hoang mang trong lòng. Tất cả để làm gì? Học hành cho nhiều để làm gì?

Cậu nhìn đồng hồ nơi hành lang. Ông thầy tiếng Hà Lan sẽ có mặt trong nửa tiếng đồng hồ. Cậu phải chuẩn bị. Cậu cố sức kiềm chế những xúc động của mình. Cậu gồi xuống, mở tập sách ra gồm những bài học ngoại ngữ.

Đó là lúc Dalan thấy cậu: đang chăm chú xem một cuốn sách đã mở ra, đang ngồi bên một chiếc bàn chật hẹp, trên một chiếc ghế thô sơ, một thiếu niên cao hơn mức trung bình bên một cửa sổ của phòng ngủ dành riêng cho mình.

“Nak Subuh, ông nội cháu - Eyang Sumowardojo – đã mất.”



The news of his grandfather's death was a terrible blow for Subuh.

Tin tức cái chết của ông nội là một cú choáng người mãnh liệt cho Subuh.

Muhammed Subuh chưa từng cảm thấy một cú sốc như vậy.

“Cháu phải lập tức về Kedungjati. Cháu có thể đi chuyến xe trễ. Mẹ cháu lúc này cần có cháu. Bố cháu và cả Eyang Sumirah: lúc này họ cần có cháu.”

II.

hành trình của một thanh niên

CHƯƠNG 9

Cú sốc về sự qua đời của ông nội mình yêu quý khiến cuộc đời của Subuh bị đảo lộn.

Subuh chưa từng một điều hay tin gì từ gia đình mình báo cho biết là ông nội đang đau ốm. Tuy Eyang Sumowardojo khoảng 80 tuổi nhưng cậu luôn tin là ông trẻ trung và sẽ sống lâu hơn vì sự hoạt bát và tinh thần sắc bén của ông.

Với người ngoài thì Eyang Sumirah và Ibu Kursinah tỏ vẻ trấn tĩnh trong lúc chuẩn bị tang lễ và để tang. Nhưng trong nhà lúc không ai trông thấy, họ đã âm thầm than khóc.

Sự ra đi của Sumowardojo khiến Subuh ở tuổi 16 mất đi một người thầy thông thái đóng vai trò một người cha.

Chasidi Katodiharjo, người cha ruột phải thường xuyên vắng mặt, tìm cách lấp cái khoảng trống đó trong đời Subuh: nhưng ông không có thì giờ. Ông phải đi làm, và đó là tất cả những gì Subuh cần phải thấy được.

Subuh không còn thấy được mục đích của sự cố sức học hành. Nhưng cậu có thể thấy được sự việc Chasidi đã có thể khắc phục được cơn bão nội và ngoại giới sau sự qua đời của ông nội. Cậu thấy được nguyên do là làm việc. Subuh cảm thấy chính mình như đang đi làm.

Subuh tuân theo mong ước của gia đình mình là phải về Ambarawa học hành trở lại, sau khi những ngày để tang đã qua. Cậu ra đi sau cái *selematan* đánh dấu ngày thứ 7 kể từ lúc ông nội mất. Pak Daslan cùng đi xe lửa với cậu. Một lần nữa, Subuh tìm thấy lại căn phòng ăn học trang trí sơ sài của mình.



Sau lễ an táng Subuh không biết phải làm gì. Cậu làm theo ước muốn của gia đình là trở về Ambarawa.

Cái môi trường quen thuộc quanh mình và những việc làm hằng ngày ở nhà trường khiến cho những cảm xúc lộn xộn của Subuh được yên lặng. Một lần nữa, cậu lại xét tới việc theo học ngành y khoa.

Một đêm nọ sau khi cầu kinh xong, cậu đi ngủ – không phải trên chiếc giường thô sơ đệm rơm, mà trên mặt đất.



Giữa đêm trong lúc đang ngủ, Subuh trông thấy một người đàn ông đến gần mình. Người đó cao hơn mức trung bình, một cụ già mặc toàn đồ màu đen. Ông ngả người về phía Subuh kêu gọi cậu thức dậy.

“Con có vẻ ngủ ngon đấy,” người đó nhận xét. “Nhưng ta phải đánh thức con dậy để cho con hay một điều quan trọng.”

“Không bao lâu nữa con sẽ rời khỏi nơi chốn này. Con sẽ rời khỏi nơi này để đi làm.”

“Con sẽ đi làm cho tới tuổi 32.”



Khi Subuh 16 tuổi, một người đàn ông mặc đồ đen hiện ra trong một giấc mơ rõ rệt. Ông nói: "Người phải đi làm cho tới tuổi 32. Tới lúc đó Thượng đế sẽ kêu gọi người về."

“Nhưng Thượng Đế sẽ gọi con trở về khi con 32 tuổi. Sau đó, tên tuổi con sẽ được nhiều người trọng vọng vì tình thương của Thượng Đế đối với con.”

Sau khi nói những điều đó, người đàn ông mặc đồ đen đi mất.

Ngay lúc đó, Muhammed Subuh thức dậy. Cậu nhìn quanh mình nhưng không tìm thấy ông ta đâu. Cậu thấy khó hiểu. Làm sao mình đã thức dậy hai lần?

Cậu quyết định là trước hết mình đã thức dậy trong giấc mơ, và kể đến là trong cái thực tại tự nhiên ngoài giấc ngủ. Chỉ trong lúc nhìn chung quanh mình, cậu mới nhận thấy giấc mơ mình có thật hơn việc mình hiện đang trong căn phòng này, trong lúc hoàn toàn thức giấc.

Subuh lấy làm lạ tự hỏi không biết người đó là ai, thậm chí còn lấy làm lạ là người đó có thể đi đâu: cậu tin chắc ông là một người bằng xương thịt. Subuh không thể không cảm thấy là mình đã từng trông thấy khuôn mặt người đó trước đây. Chợt nhiên cậu nhớ lại là người chèo thuyền trông cũng hơi giống.

Điều mãnh liệt đập vào đầu óc Subuh là sự việc người đàn ông mặc đồ đen nói sẽ có hai điều làm thay đổi cuộc đời cậu một cách không thể thay đổi được.

Điều thứ nhất thật rõ rệt: cậu phải bỏ học để đi làm. Điều này thì trùng hợp với những gì chính cậu đã cảm thấy ngay sau cái chết của Eyang.

Điều thứ nhì thì không mấy rõ rệt. Nhưng khi suy nghĩ kỹ, Subuh càng hiểu rõ hơn. Được Thượng Đế gọi về lúc 32 tuổi hình như tức là sẽ phải chết lúc 32 tuổi.

Subuh kết luận cái thông điệp quả thực có nghĩa là như thế.

Tin chắc như vậy, Subuh cũng biết chắc là mình không nên gắng

sức làm theo nguyện vọng của gia đình là theo học y khoa. Cậu thấy làm như vậy chẳng được việc gì. Dù sao, chưa thực tập nội trú xong thì mình đã bị gọi về – mình sẽ chết.

Đối với Subuh cái giấc mơ đó là sự thật.

Lúc đó cậu đang ngồi giữa sàn nhà.

“Không được,” cậu tự nói, “tốt hơn là mình đi theo một con đường khiến làm được điều gì đó có lợi cho gia đình trong thời gian còn sống trước khi chết.”

“Do đó mình phải đi làm. Sau này, khi kiếm được một việc làm, mình sẽ đi học trở lại. Mình sẽ học bất cứ gì mà mình nghĩ là cần phải học trong lúc đó.”

“Tôi không tin như vậy là thích đáng nếu tiếp tục học hành trong lúc này,” cậu lớn tiếng nói.

Trong lúc còn ngồi, Subuh càng lấy làm lạ hơn về giấc mơ đó, về tiếng ‘thì thầm’ đó của linh hồn. Cậu biết rằng điều đó còn chứa một nghĩa lí khác mà mình chưa hiểu được. Dù suy nghĩ nhiều, cậu cũng không hiểu nổi đó là gì.

Cuối cùng cậu đi ngủ nhưng vẫn còn lấy làm thắc mắc.

Ngày hôm sau cậu thức dậy thấy mình vẫn còn suy nghĩ. Điều đó khiến cậu bực mình. Cậu không thể xua đuổi nó ra khỏi đầu óc mình. Nên làm gì đây?

Cậu quyết định xin Pak Daslamn cho phép mình được vĩnh viễn về Kedungjati, hay tối thiểu cho tới khi kiếm được một việc làm.

Daslan nghe theo lời yêu cầu tha thiết của cháu mình.

“Thôi được, Nak, cháu đã học xong những cái căn bản...Bác thấy mình hiểu ước muốn đi làm của cháu. Nếu muốn kiếm một việc

làm, cháu nên cho bác biết.”



Ngọn núi gần Ambarawa.

Trên đường về Kedungjati trong lúc xe lửa đi ngang qua các núi lửa, một ý nghĩ chợt loé ra trong trí óc Subuh là cái giấc mơ đó không gì khác hơn là điều này.

“Lúc phải chết lúc 32 tuổi,” cậu nghĩ, “mình chỉ còn 15 hay 16 năm để sống. Và nếu phải trở về với Thượng Đế, mình phải sẵn sàng.”

“Bây giờ thì mình hiểu rồi. Mình không chỉ phải đi làm, như ông cụ mặc đồ đen đã nói, mà còn phải *chuẩn bị cho lúc chết*.”



Subuh nghĩ giấc mơ có nghĩa là mình sẽ chết lúc 32 tuổi. Cậu quyết định không theo học môn y khoa nữa để đi làm nuôi cho gia đình.

“Mình phải tu tâm tích đức, khiến được *chuẩn bị* lúc phải chết.”

“Mình phải dùng cái thời gian ngắn ngủi còn lại để đi tìm một con đường tu tập. Mình có thể sẽ biết được con đường phải theo – mình có thể sẽ tìm thấy con đường trở về với Thượng Đế nơi thế giới bên kia.”

Đó là sự cầu nguyện và phương châm hành xử của Subuh.

Subuh lưu lại một thời gian tại Kedungjati, cho mẹ và bà nội hay là mình muốn đi làm. Họ chấp thuận. Bố cậu cũng nghĩ rằng đó là cách tốt đẹp nhất trong tình thế này, nên đề nghị cậu tới Solo.

“Con có thể ở nhà ông chú là Pak Sastrotioso. Ông cũng làm việc cho N.I.S. Có lẽ sẽ kiếm được việc làm ở đó, bởi ở Kedungjati thì chẳng có gì hết.”

Một lần nữa, Subuh chào tạm biệt mọi người trong gia đình: Chasidi, Kursinah và Sumirah, em trai và em gái là Sup'at và Sunarti.

“Anh sẽ gửi quà cáp về cho các em,” cậu nói với hai đứa em, rồi nhanh chóng nói thêm, “nghĩa là ngay sau khi có một việc làm.”

Nhưng ở Solo không có việc làm nào.

Ngay lúc bắt đầu tuyệt vọng, Subuh gặp Bapak Reksodihardjo, người giám thị trạm Kalitidu Bojonegoro của N.I.S.

Cuộc gặp gỡ đó xảy ra do sự sắp xếp qua thư từ của Sumirah. Reksodihardjo là em trai bà – thực ra là một người em cùng cha khác mẹ. Ông đến vì những chuyện khác, và nhân tiện tìm gặp ‘cậu bé của bà chị’, cách ông gọi Subuh.

Họ gặp nhau tại trạm ga và đi đến một *warung*, một quán cà phê ngoài đường. Nơi đó ông ‘bác’ cậu mời cậu uống cà phê và ăn bánh quy bơ Hà Lan, rồi đi ngay vào đề, một cách không chút theo

lối người Java.

“Thế nào, cháu có muốn theo chú về Kaliditu không, để làm việc cho chú với tư cách là thực tập sinh?”

Subuh ngạc nhiên đến nỗi khiến hầu như phải làm đổ cà phê đang uống. Cậu không ngờ được đề nghị một cách trực tiếp như vậy.

“Muốn chứ, Bapak,” cậu ấp úng nói. “Cháu muốn lắm chứ! Cảm ơn chú!”

CHƯƠNG 10

Subuh nghiêm túc bắt đầu công việc của mình với tư cách là một nhân viên tập sự. Lợi thế của cậu là hiểu biết khái quát về hệ thống đường sắt ở Java. Điều đó cậu đã hấp thụ được của bố mình cũng như của Pak Daslan. Kiến thức tổng quát, năng khiếu cùng với tính kiên trì khét tiếng của cậu là những căn bản nhờ đó cậu được Reksodihardjo nhận vào làm. Nhưng việc một thiếu niên còn trẻ như cậu được tập sự thành nhân viên là một điều gì vẫn còn bị coi là không mấy thông thường. Lòng tốt của Reksodihardjo không phải không là điều rủi ro. Nếu một thanh tra người Hà Lan tình cờ nhận thấy có một nhân viên tập sự ăn không ngồi rồi – điều thường xảy ra với những người trẻ, khi họ chưa nhận rõ được thể nào là làm việc – thì như vậy tức là không còn được tập sự nữa và có thể là một dấu vết đen tối trong hồ sơ của Reksodihardjo.

Subuh nhận thức được điều có thể xảy ra đó, nên trong lúc tập sự cậu đã chú tâm và tích cực trợ giúp tại nhiều chỗ những nhân viên khác và hành khách.



May mắn cho Subuh là kiếm được một công việc làm thực tập viên cho ngành đường sắt.

Cậu cũng gia tăng nỗ lực làm prihatin. Cậu chỉ ăn uống để khiến mình có sức làm việc, và từ chối bánh kẹo, đường và gia vị *sambal* mà mình thích. Cậu ngủ trên một chiếc chiếu trên sàn nhà một căn phòng nhỏ tí bên cạnh phòng người chú mình, tuy cậu được quyền ngủ trong một phòng với cửa sổ và giường ngủ.

Cậu coi lối sống khổ hạnh là điều khiến mình có khả năng học hỏi được tất cả những gì mình cần, một cách nhanh chóng và tường tận. Cậu cũng biết công việc tập sự không là một công việc chính thức, và giám thị Reksodihardjo cũng không bảo đảm là sẽ được làm việc toàn thời gian. Subuh quyết chí đạt được một vị trí chính thức với một lương bổng phải chăng.

Trong đáy lòng cậu biết chắc mình phải là kẻ kiếm cơm cho gia đình: cả Chasidi Kartodiharjo lẫn ông ngoại Karto-Seh cũng chỉ kiếm đủ tiền để nuôi ăn cho Kursinah và con cái, cũng như cho

chính họ và bà lão Sumirah.

Kể từ lúc có giấc mơ thấy người mặc đồ đen, Subuh tự ý coi công việc tu thân là nhiệm vụ của chính mình. Cậu không có thì giờ đi tầm sư học đạo, ngay cả thì giờ tập *pencak silat*. Nhưng sự tận tâm làm việc, giữ gìn của cậu những đức tính mà Kursinah đã thấm nhuần cho mình – kể cả lối sống khổ hạnh – là những phương tiện tu thân duy nhất cậu. Đối với Subuh công việc của mình và *prihatin* là những gì trọng đại cho nội lẫn ngoại giới.

Điều hối tiếc duy nhất của cậu là mình bận việc tới nỗi không có thì giờ học môn kế toán, như điều người cha mình đã làm tại trạm Kalitidu. Sau khi không còn hy vọng gì vào ngành y khoa, cậu nhận thấy môn kế toán với những lề lối có phương pháp của nó là điều hấp dẫn mình.

Mỗi ngày cậu nhiều lần đi ngang qua phòng của những nhân viên kế toán của trạm Kalitidu, nhưng phải cố ép không cho phép mình được nấn ná tại đó để nhận biết rõ hơn những gì họ đang làm.

Tính lương thiện và tuân hành tuyệt đối của Subuh là điều gì vui tươi đối với viên giám thị và những kẻ làm việc cho ông. Cậu làm việc siêng năng hơn bất cứ ai, luôn sẵn một nụ cười, một tinh thần hài hước và lòng tôn kính đối những người lớn tuổi hơn mình, khiến cho trong vòng vài tháng mọi người tại trạm ga đều mến cậu.

Reksodihardjo cố không đối đãi hậu hĩ với Subuh, nhưng mọi người đều nhận thấy sự tiến bộ của Subuh khiến ông rất hài lòng.

Một đêm khuya nọ, viên giám thị không thể ngủ. Ông thức dậy, đi uống một ly trà và yên lặng ngồi nơi vườn sau nhà. Ông thâm sâu hít thở chậm chậm nhìn mặt trăng. Một con thằn lằn *gekko* phát ra tiếng kêu '*gek-ko*' sắc bén. Ông châm một điếu thuốc đình hương và thâm sâu hít vào. Tàn thuốc vỡ rụng. Ông phủi bụi thuốc lấp lánh đỏ khỏi chiếc *sarong* mình.

Ông nghe thấy một âm thanh một sự va chạm và ẩu đả trong nơi mà ông gọi là 'buồng riêng' của Subuh.

Ông đi tới nơi cánh cửa.

"Nak?" ông nhẹ tiếng hỏi. Không có gì động đậy trong một lúc.

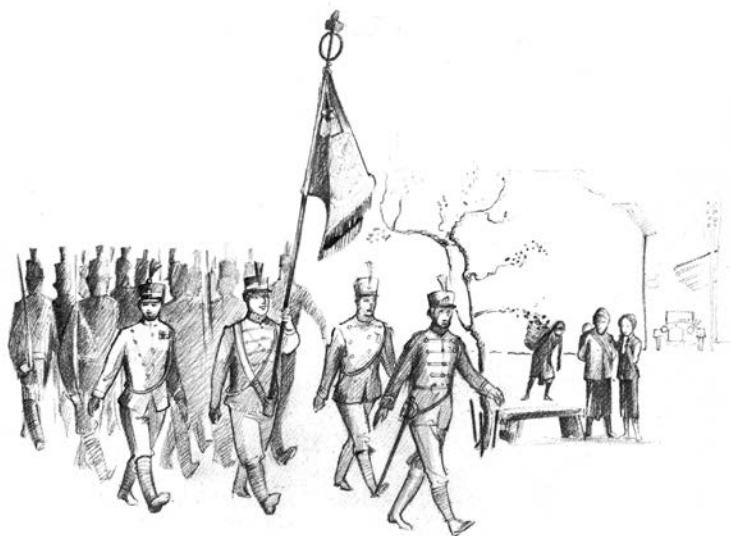
"Dạ?" theo đó là giọng nói của Subuh.

"Cháu không sao chứ?"

"Không sao," cậu nói, "cháu vừa rời kinh ngạc vì một điều trong giấc mơ."

"Cháu muốn uống gì không - hút một điếu thuốc?"

"Không đâu, cảm ơn bác. Cháu đi ngủ trở lại."



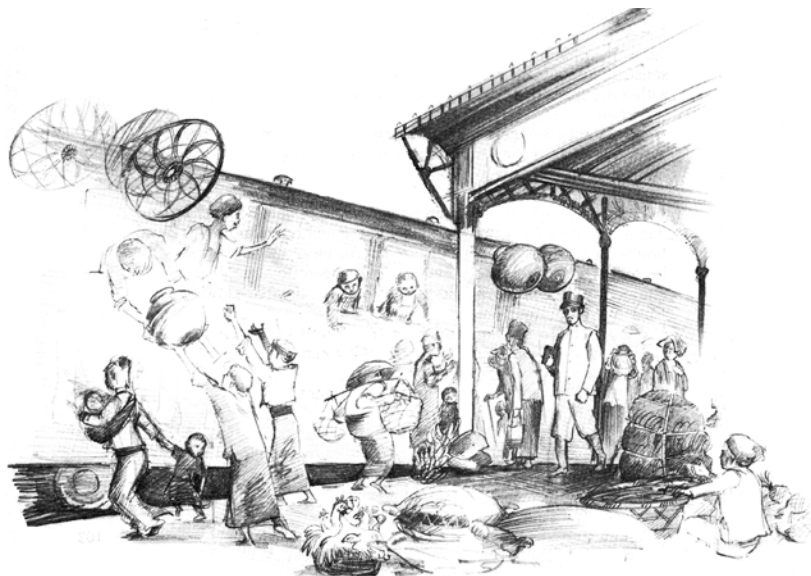
Một đêm nọ, Subuh nằm mơ thấy một đoàn quân di hành ngang qua mình. Viên sĩ quan chỉ huy rút kiếm ném vào Subuh, cậu liền bắt lấy nó.

Nhưng Subuh không thể ngủ ngay lập tức. Khi ông bác mình lê bước trở về vườn nhà, Subuh ngồi dậy nhớ lại giấc mơ. Cậu vẫn còn run sợ. Mồ hôi khiến cậu cảm thấy phần trên của môi trở nên hơi lạnh, trong căn phòng thiếu cửa sổ.

Cậu đã trông thấy một đoàn quân trong giấc mơ. Ban đầu, đoàn quân đó đi ngang qua phía trước cậu. Đó là những người lính lạnh lùng, trông hung dữ, với những giày ống lộp cộp và những thanh kiếm lách cách nơi thắt lưng.

Ngay khi đi ngang qua phía trước Subuh, có lẽ cách khoảng 10 bước chân, một sĩ quan quắc mắt nhìn cậu và bất ngờ cầm kiếm đâm cậu.

May mắn là cậu đã nhanh chóng dứt khoát nắm được thanh kiếm. Nhưng cậu đã giật mình tới nỗi khiến thức dậy đùng vào tường, mắt nhìn chòng chọc, tay nắm chặt một lưỡi kiếm vô hình.



Sáng hôm sau, Subuh làm công việc cho hành khách được an toàn lên và xuống xe.

Sáng hôm sau, Subuh báo danh đi làm, và như thường lệ trạm Kalitidu có đầy nhóc những kẻ đang đợi chờ chuyến xe từ Cepu. Nhiều người đợi chờ đi Surabaya. Những người thì đến để gặp thân nhân và bạn bè. Những người khác nữa là những kẻ bán hàng rong mong muốn chen lấn tới đầu thêm ga, để có thể bán hàng hóa của mình cho những khách hàng thò đầu ra cửa sổ, sau khi xe lửa đậu lại. Những chong chóng bằng giấy trên những que cây tre tranh đua với những cọng rơm bó thành chổi nhấp nhô trên đầu đám đông.

Từ xa, Subuh trông thấy những làn khói màu trắng của đầu máy xe lửa cuồn cuộn bay lên rồi tan biến. Cậu cao hơn tất cả những người khác, nên có thể nhìn qua hàng trăm đầu và nón họ. Chiều cao của cậu giúp cho cậu làm được công việc của mình mỗi lần xe lửa tới: hướng dẫn hành khách lên và xuống xe.

Đám đông bắt đầu chen lấn về phía trước. Subuh tìm cách khiến làm cho họ đứng thành hàng cách đầu thêm ga. Đầu máy đen như bồ hóng của xe lửa đi vào trạm ga và dừng lại với một tiếng rít chói tai. Thiên hạ bu lại nơi các toa hành khách, như những mặt giữa do tác động của nam châm.

Một vài hành khách xuống xe tại Kalitidu. Một người duy nhất bước xuống từ toa hành khách hạng nhất. Ông là một người Hà Lan. Ăn mặc gọn gàng với râu mép thon thả màu nâu, ông mang theo một cặp đựng giấy tờ màu đen dày cộm bằng da.

Subuh đứng nổi bật giữa đám đông. Cậu cũng cao bằng người Hà Lan mới xuống xe, và ông lập tức nhìn thấy cậu.

Đi tới thêm ga, người đó chăm chú nhìn cậu thiếu niên người Java cao hơn mức trung bình đang vừa tìm cách tiến tới toa hành khách hạng nhất, vừa truyện chò với những người trong đám đông.



Chỉ có một viên chức Hà Lan bước xuống từ toa xe thượng hạng chăm chú nhìn Subuh. Câu đã sai sót điều gì?

Subuh ngược mặt nhìn nhận thấy toàn thể sức mạnh sự chăm chú của người đó. Ông vẫn còn chăm chú nhìn, thậm chí còn quay đầu lại nhìn khi đi nhanh nhẩu không muốn được chú ý tới văn phòng viên giám thị.

Subuh cảm thấy căng thẳng rồi lo lắng. Nhân vật đó chắc chắn là một nhân viên của N.I.S – có lẽ ông tới để kiểm tra công việc quản lí trạm ga của Bapak Reksodihardjo.

Nhưng Subuh biết là mình không có thì giờ để lo nghĩ. Cậu tiếp tục đi từ đầu này tới đầu khác của trạm ga, để giúp hành khách tìm thấy hành lý, trẻ em không đi ra ngoài lề đường, người già cả không phải mang những túi và gói đựng đồ của họ.

Các nhân viên của trạm ga ra dấu hiệu cho biết ‘mọi chuyện đều tốt đẹp’; xe lửa bắt đầu phát ra tiếng kêu xì xì và xình xịch. Subu để ý thấy nhân vật mang theo cặp đã không lên xe trở lại.

Trí óc Subuh nghĩ ngợi lung tung. Người đó chắc chắn là thanh tra đường sắt, cậu nghĩ. Nhưng tại sao hôm nay ông lại đến? Những lúc ông đến không đúng với lịch trình hay sao? Đó là những lúc ghé lại thường lệ; nhưng lần này thì khác hẳn. Đây phải là một cuộc thanh tra bất ngờ, nên không ai đã biết trước ông sẽ tới.

“Subuh!” một nhân viên đứng trên bến xe khẩn cấp gọi. “Viên giám thị muốn gặp cậu.”

Subuh hốt hoảng. Mình đã bỏ sót điều gì? Mình đã cầu thả trong bất cứ nhiệm vụ nào sáng hôm nay? Không thể là vậy, cậu nghĩ khi sải chân bước tới phía cánh cửa tòa nhà trạm ga. “Có lẽ Pak Reksodihardjo đã vượt ra ngoài quyền hạn mình khi để cho một kẻ chưa có kinh nghiệm như mình làm công việc này.” Đó là điều cậu nghĩ khi đang trong phòng chờ. Cậu chăm chú nhìn những khuôn hình ăn khớp với nhau màu xanh lá cây, màu vàng và màu trắng trên bức tường bên ngoài văn phòng của Pak Rekso.

Subuh biết được từ những đoạn đối thoại nghe lỏm được là nhân vật người Hà Lan quả thực là một thanh tra bất ngờ tới tra xét. Cậu bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe thấy những tiếng cười vui vẻ. Một trợ tá của viên giám thị đến kêu cậu vào văn phòng. Tim cậu đập thình thịch.

Subuh trông thấy viên thanh tra và viên giám thị, một người Hà Lan và một người Java, đang thích thú hút thuốc. Khuôn mặt họ trở nên nghiêm nghị khi cậu bước vào.

“Thì ra đây là một nhân viên tập sự,” viên thanh tra nói bằng tiếng Hà Lan. “Đứng nổi bật giữa đám đông.”

Reksodihardjo sốt sáng cười thầm.

“Đây chính là cậu Subuh,” ông nói.

Subuh bước tới phía trước để chào hỏi viên thanh tra; cậu đưa tay ra cho bắt, như điều người ta dạy mình làm với những người Hà

Lan. Khi họ bắt tay nhau, Subuh trông thấy cái nhìn của ông và nhớ tới những cảm giác trong giấc mơ đêm hôm qua của mình.



Người ta kêu Subuh vào gặp viên chức Hà Lan. Họ bắt tay theo kiểu người Hà Lan, và Subuh được làm việc toàn thời gian.

“Thà là một nhân viên thực thụ còn hơn là một nhân viên tập sự. Subuh, cậu thấy thế nào?” viên thanh tra hỏi.

“Tuân, thưa ông, đúng vậy,” Subuh đáp.

“Ông giám thị và tôi đều vui mừng là cậu đã đồng ý. Thế thì cậu có thích làm việc toàn thời gian cho N.I.S hay không?”

“Tôi hết sức vui mừng nhận bất cứ công việc nào mà ông giao cho tôi,” Subuh đáp. “Xin cho tôi được cảm ơn ông trước vì sự trợ giúp của ông.”

Viên thanh tra mỉm cười quay qua nói với Reksodihardjo. “Lạ thật,” ông nói, “tôi chẳng thấy có lí do nào phải đến đây hôm nay. Nhưng tôi lại nghĩ: ‘Tại sao không, mình cứ việc đến làm cho ông bạn mình là Reksodihardjo phải ngạc nhiên!’ Hình như lí do duy nhất khiến hôm nay tôi đến là anh bạn trẻ này, Subuh.”

Subuh cảm thấy lòng mình rung động. Đây chắc chắn là điều mẹ cậu đã nói tới trường hợp có những kẻ giúp đỡ mình mà chính họ cũng không hiểu tại lại làm vậy. Cậu âm thầm cầu kinh tạ ơn và nhận hút một điếu thuốc. Đó là lần đầu tiên cậu hút.

Trong vòng một tuần, N.I.S gửi tới một văn thư chứng nhận Muhammed Subuh chính thức là nhân viên tại Kalitidu Bojonegoro.

Công việc cậu bắt đầu từ 3 giờ 30 hay 4 giờ sáng sáng cho tới chiều tàn, hay từ 8 giờ sáng cho tới khoảng 9 giờ tối mới về tới nhà.

Điều đó khiến cho cậu không có nhiều thì giờ cho môn kế toán mà mình muốn học.

Tuy nhiên, thời gian Subuh lưu lại Kalitidu không là bao. Sau một vài tháng, cậu được thuyên chuyển tới Semarang để theo một khóa huấn nghệ.



Trên đường về Semarang để theo học khóa huấn luyện, Subuh ghé thăm nhà. Subuh và Supa'at đều nhận thức được là mình đã thành người lớn.

Cậu dừng lại một vài ngày tại Kedungjati. Supa'at học hành tấn tới tại nhà trường. Bố mẹ cậu lấy làm vui mừng cậu đã kiếm được một công việc chắc chắn khiến hài lòng. Subuh nhận thấy họ hết sức chăm lo cho bà nội Sumirah và em gái Sunarti.

Một buổi chiều nọ trong ngày thứ hai ở lại Kedungjati, Subuh và Supa'at đến ngồi cạnh nhau trên một cột cao của đường xe lửa chạy qua cầu. Sáng hôm đó đặc biệt nóng nực và oi bức, nên hai anh em họ làm điều họ thường làm: họ lặn xuống để thân thể được mát mẻ.

Subuh cảm thấy nước mát làm trôi đi cho những ràng buộc của một công việc cực nhọc. Cậu cảm thấy mình là một trẻ thơ trở lại. Nhưng đồng thời cậu cũng có cảm giác là mình đang lớn lên.

“Adik,” - lối xưng hô của một người anh với người em – “một ngày nào đó tất cả chúng ta sẽ sống chung với nhau,” cậu nói.

“Mas, vậy thì hay quá,” Supa'at đáp. “Nhưng làm sao có thể được? Em sẽ đến học một nhà trường nào đó, như chính anh đây. Bố có thể sẽ bị chuyển tới một nơi khác. Eyang Sumirah có thể sẽ tới ở chung với Ibu Partini. Ai mà biết trước được N.I.S sẽ phái anh tới đâu sau khóa học của anh?”

Sự liệt kê những bất trắc đó của Supa'at quả thực không thể không xảy ra.

“Tuy nhiên,” Subuh nói, “anh mong rằng một ngày nào đó tất cả chúng ta sẽ có thể sống chung với nhau. Có lẽ anh sẽ làm việc nhiều hơn, sẽ tậu được một căn nhà đủ rộng lớn cho chúng ta.”

Chỉ việc nghĩ tới những sự tranh chấp và ganh tỵ lặt vặt của của những người thân của Sumirah, thì Subuh thấy ngay được những khó khăn hằng ngày mà Ibu Kursinah phải chịu đựng. Nhưng Kursinah không bao giờ đề cập tới những chuyện đó vì sự tuyệt đối kính trọng đối với Sumirah. Đối với Subuh thì những điều hiển nhiên đó khiến đau lòng. Cậu không biết chuyện đó có thể giải

quyết như thế nào, nhưng đi đến kết luận là đem bố mẹ và anh em mình cho sống chung với nhau là một mục tiêu đáng được phấn đấu cho.

“Pa’at, chúng ta hãy đi về,” Subuh đề nghị “Anh mua cho em một món quà từ Bojonegoro.”

“Cái gì vậy?” Supa’at phấn khích hỏi.

“Pa’at, đó chỉ là một chiếc kain mới để mặc lúc đi học,” anh nói. Cậu đã thận trọng chọn một thứ *batik* tốt cho em trai mình. Tuy chính cậu đã bắt đầu thỉnh thoảng mặc quần, nhưng phần đông những người đàn ông và thiếu niên Java vẫn còn thích váy sarong xếp nếp với một chiếc áo, trong lúc đi học hay đi làm.

“Em cần một cái mới!” Supa’at cười. “Những cái cũ của em đã rách nát rồi. Kể cả chiếc áo khoác! Mas, xui xẻo là anh đã nhanh chóng cao lớn, còn em thì vẫn lùn tị. Nếu không thì em có thể mang những thứ mà anh không dùng nữa.”

Subuh phải buồn cười vì sự thẳng thắn của người em mình.

“Adik, tuy nhiên kể từ nay trở đi,” cậu nói khi học đi dọc theo đường sắt tới thôn xã, “kể từ nay – bởi em cũng đã lớn rồi – nếu cần bất cứ gì, em phải hỏi anh.”

“Mas, theo đúng điều anh nói,” Supa’at nói, “em sẽ hỏi anh.”

Đó là một nguyên tắc giáo dục của Ibu Kursinah cho con cái: họ phải học được cách hỏi như thế nào.

“Hỏi tức là vui lòng thừa nhận cho người ta giúp cho mình những gì mình cần,” Kurinah thường nói. “Nếu hỏi một cách thích đáng thì không cần phải kiêu căng.”

Supa’at hiểu được những ý nghĩ của Kursinah. Nhưng cậu đã không hề nghĩ là người anh mình lại áp dụng điều đó đối với mình.

“Anh cũng đã lớn lên, kể từ lúc anh xa nhà,” cậu nói.

Tối hôm đó, Subuh ngồi chung với mẹ mình, sau khi Sunarti và Supa’at đã đi ngủ. Chasidi thì mệt mỏi sau một ngày làm việc cho đường sắt. Anh ngồi trên chiếc ghế bằng gỗ tích với chỗ bành bằng cành liễu gai; cầm đặt trên ngực, anh hít thở thâm sâu trong giấc ngủ.

“Ibu,” Subuh bắt đầu nhẹ nhàng nói, “con đã thực hành những đức tính mà mẹ đã răn dạy, và hình như những gì mẹ giảng giải về sự lương thiện, *prihatin* và vân vân, đều là sự thật.”

Kursinah gật gù tỏ sự đồng ý trong lúc đang thêu vá.

“Nhưng thưa mẹ,” cậu nói tiếp, “con cảm thấy cần phải làm điều gì khác: điều gì đó để cải thiện chân ngã cùng với hoàn cảnh ngoài đời của mình.”

“Do đó mà con phải cầu kinh 5 lần mỗi ngày, thực thi trai giới Ramadhan và làm phước,” bà đáp bằng cách nêu ra 3 trong 5 cột trụ của tín ngưỡng Hồi giáo.

Subuh câm lặng. Cậu không biết cái mình muốn kiếm là gì. Kursinah đưa chiếc kim khâu vào lỗ một chiếc khuy trên cổ chiếc áo khoác của Supa’at. Cô nhìn người con trưởng mình.

“Nak Subuh,” cô khẽ nói, như không muốn làm mất giấc ngủ của chồng mình, “cách cải thiện chân ngã là một đặc ân của Thượng Đế, một đặc ân bất ngờ, nhưng đi tìm nó sẽ không được gì. Thực ra thì Đặc Ân của Thượng Đế sẽ đến tìm mình.”

“Do đó mà những người như ông ngoại con thường nói: ‘Đi tìm Thượng Đế là sai, và không đi tìm Thượng Đế cũng là sai.’”

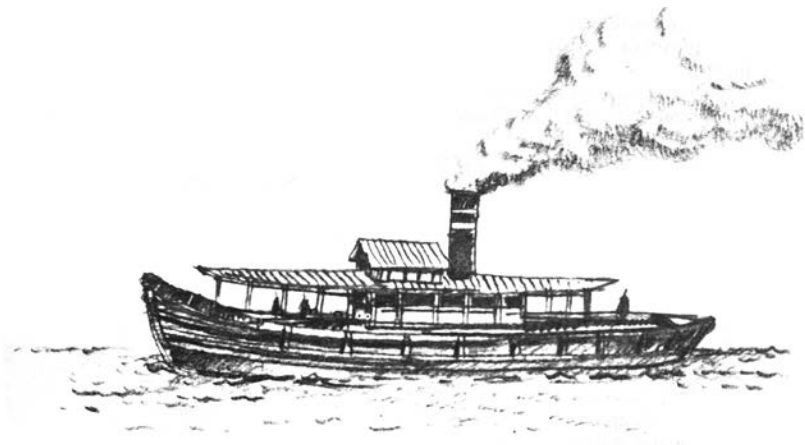
“Ibu, vậy thì đúng ra con đường tu tâm là gì?”

“Mỗi người chúng ta có con đường của chính mình. Con đường

của con sẽ đến tìm con. Con chỉ việc kiên nhẫn, thành tâm quy thuận Thượng đế. Tới đúng một lúc nào đó điều đó sẽ tự động xảy ra.”

CHƯƠNG 11

Kể từ còn là một đứa bé lần đầu nhìn thấy tàu bè, Subuh đã thích thú. Khi xe lửa chạy nhanh qua những miền đất thấp chứa muối gần Biển Java, cậu chăm chú nhìn những chiếc thuyền buồm và một tàu thuỷ duy nhất chạy bằng hơi nước, tất cả đang chuyển động một cách không thể nhận thấy dọc theo chân trời.



Trên chuyến xe từ Semarang tới Surabaya là nơi mình được chuyển tới, Subuh nhìn xem các tàu bè và hình dung những chuyến du hành một ngày nào đó của mình.

“Những tàu từ Surabaya,” cậu nghĩ. “Từ Surabaya là nơi mình sẽ tới.” Cậu ngủ lơ mơ...

Những tiếng kêu rầm rập của xe lửa đang đậu lại khiến cậu thức dậy. Vẫn chỉ là Gresik. Subuh tự hỏi không biết các thủy thủ của Bugis vẫn còn địa hạt của họ ở đây hay không. Cậu lấy làm lạ là đi ra khơi thì sẽ ra sao, đi xuyên qua đại dương để tới Hà Lan, nước Anh và những quốc gia có tuyết. Cậu biết rằng chắc mình sẽ phải đọc chục cuốn sách hay nhiều hơn, nhưng chưa từng hiểu được một nơi chốn như vậy sẽ ra sao nếu chính mình chưa có kinh nghiệm. Thực vậy, đó là điều cậu ao ước: những kinh nghiệm về cái thế giới của chính mình. Nhưng làm sao có thể được như vậy, làm sao có thể rời xa mẹ mình, đó là chưa nói tới bà nội mình...

Cậu mơ mộng. Giả dụ có một cách khiến chính mình có kinh nghiệm mà không tận nơi tới đó. “Giả dụ mình có thể biết về Surabaya nơi phòng mình tại Kedungjati mà không phải đi xe lửa tới đó...”

Cậu nghĩ ngợi về tình cảnh đó. Nhân viên N.I.S dạy nghề cho cậu ở Semarang có ý kiến khi cậu ra đi.



Surabaya là một thành phố nhộn nhịp với xe cộ và điện nước.

“Này Subuh, hình như cậu đã nhanh chóng thăng quan tiến chức. Cậu là thực tập sinh trong một tháng, tháng tới cậu đã chính thức làm việc, tháng vừa qua cậu được thụ huấn một khóa học thường chỉ cho những kẻ đã làm việc được một năm hay hơn. Bây giờ thì cậu tới Surabaya để nhận một vị trí khá hơn.”

Nhân viên N.I.S đó mỉm cười: “Subuh, nhớ lấy những gì tôi nói. Sự nghiệp cậu có triển vọng đấy.”

Khu ngoại ô của Surabaya, những nơi đóng tàu và cầu tàu, đều chập chờn dưới ánh tối mờ màu vàng của những đèn dầu và ánh đỏ hoe của những đống lửa đốt rác.

“Tại sao lại có những đống lửa đó?” một hành khách ngồi gần Subuh nói, lời nói đó vang dội trong đầu óc của Subuh.

“Lửa bệnh dịch tả,” một bà lão ngồi nơi hàng ghế bên kia đáp.



Một bà lão trên xe lửa kể một chuyện khiến chán ngán về sự bộc phát của bệnh dịch hạch tại Surabaya.

“Bệnh dịch tả?” Lời nói đó dội lại khắp nơi trong toa xe.

“Xảy ra cách đây vài ngày,” bà lão nói tiếp để đáp ứng yêu cầu không nói ra của các hành khách là muốn được thông tin nhiều thêm. “Mong rằng sẽ không lan truyền thành bệnh dịch khắp nơi.”

Đó là điều mọi người mong ước, khi họ lạnh lùng ngồi nhìn những ngọn lửa đáng ngại đang đốt cho sạch những quần áo và vật dụng bị ô nhiễm.



Có những ngọn lửa tại một vài nơi trong thành phố -để đốt cháy những quần áo và vật dụng bị ô nhiễm.

“Cần phải có bùa chú chống lại lũ ma quái của dịch tả. Ông bác sĩ *Belanda* (Hà Lan) phải đun sôi nước thì sẽ không bị dịch tả. Điều đó không đúng. Thằng cháu tôi đã đun sôi nước, nhưng nó vẫn mắc bệnh như thường. Nó đã chết. Vì thế cho nên tôi tới Demak. Nơi đó có một dukun rất giỏi – tôi muốn nói là có thể trị bệnh dịch tả...”

Bà lão ăn nói huyền thuyên: không khí im lặng trong toa xe làm mọi người phải khiếp sợ.

Khi xe lửa tới gần bến, những ngọn lửa không còn trông thấy nữa.

“Quanh đây thì không bị dịch tả,” một hành khách đứng sau Subuh nói.

“Bây giờ thì chưa,” bà lão u ám nói.

Sự tiên đoán thảm họa của bà mất hiệu lực, khi các hành khách nhận thấy các ngọn lửa, có thể luôn cả dịch hạch, chỉ hạn chế tại một nơi nhỏ bé gồm những nhà cửa ngổn ngang. Tuy thế, Subuh cũng cảm thấy thật khuây khỏa khi đến nhà của Pak Harjowijoyo, nơi ăn ở của mình, nơi cách xa nhất chỗ xảy ra dịch hạch.

Harjowijoyo, một nhân viên N.I.S, là bà con với gia đình của Subuh qua hôn nhân. Chasidi và Sumirah nhận thấy chuyện này chỉ là tình cờ: có một người bà con làm việc cho một công ty mà mình muốn nhờ cậy. Họ xin Harjowijoyo cho Subuh ở trọ. Harjowijoyo không thể không lấy đó làm vui mừng: gia đình anh không mấy khá giả, và có một người ở trọ chi tiền cho mình thì càng tốt.

Vợ chồng Harjowijoyo nồng nhiệt đón tiếp Subuh, và họ trò chuyện cho tới khuya, trao đổi tin tức về những chi khác của đại gia đình mình. Cuối cùng Ibu Harjowijoyo xin thứ lỗi được đi ngủ; hai người trẻ là Harjowijoyo, 26 tuổi, và Subuh, 17 tuổi, ngồi hút thuốc bên những tách cà phê uống nửa chừng của họ.

“Em có gì che chở cho mình không?” Câu hỏi của Harjowijoyo

không biết do đâu mà có.

“Che chở khỏi gì?” Subuh hỏi.

“Khỏi dịch hạch,” Harjowijoyo đáp.

“Điều anh muốn nói là gì?” Subuh dò hỏi.

“Một thứ gì đó siêu phàm,” Harjowijoyo cho hay. “Một bùa ngãi hay một thần chú.”

“Không, em không có thứ gì như vậy.”

“Anh biết rồi,” Harjowijoyo nói. “Nhưng em cũng cần phải có thứ gì đó, nếu điều không may đó lan tràn. Thượng Đế có thể sẽ chặn nó lại.”

“*Insh' Allah*”, Subuh cầu nguyện.

Những tháng tiếp theo, thiên hạ không còn lo ngại về sự bộc phát của dịch hạch nữa. Nó cũng đặc biệt biến mất khỏi những ý nghĩ của Subuh. Cậu bận việc tới nỗi không còn thì giờ lo nghĩ.

Thời gian làm việc của cậu cũng y như tại Kalitidu, nhưng công việc thì đòi hỏi nhiều cố gắng hơn.

Mỗi ngày làm việc xong, Subuh đều cảm thấy kiệt quệ. Cậu bắt đầu nhận thấy mình giao đời mình cho một công việc và công ty luôn đòi hỏi nhiều hơn, dù mình đã tận lực tới đâu đi nữa.

Subuh nghĩ tới bố và ông nội mình: họ đã trao hết đời mình như thế nào cho N.I.S.

Khi Sumowardoyo đã rời bỏ *kraton*, ông đã từ bỏ cuộc đời một cận thần và địa vị một hầu cận lo cho an ninh của triều đình.

Ông đã phải cực nhọc kiếm kế sinh nhai bằng cách làm thợ máy

cho ngành đường sắt vì quen thuộc với vũ khí: súng ống, đại bác, cách bảo trì và sử dụng chúng.

Ông đã làm việc gần được 40 năm: một nhà quý tộc giám sát việc sửa chữa những đầu máy xe lửa. Subuh nhớ tới lúc cùng đi với ông đợi chờ ký giấy tờ lãnh lương.

“Nếu không phải vì số tiền lương này,” Sumowardoyo thường nói, “nội không biết cách nào chăm lo cho cháu. Nội đã từng muốn bỏ việc làm này, nhưng có hai lí do khiến nội không muốn làm vậy. Thứ nhất, vì bị lưu đày khỏi *kraton*, nội không thể nhận một chức vụ trong một chế độ nhiếp chính. Nên nội chỉ có thể là một chủ trại, hoặc làm việc cho ngành đường sắt, hoặc rời khỏi Java. Tới lúc có cơ hội cho một người như nội qua Hà Lan, thì nội đã quá già, đã có những thói quen không bỏ được.”

“Lí do nữa khiến nội bám vào N.I.S là trong một giấc mơ nợ nội nhận được một chỉ dẫn là sẽ cần tiền về hưu của mình cho một chủ đích cao đẹp.” Sumowardoyo cười một mình. “Nội tin chính cháu là chủ đích cao đẹp đó,” ông nói. “Cảm thấy mình làm việc cho một ý định cao đẹp thì khiến chịu đựng được một công việc nhàm chán.”

Subuh cố lưu tồn trong đầu óc điều cậu coi là ‘chủ đích cao đẹp’: cậu mong sẽ khiến cho gia đình được an toàn sống chung nhau cho tới lúc mình chết. Nhưng càng muốn hiểu thêm về cái chủ đích đó, cậu lại càng cảm thấy ngành đường sắt sẽ không khiến mình thực hiện được.

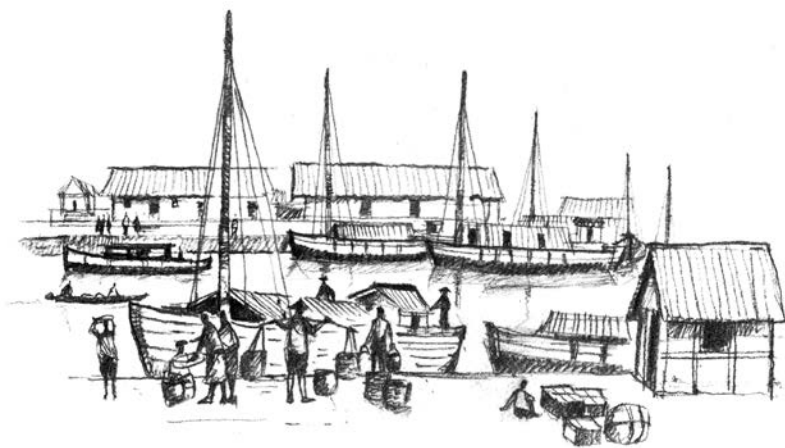
Cậu bắt đầu nhận thức được là mình phải phát triển một tài năng khiến có thể đi vào cái thế giới của thầu khoán. Cậu cảm thấy mình phải bước vào lĩnh vực kinh doanh hay thương mại, nếu muốn kiếm đủ tiền nuôi gia đình trong khoảng thời gian ngắn ngủi mình còn sống.

Lí luận của Subuh chỉ là cách biện minh cho sự càng lúc càng chú

tâm của cậu tới môn kế toán: đó là con đường để bắt tới kinh doanh.

Nhưng Subuh ý thức được là không có nhiều cơ hội cho một người Java trở thành kế toán viên, cũng như kiếm được một chân làm trong N.I.S. Cậu biết mình như thế nào được đặc ân, khi được nhận vào làm trong ngành đường sắt. Tuy thế, cậu cũng có những ý định khiến có thể không làm việc cho N.I.S mà vẫn nuôi thân và gia đình mình được, đồng thời tới một nơi nào đó học kế toán rồi sẽ hoạt động kinh doanh.

Cuối cùng cậu quyết định lập nên một chương trình khiến có thể thực hiện những gì mình muốn.



Subuh đến những cầu tàu kiếm một công việc làm bồi phòng cho một chiếc tàu sắp đi Hà Lan trong một vài tuần.

“Mình sẽ làm thủy thủ hay bồi tàu cho một tàu thủy chạy bằng hơi nước,” cậu kết luận. “Mình sẽ làm việc để có tiền tới Hà Lan, và trong lúc tới đó mình sẽ thấy được thế giới là như thế nào. Tại Hà Lan mình sẽ kiếm một việc làm nửa buổi khiến có thời gian học kế toán.”



Subuh muốn học kế toán nhưng tại ngành đường sắt thì không thể được. Cậu quyết định tới Hà Lan để học hành và làm việc ban đêm tại một khách sạn hay tiệm ăn.



Subuh nghe nói là ở Amsterdam có nhiều người Hà Lan hào phóng giúp đỡ những người Java trẻ tuổi muốn tự học để thăng tiến trong đời mình. So với cái thế giới kinh doanh hạn hẹp ở Surabaya, nơi sự học môn kế toán là một đặc quyền không nhường cho người khác của các con buôn người Hoa, thì những gì không biết trước được sẽ xảy ra ở Amsterdam có vẻ như tạo cho Subuh những cơ hội thành đạt khác hơn.

Subuh dùng những lúc rảnh rỗi quý báu của mình để âm thầm sắp xếp sự việc đi khỏi Java. Cậu không nói cho bất cứ ai về những dự tính của mình. Cậu đi tìm hết văn phòng này tới văn phòng khác của những công ty hàng hải, cho tới khi cuối cùng tìm được một nơi chịu nhận mình với một tiền lương vừa phải.

Mỗi lần tới những cầu tàu, Subuh càng lúc càng thấy rõ là dịch hạch đang lan truyền. Cậu nhận thức được là mình đang chứng kiến sự phát triển của một bệnh dịch. Nhiều lần, Subuh nhận thấy chính mình đang cầu nguyện cho có thể nhanh chóng đi khỏi Surabaya, trước khi có những luật lệ cách ly khiến mình không thể ra đi.

“Hay trước khi chính mình cũng bị mắc bệnh – xin Chúa đừng cho điều đó xảy ra,” Subuh nghĩ như vậy một buổi chiều nọ trong lúc về nơi ăn ở của mình.

Dịch hạch là chủ đề bàn đi nói lại tại nhà cặp Harjowijoyo – cũng như tại mọi nơi. Người ta hầu như không thể không trò chuyện mà cuối cùng là nói tới bệnh dịch đáng sợ đó.

Tuy nhiên, tại nhà cặp Harjowijoyo, điều lo ngại ảm đạm ám ảnh đó đã không chi phối cuộc sống họ. Nhiều sự may mắn đã xảy ra khiến họ không phải chán đời vì những gì người ta nói về bệnh dịch.

Harjowijoyo gặp Subuh tại cổng nhà. Hiển nhiên anh đã vui vẻ khi trông thấy Subuh.

“Nak Subuh, vào đây - ngồi đây nói chuyện với anh,” anh đề nghị.

Trong lúc họ uống những tách cà phê đậm ngọt – được đun sôi cho tới khi phân nửa đã bốc hơi – Harjowijoyo dò hỏi:

“Anh xin em nói cho anh biết sự thật,” anh nghiêm trang nói. “Bí quyết của em là gì? Em có một *ilmu* hay phép thần thông gì đặc biệt không?”

Subuh hết sức ngạc nhiên. “Không đâu, anh,” cậu đáp.



Một thầy bói cho người chủ nhà cho thuê của Subuh hay là đã gặp được vận may vì Subuh đang trú ngụ tại nhà mình.

“Anh không thể tin,” Harjowijoyo phản đối. “Lão *dukun* – lão thầy bói mà anh đã nói tới với em – nói làm em có. Lão nói lí do khiến anh rất may mắn là sự có mặt của em trong nhà anh.”

“Em thực sự không hiểu chuyện đó ăn nhằm gì,” Subuh nói.

“Đấy, anh cũng đã không nhận thấy điều đó. Nhưng hôm nay khi tình cờ đi ngang qua nơi ông thầy bói – anh đã không đi xem bói mấy tháng nay, và cũng không có thì giờ nghĩ tới mấy ông thầy bói vì bận việc – ông đã chào hỏi anh mời anh vào chơi. Ông biết vận mệnh anh đã thay đổi. Ban đầu anh nghĩ là ông muốn làm tiền mình, nhưng không phải vậy. Ông chỉ muốn hỏi là anh có biết tại sao tất cả những điều đó đã xảy ra cho mình hay không?”

“Thật không thể ngờ được,” ông nói với anh “là có 4 người đến thuê nhà, tất cả đều là những người tốt, họ trả tiền trước cho anh để thuê trong một thời gian lâu dài. Thế rồi, ngay sau đó căn nhà bên cạnh trở nên trống vắng, và anh có đủ tiền để thuê mượn. Ngay sau đó nữa anh ký một hợp đồng lấy tiền trước cho một gia đình giàu có thuê căn nhà đó trong hai năm. Và rồi với món tiền đó anh mua rẻ một căn nhà mới. Thế rồi, dựa vào cái căn bản đó anh có thể mua thêm hai căn nhà một cách y hệt như vậy! Anh không nhận thấy là khi nào chuyện đó đã bắt đầu xảy ra?”

“Anh suy nghĩ lại rồi nói là điều đó xảy ra ngay sau khi cậu Muhammed Subuh tới ở trọ. Ông thầy bói liền vỗ tay nói: Đúng rồi! Đúng rồi! Chính Subuh là vận may của anh. Vậy, tôi khuyên anh đừng cho cậu ấy đi đâu.”

Subuh cảm thấy vô cùng áy náy. Cậu đã khắc phục được phần nào cái tính nhút nhát bẩm sinh của mình. Nhưng sự quả quyết của Harjowijoyo là điều gì phi lý đối với Subuh và khiến cậu lúng túng. Ngoài ra, cậu đã có ý định vĩnh viễn rời khỏi Surabaya, nhưng Harjowijoyo thì lại khẳng định cậu ở lại.

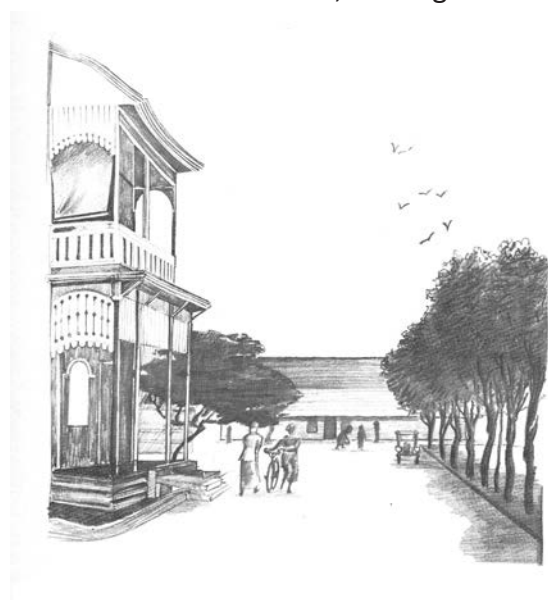
“Anh, em biết chắc vận may của anh là do anh đã làm điều thiện

và do lòng tốt của Thượng Đế – chứ không do em,” Subuh chậm rãi nói. “Anh tin em đi, em không có pháp thuật gì, không có cái *ilmu* nào, và cũng không biết gì về những gì anh nói với em.”

Harjowijoyo lắc đầu tỏ vẻ không hiểu gì. “Thôi đi mà, Nak, em đừng tự làm khổ mình. Anh không có ý làm khó em. Đáng lý ra anh đã phải đoán trước được phản ứng của em. Ông *dukun* nói em rất khiêm tốn.”

“Anh Harjowijoyo, cho em nói điều này. Nếu những gì ông *dukun* nói là sự thật, việc em là nguyên nhân làm thay đổi vận may anh, thì làm sao em lại không thể làm gì được cho vận mệnh mình? Anh thấy đấy, em nghèo khổ. Thân thể em không có gì đặc biệt. Như thiên hạ nói, em vẫn còn non nớt – còn quá trẻ chưa thể đạt được những pháp thuật đó.”

Nhưng vợ chồng Harjowijoyo thì lại không như vậy. Họ lo cho Subuh được những gì cậu cần một cách thái quá. Họ bắt đầu tìm hiểu cuộc sống và những ước vọng của cậu. Tất cả những điều đó khiến Subuh bối rối thêm, và càng làm cho cậu quyết định ra đi.



Subuh gửi một bức thư cho mẹ để xin bà cho phép mình qua Hà Lan. Cậu còn gặp một người bạn cho hay bệnh dịch hạch đã truyền tới khu vực của họ trong thành phố.

Khi đã dứt khoát định đoạt, cậu viết một bức thư cho bố mẹ mình, một bức khác Eyang Sumirah, để xin họ cho mình đi ra nước ngoài và chúc phúc cho mình. Khi cậu đang trên đường về nhà từ bưu điện, một kẻ cùng ở trọ với cậu xáp đến bắt chuyện.

“Dịch hạch đã tới khu vực chúng ta!” kẻ đó la lên. Thiên hạ mắc bệnh ban đêm thì sáng hôm sau đã chết. Thật khủng khiếp. Chúng ta phải có một thần chú gì đó để bảo vệ mình. Tuần này tôi sẽ đi kiếm một *guru* – chúng ta có thể cùng đi với nhau.”

Subuh lắc đầu khó tin. “Hôm nay đây là lần thứ nhì người ta bảo tôi đi tìm một *guru*. Ngay sáng hôm nay một đồng nghiệp tại ngành đường sắt đã nói với tôi là nếu không được một thần chú gì đó bảo vệ, tôi sẽ là nạn nhân của một kẻ nào đó dùng tà thuật làm hại tôi.”

“Kẻ đó là ai vậy?”

“Người ta nói có những nhân viên ganh ghét tôi, muốn chiếm lấy công việc của tôi,” Subuh thổ lộ. “Nhưng tôi thấy tất cả những điều đó chỉ là tưởng tượng. Dù sao, điều duy nhất mà tôi tin là những cầu nguyện của chính mình.”

Đến lúc phải làm lễ cầu kinh *azr* buổi chiều, Subuh dùng cái cớ đó để không muốn nói thêm gì nữa và vào phòng mình, khi họ đến căn nhà cặp Harjowijoyo.

Dịch hạch trở nên dữ dội. Trong vòng 3 ngày có 3 người mà Subuh quen biết, đã mắc bệnh lên cơn sốt ác liệt. Subuh tránh những căng thẳng nặng nề ở nhà và nơi lân cận, bằng cách sau giờ làm việc tại N.I.S đi thẳng tới trụ sở của những công ty hàng hải tại những vũng tàu đậu. Tại đó cậu giúp việc cho những nhân viên quản lí bằng cách làm những công việc của một kẻ hầu hạ. Ngược lại, họ để cho cậu nghiên cứu những cấm nang hàng hải và nghiền ngẫm những biểu đồ của chiếc tàu mà cậu mong ước sẽ được làm việc trên đó.

Subuh tưởng tượng được chuyến du hành của mình sẽ ra sao. Trong đầu mình cậu có những hình ảnh sẽ như thế nào của mỗi hải cảng: Batavia, Singapore, Mozambique, Capetown... Cậu thấy chính mình ban đêm làm công việc hầu bàn cho một tiệm ăn, hay một nhân viên xách hành lý cho một khách sạn, trong khi ban ngày học kế toán.

Chỉ còn hai tuần nữa là cậu sẽ bỏ việc làm ở N.I.S. Thực ra, cậu vẫn còn trong thời kì thử việc: cậu có thể bỏ việc mà không để lại một vết nhơ nào cho thanh danh gia đình mình.

Ngày tháng trôi qua, lúc phải ra đi càng gần kề hơn, trong khi đó thì dịch hạch trở nên độc hại, Subuh nhận thấy các bạn bè trong sở mình không ngớt ép buộc mình cùng đi với họ tới Lamungan, một thành phố gần Gresik, cách Surabaya hơn 30km.

“Kiyai Sapuangin ở đó,” một người bạn cậu cho hay. “Ông *guru* của tôi nơi đây tại Surabaya nói ông đó là người duy nhất có thể khiến nội tâm chúng ta tăng cường sức đối phó với những sự xáo trộn chung quanh mình, và che chở chúng ta khỏi những ma quái của dịch hạch.”

“Ông là một *guru* danh tiếng vang lừng. Các đệ tử của ông không là những kẻ nghèo khổ và dân thường. Họ giàu có và có thế lực. Ngay cả viên quan nhiếp chính của tỉnh cũng là đệ tử của ông.”

Subuh gật gù tỏ thiện cảm và nói rằng mình sẽ nghĩ lại chuyện đó. Nhưng cậu không hề có ý định đến thăm Kiyai Sapuangin. Cậu sẽ du hành vòng quanh thế giới.

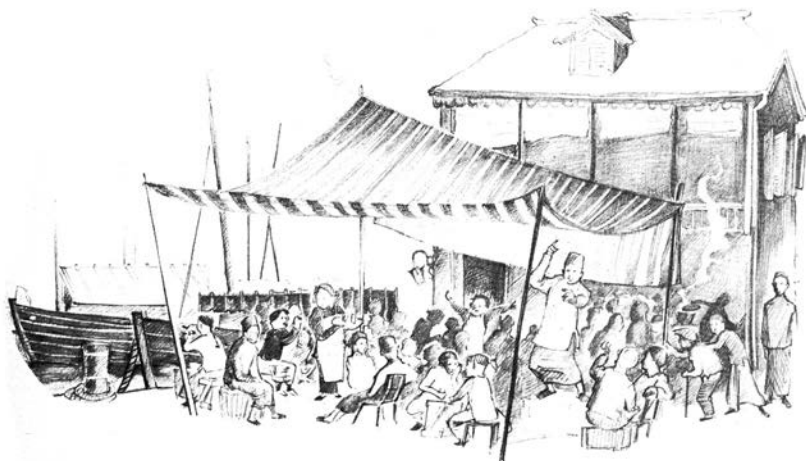
Subuh thích tạt ngang qua những vũng tàu đậu, không chỉ để tránh cái không khí lo sợ tại nơi ăn ở tạm thời của mình, mà còn coi đó là cơ hội tiếp xúc với cái thế giới mình sẽ nhìn thấy.

Các bến tàu là môi trường thuận lợi cho hoạt động chính trị và những tin tức từ hải ngoại. Các thủy thủ và thương gia đem tin đến từ khắp nơi trên trái đất. Các phu khuân vác ở bến tàu say sưa

theo dõi những tin tức mới nhất, để dùng nó trong công cuộc xúi giục cách mạng, tẩy chay và đình công.

Một buổi tối nọ, Subuh lưu lại tới khuya nơi cầu tàu. Khu bờ sông là một trong những nơi đầu tiên lắp đèn điện. Ngay cả những tiệm ăn và cửa hàng sửa chữa nhỏ bé cũng được kết nối với điện năng, tuy chỉ có một hay hai bóng đèn. Subuh quyết định vào ăn uống trong một trong những quán ăn đó.

Cậu ngồi bên một chiếc bàn gỗ nơi phía trước. Phía sau có đầy nhóc người. Hàng chục thanh niên thiếu nữ đang hội họp. Trong lúc ăn tô mì gà thêm gia vị, Subuh thoáng nghe thấy những gì họ đang nói.



Có lần Subuh đến những cầu tàu để nhìn xem một buổi họp của những kẻ như Sukarno hô hào cho tự do của Java.

Đó là cuộc hội bàn của nhóm *Sarekat Islam*: đề tài là tự do cho Java. Một thanh niên làm Subuh phải đặc biệt chú ý. Người đó cao như Subuh, ăn nói ngắn gọn nhưng hăng hái về sự phản loạn của sinh viên. Có ai đó nơi cử tọa gọi tên người đó là 'Sukarno.'

Nhưng với Subuh những sự kêu gọi chống phá của những phong

trào thanh niên và chính trị không có sức hấp dẫn – tuy mục tiêu đáng khen ngợi. Thời gian tiếp tục trôi qua. Mỗi ngày đều có nghĩa là cái thời gian 16 năm còn sống của cậu càng giảm bớt thêm. Cậu đã quyết định. Cậu sẽ lên đường du hành thế giới tới Hà Lan, vì đó hình như là cơ hội khiến cậu rút ngắn được cái thời gian còn lại của mình.

Khi đêm hôm đó cậu trở về nhà, tin tức từ những nơi lân cận thật đáng sợ: có nhiều người hơn đã phải chết. Bước vào phòng mình, cậu tạ ơn Thượng Đế cho mình sắp có thể rời khỏi Surabaya. Nhưng sự vui sướng đó hình như là giả tạo.



Subuh nhận được một bức thư của mẹ mình cho hay: “Mẹ có thể chết nếu con đi khỏi Java. Mọi người trong gia đình đều trông cậy ở con.” Subuh bỏ ý định đi Hà Lan. Cậu thấy chán nản.

Trên giường cậu có một bức thư. Nó được cấp tốc gửi từ Kedungjati. Cậu ngồi trầm tĩnh trong một lúc trước khi mở nó ra.

Cậu cảm thấy rõ hơn sự giả tạo trong tim can mình. Bức thư đó do mẹ cậu viết. Một đoạn văn nổi bật trên giấy thư:

“Nếu con rời khỏi Java để tới Hà Lan, mẹ sợ là mình sẽ không thể sống lâu trên thế gian này. Con là người con trưởng, một người phải dựa vào để che chở và trợ giúp cho gia đình.”

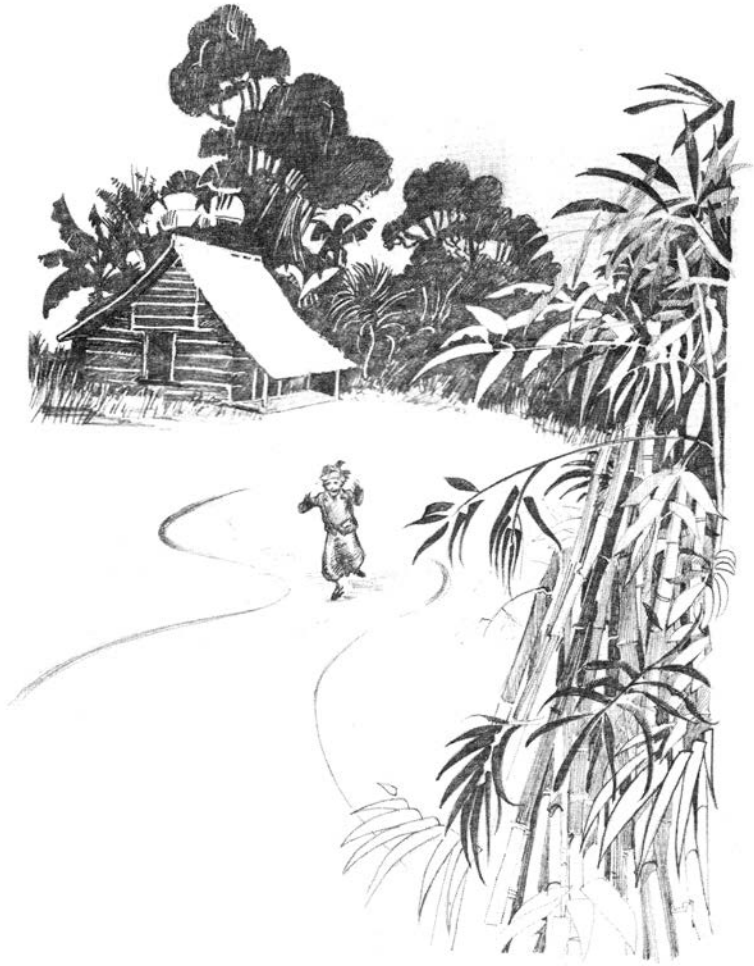
CHƯƠNG 12

Subuh là người đầu tiên trông thấy một ông cụ chạy ra từ nhà ông tại Lamungan.

Khi ông đến gần, một trong những người bạn cùng đi với Subuh há hốc miệng vì kinh ngạc. “Đúng là ông ấy! Đúng là Kiyai Sapuangin!”

Subuh giật mình. Sapuangin hình như đang lao phóng tới phía họ: người ta cho là ông có thể đem mình tới những nơi rất xa xôi mà không cần phải chuyển động.

Ông *guru* được mọi người tôn kính đó chạy đến đứng ngay trước mặt Subuh. Ông ngồi xuống giữa đường đất, bên chân Subuh, cúi đầu nói: “Thưa ngài, xin ngài dung thứ và tha thứ cho già này.”



Bạn bè Subuh khuyến khích cậu đến gặp nhà tu hành Kiyai Sapuagin, để xin một lá bùa chống bệnh dịch hạch. Subuh đi cùng họ để họ đừng làm phiền mình. Mọi người đều ngạc nhiên thấy Sapuagin chạy tới đón chào họ.



Mọi người kinh ngạc, khi Sapuangin, một hiền nhân già tâm hồn thanh cao quỳ trước mặt Subuh.

Subuh và các bạn bè cậu đều sửng sờ. Về mặt họ phản ánh những ý nghĩ của họ: Sapuangin đã điên loạn. Một *guru* mà hành xử như vậy là điều hoàn toàn không thích đáng, nhất là đối với một người còn trẻ như Subuh. Cậu là người trẻ nhất trong nhóm. Những người bạn của Subuh tự hỏi không biết cậu thực sự là ai, và kẻ đã

thuyết phục cậu đi chung với họ, lấy làm kinh khiếp khi nghĩ mình sẽ bị khiển trách vì tạo ra trò hề đó.

“Thưa thầy, già này thật đáng trách,” ông *kiyai* đó nói. “Lão đã chỉ thị cho mọi người – nhưng tất cả chỉ là để chuẩn bị cho lúc thầy đến.”

Subuh không thể động đậy như kẻ vừa bị tê liệt. Cậu cúi mình tìm cách giúp ông cụ đứng lên. Nhưng vị *guru* đó từ chối.

Ông cụ nài xin: “Xin thầy đừng giận. Những gì già này làm chỉ là tuân theo ý chỉ của Thượng Đế. Sau này, chính Thượng Đế sẽ ban ân tứ cho thầy – và chứng minh là đúng những gì lão đã làm.”

“Nhưng vì hôm nay thầy đã đến, nên lão để cho thầy định đoạt mọi việc.” Ông *kiyai* đứng lên, cầm tay Subuh dẫn cậu đi trên con đường tới nhà mình.

Subuh bàng hoàng tới nỗi không thể chần chừ. Bọn bè cậu ngăn ngõ đi theo.

Nhà có đầy những kẻ có địa vị và giàu có. Họ đang ngồi trên những chiếc chiếu và tấm thảm trải trên mặt đất của sân trong.

Kiyai Sapuengin dẫn Subuh tới ngồi trên một chiếc ghế nơi chính giữa những kẻ đang hội họp.

“Không, không được đâu,” Subuh kêu la, “cháu không thể ngồi chỗ này.”

“Nhưng thầy *phải* ngồi đó,” ông *guru* nài nỉ. “Bởi thầy không như những vị kia. Thực thế, tuy họ là người Java và thầy cũng là người Java, nhưng với thầy thì khác hẳn.”

Khi nói như vậy, ông ép buộc Subuh ngồi trên chiếc ghế danh dự.

Subuh cảm thấy xấu hổ và bối rối, cậu không nghe thấy bất cứ

những gì Sapuagin thuyết giảng cho các đệ tử ông. Cậu chỉ nghe thấy những ý nghĩ của mình đang chạy lung tung trong đầu óc mình.

Cậu không hiểu tại sao mình đã lâm vào một tình cảnh lố bịch và khiến mất mặt như vậy. Như thế nào mình đã tới đây? Cậu nghĩ đi nghĩ lại về những gì đã lần lượt xảy ra, để tìm thấy một manh mối nào đó.

Subuh thấy được điều đó đã xảy ra ở đâu. Đó là bức thư của mẹ cậu. Sáng hôm sau, cậu đã bỏ ý định xin vào làm trong công ty hàng hải. Cậu cũng bỏ luôn ước mơ học kế toán ở Hà Lan. Cậu đã đi làm muộn. Bàn bè cậu nhận thấy vẻ xanh xao và bơ phờ của cậu. Đó là dịch hạch hay tà thuật, họ tự hỏi.

“Subuh, trông bạn thấy mà phát khiếp,” ông người bạn nói. “Mình thấy là bạn nên đi với chúng tôi tới thăm Kiyai Supuagin. Ông ấy có thể chỉ cho bạn cách có khả năng đối phó những lo sợ của mình.”

Subuh không đáp lại.

“Đây này,” người bạn đó nói, “mình có thể thấy bạn đang lo lắng. Bạn cần phải tìm thấy một lối thoát trong đời mình – một lối tu tập cho chân ngã để loại trừ những lo lắng của bạn.”

Những lời nói đó khiến Subuh ngưng làm những công việc biên chép đang làm. Những lời nói của anh bạn đó vang dội trong đầu óc Subuh. Có thể đó là một cơ hội, cậu nghĩ. “Một dịp may cho mình hoàn tất cái nhiệm vụ thứ hai của mình trước lúc chết, một lối tu tập cho chân ngã.”

Phần nào do sự thúc đẩy đó, nhưng chủ yếu do không muốn bạn bè mình làm phiền mình, Subuh nhún vai thờ dãi, đồng ý đến gặp Sapuagin.

Đến lúc Subuh ngồi trên một chiếc ghế, thì Sapuagin ngồi trên

mặt đất, bên cạnh đôi chân của Subuh, khuyến khích các đệ tử mình nên phát huy những đức tính tâm linh của họ.

“Thưa bác,” Subuh nói trong lúc ông *kiyai* tạm ngưng thuyết minh, “bây giờ là lúc cháu phải ra đi. Như bác biết, cháu là một công chức nên không thể vắng mặt lâu được. Cháu chỉ tới đây được vì có chút thời gian rảnh. Bây giờ thì cháu quả thực phải ra về.”

“Ấy, không được, không được đâu,” ông *guru* cầu xin. “Xin thầy đừng về vội. Thầy phải ngủ đêm nơi đây. Bởi lẽ đây còn cần phải hỏi chuyện thầy. Còn có nhiều điều lão muốn bàn luận.”

Nhưng Subuh đã đứng lên. “Xin bác cảm phiền cho,” Subuh giải thích, “cháu sẽ trở lại một lần khác.”

Kiyai Sapuangin cũng đứng lên nói: “Vậy thì tùy thầy. Lão chỉ mong một ngày nào đó thầy sẽ gặp lão một lần nữa.”

Subuh hết sức nhanh chóng từ biệt ông *guru* và các đệ tử của ông mà không tỏ vẻ bất lịch sự. Theo tục lệ chào từ biệt của Java, Subuh phải lần lượt đưa đầu ngón tay mình đụng vào đầu ngón tay của mỗi đệ tử ông.

Trên đường tới trạm xe, các bạn bè Subuh không đi bên cạnh, mà đằng sau cậu. Quay đầu lại nhìn xem họ đang ở đâu, Subuh chỉ thấy kẻ đã thuyết phục mình đến thăm ông *kiyai*. Những người kia thì vẫn còn tụ họp lại phía trước căn nhà của *Sapuangin*.

“Bạn đang làm gì vậy?” Subuh hỏi anh bạn đang chậm chạp đi phía sau mình. “Sao bạn không đi bên cạnh mình?”

Người bạn đó đứng lại trừng trừng nhìn Subuh. “Bạn đã nói dối mình,” anh bạn đó trách.

“Nói dối?”

“Bạn nói với mình bạn chỉ là một người thường. Nhưng bây giờ thì

mình nhận thấy bạn là con cháu một ông vua. Nếu không thì lão *guru* đã không trọng vọng đối xử với bạn như vậy.”



“Bạn đã nói dối!” bạn cậu nói. “Bạn là con một ông vua, không thì vị *kiyai* đã không cúi mình trước mặt bạn!” “Mình chỉ là một kẻ bình thường,” *Subuh* đáp.

“Mas, đừng nói bậy,” *Subuh* đáp. “Mình chỉ là một kẻ hạng xoàng với một thân thể hạng xoàng.”

“Mình không tin được, mình hoàn toàn không thể tin được.”

Subuh và anh bạn đó tranh cãi, cho tới khi cuối cùng *Subuh* nói: “Mas, thôi chúng ta đừng tranh luận nữa. Tốt hơn là nói tới những gì khác. Như vậy thì thời gian sẽ qua mau, và thoáng một cái thì

chúng ta đã về tới nhà để ăn cơm.”

Họ trò chuyện về vũ điệu *wayang orang* mà họ đã dự coi tuần vừa rồi, về một phim của Mỹ trong đó nhân vật chính yếu là một người nữ bị trói buộc trên đường rày xe lửa. Họ bàn về những thứ tiện nghi như đường, trà, cà phê và thuốc lá sợi, về những phong trào chính trị như *Sarekat Islam* của Cokroaminoti với hai triệu thành viên. Như Subuh đã tiên liệu, họ về tới nhà mà không hay biết chút gì. Họ chia tay nhau, coi nhau là bạn bè. Nhưng cuộc gặp gỡ kỳ quái với Sapuangin giống như một chướng ngại vật giữa họ. Đối với Subuh, sự mạo hiểm vào thế giới của những *guru*, những nhà thần bí và những lối tu luyện khiến cậu cảm thấy là điều gì chưa được giải quyết.

Cậu đã có ý định đến gặp ông *kiyai* để học cách tu tâm khiến có sức đối phó cái không khí khiến lo nghĩ và chán ngán của Surabaya. Nhưng kết quả lại khiến cho cảm xúc mình trở nên xôn xao hơn.

Những ngày tháng tiếp theo, tình trạng bất an ở Surabaya trở nên ngột ngạt hơn. Bởi đã từ bỏ ý định đi ra nước ngoài, nên Subuh không còn phương tiện nào để thỏa mãn những ước nguyện của mình. Càng cầu nguyện và làm *prihatin*, Subuh càng mong muốn rời khỏi Surabaya. Càng làm việc cho N.I.S cậu càng thấy rõ, công việc đó sẽ không giúp cho đạt được những mục tiêu của mình.

Cuối cùng cậu quyết định bỏ ngành đường sắt, bất chấp tương lai sẽ ra sao. Buổi chiều lúc có sự quyết định đó, cậu về nhà nhận thấy Ibu Harjowijoyo đang nóng lòng chờ đợi mình. Cô đang giữ chặt một điện tín gửi cho Muhammed Subuh. Cô quanh quẩn nơi cổng nhà, khi Subuh mở nó ra đọc. Cô không thể giấu lòng hỏi:

“Nak, có gì lạ không? Tin vui hay buồn? Chị mong không là tin buồn...”

“Eyang Sumirah đang đau ốm nặng,” Subuh điềm nhiên đáp. “Bà bảo em lập tức về Kedungjati.”



Subuh nhận được một bức thư của bà nội Sumirah bảo mình về Kedungjati. Bà rất đau ốm. Subuh bỏ việc làm ở ngành đường sắt.

CHƯƠNG 13

Muhammed Subuh lặng lẽ bước vào phòng của Eyang Sumirah.

Trên chiếc giường bà nằm có một đường vạch ánh mặt trời màu của vàng trông như chần mền sáng chói.

Quyên trên đầu gối theo cổ tục của Java, Subuh thận trọng di động trên sàn nhà tới nơi bên cạnh giường nằm của Sumirah. Tại đó cậu hôn bàn tay bà, một bàn tay lạnh lẽo và mỏng mảnh, rồi cúi mình trước mặt bà trong thế *sungkem*.

Bà mở cặp mắt của một người đàn bà trước kia rất duyên dáng ra nhìn đứa cháu đang chào hỏi mình. Bà với tay chúc phúc vuốt ve đầu Subuh. Nhưng bà không thể nén dần được nữa những cảm xúc của mình. Bà ra hiệu cho Subuh đứng lên, rồi rung rung ghì chặt lấy cậu. Nước mắt khóc, bà nói: “Subuh, cháu ngoan của bà, cháu đã về, cháu quả thực đã về. Bà rất mong gặp cháu một lần nữa trước khi chết.”

Subuh rùng mình vì những lời nói đó.

“Nak, bà muốn xin cháu điều này...”

Subuh gật đầu, một cách chậm chạp, để tỏ ý mình chấp nhận, dù

đó là bất cứ gì.

“Cầu nguyện cho bà,” Sumirah khóc lóc. “Bà xin cháu: sau khi bà chết, cháu hãy cầu nguyện cho bà, khiến cho *Gusti Allah* ban ân phước tha thứ cho bà, cho những tội lỗi và sai trái bà đã có trong lúc sống trên cái thế gian này.”

Subuh rất xúc động, không thể nói bất cứ gì, không thể làm bất cứ gì, ngoài việc cúi đầu ngồi bên giường.



Sumirah đưa cho cháu mình một đồng hồ bằng vàng và một chiếc nhẫn bằng kim cương. Nhưng cậu không thể lấy.

“Bà giữ một vài thứ cho cháu,” Sumirah nói tiếp. “Nak, cháu hãy đi tới tú đưng đồ . Nơi đó cháu sẽ thấy một đồng hồ bỏ túi bằng vàng, một chiếc nhẫn kim cương và vài món đồ nhỏ bé khác.”

Tình thương của Sumirah khiến miệng lưỡi được giãn lỏng, Subuh nói: “Cháu cảm ơn bà nhiều, cảm ơn rất nhiều. Nhưng cháu cảm thấy bà nên giữ những thứ đó lại. Trong trường hợp cần thứ gì đó, bà có thể đem bán những món đồ đó.”

Subuh lưu lại Kedungjati trong một thời gian. Cậu muốn đổi mới những cảm xúc và khôi phục lại tinh thần và thể xác mình.

Cậu dùng thì giờ mình cho việc được dài lâu bên cạnh bà nội. Sự hiện diện của cậu khiến bà thấy có gì đó khiến cho bà sống. Bà lấy lại được sức khoẻ.

Cậu đi dạo dài lâu trong khu rừng, đi trở lại những con đường cùng đi với ông nội khi ông đi săn bắn.

Cậu làm cho người những lo lắng của bố mẹ về tương lai, bằng cách chia sẻ những dự tính của mình với họ. Cậu có ý định sẽ tới Semarang để kiếm việc làm. Cậu sẽ thuê nhà ở đó rồi đem họ tới ở chung.

Cậu vui đùa với Sunarti, dạy em gái mình hát và múa, như Sumowardoyo đã từng dạy mình.

Cậu giúp Pa'at làm những bài tập về nhà của nhà trường ở Ambarawa, và đi thăm viếng những nơi hai anh em đã cùng đùa chơi với nhau.

Dưới gốc cây tếch khổng lồ gần nghĩa trang là nơi Kursinah thường đến, họ ngồi gần bên mộ ông hoàng của Demak.

“Anh còn nhớ con cạp chúng ta thấy gần đây không?” Pa'at hỏi. “Em sợ đến nỗi không thể động đậy gì được. “Nhưng anh đã tới đem em đi, và con cạp đã chạy mất.”

Subuh còn nhớ được con cạp đó. Cậu cũng còn nhớ được con cạp mẹ mình đã trông thấy. Cậu chưa từng hình dung đó là một con cạp bằng xương thịt hay chỉ là một sự linh thị. Đối với mẹ cậu sự phân biệt đó không hề trọng. Điều hề trọng là con cạp đó có *thật*, hoàn toàn có thật, dù bằng xương thịt hay trong tâm linh.

Subuh và Pa'at đi tản bộ từ cây tếch khổng lồ tới căn nhà của Karto-Seh.

“Ngoại Karto-Seh đã không có đủ tiền để xây nhà, nên ngoại đã tới ngân hàng ở Gubug để mượn tiền,” Pa'at cho hay.



Supa'at và Subuh đến thăm Karto Seh nhân dịp dùng cơm chung.

“Căn nhà này rất tốt,” Subuh khen ngợi.

“Nhưng mỗi tháng em phải đem tiền thế chấp tới Gubug,” Pa’at than phiền. “Có lần em đã phải đi bộ về nhà.”

“Tại sao?”

“Em đã không bắt kịp xe lửa,” Pa’at ngượng ngùng nói. “May mắn là những ông cha người Đức đã cho em ăn uống trên đường về nhà.”

“Em đã đứng lại nơi nhà thờ của họ?”

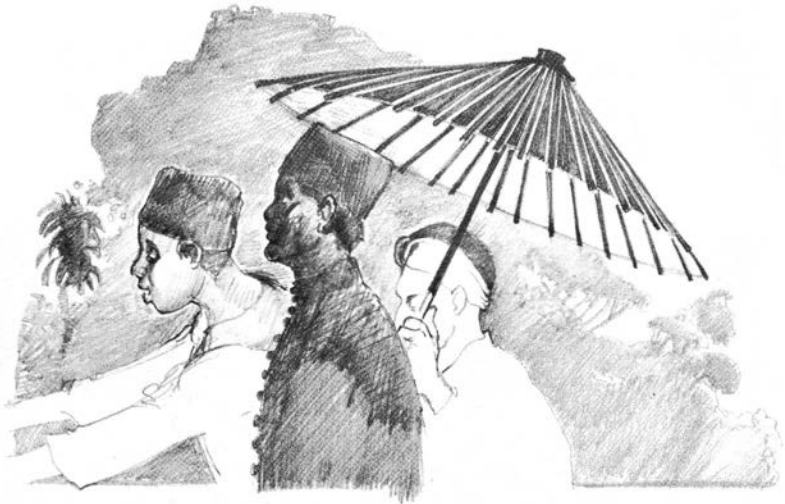
“Em còn vào trong đó nữa,” Pa’at thú nhận. “Nhưng chưa bao giờ nói chuyện đó cho Eyang Karto-Seh.”

Subuh biết ra sao Karto-Seh là một người Hồi giáo nghiêm khắc. Với ông thì cấm không được đi vào một nhà thờ – đặc biệt của Công giáo với những tượng thánh. Chính Subuh cũng không để ý gì tới những tượng đó và những nghi thức tế lễ của đạo Công giáo. Nhưng cậu không hiểu tại sao ông ngoại mình lại cố chấp đối với hầu hết những người Thiên Chúa giáo, với đạo Thiên Chúa nói chung và đặc biệt với những thầy tu Thiên Chúa giáo.

Hai anh em họ đi rẽ qua con đường tới nơi Supa’at còn ở chung với Masiyah và Karto-Seh. Subuh nhớ lúc mình còn ở chung với vợ chồng Sumowardoyo tại một nơi xa hơn trên con đường đó. Không có gì nhiều đã thay đổi, trừ một căn nhà mới được xây ra.

“Họ vẫn còn buôn thuốc phiện trong tiệm hàng này?” Subuh hỏi. Cậu và Supa’at vội tránh xa tiệm hàng đó – y như lúc khi họ còn bé làm theo những gì được dạy bảo.

“Shhh! Thằng cha người Hoa có thể đi ra chửi mắng chúng ta...” Pa’at vừa nói vừa cười. Subuh và em trai mình đã cao lớn – đặc biệt Subuh – khiến họ thấy điều này là lỗi bịch, nếu cha chủ tiệm người Hoa đi ra cầm chổi phát vào đít họ.



Sau bữa ăn Subuh đi dạo và nhớ lại những chuyện về ông nội đích thực của mình và những kẻ dòng dõi quý phái tới thăm ông.

“Cokronimoto, nhà ái quốc lập ra nhóm *Sarekat Islam*, đã đến đây thăm bà con nơi thôn xã mình sinh ra,” Pa’at tiếp tục nói.

“Khi nào?”

“Cách đây hai tuần – từ Surabaya – ngay trước khi anh tới,” Pa’at cho hay.

“Rồi thì sao nữa?”

“Thì ông ấy tìm cách thuyết phục các bô lão và *iman* chống lại thuốc phiện, nhưng không ai chịu làm gì.” Pa’at lắc đầu tỏ ý khó tin.

“Nên ông phải chịu thua. Ông bực tức ra đi, cùng với anh chàng Sukarno.”

“Sukarno?”

“Người ta nói là anh ấy sẽ cưới hỏi con gái của Cokronimoto.”

“Anh cũng là một nhà ái quốc như Cokronimoto?” Subuh hỏi.

Supa’at gật đầu tỏ ý điều đó là đúng. “Mas, Sukarno cao lớn y như anh. Các cô gái đều thích anh ấy,” Pa’at cười khúc khích, “Mas, như họ thích anh.”

Subuh đỏ mặt, lắc đầu tỏ ý đó là chuyện khôi hài.

“Em nghe nói tới một chuyện lạ lùng về Sukarno. Chính anh cũng được đặt cho cái tên Sukarno khi anh sinh ra, nhưng rồi tên anh đã đổi thành Subuh

- ‘bình minh’. Cũng y như anh, Sukarno sinh ra tháng 6 năm 1901, và người ta đặt tên cho anh ấy là ‘đứa con của bình minh’, nhưng rồi lại đổi thành Sukarno.”

Subuh bàng hoàng vì sự ngẫu nhiên đó. Cậu nhớ tới người thanh niên ăn nói hùng biện của nhóm *Sarekat Islam* mà cậu đã chú ý tới lúc ban đêm tại Surabaya.

Họ gặp Eyang Karto-Seh nơi cổng nhà mới lát gạch. Subuh tự hỏi không biết điều gì đã khiến ông ngoại mình kiên trì bám lấy sự sống. Người ta đồn là ông đã 97 nhưng vẫn còn thức dậy lúc 3 giờ sáng để tụng kinh Quran trong một tiếng đồng hồ trước lễ cầu kinh bình minh.

“Tốt hơn là làm ăn trong lĩnh vực xây cất,” ông cụ tuyên bố. Ông nói điều đó với Subuh hết năm này qua năm khác, mỗi khi gặp đứa cháu trưởng của ông. “Nếu không được thì buôn bán,” đó luôn là sự khẳng định tiếp theo của ông.

“Eyang Kakung, cháu có ý định làm đúng như vậy ở Semarang,” Subuh nói.

“Không được thì buôn bán,” ông cụ lặp lại. Hình như ông đã không

nghe thấy những gì Subuh nói.

Eyang Masiyah và Ibu Kursinah dẫn Sunarti tới cổng nhà. Trong lúc Subuh vắng mặt, Sunarti đã từ một đứa bé thành một cô gái. Subuh có thể hình dung em gái mình trông sẽ như thế nào khi là một thiếu nữ.

Mọi người ngồi dùng cơm nơi phòng ăn mới. Trên tường là bức họa điện Ka'aba, một vật hình khối màu đen của Mecca, cùng với những tấm ghi khắc những chữ Ả rập.

Không khí thật thanh thản nhưng đượm vẻ buồn bã. Subuh và bố mẹ cậu cảm thấy có lẽ chẳng bao lâu nữa những vị cao niên, người này rồi tới người kia, sẽ bị kêu gọi rời bỏ cái thế gian này.

Subuh nhớ tới những gì ông nội mình là Sumowardoyo đã kể cho cậu về ông cố cậu. Hồi đó những chuyện đó là những điều thần kỳ, nhưng đêm nay cái chết không thể tránh được của ông bà mình và tất cả loài người đã moi ra những điều đó từ ký ức cậu để gán cho nó một nghĩa lí mới.

Khi bố mẹ, ông bà và các em mình muốn đi ngủ sớm vì buồn ngủ, Subuh thấy chỉ còn riêng mình với những ý nghĩ của mình về những gì ông nội kể cho mình.

Cậu quyết định đi dạo.

Hôm đó là một đêm trăng tròn. Khu rừng và các đường làng soi sáng khiến bóng mỗi chiếc lá và cổng rào trở nên sắc bén như những tấm giấy màu đen bị cắt xé.

Trong khi đi chân không, Subuh cảm thấy mình hầu như nghe thấy giọng nói của Sumowardoyo đang thì thầm với mình...

"Subuh, cháu ngoan, cháu đã biết ông cố cháu đã bỏ nội ra đi khi nội chỉ 7 hay 8 tuổi. Ông đã trên 70 tuy bà cố cháu, Aminah, chỉ khoảng 26. Đối với bà ông như một người cha, còn với nội thì ông

như một ông nội của mình thay vì là một người cha.”

“Tuy Aminah, bà cố cháu, biết ông cố cháu là hậu duệ của Kiyai Muhammed Abdular, còn mình thì là con cháu một hoàng thân của *kraton* Solo, nhưng thực ra ông cố cháu đã chưa bao giờ nói tới quá khứ ông.”

“Bà cố cháu kết luận điều đó phải là một quá khứ khá huy hoàng, bởi ông cố cháu thường được những nhân vật mặc quần áo đẹp để tới thăm, điều chứng tỏ họ đến từ một lâu đài nào đó.”

“Nội còn nhớ là đã hỏi ông cố cháu: ‘Những kẻ mặc quần áo đẹp đó là ai, họ từ đâu đến vậy?’ Điều ông cố cháu đáp khiến nội hoảng sợ: ‘Họ là những hoàng thân thuộc triều đình của Nữ Hoàng Nam Hải.’ ”

“Bố, cái đó là gì vậy? Sao bố lại im lặng? Nữ Hoàng Nam Hải nghĩa là gì? Điều gì khiến con sợ hãi khi bố nói như vậy?”

“Bởi bà là nữ hoàng của ma quỷ trong thế giới vô hình,” ông cố cháu thì thầm nói. “Họ là những tôi tớ đến mời bố tới gặp bà. Nhưng bố luôn nói là không được, vì bố không muốn bị lời xuống cái vương quốc dưới đáy biển của bà. Bố nói điều đó để cảnh giác con: cái thế giới tâm linh có nhiều cảnh giới. Vậy, con phải hết sức thận trọng. Đừng để cho cái bề ngoài đẹp để làm cho mình mê muội; nếu vậy thì con sẽ không thể tìm thấy con đường trở về nơi Thượng Đế khi được kêu gọi.”

“Nak Subuh, nội không hỏi ông cố cháu bất cứ gì nữa.” Sumowardoyo nói tiếp. “Điều đó thật kì quái. Nhưng sau đó có một kẻ ăn mặc đẹp để đến. Nội nhìn thật kỹ. Chẳng có gì khác biệt ngoại trừ trang phục lộng lẫy. Nên nội kết luận tất cả đều là những người từ *kraton* Solo ở Jogjakarta. Thế thì ông cố cháu đã chỉ kể cho nghe một chuyện thần tiên để giáo hóa nội.”

“Tuy thế, ông cũng thường vắng nhà cho tới đêm khuya, thậm chí tới bình minh.”

“Một đêm nọ, điều này thì ông không hay biết gì, nội theo dõi ông từ đằng xa, cho tới khi ông đi đến một con sông. Nước sông vẫn còn chảy, mực nước rất cao. Nội đứng bên bờ sông, và trông thấy ông nơi bờ bên kia. Dưới ánh trăng trông ông rất sung sức: hình như ông đang đi đứng trên mặt sông. Nội nhìn lên trên rồi xuống dưới, để coi xem có một cây cầu nào không mà ông đã đi qua. Chẳng có gì hết.”

Khi nhớ tới chuyện đó, Subuh thấy chính mình đang đứng dưới ánh trăng trên bờ con sông chảy quanh Kedungjati. Subuh nhớ lại điều mình đã hỏi Eyang Sumowardoyo: ‘Tại sao nội đã không theo ông cố qua sông?’ Sumowardoyo cười rồi đáp: ‘Con sông đó sâu như chiều cao những cây tếch! Không có cách nào cho nội qua được.’ ”

“Nhưng ông đã không sợ hãi hay sao khi đi một mình trong ban đêm?” Subuh hỏi. “ Ông không sợ thú dữ hay sao – như cạp?” ”

“Với ông cố cháu thì các con thú đều như bạn bè ông,” Sumowardoyo đáp.

Subuh vẫn còn nhớ được chuyện kỳ quái này: một hôm nào đó ông cố mình đã đi mất không bao giờ về nhà nữa, và người ta nói là ông đã trở về *kraton* để chết...Subuh từ từ quay đầu nhìn thấy đang đứng trước mình vài bước hình thù một con cạp lấp lánh màu trắng dưới ánh trăng.

Cạp và người đứng nhìn nhau trong một lúc, dưới ánh trăng lúc nửa đêm.

Subuh không cảm thấy sợ hãi. Việc nhớ lại những gì người ta kể lại về ông cố mình có vẻ như đã chuẩn bị cậu cho cuộc gặp gỡ này. Điều này như là những chuyện đó với sự đi dạo của cậu trong lúc này đã đồng hóa với nhau.

Subuh biết trong tim can mình đây là lúc một lần nữa phải đi khỏi Kedungjati. Sáng mai cậu sẽ tới Semarang để kiếm việc làm. Khi

cậu nghĩ tới những điều đó, con cọp liền động đậy, nhẹ nhàng tiến tới phía Subuh vài bước, rồi quay mình nhảy vọt biến mất trong rừng.



Dưới ánh trăng Subuh trông thấy một con cọp chăm chú nhìn mình. Nó lao vào rừng rồi biến mất.

CHƯƠNG 14

Subuh tìm được nơi ăn chốn ở với những họ hàng xa xôi ở Semarang. Sau vài ngày cậu tìm được một việc làm văn phòng tại một công ty thương mại. Điều khiến cậu vui mừng là tiền lương mình cao hơn nhiều tiền mình lãnh được tại Surabaya.



Subuh tới Semarang kiếm được một việc làm tại Tòa đô chánh. Anh làm việc nhiều để có thể đem gia đình tới sống chung.

Sau một thời gian, Subuh thuê được một vài phòng ở Mlaten Tiangwi, một ngoại ô của Semarang. Một vài tháng sau đó, cậu thuê được toàn bộ một căn nhà ở Sompok, một nơi gần trung tâm Semarang.

Cậu không thể ngờ được là có thể như vậy, khi nhớ lại những gì mình suy tính ở Surabaya. Lúc đó, chỉ việc nghĩ tới một ngày nào đó mình có thể đem gia đình tới ở chung với nhau trong một căn nhà thì thấy ngay đó là điều gì hết sức xa vời, như chuyện qua Hà Lan. Nhưng bây giờ thì chính cậu đang tại một nơi cách xa hơn 60 km nơi mình chào đời, mà còn kiếm được nhiều tiền hơn điều mình mong ước. Cậu muốn thông tin cho gia đình mình dọn ngay tới Semarang ở.

Cậu đang tính đem gửi bức thư đề nghị mẹ mình đem bố mình và các em mình tới, thì nhận được một điện tín của bà: Eyang Sumirah đã qua đời. Hàm ý của điện tín đó thật rõ rệt với Subuh: mẹ cậu không còn ở được tại nơi chốn của Sumirah. Những thân nhân khác của Sumirah sẽ chiếm lấy chỗ ở.

Điều lạ lùng là ngay sau khi nhận được điện tín đó, Subuh lại nhận được một bức thư khác của Kursinah. Bức thư đó bà đã viết mấy ngày trước khi gửi điện tín: bà thú thật với cậu con trai trưởng mình là Chasidi, bố cậu, đang nhanh chóng kém sức khỏe vì bệnh tật. Khi Subuh về thăm nhà, ông đã giấu kín không cho cậu biết bệnh tật mình, nhưng bây giờ những triệu chứng của bệnh đã làm cho ông không thể làm việc đều đặn cho N.I.S.

Những biến cố đó có vẻ như cùng nhau đồng lõa khiến Muhammed Subuh đạt được mục tiêu là được sống chung với bố mẹ và các em mình.

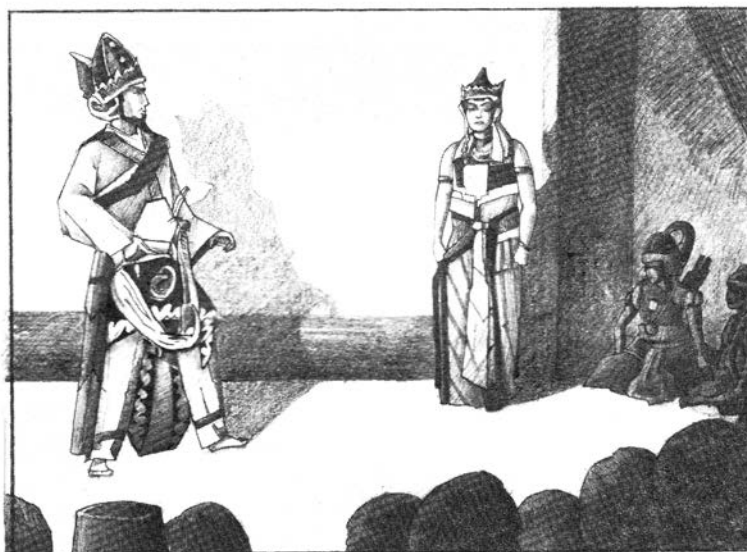
Trong lúc sống với nhau tại Sompok, nhờ những nỗ lực của Subuh, là một thời kì hạnh phúc, mặc dù bệnh tật của Chasidi và sự cần thiết phải tiêu từng đồng từng cắc.

Tuy nhiên, cuộc sống của Subuh đã trở hoa ở Semarang.

Cậu siêng năng làm việc trong công ty thương mại, và kết thân với nhiều người. Hầu hết những kẻ quen biết đều lớn tuổi hơn, và một vài người trong họ đã đưa dẫn cậu vào những sinh hoạt làm phạm vi hiểu biết của cậu trở nên rộng lớn hơn.

Một trong những điều đó là kịch nghệ. Một người bạn trong văn phòng là thành viên của gánh hát *Wayang orang*. Anh mời Subuh vài lần đi xem diễn kịch.

Một màn kịch lấy trong những truyện về người hùng Bima đã để lại dấu ấn trong lòng Subuh.



Subuh kể em gái Sunarti về lối vũ wayang mà mình được xem.

“Mas, anh kể cho em truyện đó đi,” Sunarti nài nỉ, khi ngày hôm sau anh mình vừa ăn sáng xong.

“Được, anh sẽ kể cho nghe về Bima,” Subuh bắt đầu nói. “Bima là một hiệp khách cao thượng, người thứ nhì trong bốn anh em Pandavas. Bima đi tìm đạo, một đường lối tu tâm tích đức, chàng gặp được một *guru* chàng tin là ông sẽ có thể chỉ giúp cho mình. Nhưng điều kiện tiên quyết theo học một tôn sư là phải tuyệt đối phục tùng những gì sư phụ bảo mình làm. Nên Bima theo đúng từng li từng tí những chỉ dẫn của *guru* mình: thậm chí còn lặn xuống cả đáy biển để tìm ‘nguồn nước của sự sống.’

“ ‘Nguồn nước của sự sống’ là gì?” Sunarti hỏi.

“Em sẽ thấy được,” Subuh mỉm cười đáp. “Bima không biết được điều này là *guru* mình đã bịa đặt ra nhiệm vụ đó để đưa mình vào chỗ chết, khiến ông có thể cưới hỏi cô vợ xinh đẹp của chàng.”

“Ồo gian hùng!” Sunarti la lên.

“Nhưng sự chân thành và phục tùng tuyệt đối của Bima, sự vui lòng kiên trì chịu hy sinh của chàng – tất cả chỉ vì muốn tìm thấy ‘nguồn nước của sự sống’ – đã cứu nguy cho chàng.”

“Dưới đáy biển, ngay khi nghĩ mình sẽ chết, Bima gặp được một nhân vật bé tí được gọi là Dewa Ruci. Thực ra, Dewa Ruci trông giống y hệt Bima – một Bima bé tí, được thu nhỏ”.

“Dewa Ruci nói với Bima là chàng phải làm điều gì khó khăn hơn việc lặn xuống đáy biển. Dewa Ruci nói rằng Bima phải leo vào lỗ tai của Dewa Ruci!”

“Chàng có uống thứ gì đó làm cho nhỏ bé lại?” Sunarti hỏi.

“Làm gì có chuyện đó,” Subuh cười. “Mọi việc đã không xảy ra như vậy. Thay vì vậy, Bima phát hiện thấy tuy thể chất Dewa Ruci có vẻ rất bé nhỏ, nhưng một khi đã leo vào lỗ tai, chàng trông thấy

Dewa Ruci là một người rất lớn – về mặt tâm linh.”

“Bima phát hiện thấy ‘nguồn nước của sự sống’ nằm trong đáy lòng Dewa Ruci; chàng nhận thức được Dewa Ruci chính là chân ngã mình.”

“Chàng có trở về?” Sunarti hỏi.

“Có, cuối cùng chàng đã trở về, bắt gặp sư phụ mình đang nói với vợ mình là mình đã chết, thanh toán sư phụ mình, rồi gia nhập lại vào nhóm các anh em mình.”

Sunarti thở dài: “Mas, ước chi em được coi màn kịch đó.” Ngay trước khi đến công sở, Subuh cười rồi nói: “Có lẽ một lúc nào đó khác.” Cậu nhớ tới việc màn kịch đó đã khiến mình sâu sắc xúc động như thế nào.

Subuh không lộ diện khi các diễn viên và bạn bè họ say đắm cùng nhau trò chuyện về sự thành công của màn kịch. Cậu đi tới sân khấu, trong khi chờ đợi anh bạn cùng làm chung với mình rửa sạch những son phấn và chào tạm biệt những kẻ đến chúc tụng anh.

Cậu đi quanh quần nơi đặt những gong, dây, đàn phiếm gõ của ban nhạc *gamelang*.

Cậu nhận ra một *gambang*.

Cậu nhìn chung quanh để chắc chắn là không có ai đang đứng đó, ngồi xuống, lấy những gậy gõ đàn rồi chơi nhạc. Cậu chơi nhạc theo khúc tức hứng, một cách tự phát, trong khi êm ái ca hát bất cứ những câu gì có trong đầu óc mình. Cậu chơi nhạc chỉ để thử tài mình.

Khi ngưng chơi sau 10 phút, cậu lấy làm xấu hổ vì nghe thấy những tiếng khen ngợi nồng nhiệt từ nơi bóng tối tại cuối sân khấu. Những người trong kịch đoàn đã tụ hợp lại để nghe nhạc.

Chỉ không đầy vài tuần thì cậu thanh niên 19 tuổi Subuh đã trở nên thành viên của đoàn kịch.



Subuh tham dự đoàn diễn wayang. Anh được nhiều người ngưỡng mộ khi đóng vai hề Petruk.

Chẳng bao lâu, cậu diễn vai trò của Petruk, gã hề và đầy tớ cao hơn mức trung bình của các anh em Pandavas.

Giọng hát trong dịu của Subuh trong những lúc than vãn và khuyến khích, làm cho các khán giả phụ nữ, trẻ lẫn già, phải khóc và bị xúc động. Nhiều cô đâm ra mê anh chàng tài tử không chuyên nghiệp đó.

Sau khi chứng kiến buổi biểu diễn ban chiều đó, Pa'at, em trai Subuh, nói với Ibuh Kursinah là ông anh mình có thể được các cô gái Semarang chú ý tới. Pa'at tin chắc là Subuh sắp lấy vợ.

Kursinah mong cho sẽ là như vậy, nhưng trong đáy lòng bà biết rằng Subuh sẽ không lấy vợ, nếu chưa chắc chắn là các em có thể học hành tới nơi tới chốn, và cuộc sống bố mẹ mình được bảo đảm trong quãng đời còn lại của họ. Kursinah cũng biết là Subuh đã dành dụm tiền bạc để mua một căn nhà.

Pa'at chú ý tới sự tận tâm của Subuh, và lấy làm lạ tại sao anh mình có thể làm được nhiều điều mà không muốn cưới hỏi những cô gái dễ mến làm quen nơi diễn kịch. Chính vì bận việc mà Subuh đã không muốn.

“Cặp với một cô gái yêu thích,” Subuh nói với Pa'at, “thì mình phải có trách nhiệm với nàng, với sinh kế và tương lai nàng. Điều đó là như vậy ở Java. Mình cũng phải có ý muốn cưới hỏi nàng, khiến nàng sẽ là người khiến mình mãi mãi được hạnh phúc. Đối với anh thì anh phải chờ đợi. Eyang Kakung luôn nói với anh: ‘Người là vợ con sẽ đến kiểm con, và khi cô vợ đó đến, con sẽ không thể nhầm lẫn được.’ ”

“Subuh, đó là trường hợp mình đã nói với bạn,” giọng nói một thanh niên ngắt lời họ.

Subuh và Supa'at ngạc nhiên ngược mắt nhìn. Họ vui vẻ nhận ra kẻ đó là ai.

“Mas Julius,” Pa'at la lên, “tụi này không nghe thấy anh đang tới!” Pa'at hơi lấy làm xấu hổ là bạn anh mình đã lén nghe thấy những lời khuyên của mình về các cô gái.

“Xin thứ lỗi là phải vào mà không báo trước: mình đã gõ cửa mà không ai lên tiếng,” Julius nói. Kẻ đứng nơi cổng nhà là một người Java hơi lớn tuổi hơn Subuh, với nụ cười thân thiện và cặp mắt trong sáng.

Subuh mời bạn mình ngồi xuống, Pa'at đi học bài. Cậu biết là họ sẽ bàn tới những chuyện nghiêm trọng.

“Mình tin chắc là trực giác mình luôn đúng,” Julius nói. “Cách bạn nói chuyện với cậu em mình – với bất cứ ai muốn nghe – xác nhận điều mình nghĩ. Cái tài của bạn là chỉ đường đi lối bước cho thiên hạ.”

Subuh nhìn những ngón tay mình, trong khi tránh né cặp mắt đẹp soi mói của Julius.

“Thôi đi Subuh, đừng rụt rè nữa. Cho mình coi những chỉ tay của bạn.”



Julius người bạn Thiên Chúa giáo của Subuh muốn đọc chỉ tay của anh. Những gì người bạn đó nhìn thấy làm cho Subuh thắc mắc về định mệnh mình.

Subuh luôn từ chối không cho Julius đọc chỉ tay mình. Cậu không thích để cho người ta nghiên cứu tí mĩ vận mệnh hay tương lai mình.

Cậu suy tính trong đầu óc mình: ‘Julius là một người bạn thân của mình kể từ khi mình tới Semarang, và chúng ta đã chia sẻ cho nhau tất cả những gì chúng ta suy nghĩ và cảm nhận về cuộc sống. Tuy anh ấy theo đạo Công giáo, còn mình thì theo đạo Hồi, nhưng chúng ta có thể tự do trò chuyện cùng nhau mà không màng tới những khác biệt về tín ngưỡng.’

“Nhưng mình luôn cảm thấy việc đọc chỉ tay luôn là điều gì quái gở. Điều này có lẽ là do mẹ mình đã cho mình hay trước là phải đề phòng bói toán, bởi nó chỉ đúng phần nào thôi.”

“Nhưng anh ấy rất thành tâm,” Subuh nghĩ. “Vậy tại sao lại không thử?”

“Được rồi, anh bạn,” Subuh cuối cùng nói. Cậu mỉm cười đưa bàn tay mình cho bạn mình coi.

Julius xem xét kĩ lưỡng những đường chỉ trên đôi tay cũng như hình dạng những ngón tay và bàn tay. Năm phút trôi qua cho tới khi Julius gật gù nói: “Bạn có tin mình hay không thì tùy, nhưng theo mình nhận xét thì những chỉ tay bạn rõ rệt cho thấy bản chất bạn như của *Wisnu Murti*, một nhân vật *wayang* có khả năng dẫn dắt thiên hạ theo chánh đạo. Bạn được ban ân huệ cho có khả năng đem đến sự an bình, thanh thản và vui sướng cho những tim can nặng nề và xáo lộn. Điều này như là bạn được Thượng Đế kêu gọi.”

“Thôi đi mà!” Subuh mỉm cười không tin. “Nhìn đây này, mình chỉ là một người thường – có đúng không? Vậy, những gì bạn nói làm sao có thể là sự thật được?”

Julius kiên nhẫn nhìn Subuh. “Bạn biết mình không thích nói dối như thế nào. Mình quả thực không muốn lừa dối bạn.”

Tuy hoàn toàn không thể gạt bỏ những gì Julius đã nói vì bạn mình là một người chân thành, nhưng Subuh cũng không thể chấp nhận cái vẻ bề ngoài là sự thật đó. Subuh băn khoăn. Một cách nhẹ nhàng, cậu lèo lái cuộc trò chuyện qua những vấn đề khác, và họ nói chuyện cho tới đêm khuya.

Tuy thế, Subuh cũng không thể không ngót nghĩ tới giấc mơ trước đây: đến tuổi 32 là lúc Thượng Đế sẽ kêu gọi mình.

Có thể những gì Julius đã nói là điều bắt buộc phải nhớ tới giấc mơ đó, sự tiên tri của Julius thực sự là điều chỉ cho thấy những gì phải mong đạt được? Subuh cảm thấy rõ rệt là mình thiếu hẳn những đức tính phi thường mà Julius gán cho mình.

Subuh còn suy nghĩ về chuyện đó trong một lúc dài lâu sau đó, ngay cả sau khi Julius đã đi khỏi Semarang để tới Malang thụ huấn một khóa học đào tạo của đạo Công giáo.

Ban ngày Subuh làm việc hầu như không lúc nào nghỉ. Kể từ lúc cậu vào làm việc cho công ty thương mại, doanh thu của công ty tăng gấp đôi, rồi gấp ba và còn liên tục gia tăng. Mọi người trong công ty đều làm việc với tất cả khả năng mình, và đôi khi còn vượt ra ngoài cái khả năng đó.

Sự bành trướng nhanh chóng của kinh doanh và những nhiệm vụ gay go mà các nhân viên phải đối phó, là dịp cho mọi người được thân mật tiếp xúc với nhau hơn.

Subuh nhận xét bản thân mình và những người khác dưới áp lực của công việc.

Có những kẻ bị căng thẳng hay nản chí vì tốc độ của công việc, thì cũng có những kẻ khác được dịp thăng tiến.

Trong số những kẻ có vẻ như đã thành công đó có một người mà ban đầu Subuh đã ngưỡng mộ.

Anh cao hơn Subuh, trông hơi chắc nịch hơn, có bộ râu rậm mà nhiều người, trong đó có Subuh, coi là đáng tự hào.

Tên anh là Raden Mas Edhikusuma Kadarusman, một người lớn hơn Subuh 10 hay 15 tuổi. Đối với Subuh anh có vẻ là mẫu người quân tử của Java. Subuh cảm thấy anh là hiện thân của những đức tính là nghị lực, dũng cảm và tu dưỡng, những điều mà Subuh coi là đáng tôn quý của Eyang Sumowardoyo.

“Bạn có thấy Mas Kadarusman có điểm đặc biệt này không?” một người bạn làm việc trong cùng một ban với Subuh hỏi trong lúc dùng cơm. “Anh ấy nhịn ăn và nhịn ngủ nhưng hình như không bao giờ mệt mỏi.”

“Anh ấy trai giới?” Subuh hỏi.

“Theo mình thì anh là một tay trai giới nhà nghề,” người bạn đáp. “Mình nghe nói là anh đã không ăn cơm gạo trong 5 năm!”

“Vậy thì anh ấy ăn gì?” Subuh hỏi. Cơm gạo là thức ăn chủ yếu của mọi người.

,‘Rau bi-na’.

,‘Rau bi-na?’

,‘Người ta đồn là Sosrokartono đã dạy bảo cho anh ấy làm như vậy.’

,‘Sosrokartono?’

,‘Đúng vậy, một nhà tu khổ hạnh tiếng tăm lừng lẫy.’

Subuh không biết chuyện đó.

Subuh mong mình sẽ có can đảm nói chuyện với Kadarusman, nhưng cậu vẫn còn nhút nhát. Vả lại, trong những lúc không là bao

trong đó không phải làm việc, thì chunh quanh Kadarusman lại đầy những kẻ quen biết của anh. Subuh không là một thành phần trong chỗ quen biết đó. May mắn Kadarusman là một người tử tế. Chẳng bao lâu anh nhận thức được anh bạn đồng nghiệp trầm lặng, cao hơn mức trung bình muốn nói chuyện với mình.



Subuh gặp Kadarusman, một đồng nghiệp trong công sở. Kadarusman là một người đang đi tìm đạo.

Anh quan sát Subuh từ một nơi xa trong vài ngày, và kết luận tuy cái bề ngoài trẻ măng cậu là một người có tiềm năng đáng kể.

, ‘Người này đã già tuy còn trẻ,’ Kadarusman nghĩ.

Một đêm nọ anh đến nơi Subuh khi họ làm việc trễ.

, ‘Adik, anh đi ăn *satay*, em đi cùng anh chứ?’ Kadarusman xưng hô anh em với Subuh.

, ‘*Satay*?’ Subuh không ngờ anh lại ăn thứ đó.

Kadarusman nháy mắt. , ‘Adik, không phải là rau bi-na *satay*,’ anh cười. , ‘Đêm nay thịt cừu non và thịt gà là món ăn anh lựa chọn.’

Subuh lập tức cảm thấy thoải mái.

, ‘Mas Kadarusman, xin lỗi,’ cậu nhỏ nhẹ nói lấp bắp , ‘em thật thiếu lịch sự. Tất nhiên là em muốn đi cùng anh. Em rất muốn.’

, ‘Vậ thì chúng ta cùng đi, khỏi cần phải khách sáo. Hôm nay chúng ta đã làm việc như vậy là đủ rồi.’

Họ sải bước đi trên đường phố. Một chiếc xe máy nổ lộp bộp bộp còi chạy ngang qua họ. Trên đường tới những *warung*, quán ăn vỉa hè, họ gặp những xe ngựa kéo và xe hai bánh người kéo.

, ‘Tiệm *satay* ngon nhất ở Semarang,’ Kadarusman nói khi họ ngồi xuống trên một chiếc ghế nơi quán ăn.

, ‘Nhưng em nghĩ là...’ Subuh chột nói.

, ‘Em nghĩ là anh chỉ ăn rau bi-na?’

, ‘Thành thật mà nói, em nghe nói anh tu khổ hạnh.’

, ‘Adik, khổ hạnh chỉ có lợi, nếu đó là cách tu tâm tích đức. Nhưng

anh chưa từng gặp một nhà tu khổ hạnh nào là một con người toàn thiện.”

,‘Tu tâm tích đức?’ Subuh hỏi.

,‘Adik, đó là con đường anh theo. Một con đường khiến anh trở nên toàn thiện theo những gì Thượng Đế muốn cho anh, trong thân tâm và ngoài đời, trước khi anh chết.’

Subuh im lặng ngồi, hầu như không thở mà chỉ nghe thấy những tiếng xèo xèo nướng thịt gà và thịt cừ non trên những xiên nướng gần đó. Cậu không biết mình có nên hỏi gì nữa không.

,‘Cứ việc hỏi nếu em muốn anh trả lời,’ Kadarusman nói trong khi đang từng hớp uống nước dừa.

,‘Anh biết khi nào mình sẽ chết?’ Subuh buột miệng nói ra.



“Làm sao mình có thể chuẩn bị cho mình trở về với Thượng Đế nếu mình chết?” Subuh tự hỏi mình.

Kadariusman nhanh chóng thâm sâu nhìn Subuh.

,‘Nếu biết được thì anh sẽ không làm gì khác với những gì mình hiện đang làm. Tất cả những gì anh làm là chuẩn bị cho mình, để khi chết anh có đủ ánh sáng tìm thấy đường đi của mình nơi thế giới bên kia.’

,‘Tìm thấy con đường trở về nơi Thượng Đế,’ Subuh lẩm bẩm nhớ tới giấc mơ của mình.

,‘Đúng vậy Adik,’ Kadariusman điềm nhiên nói. ,‘Đó là tất cả chân lí.’

Kadariusman biết mình tìm thấy ở Subuh một người cùng chí hướng.

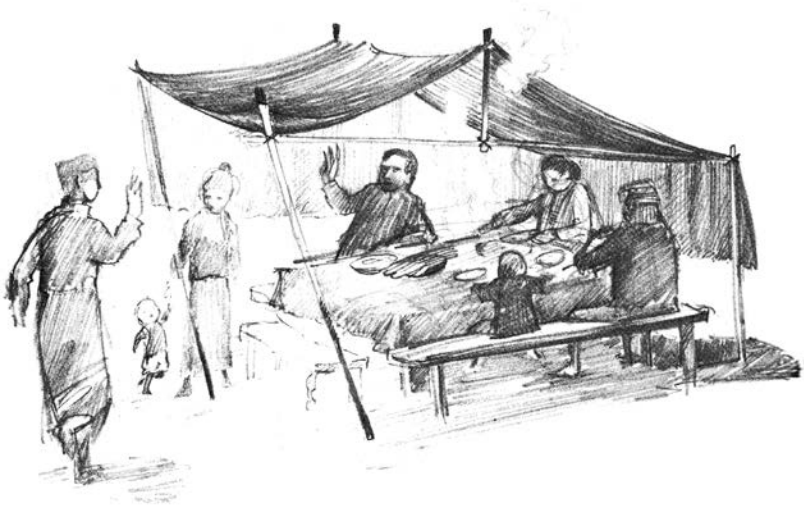
Subuh cảm thấy cuối cùng thì mình cũng sắp phải thực thi nhiệm vụ thứ hai hiểu được của giấc mơ.

Nhiệm vụ thứ nhất – làm việc nuôi gia đình – đang tiến hành.

Nhiệm vụ thứ hai – chuẩn bị cho lúc được Thượng Đế kêu gọi – có vẻ như đang bắt đầu tại quán ăn *satay*.

Kadariusman đẩy nhẹ khuỷu tay Subuh.

,‘Ăn đi,’ anh nói. ,‘Không thì *satay* sẽ nguội mất.’



Subuh và Kadarusman trở thành đôi bạn thân trong lúc trò chuyện tại quán ăn satai ngoài trời.

CHƯƠNG 15

Mùng một tháng một năm 1920 Subuh thay đổi công ăn việc làm.

Cậu bỏ công ty thương mại để đi làm cho tòa thị chính Semarang Gemeente. Điều mình mơ ước sẽ làm được ở Amsterdam, cậu làm được ở Semarang: cậu có một chỗ làm trong ban kế toán, và bắt đầu học kế toán mỗi tuần vài lần vào buổi tối.

Những người trong gia đình của Subuh thấy không có gì sung sướng bằng. Nhu cầu của họ vượt quá mức thu nhập, nhưng chỗ làm mới của Subuh khiến tiền lương được cao hơn.

Ban đầu cậu bàn luận về việc bỏ công ty thương mại với Kadarusman, một người bạn dày kinh nghiệm và thân nhất của mình, có một địa vị và lãnh lương cao hơn. Sự hiện diện của Kadarusman là một lí do vững chắc cho sự không nên ra đi. Nhưng chính Kadarusman lại khuyến khích cậu bỏ việc làm ở công ty.

„Em lo lắng là chúng ta không được dịp gần nhau nếu không làm việc chung với nhau cùng một nơi.“ Kadarusman có cái khiếu nói lên được những gì có trong đầu óc anh bạn trẻ của mình.

Subuh gật đầu tỏ ý điều đó là đúng. Cậu không biết mình sẽ chịu được không nếu phải xa cách Kadarusman. Họ đã coi nhau như anh em ruột thịt. Đôi khi Subuh cảm thấy mình gần gũi Kadarusman hơn em trai mình là Supa'at.

Kadarusman đưa Subuh vào làm quen với nhóm người học đạo của anh, một nhóm huynh đệ gặp nhau mỗi tuần để trao đổi kinh nghiệm.

Tất cả các thành viên của nhóm huynh đệ gắn bó chặt chẽ với nhau đó đều mang những y phục cùng loại, nhưng người ta thường thấy Kadarusman và Subuh thì ăn mặc y như nhau.

„Adik, điều này không hệ trọng, dù chúng ta có gần cận nhau hay không đi nữa. Nhưng sự liên hệ giữa chúng ta thì rất gần cận. Thực vậy, chúng ta có thể thấy nội tâm mình cực kì gần gũi nhau, tuy ngoài đời chúng ta không thường xuyên trông thấy nhau.“

Điều đó đã xảy ra đúng hệt như vậy. Hết tháng này tới khác, năm này tới năm khác, quan hệ của Subuh với Kadarusman càng lúc càng trở nên thâm sâu hơn.

Như Kadarusman đã tiên đoán, sự độc lập của Subuh khiến cậu có khả năng tự mình nhận thấy những liên hệ, những thông tin và trải nghiệm mà cậu chia sẻ với Kadarusman và nhóm huynh đệ của anh.

Tình cờ Subuh làm quen với một nhân vật tại tòa thị chính thích bàn về *pencak silat*. Người đó diễn tả những trải nghiệm của mình theo một cách Subuh chưa từng nghe nói tới: *pencak silat* không chỉ là võ thuật, mà là một phương tiện phát triển nội tâm.



Subuh theo tập võ *pencak-silat* với những kẻ coi môn võ đó là một phương cách tu tâm.

Khi Subuh thuật lại điều đó cho Kadarusman nghe, người bạn dày dặn kinh nghiệm của cậu thuyết phục cậu gia nhập nhóm đó.

„Em đã có kinh nghiệm về *pencak silat* trong lúc còn nhỏ. Vậy thì chắc chắn em sẽ học hỏi gì được thêm. Cái đó gọi là gì nhỉ?“

„Setia Hati,“ Subuh đáp.

Môn *pencak silat* thời thơ ấu của Subuh phát triển thành Setia Hati. *Pencak silat* của thời thơ ấu, một môn võ làm cân đối tất cả các bộ phận của cơ thể, biến thành một sự hiểu biết theo đó con người bao gồm nhiều mức độ: tất cả những cái đó phải cùng nhau hoạt động thực hiện chức năng của mình trong *Setia Hati pencak silat*.

Không đầy 3 năm Muhammed Subuh được coi là bậc thầy về *Setia Hati pencak silat*. Những nhân vật kỳ cựu và những thanh niên háo thắng của những nhóm khác đều nể sợ cậu. Nhưng trong lúc đấu võ, cậu chưa từng đánh hay đá trúng ai.

Kadarusman khuyến khích Subuh nhận lời mời đến gặp một vị *guru* của một người bạn tại công sở là Sailan Sastroatmaja.

„Anh ấy có một người bà con ở thôn xã Mertojayan,“ Subuh cho Kadarusman hay. „Một ông thầy tên là Sunariodogdo.“

„Hình như ông là đệ tử của Kiyai Demang, một người dạy đạo cho vua Hồi giáo ở Solo?“

Subuh gật đầu nói: „Đúng vậy, đúng là ông ấy.“

„Adik, như vậy thì em nên xúc tiến. Biết đâu nhờ vậy mà em tiến thêm được vài bước trên con đường mình.“

Kadarusman nhận thấy có những chuyện kỳ quái về Subuh và các *gurus*, và đó là một nét đặc biệt của Subuh khiến anh miễn chuộng cậu. Dù vị *kiyai* hay ông thầy bói hoặc *guru* đó là ai đi nữa mà

Kadariusman dẫn cậu tới gặp, tất cả đều cư xử một cách khác biệt khi có mặt Subuh. Có những vị im thin thít hầu như không ăn nói gì được; có những vị đặc biệt chú ý tới cậu; có những vị lại hoàn toàn coi cậu như không có đó. Nhưng không vị nào đã tỏ vẻ thờ ơ. Kadariusman nhận thấy nét đặc biệt đó của Subuh đã giúp mình nhìn thấy được những khía cạnh chắc sẽ không bao giờ chứng kiến thấy của các tôn sư.



Kadariusman khuyến khích Subuh tới thăm Kiyai Sunario để ông chỉ cho mình con đường trở về với Thượng Đế.

Subuh đi cùng với Salan tới học đạo của Sunariodogdo. Vị guru đó nói với Subuh chủ đích của cậu phải đạt được trạng thái *samadi* – nhưng phải kiên nhẫn. Điều đó có thể mất 10 tới 15 năm.

Trong đêm thứ ba ngồi trên chiếu đợi chờ trạng thái *samadi*, Subuh nhận thấy mình đang sâu thẳm trong một đại dương mênh mông đứng trước mặt một đứa bé. Nó còn bé tới nỗi ngay cả tóc tai chưa mọc.



Sau khi Sunario bảo Subuh yên lặng ngồi, Subuh trông thấy chân ngã mình là một đứa bé trong đại dương; đứa bé đó nói nó sẽ là một cây cầu cho Subuh trở về với Thượng Đế.

„Người gọi ta để làm gì?“ đứa bé đó hỏi.

„Để làm gì? Làm gì có chuyện đó, người tự đến đây thôi,“ Subuh nói.

„Ta không thể đến nếu người đã không gọi,“ đứa bé kiên quyết đáp.

„Có lẽ vậy,“ Subuh nói. „Nhưng chính người đến gặp ta – chứ

không là ta. Dù sao, ta hoàn toàn không cảm thấy mình đã gọi người tới.”

„Có những cách gọi khác nhau,“ đứa bé nói. „Nhưng không sao hết. Người mong ước gì?“

„Mong ước? Ta không mong ước bất cứ gì.“

„Thôi được – nhưng người *muốn* gì?›› đứa bé nài nỉ.

„Ta muốn gặp Thượng Đế, trở về với Allah,“ Subuh đáp.

„Ta mong ước gặp Allah, cách duy nhất cho ta tới đây là khiến mình thành một cây cầu, một người trung gian. Nhưng người mong ước gì?“

„Ta chỉ muốn gặp Thượng Đế. Ngay lúc này đây ta chẳng mong ước gì khác.“

„Đáng buồn là người không thể nói cho ta biết – bởi ta có thể cho người bất cứ gì người muốn.. Người phải tin cậy ta...“

Sunariodogdo, sư phụ của Subuh, sửng sốt khi cậu kể cho ông cái chứng nghiệm đó.

„Nhưng chỉ *hôm qua* mới bắt đầu tập *samadhi!*“ Ông lắc đầu khó tin. „Có những người đã đợi 20 năm mới được cái chứng nghiệm, có những người thì không bao giờ được. Vậy thì cứ tiếp tục. Chắc sẽ nghiệm được điều gì khác hơn.“

Kadarusman tỏ vẻ hài lòng khi nghe Subuh kể lại chuyện đó. „Tại sao lại vậy, em có hiểu không? Em đã nghiệm được vị Dewa Ruci của chính mình! Em đã gặp được chính chân ngã mình – cậu bé Subuh.“

Anh vỗ vai Subuh.

„Adik, rồi sau đó thì sao nữa?“

„Mas, một lúc sau đó, trong lúc em đang làm y như trước – chỉ việc yên lặng ngồi – em thấy một hiện ảnh lớn vô cùng. Lông lá trên cơ thể người đó dày đặc như cây dừa.“



Subuh cũng trông thấy một kẻ cao lớn như một ngọn núi nói là sẽ ban cho mình bất cứ những gì mình thích, nhưng Subuh không muốn bất cứ gì nên kẻ đó bỏ đi.

Kadarusman cười.

„Người này to lớn như núi lửa, cao lớn như ngọn núi Merapi,“ em nghĩ. „Nếu cũng to lớn như vậy, em có thể nhấc một chiếc xe lửa lên chỉ với một bàn tay – có thể là 100 chiếc.‘ ,‘

„Hiện ảnh đó hỏi em: ,ngươi có ý định gì khi mang ta tới đây?“

„Ngươi nói gì?“ em hỏi lại. „Ta không hề đem người tới đây.‘ ,‘

„Nếu ngươi không đem ta tới đây, làm sao ta tới được? Thực ra, ta nằm trong lòng ngươi nhưng thông thường ngươi không thể trông thấy ta.“

„Nhân vật đó cũng hỏi em là em muốn gì, và một lần nữa em nói y như trước kia: ,Ta muốn gặp Thượng Đế.‘

„Nếu vậy thì ta cũng phải trở về nơi từ đó ta tới.“

„Rồi thì nhân vật đó biến mất.“

Kadarusman chau mày. ,‘Đừng kể cho anh nghe những gì Sunariodogdo đã nói. Để anh đoán xem...Chắc ông đã tự hỏi không biết em có là hay không hậu duệ của quốc vương Mangkunegara.“

Subuh luôn nỗ lực xét đoán chính xác của Kadarusman.

„Mas, anh đoán đúng đấy. Ông nói rằng nhân vật cao lớn đó có khả năng mà trước kia ông vua đó đã có: ông có thể đi trên mặt nước và vượt qua những con sông lụt lội chỉ với một bước đi.“

„Sunario còn hỏi em là nhân vật đó có cho em gì không. Em nói chẳng có gì hết. Em chẳng nhận được bất cứ gì, bởi chỉ không xin hỏi gì ngoài việc được gặp Thượng Đế.“

„Nhưng khi em hỏi Sunario những gì mình muốn biết, ông nói rằng tự em sẽ tìm hiểu được nghĩa lí của những điều đó.“

„Đó là chính ông cũng *không biết* được những nghĩa lí đó,» Kadarusman giải thích. «Điều ông sẽ tuyên bố là Muhammed Subuh đã học được hết cả đạo của ông rồi.»

Subuh mỉm cười. Kadarusman một lần nữa lại đoán trúng được ý chàng: ngay hôm qua Sunariodogdo đã nói với các đệ tử của ông là Subuh không còn gì để học nữa.

„Em vẫn còn đến học đạo của ông ấy nữa không?“ Kadarusman tủm tủm cười.

„Mas, vẫn còn – em có ý định là đêm nay sẽ đi nghe ông giảng đạo tại Poncokartakan,“ Subuh liếc nhìn nói thăm dò ý kiến bạn mình.

„Adik, tới đó thì rất xa, em thấy chứ? Bây giờ thì đã muộn rồi. Thế nhưng... , ‘ anh nói với một nụ cười nhăn nhó khiến Subuh cảm thấy như sắp có điều gì đó xảy ra, , ‘nhưng mà đêm nay có vị quý khách tới đây.“

Subuh lưu lại căn nhà Hà Lan xưa cũ của Kadarusman. Trước đó, Subuh đã từng nhiều lần đến căn nhà đó của anh. Subuh thích thú ngồi trên hiên nhà bóc vỏ những trái vải *rambutans* và hít thở không khí ẩm ướt của ban đêm, trong lúc đang đợi chờ cụ Saman...

Cụ là một người đạo hạnh cao thâm, một hậu duệ của vua Hồi giáo Bintoro của Demak. Cụ biết là hôm nay mình sẽ gặp một người bạn của Kadarusman. Trong cặp mắt tâm thần của mình, cụ đã trông thấy Subuh – và cũng đã nói điều đó cho Kadarusman hay.

„Nak,“ cụ nói, , ‘Subuh, anh bạn trẻ cậu, đêm nay sẽ tự động đến gặp cậu. Tình cờ tôi cũng đến thăm cậu lúc đó...“

Kadarusman nhìn Subuh đang gật gù ngủ. Chính anh cũng đang ngáp. Anh nhìn ra ngoài đường phố và trông thấy cụ Saman cùng với vài người bạn mình đang lê bước tới phía cổng nhà.

Đêm đó là một đêm lâu dài. Cụ Saman không nói bất cứ gì với Subuh cho tới lúc bình minh: cụ chỉ muốn mời mọi người tới thăm mình bất cứ lúc nào tại Bedodo, một làng xã gần Demak.

Một tuần lễ sau, Subuh và Sailan, bạn mình, làm theo lời mời của cụ Saman. Chiều Thứ Bảy họ lấy xe lửa từ Semarang tới nơi nhà cụ Saman tại đồng quê vào lúc 9 giờ đêm. Cụ có vẻ như đang trông đợi họ. Cụ dẫn họ tới một nền xây bằng tre gần nhà mình tại một nơi giáp ra của thôn xã. Cụ thân thiện chào hỏi: „Các cậu có muốn gì khiến già này giúp cho được?“

„Điều quan trọng duy nhất với tụi cháu là bác nhận tụi cháu làm đệ tử,“ Sailan cho hay.

„Eyang, tụi cháu để cho bác tùy ý muốn truyền dạy gì thì truyền,“ Subuh nói thêm vào.

Trong tâm mình cậu cảm thấy ông cụ này có thể đọc được những gì có trong tâm hồn mình.

Cụ Saman ân cần mỉm cười nói với Subud.

„Raden,“ cụ nói, „cậu không cần phải học bất cứ gì ở tôi. Bởi cái cậu đang đi tìm thì cậu đã có rồi trong lòng mình. Tất cả những gì cậu cần phải làm là đợi chờ cho tới lúc phải đợi chờ – như đợi chờ cho trái vải *rambutan* được chín->>

„Thưa bác, cháu chấp nhận những gì bác nói,“ Subuh đáp. „Nhưng cháu và anh bạn đây đã lặn lội tới đây để vui lòng làm theo bất cứ những bác khuyên giải...“

Cụ Saman im lặng trong một lúc.

Ông đứng lên nói thẳng với Subuh: „Cậu đi về phía tây cái nền bằng tre, rồi hướng mặt về phía đông. Tôi đi về phía đông rồi hướng mặt về phía tây. Chúng ta mỗi người sẽ đi về phía của nhau: tôi sẽ đi ngang qua cậu rồi đứng nơi cuối phía tây. Cậu sẽ đi ngang

qua tôi rồi đứng nơi cuối phía đông”.



“Cậu đi từ phía Tây, còn tôi thì từ phía Đông,” Kiyai Saman chỉ thị.

Subuh làm theo lời nói đó, mắt nhắm lại, đi từ phía này qua phía kia trên nền tre. Khi cụ Saman đi ngang qua mình nơi trung tâm, Subuh nghe thấy cụ lẩm bẩm đọc những câu về sự tu tâm.

Kế đến là tới phiên Sastro.

Sau đó, khi họ cùng nhau ngồi nơi bờ rìa nền tre uống cà phê, cụ Saman vẫn tắt nói:

„Chúng ta có hai nhiệm vụ trên thế gian này: phụng thờ Thượng Đế là nhiệm vụ của nội giới; làm việc là nhiệm vụ của ngoại giới. Nếu chúng ta thi hành cả hai nhiệm vụ đó, cuộc sống mình sẽ được an toàn và thịnh vượng. Khi chết, chúng ta sẽ tiếp cận được một đường lối đưa tới Thượng Đế. Đừng bao giờ quên điều này: tất cả những gì chúng ta cần cho cuộc sống mình đã có sẵn trong lòng mình, có bên cạnh chân ngã mình. Tất cả những gì mọi người phải làm là sử dụng những cái đó, một cách quyết chí và tin cậy.“

Subuh và Sastro ngủ đêm tại Bedodo xua đuổi đám muỗi trong lúc ngủ trên những bục bằng tre.



Saman nói với Subuh là anh không cần theo một tôn sư nào, bởi chính Thượng Đế sẽ là tôn sư của anh.

Một tháng sau họ trở lại gặp cụ Saman. Nhưng cụ chỉ khuyến khích họ làm những gì mình lần đầu đã bảo họ làm. Khi Subuh cố gắng ép cụ chỉ bảo thêm, cụ nhắm mắt lại trong một lúc rồi nói: ‘Nak Subuh, lão đây đã già rồi và sắp tới lúc chết. Cậu thì còn trẻ và chỉ mới bắt đầu. Nhưng lão không có quyền được chỉ bảo hay truyền dạy cho cậu bất cứ gì. Theo kinh nghiệm của lão, xét về mặt tâm linh, cậu cao siêu hơn lão nhiều. Lão đã thấy cậu đội một vương miện đầy những ngôi sao chói loà.’

Đó là những lời nói cuối cùng của cụ Saman cho Subuh và Sailan.

Cụ đứng lên đưa tiễn họ tới cổng nhà, rồi chậm chạp đi tới nghĩa trang là nơi mai táng sự phụ mình ở Demak. Nơi đó cụ qua đời.

Khi nghe tin cụ Saman mất, Subuh đang trong nhà Kadarusman. Tin đó khiến buồn chán một cách không thể giải thích được.

„Adik, cụ Saman đã lớn tuổi rồi,“ Kadarusman an ủi Subuh. ‘Cụ biết nhiều tháng trước đó là mình sắp phải chết.’ Kadarusman an ủi đặt tay trên vai Subuh. ‘Cụ đã đợi chờ được gặp em.’

Subuh cảm thấy nước mắt mình tuôn trào: một cảm giác buồn chán, xáo trộn và thất vọng.

„Em chịu không hiểu nổi,“ Subuh nói. ‘Em chỉ là một người thường. Nhưng những người khác – những vị mà anh coi là hiền nhân, những vị có thể chỉ dẫn cho chúng ta – họ lại không chịu giúp em. Lí do của họ là có những điều em chưa chứng nghiệm được.’

„Điều gì em *thực sự* đã chứng nghiệm được?›› Kadarusman từ tốn hỏi.

„Mas, điều đó thì anh biết rồi mà. Không có gì khác hơn ngoài cầu kinh, làm *prihatin*, làm *dhikir*, em thức suốt đêm cho tới bình minh.’

Kadariusman mỉm cười. , ‘Những cái đó thì anh đã biết rồi,’ anh cười như nắc nẻ. , ‘Dù sao ở nhà anh thì hầu như bất cứ lúc nào em cũng làm những chuyện đó. Điều anh muốn hỏi là em đã *cảm thấy* gì?’>>

Subuh ngưng nói trong một lúc.

“Em không cảm thấy có bất cứ gì đặc biệt – thường thường thì chỉ là an bình.”

Kadariusman gật gù.

“Nếu phải đứng giữa một cơn bão,” Kadariusman giải thích, “thì phải đứng ngay nơi trung tâm đầy luồng điện của cơn bão. Như vậy thì có thể sẽ không nhận thức được những tia chớp và gió bão chung quanh mình. Adik, em chính là người làm được điều đó. Tại sao anh có thể nói vậy. Đó là vì hôm nọ anh đã nài nỉ sự phụ của Munandar ở Ciberon nhận em làm đệ tử. Ban đầu ông nói ‘bây giờ chưa thể được’, nhưng Adik hôm qua ông lại nói là không thể truyền dạy bất cứ gì cho em, bởi ông đã trông thấy em – trong tâm linh – như người hùng Bima chói sáng trên nền trời.”

“Mas, còn anh thì sao? Tại sao anh lại không cự tuyệt em?” Subuh hỏi.

“Đó là vì anh là bạn thân của em. Chúng ta như anh em ruột thịt. Tất cả những gì tốt đẹp xảy ra cho em, anh cũng được lợi. Tất cả những gì tốt đẹp cho anh, em cũng được lợi. Hiện nay anh có thể dẫn dắt em. Nhưng một ngày nào đó em sẽ dẫn dắt anh. Trong lúc này thì đừng tuyệt vọng. Chúng ta sẽ đi tìm một người khác dẫn dắt mình,” Kadariusman nói.

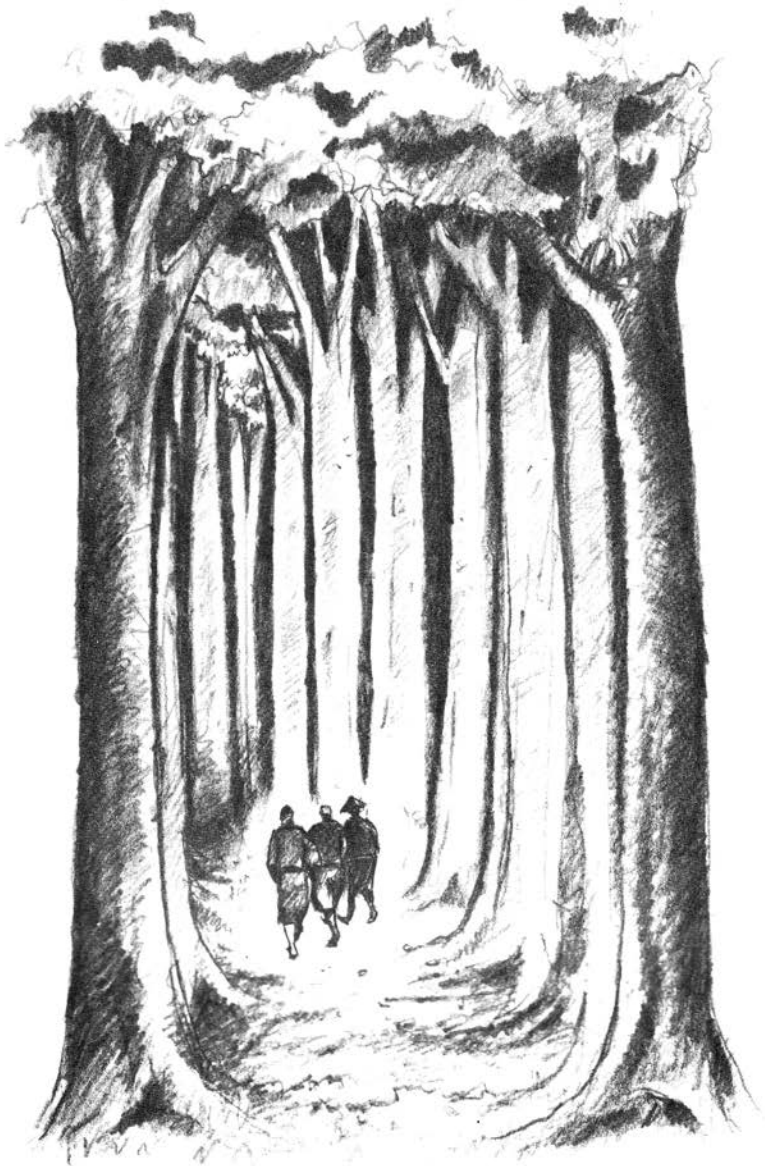
CHƯƠNG 16

Ngọn núi Kenladisodo nằm giữa những ngọn núi cao lớn là Ungaran và Sundoro. Những núi lửa xa xưa đã từ lâu tắt ngấm đó cũng là những ngọn Subuh nhớ lại là đã trông thấy cùng với Ibu Kursinah từ một đồi nhỏ gần Kedungjati. Kenladisodo là một ngọn núi mà Karto-Seh, ông ngoại cậu, đã đi qua khi ông đi về Kedungjati từ Ciberon. Subuh đã có lần gặp ông trước khi ông mất trong năm 1923. “Ước chi ta được cầu nguyện một lần nữa tại ngôi chùa Hồi trên núi Kenladisodo,” ông thì thầm nói với cháu ngoại mình.

Subuh bây giờ nhớ tới chuyện khi mình cùng Kadarusman và Munandar xuống xe đò nơi chân đồi. Chùa Hồi mà ông ngoại cậu nhắc tới, nằm trên một sườn đồi xa xôi biến thành rừng. Mái che bằng rơm của chùa nổi bật một màu xanh lá cây.

“Có một con đường nhỏ dẫn lên núi,” Munandar đi đầu la hét.

Họ đi khó khăn trên đường – đúng ra là một đường mòn – trong khi nó càng lúc càng trở nên chật hẹp qua khu rừng những cây tếch. Họ đã trai giới được 29 ngày. Hôm nay là ngày thứ 30, ngày cuối cùng của *Ramadhan*.



Subuh, Kadarusman và một một người bạn đi qua một khu rừng cây tếch đi tìm một nhà tu hành là Sidik Wacono.

Chasidi Kartodiharjo đã mất ngay sau lúc *Ramadhan* năm ngoái, một năm sau khi Kato-Seh qua đời. Mọi người đều lấy làm mừng cho ông là ông đã mất ngay trong tháng thiêng liêng *Suyawal*, tháng tạ ơn sau *Ramadhan*. Đây là cái *Ramadhan* đầu tiên mà Subuh không dự ở nhà trong Đêm Tha Thứ.

Đường đi dẫn tới một thôn xã nhỏ bé. Kadarusman hỏi một vài người dân quê: “Quanh đây có một vị sư phụ hay trưởng bối nào đó tên là Kiyai Sidik Wacono?”



Dân làng chưa từng nghe nói tới ông.

Nhưng dù hỏi bất cứ ai, Kadarusman cũng được cho hay: “Chúng tôi không biết có vị nào tên như vậy.”

Subuh cùng với Kadarusman và Munandar bàn luận về điều đó.

“Chúng ta hình như đã đi đúng hướng,” Munandar nói, “nhưng lại đến một ngõ cụt.”

“Có vẻ như chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục đi,” Subuh nói.

“Chúng ta cứ cố gắng giữ vững những ý định của lòng mình,” Kadarusman đề nghị. “Như vậy thì may ra chúng ta sẽ gặp được cụ Wacono.”

Họ tiếp tục đi. Con đường mòn biến mất rồi lại hiện ra. Cuối cùng nó dẫn họ tới một không gian trống không, không cây cối và bụi cây. Tại đó họ gặp một ông lão lùn mà cơ thể tròn như trái banh.



Chợt xuất hiện một ông lão lùn và tròn trịa. Ông dẫn họ tới nơi của Wacono và cho họ hay là nên quan sát cách họ được phục vụ. Kể đó ông biến mất.

Lão mỉm cười khi trông thấy họ tới gần mình.

“Các cậu tới đây vì chuyện gì vậy?” lão hỏi.

“Chúng tôi đi tìm một vị *guru* tên là Sidik Wacono,” Kadarusman đáp. “Chúng tôi nghe nói nhà ông nằm trên sườn núi Kenladisodo, nhưng đã bị lạc đường.”

“Thế à,” lão béo tròn nói. “Quả thực là có vị mà quý vị muốn tìm – nhưng ổng không ở trong khu vực này.” Ông diễn tả bằng điệu bộ: “Nơi ổng ở cách đây rất xa – có lẽ khoảng 2000 *langkachs*.” Ông chỉ

về hướng nên đi theo.

“Kiyai Wacono là một hiền nhân thần thông cao siêu, cảm thụ được những ý nghĩ của người khác. Ông ấy lớn tuổi hơn lão đây, bởi khi lão còn là một đứa bé, ông đã hơn tuổi hiện nay của lão đây. Có lẽ ông hơn trăm tuổi.”

Lão đi qua đồng ruộng trống không, vừa nói vừa dẫn đường cho những anh bạn trẻ của mình.

“Tuy có lẽ đã trăm tuổi, nhưng Wacono vẫn còn mạnh khỏe – mạnh khỏe hơn lão đây. Nhưng có một điều đặc biệt về ông cụ đó khiến các cậu phải thận trọng,” lão béo lùn nói. “Kiyai Wacono có khả năng nhìn thấy được bản tính của mỗi người đến thăm ông.”

“Tuy ông cụ đó không biết được có người đang đến thăm mình?” Munandar hỏi.

“Thực là không mấy khi ông nhận được một bức thư hay thông tin cho ông biết tính danh và thời gian những khách đến thăm,” ông lão đáp. “Như các cậu đã thấy rồi đó, nơi ở của ông không dễ gì tìm thấy. Thế nên, người ta đã nói rằng ông chẳng cần phải có kẻ báo cho mình trước – trừ phi đó là những chỉ dẫn của nội tâm.”

“Ông chứng tỏ cái tài tiên tri của mình như thế nào?” Kadarusman muốn biết.

“Như thế này,” ông lão béo tròn nói, “ví dụ kẻ đến thăm là một người có bản tính quý tộc, thì khi đến, cho kẻ đó đã có sẵn những thức ăn, bát đĩa bằng sành và đồ dùng cho một người quý tộc.”

“Cũng y như vậy, nếu kẻ đến thăm có bản tính một tôn sư, như một *kiyai*, thì cách cụ Wanaco chuẩn bị tiếp đón ông sẽ thích ứng với một *kiyai*.”

“Vậy nên, nếu các cậu đến nhà ông, thì nên để ý tới cách ông tiếp đón mình.”

“Tụi cháu hiểu được những gì bác nói,” Kadarusman cúi mình xuống nói. “Cảm ơn bác đã chỉ bảo cho.”

Ba người họ từ biệt ông lão béo tròn. Họ đi được một phút, rồi quay đầu lại nhìn để vẫy tay chào – nhưng ông lão đã biến mất.

“Ông ấy đi đâu mất rồi?” Subuh hỏi.

Họ tỉ mỉ xem xét chỗ trống vắng vừa rồi.

“Làm gì có ai mà nhanh chóng đi vào rừng được như vậy?” Munandar lầy lăm lạ.

Họ yên lặng tiếp tục đi được một hay hai phút nữa.

“Có lẽ ông thực sự không là người phàm,” Kadarusman nói. “Có lẽ ông là một thiên thần...”

“Hay là một trong những người hầu của Kiyai Wacono,” Subuh có ý kiến. Cả ba người họ đều trầm lặng, mỗi người bận tâm với sự phỏng đoán của chính mình. Trước khi biết được bất cứ gì, họ chợt đến trước mặt một căn nhà *Joglo* của Java, và trông thấy một ông lão đang đứng trong thế chào *salaam* theo tập tục là hai tay đưa lên cao.

“Các bạn, lão đã đợi các bạn được 70 năm rồi. Xin các bạn ngồi xuống vui lòng dùng những gì lão có thể phục vụ cho.”

Người đó là Kiyai Sidik Wanoco. Subuh lấy làm ngạc nhiên về những lời nói của ông cụ: làm sao vị *kiyai* đó trông chờ họ được 70 năm, trong khi chính mình chỉ được 24 tuổi?

Sau khi 3 người họ ngồi xuống, có những kẻ từ trong nhà mang ra những chiếc bánh và chén bát lớn hơn bình thường.

“Tất cả những thứ này để cho chúng ta xả nhện?” Munandar hỏi Subuh.

“Có lẽ là để xả nhện và còn tiện luôn cho bữa ăn tối,” Subuh nói
điều mình nghĩ.

Subuh sửng sốt vì sự kì diệu đang xảy ra.

“Làm sao có thể như vậy được?” cậu thì thầm nói với Kadarusman.
“Nơi một căn nhà hạng xoàng xa cách thành phố của một *kiyai*
mà lại có lại dọn lên được những thức ăn tuyệt vời và đủ loại với
những chén bát to lớn và tinh xảo như vậy?”



Ba người họ được dọn cho những thức ăn và thức uống chứa đầy trong
những chén đĩa to lớn.

Ngay lúc đó, Subuh nhớ lại điều ông lão nhỏ bé và béo mập đã cho mình hay trước: cậu điềm tĩnh chú ý coi xem mình và bạn bè được phục vụ ra sao.

Chẳng bao lâu ông *kiyai* lại ra gặp họ nói: “Nào, chúng ta cùng nhau thưởng thức bữa ăn đạm bạc này.”

Bốn người đọc những câu kinh ấn định cho lúc hoàn thành xong *Ramadhan* và chuẩn bị xả nhịn.

Subuh mở chén bát *cangkir* đặt trước mặt mình. Cậu sửng sốt vì chén bát đó đầy nhóc thức ăn.

“Điều này chắc là cuộc thăm viếng của chúng ta sẽ mang lại kết quả hài lòng,” Kadarusman thì thầm nói.

“Em cũng nghĩ vậy,” Subuh đáp.



Hôm đó là Đêm Tha Thứ lúc cuối *Ramadhan*. Người ta đến chúc mừng *Wacono* và những người khách của ông. “Tôi đã chờ đợi ba vị này trong 70 năm,” *Wacono* nói.

Ngay lúc đó, họ nhận thấy có nhiều người - trẻ và già, nam và nữ - tụ tập bên ngoài để xin ông tha thứ cho những lỗi lầm của năm qua. Ông *kiyai* yêu cầu mọi người cùng đến chào Subuh, Kadarusman và Munandar.

“Các bạn,” ông nói với những người đã tụ họp, “lão đã đợi được 70 năm cho những vị này tới đây.”

Những người khách mới đến đó cũng lấy làm ngạc nhiên y như Subuh; họ chăm chăm ngưỡng mộ nhìn cậu.

“Sao như vậy được?” một người trong họ hỏi. “Anh chàng thanh niên kia không thể hơn 24 tuổi!”

Subuh còn lúng túng cho tới khi mọi người đã chào hỏi nhau xong để ra về. Điều khiến Subuh ngạc nhiên thêm là một bữa ăn thịnh soạn được dọn lên. Thật không thể tưởng nổi là *cangkir* của mình tràn ngập thức ăn.

Họ trò chuyện với ông *kiyai*. Nhưng khi Kadarusman xin cụ Wacono chỉ giáo cho vài điều trên con đường tu tâm, thì ông chỉ nhắc lại những chuyện về những vị xưa kia đã nhận được thiên khải.

“Hiển nhiên” cụ kết luận, “các bạn sẽ đạt được những gì mong ước – tuy thế, các bạn phải kiên nhẫn, chân thành tin cậy quy thuận Thượng Đế.”

Ngày hôm sau, họ xin được từ biệt để trở về Semarang. Chính ông *kiyai* đã tiễn đưa tới địa giới của đất đai mình.

Điều khiến họ ngạc nhiên nhất là chỉ đi một đoạn đường ngắn thì họ đã tới đại lộ. Hầu như ngay sau đó thì một chuyến xe từ Salatiga đem họ về Semarang.

“Sunan Ampel là sư phụ của Chín Vị Walis. Ông sống và tiếp nhận trong một thời kì trước khi có bất cứ vị thánh Hồi giáo nào của Java.”

“Ông chu du từ quê hương mình tới Mecca để đem chân lí của Hồi giáo về Java. Do sự tinh khiết của tâm can mình ông đã đạt được tình trạng một con người toàn thiện. Cái tình trạng đó là một linh quang. Ban đầu chỉ có một người, nhưng sau đó có nhiều người đã trở thành các vị thánh, vì họ đã được lôi kéo bởi ánh hào quang đó. Họ cũng là những người trẻ như các cậu đây, tính khí và thành phần xã hội khác nhau – vài người chỉ là thường nhân. Nhưng họ có chung một đặc điểm này: hơn bất cứ gì khác, họ đều muốn tìm thấy con đường trở về nơi Thượng Đế.”

Kiyai Abdurachman tạm ngưng nói. Ông nhìn những khuôn mặt nghiêm trang của 3 người trẻ ngồi trước mặt mình, phía trước các đệ tử khác của ông. Cả ba đều muốn hiểu được ‘bí mật của sự sống.’ *Abdurachman* thở dài trong lòng: đã có biết bao những người trẻ tuổi như họ mà ông đã trực diện, để chỉ đọc được trên vẻ mặt họ điều muốn hỏi: ‘sống nghĩa là gì?’



Kiyai Abdurachman đã học đạo ở Ai Cập trong 40 năm. Ông là một Sufi dạy kinh Quran.

Abdurachman đã qua Ai Cập ở được 40 năm – từ lúc ông còn trẻ như cậu thanh niên tên là Subuh. Ông biết được những gì những người từ Ba Tư cho tới Ấn Độ và Java mong muốn. Họ là những người trong một nền văn hóa mà tâm linh được coi trọng. Những kẻ đi tìm đạo thì có rất nhiều, nhưng những kẻ đạt được đạo lại không có là bao. Ông thường tự nói với mình là những người còn trẻ học đòi tìm hiểu tâm linh đó đáng lí ra phải nên dùng nghị lực của họ vào sự đi làm để kiếm sống.

Nhưng 3 người trẻ này thì thật đặc biệt...Kadarusman với ý chí và sự sáng suốt...Munandar với tinh thần cởi mở và sự hoạt bát...Subuh..Adurachman ngập ngừng. ‘Điều gì khiến mình ngập ngừng?’ ông tự hỏi.

Cụ già Abdurachman, một truyền nhân của đường lối tu tập cổ truyền của Sunan Ampel, một người thông hiểu những nghĩa lí thâm sâu của kinh Quran, lấy làm ngạc nhiên về giải đáp tiếp nhận được cho câu hỏi của mình.



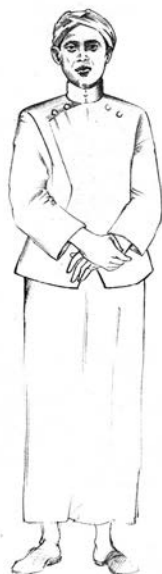
Abdurachman nói mình không thể dạy bất cứ gì cho Subuh, bởi anh sẽ được chính Thiên Sứ Muhammed truyền dạy cho.

“Nak Subuh,” Abdurachman nói ngay sau khi hết ngạc nhiên. “Tôi phải nói thẳng ngay với cậu: cậu không cần phải có một người thầy.”

“Tới lúc thích đáng, cậu sẽ được Sứ Giả của Thượng Đế, Ngôn Sứ của Allah, truyền dạy cho!”

Abdurachman nghe thấy những tiếng thở dốc của các đệ tử mình. ‘Cứ để cho họ há hốc miệng vì kinh ngạc,’ ông tự nghĩ. ‘Có ai đó phải nói cho anh bạn trẻ này biết là không phải đi tìm đạo nữa.’

“Nói cách khác, Nak Subuh, một ngày nào đó cậu sẽ gặp người sẽ vĩnh viễn là thầy mình. Chỉ lúc đó cậu mới học được những gì mình cần biết. Trong lúc này thì chẳng được gì hết nếu cứ đi tìm thầy học đạo.”



Vì Thiên Sứ đã chết, Subuh nghĩ mình cũng sẽ chết, và đó là ý nghĩa câu nói của Abdurachman. Subuh quyết định bỏ chuyện đi tìm đạo để sống một cuộc đời bình thường

Những điều cụ Abdurachman nói khiến Subuh hoang mang. ‘Lúc này mình 24 tuổi,’ cậu nghĩ. ‘Làm sao mình có thể được Ngôn Sứ Muhammed truyền dạy cho, một người sống cách đây mấy trăm năm?’ Subuh cảm thấy ớn lạnh toàn thân, vì cậu chợt nhận thức được rõ điều ông *kiyai* muốn nói là mình sắp phải chết. Trong lúc chết cậu sẽ gặp được Thiên Sứ.

Đó chính là lúc Subuh không còn muốn tìm hiểu tâm linh và những đường lối tu tâm nữa.

Chuyện ngược đời là sau buổi học đạo đó có vài đệ tử của Abdurachman đến bên Subuh để yêu cầu cậu chia sẻ với họ những gì đã tiếp nhận được.

Subuh đáp: “Mình hoàn toàn không tiếp nhận được gì hết.”

Sau phụ thân mình mất trong năm vừa qua và được mai táng gần căn nhà ở Sompok, Muhammed Subuh đem gia đình tới ở một nơi đầy đồi núi gần sông Kalisari.

Nhà ở có một hiên rộng rãi và một sân trong. Nó nằm trên một đồi nhỏ nhìn ra dòng sông Kalisari. Quanh nhà là những rừng cây và khoảng rừng thưa nhỏ bé được trồng trọt – và một vài chỗ ở khác.

Nơi chốn đó yên ổn vì là một nơi biệt lập – nhưng chung quanh dưới chân đồi có một con đường trên đó có thể thoải mái đi bộ ngang qua trước mặt một bệnh viện đang được xây cất.

Chính căn nhà đó là nơi một vài đệ tử của Abdurachman tiếp tục tới thăm Subuh. “Thỉnh thoảng thầy Abdurachman đã đề cập tới tên tuổi bạn,” một buổi tối nọ một kẻ đến thăm Subuh cho hay. Anh bạn đó đợi coi Subuh có phản ứng gì không. Khi không có gì hết, anh đánh liều nói: “Thầy Abdurachman nói là một ngày nào đó bạn sẽ được chính Thiên Sứ truyền dạy cho – nhưng trong lúc này thì bạn vẫn có thể đi dự những buổi học của thầy.”

“Tại sao lại vậy?” Subuh lẩm bẩm nói.

“Thầy Abdurachman nói là điều đó sẽ có lợi cho bạn...và có lợi cho cả chúng tôi. Vì thế cho nên mình đã tới thăm bạn – để được lợi bằng cách nghe bạn kể cho hay những chứng nghiệm của bạn.”

“Nhưng mình đã chẳng nghiệm được bất cứ gì,” Subuh mỉm cười. “Thôi mà, xin bạn dùng chút cà phê và bánh ngọt. Chắc hẳn bạn đã thấy đói và khát sau khi tới đây.”

“Không xa đâu,” anh bạn đó đáp. “Đêm nay thầy Abdurachman sẽ truyền đạo gần đây. Mình nghĩ là trước hết phải tới đây gặp bạn, nếu bạn muốn cùng đi.”

Subuh ngẫm nghĩ về những gì anh bạn đó nói. Hình như điều đó trùng hợp với lời khuyên của Kadarusman: “Adik, những gì cụ Abdurachman nói chỉ là để thử coi em, thử coi lòng chân thành tiếp nhận của em. Ông muốn em hiểu rằng nếu em nghiệm được điều gì đó phi thường, thì đó không là do ông.”

Ngay lúc đó, Supa’at đi ra ngoài cổng nhà.

“Mas, em nghe nói là đêm nay *Kiyai* Abdurachman sẽ có một buổi hội họp. Anh chắc là không muốn đi cùng em không?” Pa’at chọn phá Subuh để cậu đem mình đi gặp ông *kiyai*.

Subuh mỉm cười. “Đây chắc là một âm mưu,” cậu cười. Pa’at không hiểu được cách nói diều cọt của anh mình.

Subuh đồng ý đi cùng với Supa’at và anh bạn đến thăm, tuy trong tận đáy lòng mình cậu cảm thấy như vậy thì chẳng được ích lợi gì. Subuh không còn mong đợi gì ở việc tìm thấy một tôn sư có khả năng dẫn dắt mình; cậu cũng không còn mong đợi gì ở việc tiếp nhận được bất cứ chỉ dẫn nào trước khi mình chết. Cậu đã cam phận cuộc sống bình thường của một người đi làm: cậu đã hoàn toàn vùi đầu vào công việc mình, và sau đó nhiều giờ học môn kế toán. Tuy vẫn còn thường xuyên đến thăm Kadarusman và những thành viên của nhóm học đạo tụ họp tại nhà anh ở Kalisari, nhưng Subuh thường có thái độ thụ động giữa lúc đang bàn chuyện.

Nhận thấy điều đó, Kadarusman tìm cách đánh lạc sự chú ý, để cho Subuh được tự do ra về hay trở về phòng mình học hành...

Đêm đó là lúc cụ Abdurachman bắt đầu khai tâm các đệ tử cho lối tu tập của Sunan Ampel, cái *tarekh* của các sufi thuộc phái Naksobendi.

Khi Subuh, Supa'at và anh bạn mình đến, buổi khai tâm đã bắt đầu. Họ rón rén lặng lẽ đến ngồi nơi phía sau cùng.

Xuyên qua phía trên khoảng 30 người – mọi người đều ngồi khoanh chân trên những chiếc chiếu – Subuh trông thấy ông *kiyai* ngồi trên một chiếc ghế khắc chạm bằng gỗ. Một trong những đệ tử của ông đang nửa quỳ nửa đi tới phía ông, cố gắng làm cho đầu mình không được cao hơn đầu sư phụ mình. Người đó quỳ xuống theo nghi thức *sungkeman* của sự kính phục đối với một *kiyai*. Ông *kiyai* nghiêng mình tới phía trước, đặt tay lên đầu đương sự. Subuh có thể rõ rệt nhìn thấy từ một nơi phía sau, nhưng trông có vẻ như cụ Abdurachman đã đụng vào ngực và cánh tay đương sự. Ông *kiyai* hình như đã lẩm bẩm đọc những câu kinh khi làm như vậy. Sự khai tâm chỉ mất có vài phút.

Người đệ tử đó, trông xanh xao và thanh thản, trở về chỗ ngồi của mình.

Cụ Abdurachman nói với các đệ tử:

“Tất cả những gì con người bị thúc đẩy làm đều xuất phát từ nơi giữa ngực. Những sự thúc đẩy đó có thể xuất phát từ một trong những sức mạnh khác nhau: các sức mạnh tương ứng với trình độ sinh hoạt của vật chất, thảo mộc, thú vật và con người. Cũng có thể là bị thúc đẩy bởi những gì vượt ngoài cái thông thường – điều gì là *wahyu* hay thiên khải. Muốn biết được sự thúc đẩy hay ham muốn nào đó có đúng đắn hay không, ta phải hiểu được tính chất hay nguồn gốc của nó. Vậy nên, ta phải đạt được một tâm thức khiến có thể phân tích mỗi thúc đẩy. Nếu nhận thấy đó là một

nguồn gốc thấp hơn trình độ con người, ta phải tìm cách dần dần nâng cao nó lên tới trình độ con người. Như vậy thì phải phó thác cho Thượng Đế trước khi hành động.”

Cụ Abdurachman tạm ngưng nói, ra hiệu cho một đệ tử phía trước đến bên mình, thì thầm nói gì đó với kẻ đó, rồi nói tiếp. “Công dụng sự khai tâm này là làm cho một người nào đó thành con đường truyền dẫn cho một người khác, qua đó họ có thể ý thức được những thúc đẩy nhận thấy.”

“Subuh,” Subuh nghe thấy một tiếng nói thì thầm bên tai mình; đó là của người đệ tử mà cụ Abdurachman vừa mới gọi lên. “Ông *kiyai* hỏi xem, bạn có muốn được khai tâm hay không,” kẻ đó dò hỏi. “Nhưng ông nói là bạn không nên lẫn lộn sự khai tâm này với những gì bạn một ngày nào đó sẽ tiếp nhận được của *Rasul Allah*, Sứ Giả của Thượng Đế. Bởi cái *wahyu* đó sẽ vượt ngoài tình trạng của con người.”



Subuh cảm thấy cái chứng nghiệm nơi vị Kyai biến mất, như sương mai trước ánh mặt trời buổi sáng

Lời khuyên đó của ông *kiyai* khiến Subuh hoang mang và thất lạc, nhưng cuối cùng cậu nhận thấy mình chẳng phải mất mát gì nếu cứ làm theo. Cậu gạt đầu đồng ý.

Đêm đó lúc đã khuya, Subuh cùng với Pa'at và Kadarusman ngồi trên hiên nhà tại Kalisari trao đổi cảm nghĩ về những gì họ đã trải qua.

“Khi ông đặt tay lên ngực em, em cảm thấy một sự chấn động,” Pa'at nói.

“Đúng là vậy,” Kadarusman nói xen vào. “Bất cứ ông *kiyai* đặt tay lên đầu, anh cũng cảm thấy điều gì như sự chấn động.”

“Điều đó như là ông để lại những dấu vết trên một tấm kính đầy sương mù,” Subuh suy ngẫm. “Nhưng với mình thì những sương mù trên kính đã bay hơi, tấm kính trở nên khô ráo và mọi dấu vết đều biến mất. Một buổi sáng nọ, mình đi chân không mang giày trong lúc còn sương. Chân mình để lại dấu ấn trên nền cỏ. Lúc mình trở về nhà đi qua nơi đã qua, mặt trời đã mọc làm mất đi sương mù – nhưng mình không thể tìm thấy dấu chân mình trên nền cỏ.”

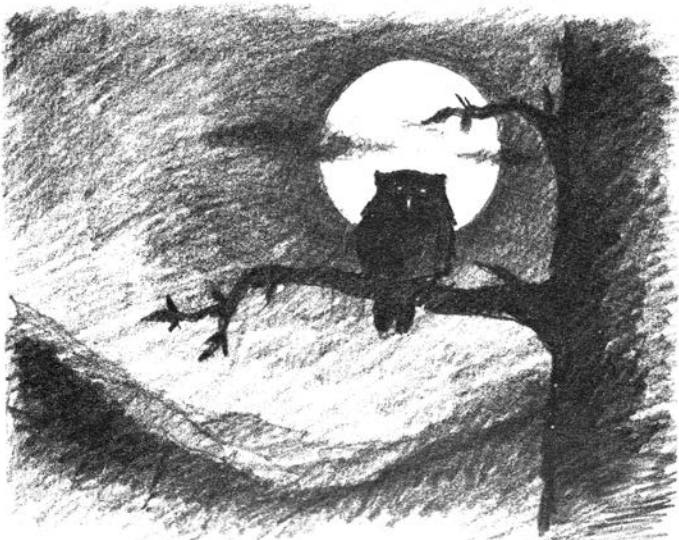
“Đó là mình cảm thấy về sự khai tâm của cụ Abdurachman. Mình cảm thấy có những dấu vết trong cảm xúc – như bị chấn động – nhưng bây giờ thì tất cả đã biến mất. Mình như bị lạc lối không còn biết đi đâu.”

III.

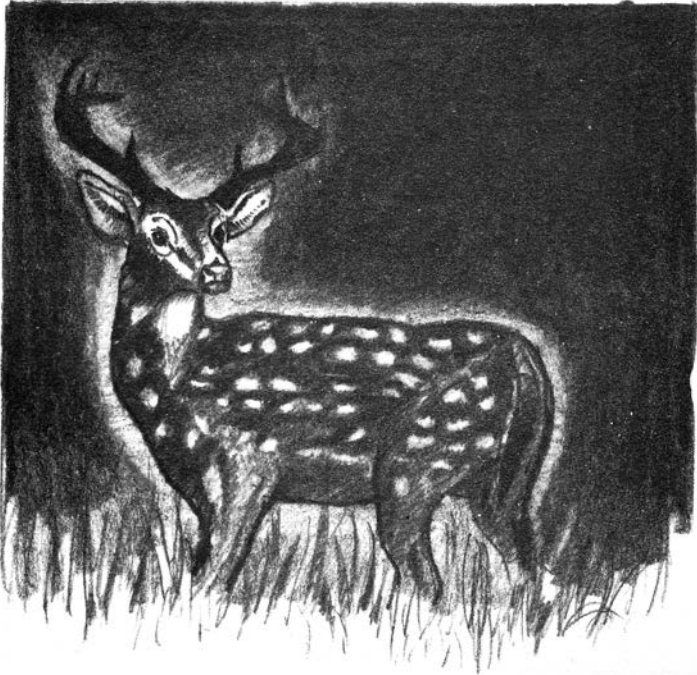
hành trình ra ngoài thiên hà

CHƯƠNG 17

Nhà của Subuh tại nơi ngoại ô của Semarang. Đồng quê xung quanh cùng với những vùng rừng có rải rác những đường mòn quanh co trên đó thường có những nông dân, những kẻ đốn cây và gặt hái cây trái trong rừng. Tuy các con cọp đã trốn tránh vào rừng sâu và hầu như không còn xuất hiện nữa chung quanh những thôn xóm biệt lập như Kedungjati, nhưng người ta vẫn còn trông thấy những thú dữ gần Kalisari.



Nai, cú, thằn lằn ăn thịt gà là những con thú thường thấy chung quanh căn nhà của Subuh tại Bergota, Kalisari.



Những con hươu đốm cũng thường được trông thấy. thỉnh thoảng có những con gấu đến gây ra tiếng động qua những bụi cây thấp. Đại bàng và diều hâu, rắn và thằn lằn ăn trứng gà, thường xuất hiện lúc ban ngày. Ban đêm tiếng cú kêu của con *burung hantu*, vang dội từ sườn đồi tới thung lũng gần Kalisari.

Supa'at thường vắng mặt tại căn nhà ở Kalisari. Trường học mình ở một nơi khá xa, nên cậu phải ngủ nhờ đêm ở nhà những thân nhân và bạn bè mình. Ibu Kursinah và cô em gái Sunarti phải trông cây vào sự bảo vệ của Subuh. Dần dần căn nhà Kalisari trở thành một nơi tụ họp, trong hay ngoài nhà, để trò chuyện và bình phẩm ngòi cho tới bình minh. Lối sống đạm bạc của Subuh và gia đình khiến nó không trở thành một mục tiêu hấp dẫn đối với những kẻ trộm đêm. Có tin đồn là một *orang sakti*, một nhà tu hành, ở gần đó – nhưng không ai biết mặt mũi ông ra sao. Những pháp thuật khét tiếng của nhà tu hành đó đã làm cho lũ cướp mất can đảm.

Những yếu tố đó tạo nên một hào quang an toàn chung quanh nhà, khiến Muhammed Subuh cảm thấy thoải mái được hưởng một trong những thú tiêu khiển mà mình thích nhất: đi dạo lúc giữa đêm.

Anh học kế toán cho tới đêm khuya. Trong lúc đó anh thường nhức đầu vì bị giam nhốt đến 3 tiếng đồng hồ trong một căn phòng.

Anh thường đi ra ngoài uống một ly trà với bất cứ ai đang ngồi nơi hiên nhà – thường thường có tối thiểu là 3 hay 4 người bạn anh. Tiếp theo, anh một mình lên đường, đi một vòng qua những khu rừng và đồng ruộng, chung quanh nơi phía sau khu vực mà bệnh viện Trung Tâm Thị Chính mới được xây cất, rồi đi về nhà dọc theo con sông của Kalisari.

Một đêm nọ, Subuh không hứng thú muốn gặp những bạn bè mình nơi hiên nhà. Anh đi ra ngoài từ cánh cửa sau nhà, ngay sau lúc 12 giờ đêm.

Khi nhận thấy anh đi dạo mà không chào hỏi mình, các bạn bè anh hiểu được ý anh nên họ quyết định ra về.

“Đầu óc anh ấy chứa đầy những con số,” Munamdar nói, khi anh và hai người bạn khác từ biệt bà mẹ của Subuh. Sự việc bất thường là Ibu Kursinah vẫn còn thức.

Thực ra, Subuh thấy rất nhức đầu vì học hành. Anh thâm sâu hít thở, đem tất cả không khí trong lành của ban đêm vào phổi, để cho những ý nghĩ náo loạn về kế toán được thoát ra ngoài óc não, khi anh đi rải bước trong ban đêm. Không có mặt trăng để nhìn thấy.

Đêm đặc biệt đó, Subuh dùng một con đường dài hơn, đến khu vực của bệnh viện vào khoảng một giờ đêm.

Ban đêm đen như mực: không có ánh sáng nào ngoài ánh sáng của những ngôi sao.

Subuh có thì giờ rảnh rỗi đi vòng quanh khu vực bệnh viện, rồi về nhà trên một con đường vắng người qua phía trước khu vực đó.

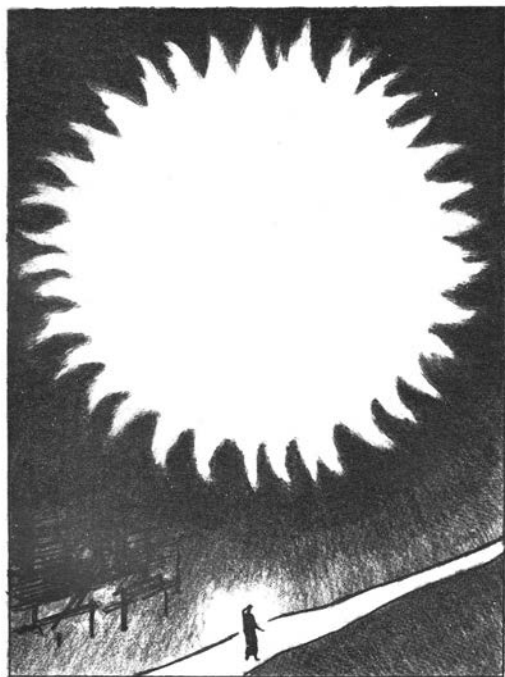
Lúc đó là 1 giờ 30 sáng.

Đột nhiên Subuh trông thấy tất cả chung quanh mình đều có ánh sáng chói lọi, như ánh sáng ban ngày.

Anh nhìn lên, mắt anh theo dõi những tia hay luồng ánh sáng.

Nơi đó, trên đầu anh là nguồn gốc của những tia sáng rực rỡ.

Subuh trông thấy mặt trời – một quả cầu chói lòa đang nhìn mình như nhìn tất cả thế giới.



Trên đường về nhà lúc ban đêm, Subuh thấy một hào quang sáng chói bao bọc mình.

Ngay cả khi anh nhìn nó, mặt trời, quả cầu ánh sáng, vẫn đi xuống.

Nó rút xuống – Subuh không thể nói là nhanh hay chậm như thế nào – nhưng quả cầu ánh sáng đó hình như rút từ một nơi rất cao, một chỗ rất xa.

Khi điều đó xảy ra, anh cực kì hoang mang, kinh ngạc.

“Mặt trời đang rút xuống vào người mình! Không thể có chuyện đó được!”

Mặt trời rút vào đầu Subuh.

Quả cầu ánh sáng đó nhập vào cơ thể anh qua đầu.



Anh trông thấy phía trên mình một quả cầu ánh sáng như mặt trời. Nó rút xuống đầu anh. Ánh sáng nhập vào cơ thể anh.

Subuh có thể cảm thấy ánh sáng nhập vào toàn bộ đầu mình, rồi vào ngực và những phần còn lại của cơ thể.

Ngay lúc đó, toàn bộ cơ thể anh bắt đầu run rẩy. Những rung động xuyên qua con người anh giống với cuộc động đất.

Toàn bộ cơ thể anh bắt đầu mãnh liệt rung động, như có những luồng điện chạy qua con người anh.

Subuh tin chắc là mình sắp chết.

“Nhưng chắc là mình chết lúc 32, chứ không 24 tuổi,” anh nghĩ.

“Chắc chắn đây là bệnh tim trầm trọng. Tim mình đập nhanh và mạnh. Điều này như những gì mình từng đọc được trong những tờ báo y học. Nếu sắp chết thì mình muốn chết ở nhà. Mình phải về nhà.”



Subuh cảm thấy mình bị bệnh tim. Cơ thể anh rung động thật mãnh liệt. Anh lao đảo bước về nhà.

Subuh hầu như không thể đi đứng.

Anh tin chắc là sự rung động mãnh liệt này tệt hại tới nỗi khiến mình sẽ bị té ngã xuống đất.

Sự báo nguy đó bắt buộc anh phải đi cho nhanh.

May mắn là chỉ còn khoảng 3 hay 400m là tới cánh cửa phía trước nhà anh.

Suốt lúc anh về nhà, cơ thể anh vẫn rung động không ngừng.

Trong khi hấp tấp bước về nhà mà không biết sẽ xảy ra gì, anh nghĩ có lẽ mình sẽ vấp té rồi chết trên đường.

Lúc tới cánh cửa mặt tiền của nhà, anh cảm thấy ngực mình càng khiến mình khiếp sợ hơn. Anh cảm thấy như mình đang lắc lư từ phía này qua phía kia, như một thân cây trước cơn bão.

Subuh đưa tay lên gõ cửa.

Trên hiên nhà vắng người vẫn còn hai tách cà phê đã nguội.

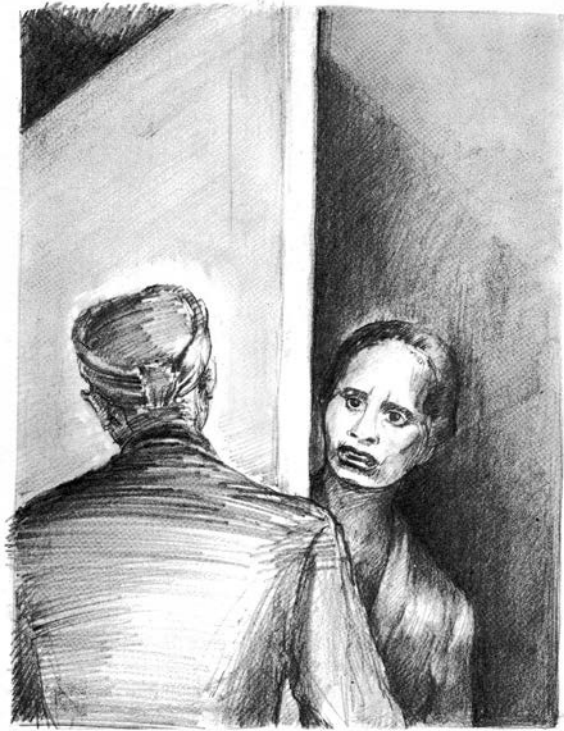
Người ra mở cửa là Ibu Kursinah. Bà không ngủ được. Bà nhìn lên khuôn mặt con trai mình. Mắt bà mở to như thấy điều gì kinh khiếp hay khó tin. Mặt Subuh trắng bệch. Bà chưa từng thấy anh tái mét như vậy. Đứng nơi hiên nhà, Subuh cảm thấy bớt bị rung động, những cảm nghĩ nao loạn cũng lắng xuống.

“Chuyện gì vậy?” bà cấp tốc hỏi. “Trông mặt con tái mét!”

“Không có gì đâu, má. Con chỉ cảm thấy không được khoẻ. Con phải lên giường nằm.”

“Thực sự không có gì chứ?”

“Không sao hết, má,” Subuh đáp khi vợ vã đi vào phòng mình.



Mẹ Subuh mở cửa hỏi: “Chuyện gì vậy, sao trông mặt con tái mét?”

Anh lao đảo đi về phía cửa phòng mình, căn phòng thứ nhì bên trái. Đã quên không cởi giày dép? Cởi rồi, những viên gạch trên sàn nhà thật êm ái, mát mẻ và sạch sẽ dưới đôi chân không của anh.

“Mình sắp chết. Mình phải phó thác cho Thượng Đế. Mình có thể làm gì khác được? Mình phải hoàn toàn phó thác cho Thượng Đế. *Allah subhana wa't'ala*”

Anh đi vào phòng. Anh lên giường nằm. Anh cố làm cho được ngăn nắp và gọn gàng. Anh đặt chéo hai cánh tay lên ngực. Anh

đợi chờ...chết. Nhưng anh không chết, mà chỉ như sắp ngủ...Anh không thực sự ngủ.

“Lạy Chúa là Đấng Cao Cả, con xin giao phó mạng con cho Chúa. Xin Chúa thương xót con.”



Anh nằm trên giường, chuẩn bị chết. Anh trông thấy toàn thân mình chiếu sáng từ bên trong. Ánh sáng đó tồn tại trong một phút.

Một vài giây phút trôi qua. Những biến động trong lòng anh có vẻ như biến thành một sự rung động tinh tế và nhẹ nhàng hơn.”

Anh hoàn toàn không biết sẽ có những gì xảy ra.

Nhưng thay vì chết, thay vì đi ra khỏi cơ thể mình, Muhammed Subuh thấy toàn bộ cơ thể mình, toàn thể bản ngã mình – từ đỉnh đầu cho tới đầu ngón tay và ngón chân – có đầy hào quang, tràn ngập thứ ánh sáng chói lòa mà anh trông thấy ban đêm bên ngoài

mình.

Subuh hoàn toàn không hiểu như vậy có nghĩa gì. Anh chỉ việc nhìn và để cho điều đó xảy ra.

Subuh nhìn vào bên trong mình. Anh thấy được toàn thể con người mình với tất cả các bộ phận của cơ thể. Anh nhìn bên trong đầu mình: óc não anh sáng chói.

Subuh cảm thấy cái ánh sáng có khắp nơi mình như những đường thẳng hay đường dây rục sáng hơn điện.

Cái chứng nghiệm trong đó Subuh thấy chính mình có đầy ánh sáng chỉ kéo dài không hơn một phút.

Ánh sáng đó chợt biến mất.

Subuh cảm thấy có những động tác xuất phát từ cơ thể mình – những động tác không chủ ý.

Anh cảm thấy chính mình, cơ thể mình, được *làm cho* cử động.

Subuh cảm thấy chính mình được khiến cho ngồi dậy. Anh chợt ngồi dậy trên giường mà không do ý muốn. Không phải là anh ngồi dậy, mà *được làm cho* ngồi dậy.

Muhammed Subuh kinh ngạc. Cơ thể anh bắt đầu tự ý cử động. Không phải là Subuh, mà là có cái gì khác làm cho nó cử động.

Cơ thể anh được làm cho cử động để anh ra khỏi giường ngủ. Những cử động đó tự nhiên khởi phát, xảy ra hoàn toàn không do ý định của anh.

Cơ thể anh được khiến cho đi từ phòng ngủ qua hành lang để tới phòng học. Nó đi vào phòng học, cùng với ý thức của Subuh, cái ý thức chỉ biết quan sát một cách khiêm tốn và kính sợ.



Chợt nhiên cơ thể Subuh cử động không do ý chí mình. Cơ thể anh được khiến cho ngồi dậy, đi đứng và làm những động tác của sự cầu nguyện.

Phòng học là một căn phòng xơ xác, thiếu hẳn các đồ đạc.

Trong căn phòng trống trải đó, nơi Muhammed Subuh thường dùng để cầu kinh, cơ thể anh đứng lại, rồi lại tiếp tục cử động.

Subuh nhận thấy cánh tay và bàn tay mình đưa lên không do ý muốn. Chúng tự động đưa lên trong thế bắt đầu cầu kinh theo Hồi giáo.

Subuh cảm thấy toàn bộ cơ thể mình với tất cả các bộ phận của nó, bên trong lẫn bên ngoài, tự nhiên cử động mà không do mình làm bất cứ gì.: cử động qua hai *raka'at* theo lối cầu kinh của Hồi giáo.

Khi làm xong hai *raka'at* Subuh cảm thấy cơ thể mình bị khiến cho xoay ngược lại. Anh cảm thấy nó được làm cho đi từ phòng học trở về phòng ngủ.

Subuh chỉ việc làm theo điều đó.

Anh không sợ hãi chút nào.

“Mình cứ để cho nó dẫn tới đâu thì dẫn,” anh nghĩ.

Anh cảm thấy hoàn toàn sáng suốt và tỉnh táo.

Anh tự hỏi không biết cái gì đang khiến cho mình đi đứng.

Nhưng anh có thể hỏi ai được? Mẹ anh đang ngủ với Sunarti trong phòng bà. Nhưng bà ấy biết được gì nhiều những gì anh biết?

Không, chỉ có một mình anh.

Anh cứ việc để cho điều đó xảy ra. Anh được khiến cho đi tới giường ngủ. Cơ thể anh được khiến cho ngồi trên giường, rồi nằm xuống.

“Tất cả những điều đó đã xảy ra không do ý định của mình,” đó là ý nghĩ tự nhiên, cuối cùng của anh. Anh cảm thấy mắt mình khép lại.

Với điều đó, Muhammed Subuh hầu như đã ngủ.

CHƯƠNG 18

Một vài tiếng đồng hồ sau Subuh thức dậy tự nói với mình: “Tất cả chỉ là một giấc mơ?”

Anh tới hỏi bà mẹ mình: “Ibu, điều gì xảy ra hôm qua vậy?”

Bà nói với anh về chuyện ra sao anh đã đến trước cửa nhà, như thế nào trông anh mặt tái mét, như thế nào bà đã lo lắng.

“Con lắc lư từ phía này qua phía kia khi đi đứng,” Kursinah kể lại. “Mẹ nghĩ là con sẽ té ngã, nhưng con đã vào phòng mình rồi khép cửa lại. Mẹ cảm thấy rất mệt mỏi, rồi vào phòng mình đi ngủ.”

Từ những gì mẹ mình nói, Subuh biết được những gì mình chứng nghiệm được là sự thật; đó không là một giấc mơ.



Từ những gì mẹ mình kể cho mình sáng hôm sau, Subuh biết chứng nghiệm của mình không là giấc mơ.

Anh đứng dậy trong phòng học và nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra. Điều đó có vẻ như là chuyện thần tiên – một điều gì không thể xảy ra. Nhưng nó đã xảy ra với anh. “Đó là sự thật – còn thật hơn – tất cả những gì đã từng xảy ra cho mình. Một chuyện không thể có – nhưng lại là thật.”

Nhưng Subuh không hiểu được mảy may những chứng nghiệm của mình thực sự có nghĩa gì. Anh quyết định phải đến hỏi cụ Abdurachman. Tình cờ tối hôm đó ông *kiyai* đến Semarang vì có một buổi nói chuyện với một vài đệ tử mình của mình.

Khi sáng hôm đó tới văn phòng làm việc, Subuh có một cảm giác đặc biệt mà mình khó mô tả được.

Một trong những nhân viên trong công sở đến gần bàn giấy của Subuh. Anh chợt có thể cảm thấy kẻ đó đang nghĩ gì. Điều đó hầu như anh có thể đọc được tư tưởng của đương sự. Cái chứng nghiệm đó khiến Subuh cảm thấy rất bức bối khó chịu.

Điều đó liên tiếp xảy ra nhiều lần, suốt ngày. Khi làm việc xong, Subuh biết là mình đã thay đổi nhiều. Anh nhận thức được những chứng nghiệm đó đã khiến mình bị tách biệt, một cách không thể nhìn thấy, khỏi những kẻ xung quanh mình.

Người duy nhất mà anh cũng đọc được tư tưởng nhưng không cảm thấy nặng nề, là Kadarusman. Subuh nhận thấy trong đầu óc của Kadarusman không có gì là khiến mình phải ngạc nhiên.

Tất cả những chứng nghiệm của mình – từ quả cầu ánh sáng cho tới việc đọc được tư tưởng – khiến anh càng muốn đến hỏi cụ Abdurachman hơn.

“Cậu không được nói với bất cứ ai về những chứng nghiệm đó,” Abdurachman nói với Subuh một đêm nọ. “Cậu được quyền có những chứng nghiệm đó. Vấn đề là không biết có những ai khác được quyền để cho cậu chia sẻ với họ hay không. Dù sao, tôi phải nói cho cậu hiểu rõ điều này. Cậu thực sự không còn cần phải đến

gặp tôi nữa để xin tôi chỉ giáo cho. Cậu trở thành đệ tử của tôi là điều không thích đáng. Như tôi đã nói, ngay từ lúc đầu cậu sẽ được Thiên Sứ Muhammed truyền dạy cho.”

“Thực vậy sao?” Subuh hỏi. Anh tỏ vẻ hoài nghi, ngay cả sau khi đêm hôm qua mình đã có những chứng nghiệm đó. “Làm sao có thể thực sự như vậy được theo những gì bác nói?”

“Điều cậu muốn nói là về Thiên Sứ?” Abdurachman đáp.

“Thực sự là vậy.”

“Khi điều đó xảy ra cho mình, cậu sẽ hiểu được. Cho tới lúc này, cậu chỉ có thể chiêm ngưỡng. Nhưng cứ tin tôi đi: sau này cậu sẽ tự mình trở nên chín chắn. Cậu sẽ như một trái chuối chín từ chuối xanh thành chuối vàng, một cách tự động, tới lúc thích đáng. Cậu không phải được ‘đào tạo’ bởi một người khác. Trong việc này thì cậu là một trường hợp thật lạ thường, thậm chí độc đáo. Subuh, cậu hãy tin tôi, tôi nói những điều đó không do tìm can hay thị dục mình, mà do điều tôi tiếp nhận được là phải bày tỏ cho cậu biết.”

“Nhưng thưa bác,” Subuh kiên quyết nài nỉ, “làm sao cháu gặp được Thiên Sứ, khi Thiên Sứ đã chết cách đây lâu rồi? Làm sao cháu nói chuyện được với người, vì người là một người Ả Rập, còn cháu thì là một người Java?”

Kiyai Abdurachman thông cảm mỉm cười. “Không ai có thể trả lời những câu hỏi đó khiến cậu hài lòng. Cậu phải có bằng chứng, trước khi có thể hiểu.”

Nói xong điều đó, ông *kiyai* ra đi, để Subuh tự hiểu lấy những ý nghĩ của mình.

Trí óc mình nghi ngờ những lời nói của ông *kiyai*, nhưng Subuh cũng biết rằng người ta không được phép nghi ngờ tôn sư mình.

Anh lấy một xích-lô *becak* đem mình tới con đường cạnh bệnh

việc, rồi đi bộ về nhà. Kết luận của anh thật đơn giản: “Nếu không giải quyết được những nghịch lý, những chuyện nghịch đời đó, thì mình sẽ không suy xét gì nữa, mà chỉ việc gạt bỏ tất cả để phó thác cho Thượng Đế.”

Ngay khi không còn tìm cách hiểu biết hay hình dung những điều đó, Subuh cảm thấy một niềm an vui khôn tả tràn ngập con người mình – điều là cao điểm của những gì anh trải nghiệm được trong đêm vừa qua. Anh cảm thấy mình gần cận Quyền Năng và Ân Huệ của Thượng Đế y hệt như đêm hôm đó. Anh nhận thức được trên thực tế mình đang trong một tình trạng quy thuận chưa từng biết tới. Anh quả thực cảm thấy mình như một đồ vật được tạo ra mà bị tước đi tất cả các quyền hành trước sự vinh quang và huy hoàng của Thượng Đế.

Kadariusman thấy Subuh đang ngồi nơi hiên nhà, thản nhiên và mãi nguyện.

“Kiyai Abdurachman nói với chúng tôi đêm hôm qua là em có bằng chứng về việc sẽ gặp một người vĩnh viễn là thầy của mình,” Kadariusman chỉ nói có thế.

Subuh cảm thấy Kadariusman biết anh sẽ có cách nào đáp lại điều Kadariusman vừa nói.

“Em Subuh,” Kadariusman nói tiếp, “sự tiếp nhận của anh về em thì có vẻ như khác hẳn, tối thiểu trong cách biểu đạt, sự tiếp nhận của ông *kiyai*. Nhưng cũng như ông ấy, anh phải chia sẻ nó với em.”

“Theo chỗ anh hiểu biết, nội dung những gì em đã tiếp nhận và sẽ còn tiếp nhận, khởi phát từ bên ngoài mong ước, ham muốn hay *nafsu*; nguồn gốc của nó nằm ngoài phạm vi hiểu biết của em, hay anh, hay bất cứ phạm nhân nào, ngay cả một nhân vật phi thường nào. Cái đó không thể truyền dạy được. Mà chỉ có thể tiếp nhận và nghiệm thấy.”

“Em đã mong nhận được Ân Huệ, cũng như anh. Nhưng em không mong muốn nữa rồi quy thuận, còn anh thì không. Vậy nên, em đã nhận được Ân Huệ.”

Subuh rút nước mắt vì vui sướng. “Mas Kadarusman, em cầu xin Thượng Đế cho lời nói của anh thành sự thật. Bởi những lời nói của anh cho em cũng là những lời nói của mẹ em khi em còn bé.”

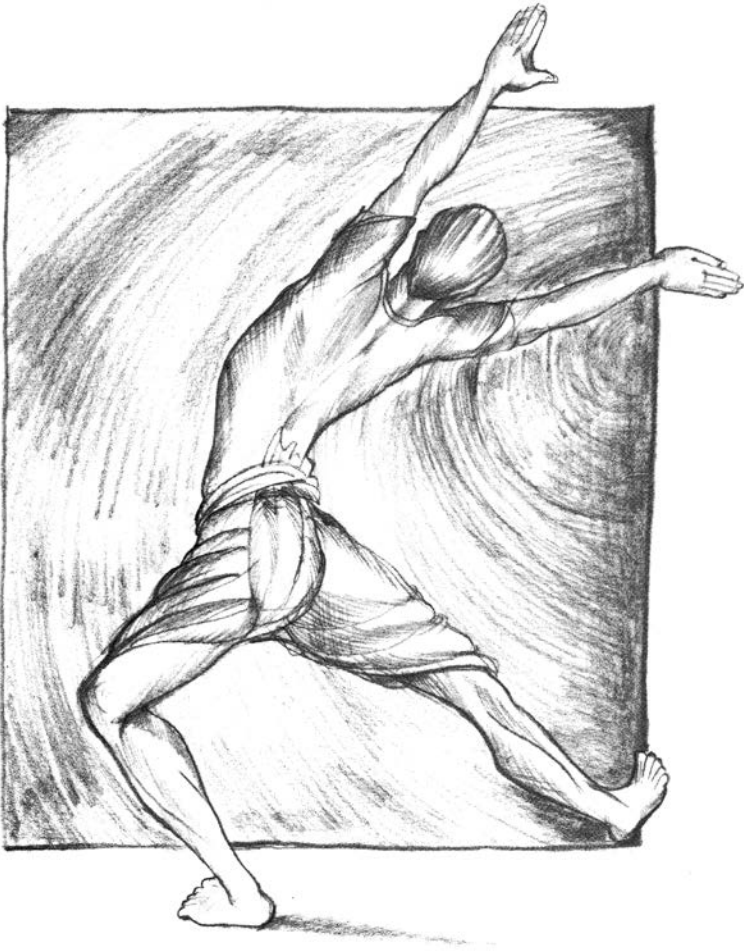
“Nếu một ngày nào đó em được phép kiểm chứng những lời nói của anh và mẹ em, thì em thực sự phải mang ơn bà và anh.”

Đêm hôm đó, Kadarusman đi về sớm hơn thông thường. Subuh cũng lui về nơi mình. Anh tắm gội theo nghi thức *wuhdu* để cầu kinh trước khi đi ngủ.

Subuh hầu như sắp ngủ thì cảm thấy mắt mình mở ra, một cách y như đêm qua.

Anh cảm thấy cơ thể mình được làm cho ngồi dậy, rồi đứng lên. Một lần nữa, cơ thể anh được làm cho đi vào phòng học.

Một lần nữa, cơ thể anh được làm cho tuân theo những tư thế cầu nguyện của Hồi giáo.



Subuh nghĩ cái ánh sáng rung động bên trong mình đang dạy mình cách cầu nguyện. Nhưng một đêm nọ cơ thể anh được khiến cho nhảy múa. Anh cảm thấy an vui như lúc cầu nguyện.

Trong một tuần điều đó xảy ra mỗi đêm.

Đêm thứ 7 anh được làm cho cử động y như trước đó.

Nhưng trước khi anh biết được điều đang xảy ra, giọng anh được khiến cho nói. Không biết được những gì sắp nói ra, giọng anh tiếp tục nói.

Subuh nhận thận thấy giọng nói anh đang ngâm những câu kinh bằng tiếng Ả Rập, để ăn khớp với những tư thế cầu nguyện theo nghi thức.

Điều đó tiếp diễn trong một tuần sau đó. Trong lúc đó, Subuh đi đến kết luận: kết quả những rung động khiến có những cử động tự phát là để cho mình cầu nguyện theo sự hướng dẫn của linh hồn.

Tuy nhiên, trong đêm thứ 7 của tuần lễ thứ nhì, Subuh nhận thấy một điều hoàn toàn bất ngờ.



Các động tác trở nên phức tạp hơn. Subuh kinh ngạc thấy không biết như thế nào mình có thể có những động tác như vậy.

Thay vì được khiến cho cử động theo lối cầu kinh của Hồi giáo, cơ thể anh được khiến cho tuân theo theo một điệu múa phong nhã. Anh thấy mình đang múa may trong căn phòng nhỏ bé mà không biết bước đi hay tư thế nào là kế tiếp. Điều anh chỉ biết là phải tuân theo những rung động khiến mình cử động. Điều khiến anh ngạc nhiên nhất là anh cảm thấy an vui phụng thờ, một điều mà từ trước tới nay chỉ là cầu kinh. Anh thấy nhảy múa có vẻ như cũng hoàn toàn là phụng thờ như cầu kinh.

Subuh tiếp tục nhảy múa cho tới lúc có những ánh sáng mờ nhạt đầu tiên của bình minh.

Các động tác giảm dần dần. Anh cầu kinh *sub'hi* rồi lên giường ngủ.

Khi thức dậy Subuh cảm thấy tươi tỉnh, như đã ngủ trọn một đêm. Anh ăn sáng rồi tới công sở mình tại trung tâm thành phố. Suốt ngày anh phải chịu đựng tình cảnh biết được ý nghĩ của tất cả những kẻ mình gặp – và để tỏ vẻ lịch sự anh phải làm như là chẳng có gì hết.

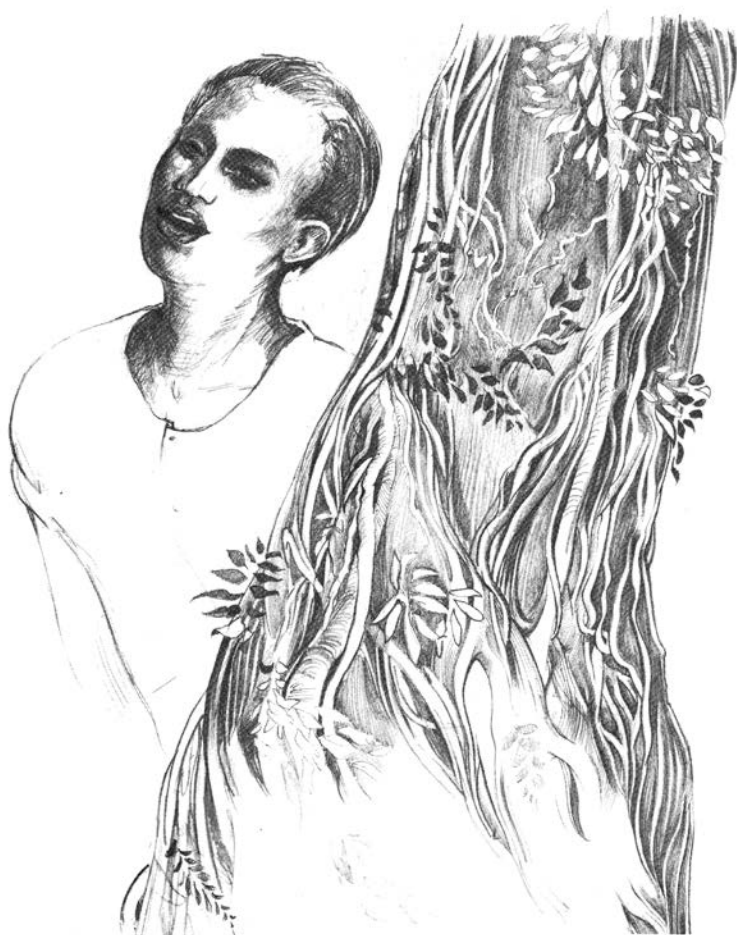
Như vậy, ngày này qua ngày kia, đêm này qua đêm nọ, Muhammed Subuh tiếp tục có những chứng nghiệm.

Hầu như mỗi đêm, anh được khiến cho thức dậy và đứng lên để liên tiếp trải qua những động tác tự phát từ bản chất mình.

Subuh bắt đầu cảm thấy như mình đang được huấn luyện. Subuh không biết mình được huấn luyện cho điều gì, và cũng không hiểu cái lô-gích hay chức năng của những động tác mình tiếp nhận được.

Anh thích thú khi những động tác đó chợt thành điều gì tương tự với lối tập võ *pencak silat*. Anh sửng sốt bởi đó là những thế võ mới lạ, chưa từng biết tới. Có những thế phức tạp và khắt khe đối với thể xác tới nỗi chính anh cũng không biết là có ai đã từng tập luyện được. Anh lấy làm kinh ngạc vì sự khó khăn của nó.

Sau một tuần hay khoảng đó với những chứng nghiệm lúc ban đêm đó, Subuh bắt đầu gọi điều mình làm là *latihan* – một sự tập luyện. Anh biết như vậy là mâu thuẫn, bởi *latihan* khiến người ta nghĩ rằng đó là điều gì làm đi làm lại *y như* trước, nhưng những gì anh được khiến cho làm mỗi đêm thì lại *khác nhau* từ đêm này qua đêm khác.



Subuh gọi những động tác tự phát đó là latihan hay sự tập luyện. Latihan của anh khiến anh ca hát trong những ngôn ngữ khác, và nghiệm được bản chất của thảo mộc, thú vật và ngay cả của đồ đạc vật chất.

“Điều duy nhất không có gì thay đổi,” Subuh nghĩ, “là quy thuận. Mình chỉ việc thư thái và quy thuận, rồi cứ để cho bất cứ những gì tự động xảy ra thì xảy ra. Như vậy phải là *latihan*, một sự tập luyện quy thuận.”

Subuh không biết mình đang phó thác cho cái gì. Anh mong rằng đó là những gì tốt đẹp, và tin rằng chắc chắn phải là vậy, bởi khi quy thuận và tuân theo các động tác, anh luôn cảm thấy an vui và gần cận Thượng Đế một cách không thể tả được.

Subuh không nói với bất cứ ai về những đêm *latihan* của mình.

Tuy đoán được là bạn mình đã thay đổi từng ngày một, nhưng Kadarusman không bàn luận với bất cứ ai về chuyện đó. Anh thường xuyên đến thăm Subuh cùng với những bạn bè trong nhóm học đạo, hay những đệ tử của cụ Abdurachman. Cái bề ngoài đặc biệt nhất mà anh nhận thấy trong những quan hệ của Subuh, là những bình luận càng lúc càng sáng sủa và giản dị của Subud về những chuyện tâm linh.

Chính Subuh cũng bắt đầu nhận thức được là thực chất và nội dung của cái *latihan* mà mình còn tiếp tục nhận được thì không thể chia sẻ được với các bạn bè mình. Cái quá trình tự phát đó chỉ anh là người duy nhất phải trải qua.

Cuối cùng cái *latihan* mà anh ban đêm nhận được làm cho những dây thanh của anh hoạt động. Subuh nghe thấy chính mình hát những bài ca và khúc ca lạ lùng và êm đẹp. Đôi khi những bài hát đó có những lời lẽ và điệu khúc bằng tiếng Java. Đôi khi anh được làm cho hát bằng những thứ tiếng mà mình chưa từng nghe thấy trước đó: có những tiếng quái lạ tới nỗi ban đầu Subuh không nhận thức được những âm thanh mà mình ca hát là của một thứ tiếng nước ngoài.

Ngay lúc anh làm quen với những lối múa, ca khúc và thứ tiếng khác nhau, những chứng nghiệm của Subuh trải qua một sự biến

đổi khác.

Anh thấy chính mình, có thể nói vậy, *đồng hóa* với chiếc đồng hồ của ông nội trong phòng học. Anh có thể trông thấy những thế giới có sự sống bên trong đồ vật bề ngoài vô tri vô giác đó.

Một cách liên tiếp anh nghiệm thấy mình là một cây bút máy, là một sách giáo khoa kế toán, là một hòn đá lớn trong vườn sau nhà.

Anh nghiệm thấy sự cộng hưởng giữa những đồ vật đó với tư tưởng mình.

Một đêm khác, anh thấy mình cảm nhận được tình trạng của những cây cỏ: cây dứa, cây tre, thân lúa.

Anh nghiệm được tính tự cho mình là trung tâm của cây cỏ và thảo mộc, và nhận thấy chúng cũng có ý thức không khác gì với loài người.

Với những chứng nghiệm đó Subuh bắt đầu hiểu được như thế nào sức mạnh những đồ vật mà thiên hạ dùng và những sinh thể thảo mộc đã ảnh hưởng tới họ.

Anh có thể xem xét, trong cảm xúc và cách thức biểu đạt, tính chất của đồ vật mà mình dùng, hay thứ rau cỏ mà mình ăn.

Chẳng bao lâu, anh cũng thấy một điều y như vậy liên quan tới các thú vật: gà, dê, bò, lợn đực, nai, cọp và chim.

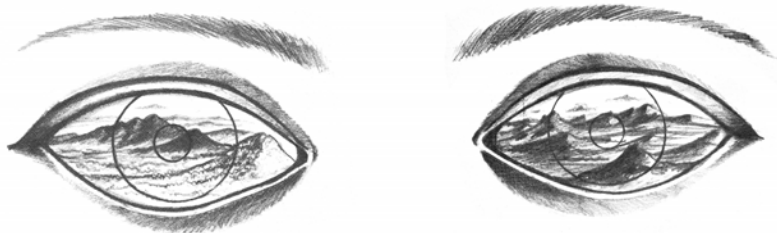
Anh nghiệm được như thế nào cái sức mạnh tương ứng với những con thú đó cách mình làm việc và cảm nhận về người khác – đặc biệt về phái nữ.

Subuh thường phải ngạc nhiên vì những chứng nghiệm ban đêm đó: nó luôn bất ngờ xảy ra. Nhưng đó cũng là những điều tức khắc khiến có bằng chứng về sự chân thực của những gì mà các hiền

nhân viết và giảng về tác động đối tâm trí của những sức mạnh vật chất, thực vật, thú vật và con người.

Sau 2 tháng với những chứng nghiệm đó, Subuh bắt đầu tự hỏi không biết còn ngủ được như bình thường hay không.

Mỗi đêm khi nằm xuống ngủ, anh cảm thấy mắt mình như sắp mở ra.



Khi Subuh đi ngủ, latihan làm cho mắt anh mở ra khiến trông thấy khung cảnh toàn thể thế giới.

Mắt anh mở ra, và một khi nó mở ra, Subuh trông thấy trước mặt mình những quang cảnh bao la. Những cảnh nhìn thấy đó thật rộng lớn và xa xôi: Subuh cảm thấy như mình được cho thấy những ranh giới tận cùng của trái đất, những phạm vi xa xôi nhất của thế giới.

Đôi khi, trong lúc cảm thấy trạng thái mắt mình tiếp tục nhìn xa rộng, Subuh lo sợ không muốn đi ngủ: anh cảm thấy mình càng lúc càng được kéo tới xa hơn; anh không biết những cảnh tượng đó sẽ dẫn mình tới đâu, hay nếu tới một nơi nào đó thì đó là một nơi vô cùng xa xôi không bao giờ tới được. Subuh tự ép buộc mình phải ăn uống cho nhiều, khiến mình trở nên uể oải, nặng nề và mệt mỏi, để cho những cảnh tượng xuất hiện trước mặt mình mất đi khiến mình ngủ được.

CHƯƠNG 19

Hôm đó là một ngày trong sáng đầu tháng chạp năm 1925.

Chuyến xe lửa đem Subuh tới Jatigora tại miền Tây Java di chuyển chậm chạp theo một nhịp điệu có sức thôi miên quen thuộc đối với anh.

Cũng cùng một con đường, cùng một tàu xe, có lẽ ngay cả cùng một toa xe mà anh đã dùng 8 năm trước để tới Surabaya.

Anh thích thú nhìn thoáng qua biển Java, màu xanh dương của nó như màu những ngôi nhà của giáo đường Hà Lan, với những bãi cát dài và bằng phẳng, màu trắng của muối.

Anh chưa từng thấy ngán nhìn qua cửa sổ những quang cảnh chạy ngang qua. Anh đã nhiều lần có một chuyến đi như vậy, và nhớ nhập tâm các phong cảnh, thôn xã, thị xã và trạm xe. Tuy quen thuộc cảnh bằng phẳng đơn điệu của bờ biển miền Bắc, nhưng anh không chán ngấy.



Subuh ngồi trên chuyến xe lửa tới Jatirogo tới thăm một thân nhân bị đau ốm. Anh thích ngắm nhìn quang cảnh.

Nhưng anh không còn chú ý nhìn nữa những phong cảnh chạy ngang qua, khi trông thấy một cô gái ngồi cách mình một khoảng cách nơi đối diện mình của cuối toa xe.

Đột nhiên cô có đó, như chưa từng có đó cho tới ngay lúc đó. Tuy nhận thức được là cô đã có thể lên xe từ một trong những trạm nào đó đã đi qua, nhưng anh lại không biết được là lúc nào, vì đã quá mải mê nhìn qua cửa sổ.



Chợt anh trông thấy một cô gái trên xe. Anh cảm thấy lòng mình tràn ngập yêu đương. Ông nội anh đã từng cho biết điều đó sẽ là như vậy khi anh gặp cô gái mình muốn cưới hỏi.

Ngay khi nhìn thấy cô, anh đã yêu cô.

Một tình yêu thâm sâu, say đắm, dâng trào trong lòng anh.

Anh không hiểu được, giải thích được tại sao.

Tình yêu đột ngột đó là một biến động mãnh liệt, dữ dội tới nỗi không thể phủ nhận.

Subuh ngồi ngay ngắn, như bị xét đánh, choáng váng và chết đứng.

Anh không ngớt chăm chăm nhìn cô; toàn thể con người anh tập trung vào con người cô.

Thỉnh thoảng cô đổi thế ngồi trên ghế. Có lần cô đứng lên để làm cho nhẵn chiếc *kain* của mình. Ngay cả trong lúc ngồi, cô giữ cho những nếp gấp chiếc *kain* được nhẵn vì những luồng gió trong toa xe làm cho nó xù lên.

Đó chỉ là những cơn gió?

Hay sự chú ý của anh đã khiến cô làm những điều cho thấy sự lo lắng?

Toàn thể tim can và óc não Subuh bị nhận chìm bởi cô gái đó.

Thân hình cô thon mảnh duyên dáng. Trán cô tròn trịa dễ thương. Xương quai hàm cô rõ nét nhưng không quá lồi. Miệng cô tỏ vẻ hơi hờn dỗi trong lúc đó; mắt cô trong sáng, đôi khi còn rục sáng.

Subuh bị thú hút tới nỗi hết sức mong muốn tới nơi cô. Nhưng anh bị giữ chặt lại nơi chỗ ngồi mình, như một đầu máy với những toa xe của nó.

Subuh như bị bắt phải phục tùng, khống chế bởi một bùa chú mà anh không thể phá. Điều này như là bất cứ động tác nhỏ nhoi nào

của anh sẽ khiến cô lao qua cửa sổ, hay biến mất vì một phép thần thông nào đó.

Ngay lúc đó anh hiểu được.

Như Sumowardojo đã tiên tri và điều đó không thể sai được: cô gái đó là định mệnh của anh. Định mệnh anh đã đến tìm anh.

Muhammed Subuh đã phải lòng một cô gái.

Cô làm cho thảng lại chiếc *kain* của mình một lần nữa, không biết đã bao nhiêu lần rồi. Cô đứng lên chỉnh lại chiếc *kain* và áo sơ-mi trắng tinh bỏ ra ngoài của mình.

Cô cử động, đi đứng.

Cô đang đi về phía anh?

Hơi thở của Subuh ngưng lại, tim anh đập mạnh, tình yêu trong lòng anh gầm thét tới đầu và ngực anh.

Cô đi xuống xe.

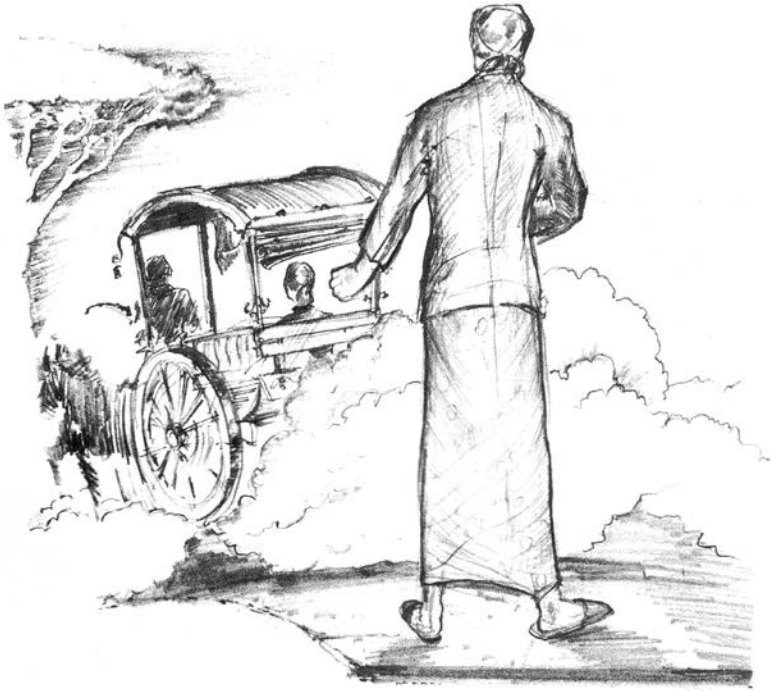
Xe đã ngưng lại? Điều đó anh đã không nhận thấy.

Subuh hốt hoảng khiến phải tức khắc hành động. Anh vội vã đứng lên, chạy qua lối đi giữa các ghế, nhảy xuống những bậc thang của toa xe và sải bước đi theo cô. Anh sẽ theo tới bất cứ nơi nào cô tới.

Anh nhìn cô đang đi một cách mạnh mẽ, trông thật đẹp.

Anh không gặp khó khăn nào trong lúc bám theo cô, để tìm xem cô ở đâu.

Nhưng điều khiến anh kinh hoàng là cô bước lên một chiếc xe ngựa kéo.



Cô gái bước xuống xe lửa rồi lên một chiếc xe ngựa kéo. Anh chạy theo cô khiến cho hầu như phải lỡ mất chuyến xe lửa của mình -nhưng ngày hôm sau anh trở lại đi tìm cô.

Chiếc xe đó đang mang cô đi.

Subuh không tin nhìn theo, lòng buồn phiền và thất vọng.

Anh đứng tại chỗ mà không thể cử động. Không phải là chiếc xe đó chạy quá nhanh. Anh có thể bắt kịp nó nếu chạy theo. Nhưng chân anh không cử động được. Làm sao anh giải thích được điều đó cho chính mình? Anh cảm thấy quá xấu hổ. Anh đã để cô đi mất!

Chiếc xe đã đi xa được một đoạn đường. Nhưng anh vẫn còn chết

điếng đứng đó, như đinh đóng cột phía trước trạm xe lửa.

Trái đất hình như không còn chuyển động nữa, nhưng xe lửa thì phải đi.

Jatigoro! Xe lửa đang khởi hành tới Jatigoro. Anh sẽ không lên xe kịp, sẽ mất chỗ ngồi và không đến thăm được người bạn đau ốm đã mời mình tới.

Có gì đó trong lòng anh làm cho óc lô-gích và tình yêu của anh được hỗn hợp đốt cháy; anh sẽ đi theo con đường thẳng của bốn phận, nhưng sẽ có một khúc quanh, và như thế nào đó nó sẽ khiến anh trở lại tìm thấy cô một lần nữa.

Subuh chạy theo xe lửa khi nó đang bắt đầu đi khỏi trạm xe. Anh nắm lấy cần xe và tự đưa mình lên xe.

Tại Jatigoro Subuh đến thăm người bạn đau ốm của mình, một người thuộc nhóm học đạo của Kadarusman.

Subuh yên lặng ngồi bên cạnh bạn mình, nhưng trong lòng anh không cảm thấy gì hết ngoài sự mong mỏi được gặp lại cô gái tại trạm Pamotan.

“Mình sẽ mua một vé xe từ Jatigoro tới Pamotan, và sẽ ở đó cho tới khi tìm hiểu được cô ấy là ai – cô ở đâu,” Subuh nghĩ.

Người bạn anh, dù đang đau ốm, nhận thấy có một biến động gì đó với Subuh. Anh chưa từng thấy Subuh lảng trí như vậy.

Sau đó, Subuh tự ép mình đến thăm một vài người bạn cùng học đạo với mình – phần đông là những đệ tử của Kiyai Abdurachman.

Tim can vẫn còn đau đớn vì nỗi mong muốn mãnh liệt mà anh không thể quên, dù cố gắng tới mấy đi nữa.

Trong tình trạng đó anh thậm chí còn đến yết kiến Kiyai

Abdurachman lúc đó đang ở Jatigoro.

Cụ Abdurachman không nói gì về tâm trạng của Subuh, mà chỉ nói về những ngày tháng ông ở Ai Cập lúc còn trẻ. Subuh hầu như không nghe thấy được những gì ông đang nói.

Sáng hôm sau, Subuh trở lại Pamotan với vé xe Jatigoro-Pamotan.

Anh quyết định tìm thấy cô gái trên chiếc xe ngựa kéo.

Anh tưởng tượng mình sẽ gặp cô ngoài phố, khi cô đi dạo hay mua đồ tại tiệm tạp hóa.

Subuh đi đi lại lại trên các đường phố khoảng mấy tiếng đồng hồ.

Cuối cùng tuyệt vọng vì không tìm thấy bất cứ tung tích nào của cô, anh đi trở về trạm xe lửa.

Phải mất một tiếng đồng hồ nữa mới có một chuyến xe về Semarang, nên anh quyết định vào uống một tách cà phê nóng tại quán nước của trạm xe.

Anh ngồi uống một tách cà phê đen pha đường và nhâm nhi một chiếc bánh ngọt.

“Lão chủ tiệm,” anh chợt nghĩ, “lão có thể biết...”

, ‘Pak,’ anh kêu gọi. Lão chủ tiệm lê bước đi về phía Subuh; anh là người khách duy nhất của lão. Lúc đó là một giờ giấc thiên hạ đều biếng nhác sau bữa ăn trưa.

, ‘Tôi có thể làm gì cho cậu?’

Subuh thu hết can đảm đi thẳng vào vấn đề. , ‘Pak, chắc bác có mặt nơi đây khi chuyển xe từ Semarang tới hôm qua?’

Lão chủ tiệm thở dài. <›Tôi luôn có nơi đây. Sao vậy?<›



*Không thể tìm thấy cô nên Subuh đến hỏi người bán cà phê tại trạm xe.
May mắn là người đó biết cô gái đó là ai và ở đâu.*

,‘Pak, tôi không biết là bác có tình cờ nhận thấy một cô gái hay không...’

Lông mi lão chủ tiệm hơi đưa lên cao.

,‘Một cô gái bước xuống xe lửa rồi leo lên một xe ngựa kéo.’

,‘Thì ra là vậy!’ lão nói. ,‘Cậu muốn nói tới cô gái xinh đẹp với áo cánh màu trắng?’

Subuh hơi thở dốc khiến dễ nhận thấy. ,‘Đúng là cô ấy,’ anh đáp.

,‘Một cô gái thật dễ thương,’ lão chủ tiệm mỉm cười.

,‘Vậy thì bác biết cô ấy là ai?’ Subuh hầu như không thể chế ngự cảm xúc của mình.

,‘Còn biết cô là ai và ở nơi đâu,’ lão đáp. ,‘Thế nào, cậu dùng thêm một tách cà phê nữa? Còn nửa tiếng đồng hồ nữa xe lửa mới tới.’

Ngồi trên xe lửa, Subuh có thể nghe thấy những buổi trò chuyện về hôn nhân trước kia với bố mẹ mình.

Họ rất mong muốn cho anh lập gia đình!

“Bapak, làm sao con có thể lập gia đình được?” anh hỏi bố mình sau khi họ vừa tới Sompong ở. “Con không có đến một chiếc giường cho mình, con hầu như không có đầy đủ quần áo, và đôi khi chúng ta cũng có đủ những gì để ăn.”

“Nak, tuy thế con vẫn phải lập gia đình,” Chasidi nói. Cánh tay dựa trên giường, ông trừng trừng nhìn con trai mình. Tuy yếu sức vì bệnh tật, mắt ông rục rỡ sinh lực.

“Nhưng bố thấy đấy, nếu có thêm một người nữa trong gia đình thì...”

“Điều đó không như con nghĩ,” Chasidi cương quyết đáp. “Cứ lập gia đình rồi sẽ thấy. Trời sinh voi sinh cỏ.”

Subuh mong muốn cho bố anh lúc này còn sống: còn sống đang đợi chờ anh về Semarang. Anh có thể nghe thấy chính mình đang nói: “Bố, con muốn lấy vợ; bố giúp con lấy được người con yêu.”

Nhưng mẹ anh vẫn còn đó; bà cũng sẽ sung sướng như anh, sung sướng vì mối tình không thể phủ nhận đó.

Xe lửa có vẻ như chạy thật chậm một cách không kham nổi. Chẳng có gì để nhìn qua cửa sổ – đêm đã tới.

Anh có thể nhờ cậy ai để tiếp xúc với gia đình của Rumindah? Lòng anh vui sướng khi anh nghĩ tới tên cô.

Rumindah...

Ngay lúc đó anh nhớ tới Sailan Sastroatmojo, một người bạn tốt trong công sở.

“Sailan quê quán ở Rembang,” anh nghĩ “mà Rembang thì gần Pamotan, và ở những thị xã gần nhau thì người ta thường quen biết nhau.”

Ngay sau khi trở về Semarang, Subuh đến thăm Sailan.

Anh kể cho vợ chồng Salan mọi chuyện đã xảy ra với mình và tất cả những gì mình tìm hiểu được từ lão chủ quán.

Ibu Sastro là người đầu tiên lên tiếng: “Nếu điều lão chủ quán nói là đúng, thì đó là con gái một người em ông *iman* ở Pamotan. Cô vẫn còn đi học ở Rembang. Chắc cô đã tới Pamotan để thăm gia đình trong một hay hai ngày.”

Hai tuần sau, Subuh và Salan ngồi trong một phòng khách ở Rembang.

Những chiếc ghế nặng nề, hầu như toàn màu đen, trên đó họ ngồi là thứ gỗ tạc chạm. Những ghế đó được làm ra chỉ để dựa lưng, chứ không để ngồi ngay thẳng. Subuh ngồi ngay thẳng, nơi mép ghế.

Phòng khách nhìn ra một khu vườn qua hai cửa sổ. Các cửa sổ đều mở và những cửa kính màu đỏ hồng ngọc, xanh lá cây và vàng nâu rọi những ánh sáng êm dịu tô màu trên chiếc bàn tròn bằng gỗ tếch.

Phòng ăn có một gương soi mà khung bằng hợp kim thiếc.

Chính trên kính gương soi đó mà sáng hôm đó Subuh lần đầu thoáng nhìn thấy khuôn mặt của Rumindah.



Subuh đi cùng với Sailan, một người bạn mình, để xác định đó đúng là cô gái mình mong ước. Anh nhận ngay ra cô.

Cô đến từ nhà bếp qua phòng ăn. Những cánh cửa mở nửa chừng khiến không thể nhìn thấy cô, nhưng gương soi đã phản chiếu hình ảnh khuôn mặt cô, một cách thoáng qua, khi cô di động.

Subuh hạ thấp đôi mắt mình xuống. Anh tránh nhìn cô, khi cô đem trà và bánh kẹo tới cho mọi người dùng.

“Bapak Sastro, thì ra là vậy,” người cha cô nói. “Chuyện này thật trùng hợp – người bà con của anh là một thông gia của ông anh tôi.” Ông tạm ngưng nói rồi nhìn Subuh một cách hiểu biết. “Còn anh bạn trẻ Subuh đây – anh nói là anh bạn này làm chung tại *Gemeente* với mình?”

Sau khi biết chắc được Rumindah là ai, Subuh về thẳng nhà đêm hôm đó.

Mẹ anh đang đợi chờ anh. Ibu Kursinah nhận biết được từ khuôn mặt của anh là anh đã gặp được người mình yêu.

Subuh tắm gội, cầu kinh rồi ngồi trong một lúc để cho những cảm xúc của mình được yên lặng.



Kursinah, mẹ anh, chúc phúc cho anh cưới hỏi Rumindah.

Anh quỳ gối trước mặt mẹ mình, cúi đầu xuống tới tầm chân bà trong thế sungkem.

“Ibu, con xin phép và sự chúc phúc của mẹ cho được lấy vợ.”

“Ibu cầu nguyện Thượng Đế sẽ chúc phúc cho ước nguyện và hôn nhân của con, cho phép và chúc phúc cho con theo Ý Thượng Đế.”

Vẫn còn đang quỳ, Subuh ngẩng đầu lên hỏi

“Ibu sẽ đi cùng con tới hỏi cưới Rumindah?”

“Ibu sẽ đi,” bà nói.

CHƯƠNG 20

Hôm nay là ngày thứ 1000 kể từ lúc Subuh trông thấy mặt trời rớt xuống nơi con người mình ở Semarang. Bệnh viện tại đó quả cầu ánh sáng hiện ra, đã được xây cất xong. Bây giờ Muhammed Subuh tậu được 4 chiếc giường bằng gỗ và một bàn ăn với ghế ngồi.



Bệnh viện bên cạnh nhà của Subuh đã xây cất xong.

Anh còn được tăng lương tại công sở *Semarang Gemmente*.

Và anh cũng kiếm được một công việc kế toán làm ngoài giờ, khiến nhận được một số tiền tương đương với của *Gemeente*.

Anh mua căn nhà Kalisari mà mình đã thuê, sửa sang nó lại với gạch, vữa và hồ.

Supa'at sắp lập gia đình, còn Sunarti thì học xong nhà trường.

Chín tháng sau khi thành hôn với Muhammed Subuh trong tháng 10 năm 1926 Ruminah mang bầu đứa con đầu tiên. Đứa bé gái đó – Siti Rahayu – sinh ra ngày 13 tháng 3 năm 1928.

Đối với Subuh, cuộc sống gia đình như là đầy đủ: anh và Ruminah có một đứa con; bà mẹ và mấy đứa em mình được an toàn; mọi người có đầy đủ những gì để ăn.

Mỗi đêm Subuh vẫn còn học kế toán.

Sau khi học hành, đôi khi sau một giấc ngủ ngắn, cặp mắt của Subuh thường mở ra – như đã mở ra hầu như mỗi đêm trong 1000 đêm – và anh thường được làm cho tuân theo những động tác của cái *latihan* của sự quy thuận mà anh đã nhận được.

Đối với Subuh sự tập luyện theo những động tác đó hình như là muốn truyền dạy cho mình nhận thấy – trong mọi khía cạnh cuộc sống – sự khác biệt giữa hành động theo ý chí, tư tưởng và thị dục với hành động theo sự thúc đẩy của phần thâm sâu của bản chất mình.

“Điều này như là mình phải *học lại* mọi thứ trong một trạng thái hoàn toàn quy thuận, phục tùng và tự động tuân hành,” Subuh suy nghiệm.

Không có một hành động hay việc làm nào mà Subuh không thể nghĩ là không trải nghiệm trở lại tới một mức độ nào đó trong

1000 ngày đã qua.

“Trước kia mình thường hát,” anh nghĩ, “nhưng bây giờ thì như là mình *được làm* cho hát từ đáy lòng.”

“Trước kia mình thường nói ‘Tôi muốn đi đứng’ rồi thì mình đi đứng, nhưng bây giờ thì lại nghiệm thấy mình *được làm* cho đi đứng ngoài ý định, ý chí hay sự trông đợi.”

Tất cả những điều khác đều như vậy – suy nghĩ, học hành, ăn uống, nói năng, chơi nhạc *gambang*, bóc vỏ một trái chuối, bồng bế bé Rahayu, ăn ở với Rumindah.

Muhammed Subuh phát hiện được điều này là trong 1000 ngày những động tác của cái *latihan* quy thuận mà anh tiếp nhận, không chỉ hạn hẹp trong những lúc tập luyện ban đêm, mà còn xâm nhập vào cuộc sống thường nhật lúc ban ngày.

Chợt nhiên trong công sở anh thấy mình được khiến cho làm công việc mình theo một cách mới mẻ, được khiến cho từ đáy lòng làm những điều mà mình luôn làm với sự tập trung hay nỗ lực của ý chí.

Trong khi đang dùng một bữa ăn mà Rumindah đã làm, anh chợt thấy mình được khiến cho ăn, nhai và nuốt theo một cách mà anh chỉ có thể coi là phụng thờ.

Anh thường cảm thấy từ đáy lòng mình phát khởi một sự rung động, một sự lắng lư *từ bên trong*. Tự nhiên anh có thể cảm và trông thấy thực chất của những thứ mình ăn. Như thế, anh bắt đầu tự mình nghiệm được những đồ mà mình ăn, tuy bề ngoài có vẻ bất động và như chết, là những gì có đầy yếu tính của sự sống.

Cái yếu tính đó, như yếu tính của nội tâm mình mà anh đã chứng kiến trong 1000 ngày, cũng sống động và sáng suốt.

Yếu tính của thứ mà anh ăn kết hợp với một yếu tính tương đồng

của bản chất anh. Khi anh được khiến cho ăn uống bởi cái *latihan* của quy thuận, sự gập gờ của những yếu tính đó trong lòng mình khiến anh cảm thấy sung sướng, an bình và như đang phụng thờ.

Như khi ăn theo cách thông thường, chỉ vì đói, anh không nghiệm thấy bất cứ gì như vậy.

Tuy nhiên, điều ấn tượng đối với Muhammed Subuh là cách cái *latihan* đó có vẻ như hết sức thâm sâu tác động tới Ruminah, cô vợ trẻ của anh.

Điều đó bắt đầu xảy ra ngay sau lễ cưới.

Cái *latihan* mà chỉ mình được cho tuân theo trong phòng học đêm hôm đó là một *latihan* đầy những rung động mãnh liệt.

Có lần Subuh đã đụng vào một ổ điện và cảm thấy sức mạnh một cơn đau ê ẩm cháy bỏng của kẻ bị điện giật.

Trong cái *latihan* của đêm tân hôn – lúc đó là mùng 9 tháng 10 – anh cảm thấy tất cả sức mạnh nhưng không là cơn đau của một luồng điện.

Anh kinh ngạc khi cô vợ anh nói với anh, sau khi anh đã lên giường, là cô cũng nghiệm thấy y như vậy. Nhưng anh đã không nói cho cô hay bất cứ gì về cái *latihan* của anh.

Đêm này qua đêm nọ, ngày này qua ngày kia, Subuh không thể không nhận thấy điều này: Rumindah đang tiếp nhận được những gì mà anh đã tiếp nhận trong *latihan*. Anh cũng có thể thấy là cô đang chứng nghiệm được quá trình tu tập của chính anh. Cô đang tuân theo cái *latihan* của chính cô.

Ban đầu, Ruminah cho những chứng nghiệm tự phát, những động tác, hiển thị và giấc mơ của mình là do mối tình mà cô cùng Subuh chia sẻ.

Mẹ cô chưa từng nói cho cô hay về những khía cạnh phi thường của mối tình giữa vợ và chồng. Ruminah rất lấy làm lạ về cách những người nam và nữ giấu kín 'bí mật của sự sống' đó.

Cho tới khi một ngày nọ Ibu Kursinah nói với mình, cô mới biết rằng nguyên nhân khiến mình chưa từng nghe nói tới những chuyện đó là vì không có nhiều người đã từng nghiệm được.

Muhammed Subuh coi việc vợ mình cùng chia sẻ với mình những chứng nghiệm của mình là một bằng chứng sống động về câu châm ngôn cổ xưa này: khi một người nam và nữ thành hôn, họ trở thành một người duy nhất.

Cái tinh trạng duy nhất đó bắt đầu biểu lộ trong cuộc sống hằng ngày của họ theo vô số cách khác nhau.

Một đêm muộn nọ trong tháng 4 năm 1928 là lúc Subuh đang trên đường đi về nhà. Anh đi về sau một buổi làm việc kế toán, cảm thấy đói và khát.

"Mình cảm thấy muốn dừng chân lại tại một *warung* để ăn nasi rames," anh nghĩ. Anh thích món ăn gồm gia vị, thịt và rau cải đó. Nhưng rồi anh lại nghĩ: "Không được, Ruminah đã nấu một món ăn nào đó rồi."

Anh chống lại sự cám dỗ của những tiệm ăn trên lề đường, và đi thẳng về nhà.

Sau khi anh tắm rửa và cầu kinh xong, Ruminah dọn bữa ăn lên cho chồng mình. Cô vẫn còn trẻ, nên những món cô biết nấu có phần không được là bao.

"Mas, em không biết đêm nay nấu món gì, nên lấy thứ này trộn với thứ nọ. Em mong là anh ăn được."

"Nhưng Ruminah!" anh la lên, sau khi nếm thử món đó. "Đây là *nasi rames!*"



Mỗi bữa ăn Ruminah tự mình nấu nướng.

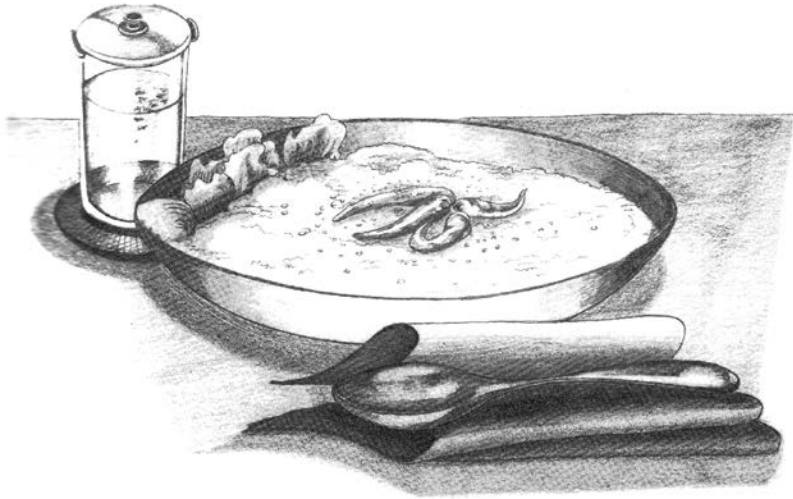
“VẬY HẢ? ẤY CHẾT. MAS, EM KHÔNG HAY GÌ HẾT. ĐỂ EM LÀM MÓN GÌ KHÁC CHO?”

Subuh chỉ nói: “Không, cái này rất ngon và đó chính là cái anh muốn ăn đêm nay.”

Ruminah tự mỉm cười với mình. Những chuyện như vậy đã xảy ra không biết bao nhiêu lần rồi?

Cô không biết phải nấu ăn những gì, hay lúng túng không biết phải làm gì. Nhưng rồi chợt nhiên cô nghĩ được: «À, mình sẽ nấu ăn theo cách này» hay «À, mình biết sẽ phải làm gì.»

Mas Subuh về tới nhà, thì điều này như cô đã biết được – đúng ra là được *chỉ cho thấy* – những gì anh muốn ăn hay những gì cô cần phải làm cho anh.



Subuh ngạc nhiên thấy Ruminah nấu đúng những món mà mình muốn, tuy anh không phải nói cho cô biết.

Có gì đó trong lòng cô vừa cho cô biết là bé Rahayu sắp thức dậy và muốn ăn uống. Cô không bao giờ phải nhìn cái đồng hồ của ông nội Subuh để biết được giờ giấc – và đưa bé hầu như không bao giờ thức dậy mà không có Rumindah đó để chào hỏi nó.

“Mình là một người vợ và người mẹ có giác quan thứ sáu?” Rumindah tự hỏi. Nhiều người nói là như vậy. Nhưng đối với cô, những giây phút khiêm tốn dựa vào trực giác đó là một phần nhỏ bé thuộc lĩnh vực những chứng nghiệm của nội tâm mà cô cảm thấy mình chia sẻ với chồng mình.

“Mas, em đi lo cho đứa con đây – tới lúc cho nó ăn,” Rumindah dịu dàng nói. “Em đã pha vài tách cà phê...”

“Có ai tới thăm?”

“Em đã chuẩn bị cà phê cho anh trong trường hợp có người đến.”

Lúc đó đã là đêm khuya. Subuh thường học hành một tiếng đồng

hồ rỗi đi ngủ, để có một giấc ngủ trước khi bị *latihan* mình làm cho thức dậy.

Có ai đó gõ cửa trước nhà.

Subuh nhìn qua cửa chớp và nhận ra người bạn mình, một đệ tử của Abdurachman – Subuh quen biết kẻ đó trước khi mất liên lạc với ông *kiyai*..

Điều đó xảy ra cách đây hơn một năm rưỡi: Subuh đã chán ngán vì chuyện người ta nói là anh sẽ được Thiên Sứ Muhammed truyền dạy cho. Anh cũng bận bịu với những công việc của mình. Trong khi đó thì những *latihan* ban đêm của anh đã diễn biến một cách độc lập, không chịu ảnh hưởng của bất cứ tôn sư hay đường lối tu tập nào quen thuộc với các bạn bè mình. Subuh thấy giữa mình và họ không có nhiều mẫu số chung, nên cũng không có nhiều chuyện để nói.

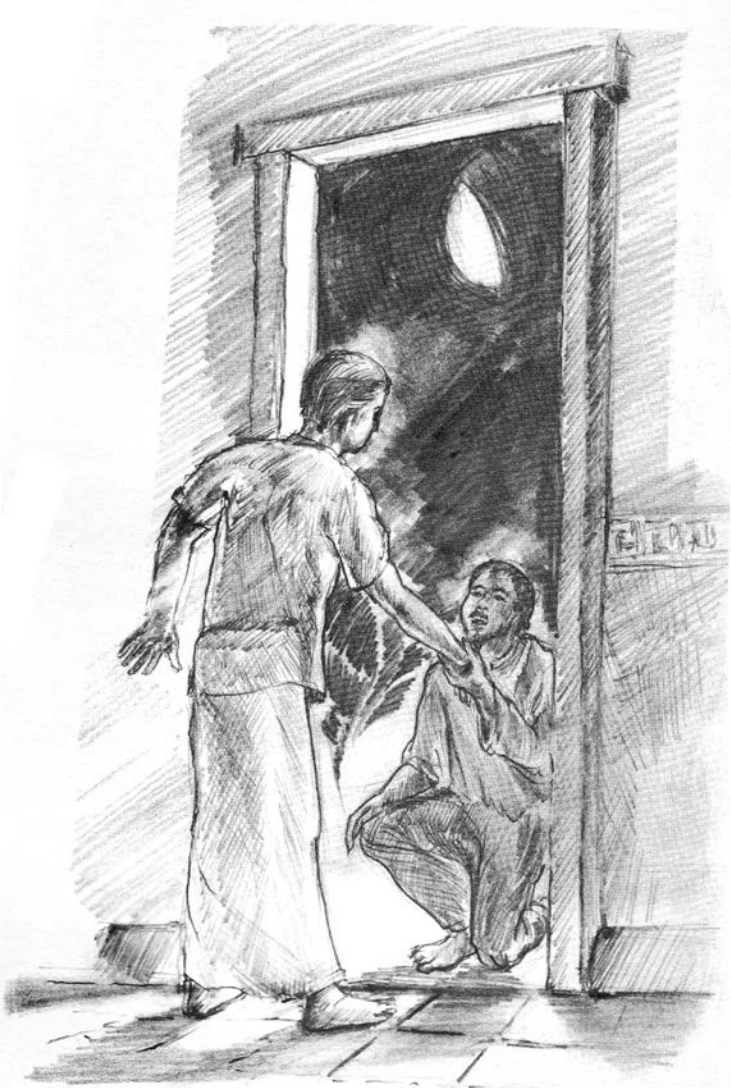
Hậu quả là Subuh không còn liên lạc với họ: không còn hứng thú muốn tìm biết những giáo lý của *Kiyai Abdurachman* hay hiện nay ông ở đâu. Một vài người thuộc nhóm học đạo thỉnh thoảng tới thăm anh, nhưng chỉ có *Kadarusman* là người thường xuyên đến. Khi đến thăm anh thường mang tới cho Subuh và *Ruminah* những *oleh-oleh*, những món quà mà anh mua trong những chuyến du hành của mình.

Nhưng người đến lúc này là *Raden Sudarmo Hadiprojo*, một người mà Subuh đã không gặp lại gần như một năm qua.

Subuh chỉ vừa mới mở cửa, thì *Sudarmo* đã xông vào nhà nắm hôn bàn tay của anh.

Subuh hết sức ngạc nhiên nhưng vẫn còn đủ bình tĩnh để mời người bạn mình ngồi.

“Mas Darmo, xin mời anh ngồi – ngồi đây nghỉ lấy hơi.” *Sudarmo* tỏ vẻ rất căng thẳng.



Một đêm nọ một người bạn chạy vào kính cẩn hôn trên tay Subuh, nói rằng mình trông thấy một ánh sáng chói lòa trên căn nhà của Subuh. Nhiều người bắt đầu đến thăm anh sau vụ đó.

Subuh đi lấy những cà phê mà Rumindah đã chuẩn bị trước cho.

Trong lúc đó, hơi thở của Sudarmo trở lại bình thường, cơn xúc động của anh giảm bớt và khuôn mặt anh trở nên điềm nhiên.

“Mas, xin tha thứ cho em,” Sudarmo bắt đầu nói. Đây là lần đầu tiên anh xưng hô gọi mình là ‘em’. Subuh kém Sudarmo vài tuổi: lối xưng hô đó khiến anh khó chịu.

“Em phải chạy trên đường để tới gặp anh.”



“Mình chạy suốt dọc đường để tới đây gặp anh,” Sudarmo nói.

“Từ đâu?” Subuh hỏi.

“Từ nơi giảng đạo của thầy Abdurachman.”

“Ừa, mình không biết là ông ấy đang có mặt ở đây,” Subuh nói. “Nhưng mình đã mất liên lạc với ông mấy tháng nay rồi,” anh mỉm cười.

“Mas, lúc đó em đang đợi chờ nghe ông kiyai giảng đạo, thì đột nhiên em trông thấy một ánh sáng chói lọi từ trên trời rớt xuống nơi cao nhất của nhà anh.”

“Căn nhà này?”

“Đúng đó,” Sudarmo đáp. Anh hết sức nghiêm túc chăm chăm nhìn Subuh rồi hỏi: “Ánh sáng đó – cái *wahyu* đó, cái đó có là thiên khải hay không?»

“Mình không biết,” Subuh chân thành đáp. “Biết được hay không là điều hoàn toàn tùy thuộc quyền năng của Thượng Đế. Theo mình thấy thì những con người như chúng ta đây chỉ có thể đợi chờ, quy thuận và tuân theo Ý Thượng Đế.”

Nhưng với Sudarmo điều đó là một ấn tượng sâu xa, thậm chí anh còn bàng hoàng vì những gì mình đã chứng kiến.

Trước khi ra đi anh nói: “ Anh Subuh, em chỉ có một điều duy nhất yêu cầu anh. Xin anh nhận lấy cho lời thỉnh cầu của em, nếu Thượng Đế cho phép anh.. Xin anh giúp đỡ và chỉ dẫn cho em.”

CHƯƠNG 21

Rumindah kinh hoàng nhìn khi Muhammed Subuh lặn mình xuống từ ngọn đồi đầy cỏ tới mép sông.

Anh đã té ngã? Anh đã bất tỉnh?

Cô giữ chặt hơn bé Haryadi vào ngực, hấp tấp chạy ra từ nhà để coi xem chồng cô có bị thương tích hay không.

Ngay khi qua hiên nhà, cô yên lòng thấy Subuh đứng bật dậy trước khi lặn mình xuống nước. Anh chạy ngược lên đồi trở lại. Điều khiến cô kinh ngạc là anh lại nằm té trên mặt đất, rồi lặn mình xuống phía dòng sông một lần nữa.

Rumindah đứng do dự nơi cổng nhà.

Chồng cô hiển nhiên đã không bị thương tích gì. Nhưng có ai khác đã nhìn coi? Cô lo lắng liếc nhanh chung quanh mình. Cô cảm thấy má mình ửng đỏ.



Subuh tiếp tục tập latihan. Có những lúc nó khiến anh chạy lên chạy xuống những ngọn đồi. Anh tuân theo những động tác dẫn mình tới bất cứ đâu.

Cô sẽ phải nói gì đây cho bà bán trứng, nếu bà lão đó thì thầm nói với mình: “Này cô, hôm nọ tôi trông thấy anh chồng đẹp trai của cô lặn mình xuống đồi.” Rumindah có thể cảm thấy chính mình phải bối rối khi chỉ việc nghĩ tới điều đó. “Hay chắc là anh ấy đã ăn phải thứ gì đó?” cô tưởng tượng đó là điều bà bán trứng đang nói.

Rumindah lắc đầu tỏ sự nửa thất kinh, nửa thương hại. Cô biết điều gì đã khiến chồng mình hành động một cách kỳ quái như vậy. Đó là cái *latihan* mà anh tuân theo, sự ‘giao tiếp’, như điều anh gọi, ‘ với sinh lực của vũ trụ.’

Những điều như vậy đã xảy ra trước đó. Không thường xuyên, chỉ lúc này và đôi lần.

Cô nhớ tới lúc trong tháng vừa qua khi cô thức dậy lúc 3 giờ sáng. Subuh không có trên giường. Chắc anh đang trong phòng học tuân theo latihan. Cô muốn vào phòng tắm nên mang đôi dép lê, kiểm tra coi bé Haryadi còn ngủ hay không, rồi vào phòng khách qua sân sau nhà.

Đêm hôm đó sáng ngời, đầy ánh trăng soi.

Rumindah nhận thấy ánh trăng soi qua cánh cửa mặt tiền đã mở. Ai đã mở cửa. Tất cả những người đến thăm đã ra về lúc nửa đêm, và khi Mas Subuh đi ngủ lúc 12 giờ 30, anh đã nói với cô là mình đã đóng cửa rồi.

Ai đã làm cho cửa mở ra?

Cô biết người đó là ai trước khi dòm ngó qua cửa.

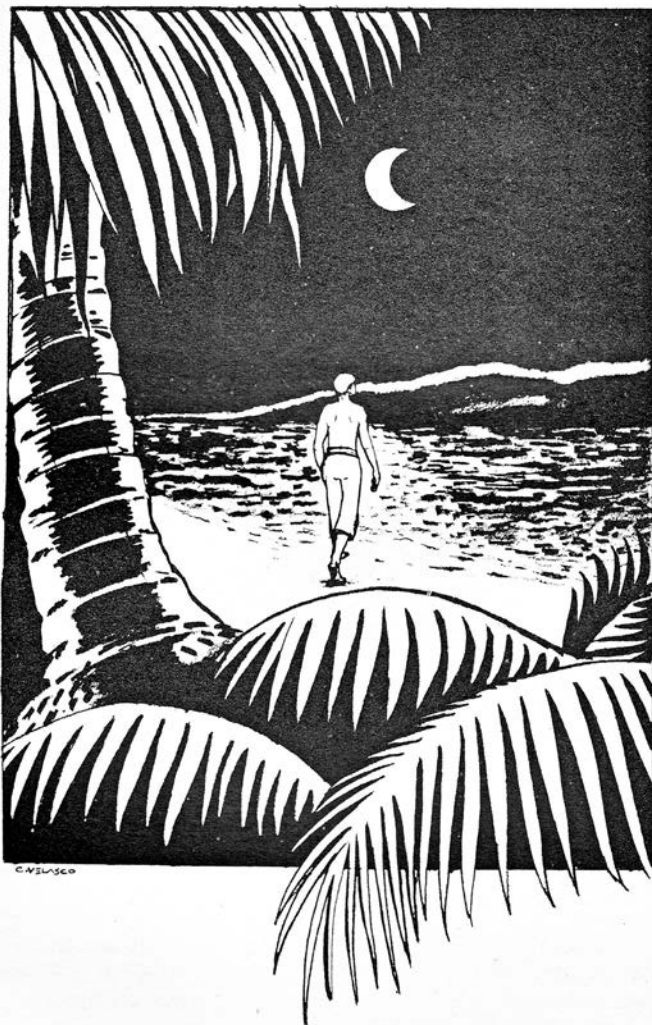
Cô trông thấy hình dáng cao hơn mức trung bình của chồng mình, ngực để hở, chỉ mặc quần đùi, đi xuống sườn đồi tới phía Kalisari.

Có ai đã từng bơi lội trên sông lúc 3 giờ sáng? Rumindah chưa từng làm vậy. Cô thở dài đi tới phòng tắm nơi sau nhà. Làm vậy còn tốt hơn là cản trở anh bằng cách hỏi anh đang làm gì. Anh sẽ chỉ nói một điều y như nhau: “Anh đang tuân theo những động tác của mình đưa mình tới đâu.”

Rumindah ngưỡng mộ đức tin của anh. Tuy lối giáo dục nghiêm khắc theo Hồi giáo của mình đã không chuẩn bị cho mình chấp nhận sự lập dị của Subuh, nhưng cô thấy điều đó không ăn nhằm gì: anh cao lớn và có tính đàn ông; anh làm việc nhiều; thiên hạ từ khắp nơi tới ngồi bên anh để hỏi anh những chuyện này nọ, tuy anh chỉ mới 30; và điều hệ trọng nhất là anh yêu cô.

Không, những chuyện kỳ quái mà sự quy thuận của anh khiến anh làm, không ăn nhằm gì – miễn là không có ai trông thấy.

“May là nhà vợ chồng mình xa cách những nhà khác,” cô thở dài.



Một đêm nọ latihan dẫn anh tới bờ sông...

Cô vuốt ve trán đứa con mới sinh, ru cho ngủ rồi trở về nhà.

Cuộc sống lúc này trở nên bận rộn với thêm hai đứa con. Rahayu đã 3 tuổi. Cô bé nhạy cảm và rụt rè đó bám vào chiếc *kain* của Rumindah bất cứ lúc nào họ đi chung với nhau.



Vợ chồng Subuh bây giờ có 3 đứa con...

Haryono mới chỉ hơn một tuổi. Dù cậu bé chỉ mới bắt đầu đi, thiên hạ đã nói rằng trông nó giống và đi đứng y như Rumindha.

Và bây giờ...là bé Haryadi. Cô nhìn đứa bé mình đang nâng niu và tự hỏi không biết tại sao Mas Subuh có thể chắc chắn là Haryadi sẽ trở thành một y sĩ khi lớn lên...

Đêm nay sẽ có bao nhiêu người đến thăm?

Cô không bao giờ biết được. Có thể là 5, có thể là 10, có thể là 30. Đôi khi hiên nhà đầy nhóc người.

Có điều này là Rumindah thấy rõ: kể từ lúc Sudarmo nói với chồng cô là anh trông thấy một ánh sáng rớt xuống nhà vợ chồng cô, thì càng lúc càng có nhiều người hơn thường xuyên đến thăm.

Họ không chỉ là những bạn bè trước đây thuộc nhóm học đạo của Kadarusma. Cũng không chỉ là những đệ tử của Kyai Abdurachman.

Đôi khi cô hỏi họ từ đâu tới, và nếu bạo dạn thì cô hỏi tại sao họ đến.

“Ông *guru* của tôi ở Ciberon phái tôi đến,” một anh bạn nói. “Sự phụ tôi nói ông thấy ánh sáng rớt xuống một căn nhà bên một con sông ở Semarang. Ông phái tôi tới đây tìm hiểu vì đã quá già không thể đi được.”

Những người khác thì nghe theo tin đồn đến mong đợi cho có điều gì đó xảy ra – Rumindah không biết đó là gì.

“Ibu, hân hạnh được gặp chị một lần nữa,” có ai đó đang nói từ mặt tiền của nhà. Kẻ đó nói tiếp: “Xin lỗi trước nhé.” Nhưng Rumindah không nghe thấy gì.

Rumindah đang ngồi dựa lưng nơi phòng trước. Cô vừa mới cho Haryadi bú xong. Cô quay đầu lại nhìn trông thấy ai đang nói.

Điều khiến cô ngạc là kẻ ở Ciberon mà cô vừa mới nghĩ tới. Cô có một ý nghĩ khủng khiếp.

“Anh đã gặp Mas Subuh chưa?” cô lo ngại hỏi. Nếu anh ấy mà thấy được Subuh đang lặn mình xuống sườn đồi...

“Có, vừa mới gặp. Nhưng tôi không muốn làm phiền anh ấy. Tôi nghĩ là anh đang tọa thiền bên sông.”

“Chắc vậy, anh đang ngồi làm *dhikir*, nhưng tôi không nghĩ là anh ấy đang tập thiền.”

Rumindah mỉm cười, khi cô đứng lên từ ghế ngồi để chỉnh lại quang đeo Haryadi trên vai.

“Vậy thì anh ấy đang tập thiền?” anh bạn từ Ciberon hỏi.

Rumindah không coi sự xấu xược của kẻ đó là bất lịch sự hay có ý nhục mạ. Anh là một người từ miền Tây Java, và những người thuộc vùng đó thì có tính ngay thẳng hơn những người của miền Trung Java.

“Không, tôi không nghĩ là anh ấy đang tập thiền,” Rumindah đáp.

“Ibu, vậy thì anh đang làm gì? Chị cho phép tôi hỏi nhé – tôi mong là anh cũng sẽ truyền dạy cho tôi những gì anh làm,” anh bạn đó thân thiện cười khi anh đứng trước nơi mặt tiền của nhà.

“Anh ấy chỉ việc quy thuận *Allah subhana wa't'ala*.” Rumindah lấy làm vui là mình có thể trả lời một cách chắc chắn. Điều khiến cô an ủi là sự tận tâm mãnh liệt của Subuh đối với Thượng Đế. Nhiều người Java hình như đã cầu xin các vị thánh, các *dewa* cũng như Thượng Đế, nhưng cô không thực sự tán thành việc làm đó.

“Quy thuận như thế nào?” anh bạn đó hỏi.

“Chỉ việc làm như vậy,” Rumindah đáp.

“Như vậy thì chị cũng có thể làm?” anh bạn dò hỏi.

Ruminda không thể trả lời. Cô cảm thấy mình bị dồn vào chân tường.

“Nếu vậy thì anh ấy đã phải dạy cho chị làm như thế nào,” anh bạn nài nỉ.

“Điều đó không thể dạy cho, không thể học hỏi được, mà chỉ việc xảy ra,” Rumindah dứt khoát nói. “Thế nào, anh muốn uống gì đây? Một tách cà phê? Nóng hay lạnh?”

Anh bạn đó biết là mình đã không giữ đúng phép lịch sự. Anh bước lùi lại từ cánh cửa mặt tiền của nhà.

“Ibu, cảm ơn chị, được uống một chén cà phê thì không còn gì bằng nữa. Xin lỗi đã làm phiền chị. Tôi có thể ngồi nơi hiên nhà?”

“Anh cứ tự nhiên,” Rumindah đáp. Cô lấy làm ngạc nhiên về cách mình ứng đáp: điều đó xảy ra một cách đột ngột và rõ ràng mà không cần phải suy nghĩ.

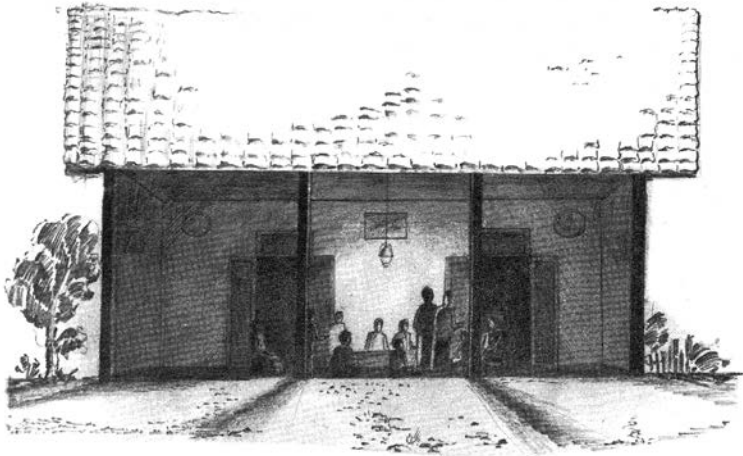
Cô mang cà phê tới hiên nhà. Một người khách khác đã có mặt tại đó; anh đứng dựa trên một cột nhà hút một điếu thuốc đing hương.

“Cảm ơn Ibu,” anh bạn từ Ciberon nói khi anh cầm nhận lấy tách cà phê.

“Trước khi hỏi tôi, anh đã biết là ông xã tôi không thể truyền dạy cho anh cách quy thuận,” Rumindah cương quyết hỏi tới cùng. “Vậy thì tại sao anh còn nhiều lần trở lại để gặp anh Subuh?”

“Tôi hỏi những điều này nọ,” anh bạn đó nói.

“Rồi thì sao?”



Có những kẻ yêu cầu anh truyền cho họ những gì anh đang tiếp nhận. “Mình không biết làm ra sao,” anh nói. “Ngoài ra, mình không là người có thể truyền cho. Các bạn tiếp nhận được bằng cách quy thuận.”

“Những giải đáp của anh ấy khiến tôi cảm thấy mãn nguyện và an bình.”

Ngay lúc đó, Muhammed Subuh bước nhanh lên sườn đồi về nhà từ bờ sông.

“Bapak Subuh!” người khách đang hút thuốc nói. “Em mong được gặp thầy.” Anh chào Subuh theo tập tục. “Tên em là Jikolelono. Em đến từ Kalitudu. Sự phụ em phái em tới đây gặp thầy.”

Đêm hôm đó, Rumindah, Kurinah và Sunarti hối hả chiên chuối, nấu những món ăn qua loa, gói những chiếc nem *lemper* gồm gạo và thịt, nấu vô số những chén trà và cà phê.

Rumindah nói chuyện với bà mẹ chồng cô khi họ đứng trong bếp. “Ibu, tại sao Mas Subuh đối với mọi người y như nhau?” Điều con muốn nói là anh đối với họ như đối với các môn đồ của mình – nhưng sự kiện lại là họ tới đây để hỏi *chính* anh ấy những điều

này nọ.”

“Nak, Subuh không thể không đặt mình ngang hàng với họ. Chồng con còn quá trẻ. Như vậy là không thích đáng,” Kursinah đáp. “Hình như là chưa tới lúc.”

“Chưa tới lúc để làm gì?” Rumindah ngưng khuấy cà phê.

“Mẹ không biết,” Kursinah chân thành trả lời. “Mẹ chỉ biết là chưa tới lúc.”

Kursinah đã nói rõ cho Rumindah hay những điều mà Subuh đã chứng nghiệm nhưng chưa thể giải thích cho họ...

Rumindah đứng ngay nơi cánh cửa mặt tiền của nhà. Cô nghe rộm khi Sunarti đem ra ngoài một khay bánh bông lang và kẹo giòn *krupuk*.

“Pak Subuh,” Kursinah nghe thấy người khách từ Kalitidu xưng hô với con trai mình là ‘Thầy’, “Ông *guru* của em nói rằng chắc chắn thầy có thể khai tâm cho chúng em theo con đường quy thuận mà thầy đã tiếp nhận. Ông còn nói rằng thầy có thể chỉ cho em cách giao tiếp với nguồn đại lực.”

“Anh bạn, điều mình theo là điều mình không được quyền truyền thụ. Nó không thuộc quyền sở hữu của mình. Điều này không tùy thuộc mình, việc bạn có nhận được cái sức mạnh đó hay không. Nếu tùy thuộc mình, mình sẽ cao cả hơn cái sức mạnh đó. Không thể được, bạn có nhận được gì hay không là tùy thuộc cái sức mạnh đó.” Muhammed Subuh đưa tay lên trong điệu bộ của sự bất lực. “Mình không có phương pháp, không có *mantra*, không có hệ thống nào, không có cách nào dạy cho bạn cách bạn quy thuận như thế nào,” Subuh giải thích.

“Anh hãy nói cho chúng tôi biết những gì xảy ra cho chính anh khi anh quy thuận cái sức mạnh đó,” người khách từ Ciberon hỏi.

“Mình không bao giờ biết được những gì sẽ xảy ra,” Subuh đáp.

Anh thấy mình khó có thể diễn tả những chứng nghiệm của *latihan*. Điều đó có vẻ như không khác gì kể chuyện thần tiên. Những người bạn của anh thích thú nghe anh kể lúc anh được khiến cho nhảy múa như một người Hy Lạp thời xưa, lúc anh được khiến cho nhìn và đi hiên ngang như một con cọp. Nhưng như vậy để làm gì? Chỉ để làm cho trí tưởng tượng của thiên hạ trở nên phong phú hơn. Subuh nhận thức được là thiên hạ cần phải chính họ tiếp nhận được cái sức mạnh đó, trước khi họ hiểu được những điều anh giải thích.

Đêm hôm đó Kadarusman cũng có mặt nơi hiên nhà. Anh nhìn bạn mình kiên trì chuyện trò với mọi người. “Subuh không bao giờ bỏ rơi bạn bè,” anh nghĩ.

Thực vậy, Subuh luôn mong rằng một hay vài người bạn sẽ chính họ tự động tiếp nhận được sự giao tiếp đó – như vậy thì họ sẽ hiểu được cái đó không thể truyền dạy tìm hiểu được.

Kadarusman đợi cho mọi người ra về trước khi nói những gì có trong đầu óc mình.

“Em Subuh,” anh nói, “nếu tới lúc em được phép truyền cái *latihan* mà em tuân theo, anh sẽ vui lòng tiếp nhận. Cho tới lúc này thì hình như chỉ là cho em. Còn anh thì vẫn phải đi trên những con đường xưa cũ.”

Subuh không hiểu cái lô-gích nào đã khiến cho chỉ có anh, chứ không là một người khác như Kadarusman, tiếp nhận được sự giao tiếp đó. Kadarusman – và nhiều người – có vẻ như xứng đáng hơn. Họ hy sinh nhiều hơn, siêng năng, kiên trì và ngoan đạo hơn. Subuh phải kết luận những gì Kursinah nói là đúng: có những đức tính khiến cho người thành công ngoài đời, nhưng về tâm linh thì tất cả đều tùy thuộc Thượng Đế.

Hai người họ nhìn những con sâu bướm và kiến bay vấy cánh

chung quanh chiếc đèn treo lơ lửng.

“Adik, điều này như anh em mình thường cùng nhau leo núi. Thật cực nhọc. Một ngày nào đó có một chiếc máy bay tới mang em tới đỉnh núi.” Kadarusman lặng lẽ cười. “Anh vẫn còn đang đợi cho chiếc máy bay đó tới.”

CHƯƠNG 22

Một đêm nọ đầu năm 1932 là lúc Muhammed Subuh đang đứng trong phòng học tuân theo latihan.

Ban đầu, căn phòng vẫn như thường – một không gian quen thuộc, trống không. Nhưng rồi Subuh trông thấy trước mặt mình một đại dương rộng lớn màu xanh với sóng dâng trào, kéo dài tới chân trời.

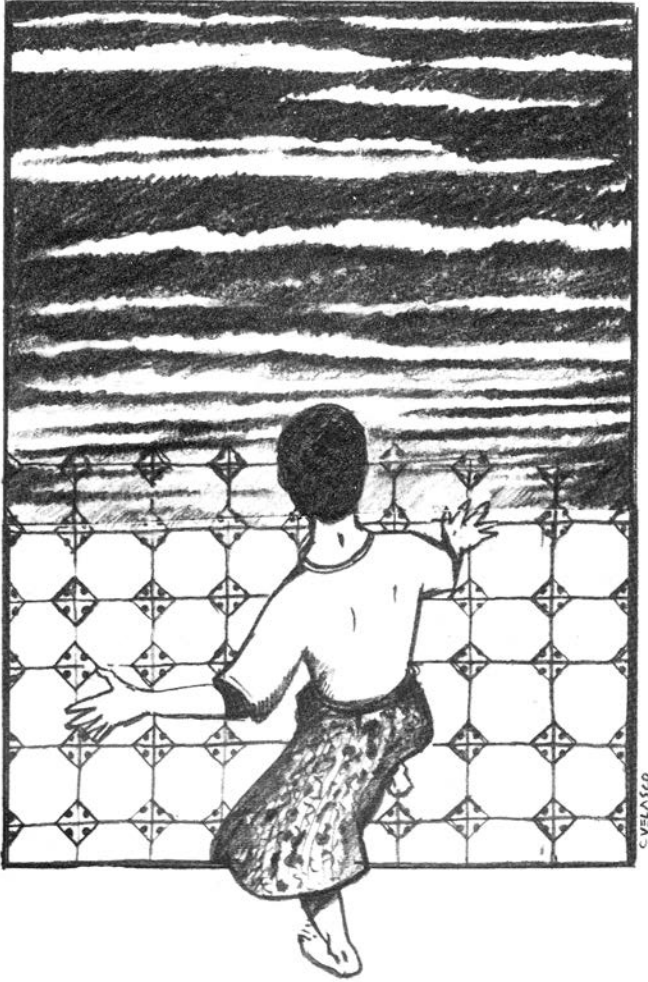
Giữa anh và đại dương là một con đê đồ sộ, và ngay trước mặt anh là một cửa cống của một kênh dẫn thủy.

Subuh giật mình vì sự linh thị trông có vẻ là thật đó.

“Điều này nghĩa là gì?” anh tự hỏi.

Ngay lúc đó, anh cảm thấy như bị đẩy tới phía trước về phía cửa cống.

Kế tiếp, một cách tự động, miệng anh từ từ mở rộng.



Một đêm nọ trong latihan Subuh trông thấy đại dương và một bờ đê. Subuh nghiệm thấy toàn bộ đại dương đổ vào người mình qua miệng mình.

Đồng thời anh chăm chú nhìn cửa cống mở ra.

Nước biển bắt đầu đổ vào miệng Subuh với một sức mạnh kinh khiếp. Trong nháy mắt, đại dương trút hết vào miệng anh: anh cảm thấy như có đầy tràn nước biển.

Anh ợ to.

Anh ngửi thấy một cách không thể chối cãi mùi vị của nước biển mặn trong hơi thở. Không có gì hết trong không khí, âm thanh và mùi vị chung quanh mình khiến anh nghĩ mình đang tại một nơi nào đó, trừ phi là bãi biển.

Những sóng biển cuộn cuộn dâng trào chợt biến mất; quang cảnh cũng mất theo.

Khi nhìn chung quanh mình, Subuh thấy chính mình đang đứng trở lại trong phòng học, nhưng mùi vị của đại dương vẫn còn lây lất tồn tại trong lỗ mũi: anh vẫn còn nếm được mùi của nước biển trong miệng mình.

Anh lấy làm lạ về cái chứng nghiệm đó: điều đó có thật như việc lúc này anh đang đứng trong phòng học nghe tiếng kêu ộp ộp của những con ếch bên sông và tiếng cục cục của những con thằn lằn *cicak* trong vườn.

Anh cảm thấy trẻ lại và đầy nghị lực. Anh tắm rửa, cầu kinh rồi đi dạo lúc bình minh. Sương mai dày đặc trên cỏ. Các trái soài đều lấp lánh một màu xanh tươi trên những cành cây dọc theo đường đi. Những con gà trống vẫn còn gáy từ những nhà đằng xa nơi vùng quê.

Anh nhìn mặt trời mọc, những tia nắng của nó làm tan biến sương mai trong vài phút.

Lúc anh về tới nhà, phần cuối chiếc *sarong* của anh, vốn bị ẩm ướt vì sương mai, đã khô ráo, và Ibu Kursinah thì đang chuẩn bị bữa ăn

sáng đạ**ng** bạc cho anh.

Anh phải bận bịu làm việc tại *Gemeente* – anh là trợ lý trưởng phòng, sắp được thăng chức. Những lúc làm đêm ngoài giờ của anh cũng gia tăng: anh phụ trách những sổ sách của một công ty tương đối lớn.

Lúc sắp tối, anh đã về nhà, với đám con cái trong lòng và trên đùi mình. Haryadi đã đi đứng được, còn Haryono thì luôn bắt Rumindah và Kursinah dẫn mình đi thám hiểm mỗi tủ, mỗi hộp và ngõ ngách trong nhà.



Subuh thích chơi nhạc gambang cho con cái khi anh đi làm về

Nó tìm thấy đàn *gambang* của Subuh và lấy làm vui vì những tiếng động có thể tạo ra nhờ đó.

Subuh đến ngồi trên mặt đất phía trước đàn *gambang*, và kêu đứa con trai hai tuổi của mình tới ngồi trong lòng mình. Như Eyang Sumowardoyo đã làm với mình khi anh còn nhỏ, anh cầm đôi tay nhỏ bé của con mình làm nó giữ chặt những cây đũa gỗ đàn, rồi dẫn dắt nó gõ đàn. Haryono vui cười khi nghe thấy tiếng nhạc.

Những điệu nhạc đảo phách kêu leng keng khắp nhà. Rumindah mỉm cười đi vào phòng khách. Cô thích nghe chồng mình chơi nhạc. Siti Rahayu cũng thích: cô bé 4 tuổi đó bắt đầu tập múa theo điệu ca bài hát của bố mình trong lúc chơi nhạc *gambang*.

Rumindah lại mang bầu. Những giấc mơ của cô có vẻ như đã cho hay đứa con sắp tới đó là một đứa bé trai. Cô không lo ngại chuyện gia đình mình có thể gánh vác thêm một đứa con nữa hay không, như trước kia trong những lúc mang thai. Dù sao, câu châm ngôn này luôn là sự thật: ‘Trời sinh voi sinh cỏ.’

Cô thích những lúc chỉ có một mình Subuh với các con cái. Những lúc đó trở nên bớt đi, khi bạn bè anh tiếp tục ban đêm đến thăm anh.

“Điều này như là anh ấy có 4 công việc,” cô suy nghiệm. “*Gemeende*, kế toán, học hành và *kedjiwaan*.”

Cô dùng từ ngữ mà Subuh hiện dùng để diễn tả những gì của tâm linh. Cô nghe thấy anh nói với các bạn bè cái *latihan* mà anh theo tập, theo kinh nghiệm của anh, là một *latihan* của linh hồn hay *jiwa*.

“*Jiwa* chúng ta là nội dung bản ngã mình,” anh giải thích. “Cái *latihan* này thanh lọc và làm cho *jiwa* bành trướng.”

Rumindah mong cho đêm nay không có ai thắc mắc gì nữa.

Tuy nhiên có một người, mà người đó thì chỉ lưu lại có một tiếng.

Rumindah yêu thích cái thời gian đó với chồng mình. Khi con cái đã đi ngủ và ánh đèn nơi hiên nhà trở nên yếu dần, Subuh ngồi trò chuyện cùng cô. Họ trao đổi với nhau những sự cố nhỏ nhặt của một ngày đã qua; cô được dịp hỏi anh về chuyện những giấc mơ của cô có nghĩa gì.

“Chẳng bao lâu nữa anh sẽ 32,” anh nói trong lúc họ tạm lắng trò chuyện.

Rumindah trông thấy một cái nhìn xa xôi trong mắt anh. “Nếu một ngày nào đó anh phải rời khỏi cái thế gian này vì đó là Ý Thượng Đế, thì em sẽ làm gì?”

“Em nghĩ có lẽ là em sẽ ra đi trước anh,” Rumindah đáp. “Em chưa từng nghĩ tới những gì mình sẽ làm, bởi em luôn cảm thấy mình bên cạnh anh.”

Subuh âu yếm nhìn người vợ mình. Anh đã phấn đấu để cấp dưỡng cho cô và cho gia đình, trong trường hợp anh thực sự phải chết lúc 32 tuổi. Sẽ không còn nhiều thời gian để làm điều đó nữa.

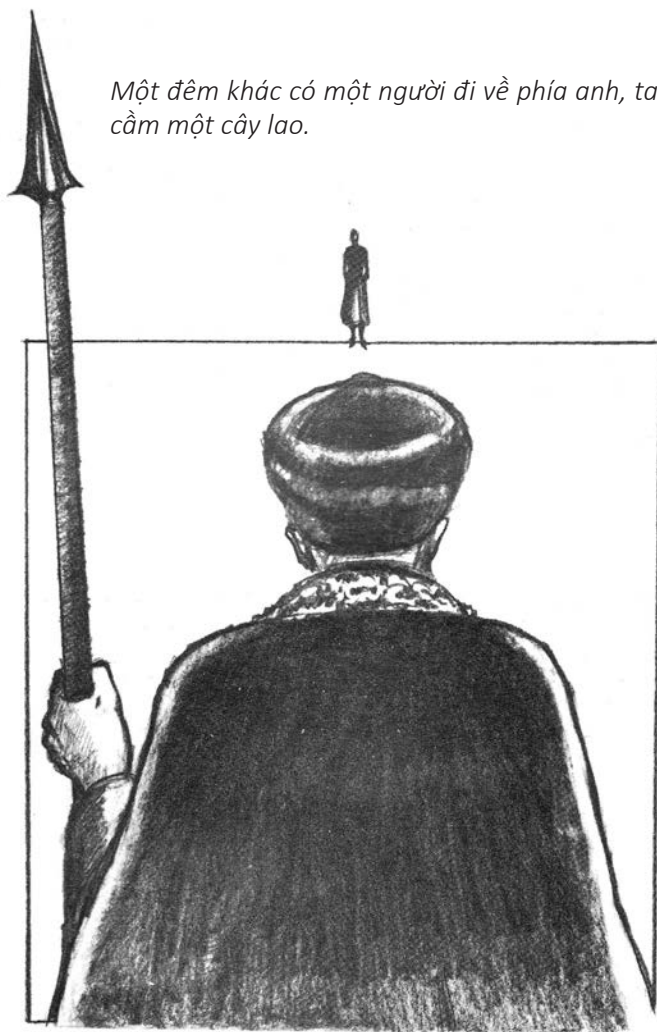
Một vài tháng sau là lúc Subud đang trong phòng học theo tập điều anh gọi à latihan kedjiwaan.

Như thường xảy ra, cái thực tại vật chất của căn phòng đã biến mất, và anh lại lập tức thấy mình trong một không gian rộng lớn và trong sáng.

Lần này, đi tới phía anh là một nhân vật mặc áo choàng, đầu đội khăn xếp, tay cầm một cây thương.

Subuh hoàn toàn điềm tĩnh phó mặc cho sự cao cả của Thượng Đế. Anh không lưu ý tới cây thương, cũng không nghĩ tới việc cây thương đó có thể gây hại cho mình. Anh chỉ cảm thấy mình vui lòng trải qua bất cứ những gì có thể xảy ra.

Một đêm khác có một người đi về phía anh, tay cầm một cây lao.



Người đó lấy lao đâm vào ngực Subuh. Anh đau đớn vô cùng nhưng không thể kêu gào. Người đó lấy ra một cục máu trên mũi đao, rồi liệng bỏ nó.

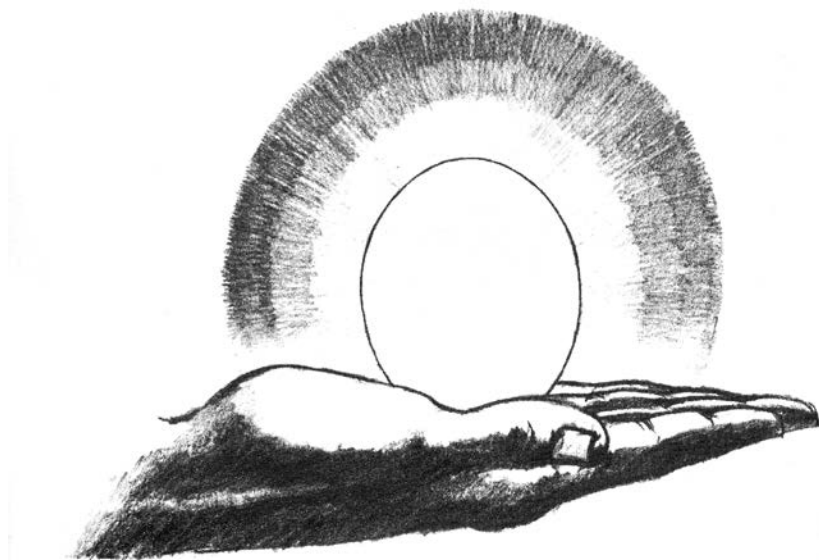
“Cởi áo ra,” nhân vật đó hạ lệnh. Subuh mở khuy chiếc áo mình mặc.

Tức khắc, nhân vật đó đâm sâu cây thương vào nơi chính giữa ngực của Subuh.

Subuh không thể tránh nhát đâm đó, vì nó xảy ra quá nhanh. Anh cũng không thể mở miệng ra để gào thét vì cơn đau nhói kinh khiếp đó.

Trong một khoảnh khắc, nhân vật mặc áo choàng rút cây thương ra. Có một cục máu lớn như bao diêm dính trên mũi thương.

Nhân vật đó lấy cục máu đó liệng đi. Ông đưa tay vào túi áo mình lấy một vật gì đó ra.



Người đó cầm một vật chói lòa và để nó vào ngực Subuh. Vết thương khép lại rồi mất hẳn.

Vật đó lấp lánh sáng rực. Trông nó như sao ban mai, nhưng chỉ lớn bằng một quả trứng vịt.

Ông đem quả cầu sáng ngời đó đặt vào chỗ vết thương trên ngực Subuh.

Nhân vật đó xoa vết thương với lòng bàn tay mình, vết thương lành mạnh tự lấp lại.

Nhân vật đầu đội khăn xếp chợt biến mất.

Một lần nữa Subuh lại thấy chính mình đang đứng trong phòng trước lúc có sự xuất hiện của nhân vật đó.

Anh nhìn xuống ngực mình, sờ mó nơi cây thương đâm vào. Anh không nhận thấy bất cứ dấu tích nào của một vết thương. Ban đầu, anh không chịu đựng được cơn đau nhức nhối của mình, nhưng ngay sau khi món vật sáng chói đặt vào lòng mình, anh cảm thấy toàn thân mình tươi mát tuyệt vời.

Anh vẫn còn cảm thấy như vậy khi đứng trong phòng học. Ngực anh cảm thấy lạnh, trong sáng và hết sức rộng lớn. Chân tâm anh tinh trong và yên tĩnh. Đức tin của anh ở sự hiện diện của Thiên Lực chưa từng mãnh liệt cho tới lúc đó.

Một buổi sáng mù sương nọ trong mùa mưa năm 1932 là lúc Subuh đang ngồi trên ghế bành nơi phòng khách.

Anh nghe thấy âm thanh những bước chân không mang dép của Rumindah trên sàn nhà lát gạch, khi cô mang cà phê vào.

“Mas, tại sao anh lại nhìn em như vậy?” Rumindah hỏi khi cô đặt tách cà phê trên bàn và ngồi cạnh anh trên một chiếc ghế.

“Như vậy là thế nào?” anh hỏi.

Sau khi lấy thìa khuấy cà phê cho anh xong, cô nghiêng đầu qua

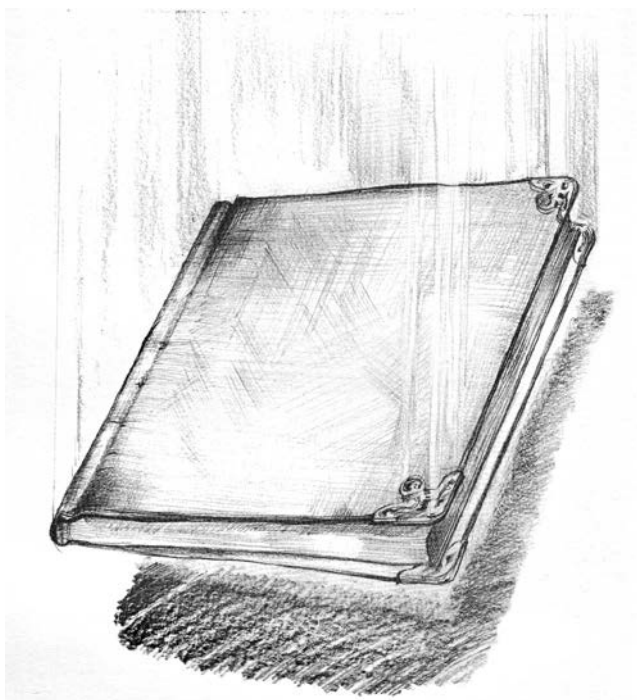
một bên nhìn anh hỏi: “Mas, trông anh hơi thất vọng – có vẻ như buồn bực và đăm chiêu. Có chuyện gì không ổn hay sao?”

“Đêm hôm qua anh nhận được một món quà cho em,” Subuh mỉm cười. Rumindah thích có ai tặng quà cho mình, đặc biệt là của Subuh.

“Vậy hả, cái đó là gì vậy?” cô thì thầm phấn khích hỏi. Cô nhìn chung quanh. Mặt cô xịu lại. “Mas, món quà đó đâu?”

“Nó đã biến mất vào không khí loãng,” anh thở dài cho hay.

Rumindah nghĩ đó là một lọ nước hoa. “Anh đã làm đổ rồi?” cô trêu chọc. “Nhưng em không ngửi thấy bất cứ mùi nước hoa nào.”



Nhưng một đêm khác có một cuốn sách lớn và đẹp rớt vào lòng Subuh từ phía trên.

“Không phải là nước hoa,” anh nói, một cách hơi chán nản. “Là một cuốn sách.”

“Một cuốn sách?”

Rumindah ngạc nhiên. Chồng cô đã từng bao giờ mua cho cô một cuốn sách?

“Nhưng sách không thể biến vào không khí loãng.” Cô ngơ ngác nói.

“Cuốn đó thì đã biến vào,” Subuh nói. “Nó biến mất ngay nơi đây.” Anh đặt bàn tay lên ngực mình.

Bây giờ thì Rumindah hiểu được. Bây giờ chính cô là người thấy thất vọng. Nhưng cô cố sức không để lộ ra.

“Té ra là vậy,” cô nói. “Điều anh muốn nói là một cuốn sách tâm linh, chứ không là một cuốn sách thực sự.”

“Không đâu, đó cũng thực sự là một cuốn sách!” Subuh nhấn mạnh. “Thực sự tới nỗi anh hầu như muốn đánh thức em dậy để chỉ cho em coi...Bây giờ thì anh mong mình làm được như vậy.”

“Rumindah, đó là một cuốn sách tuyệt diệu nhất chưa ai từng thấy được!”

“Có đầy những chữ bé tí khiến người ta nhức đầu khi đọc?” Rumindah nghĩ tới những cuốn giáo khoa kế toán của chồng mình.

“Hoàn toàn không phải vậy,” Subuh cười. “Không, cuốn sách đó hầu như không có bất cứ chữ viết nào.”

“Vậy thì đó là gì?” Rumindah hỏi, tỏ vẻ không tin.

“Đó là một cuốn sách *sống động*. Một cuốn sách với những hình ảnh sống động! Những hình ảnh nói năng được! Những hình ảnh

ca hát được! Những hình ảnh cử động được!”

“Thôi đi, thôi đi!” cô la hét. “Anh đã đi quá trớn rồi – em không hiểu nổi. Anh hãy kể từ đầu chuyện gì đã xảy ra.”

“Như thế này, anh đang ngồi trong phòng học...”

“Theo tập latihan?” Rumindah biết những gì chồng mình kể lại đều bắt đầu như vậy.

“...theo tập latihan và làm *dhikir*,” anh nói tiếp. “Chợt nhiên có một cuốn sách to lớn rớt vào lòng anh từ phía trên đầu mình. Anh nhìn lên trên, nhưng không thấy gì hết ngoài trần nhà.”

“Một cuốn sách lớn và bằng phẳng như một cuốn át-lát, anh cảm thấy sự nặng nề của nó khi nó đi vào lòng anh.”

“Như cuốn sách lớn của anh có đầy những bản đồ về thế giới?”

Rumindah đôi khi thấy Subuh chậm chạp xem qua, từng trang một, cuốn át-lát quý báu của anh. Cô thường nghĩ: “Không biết anh ấy đã từng mong muốn không nghe theo lời căn dặn của bà mẹ mình để tới Hà Lan?”

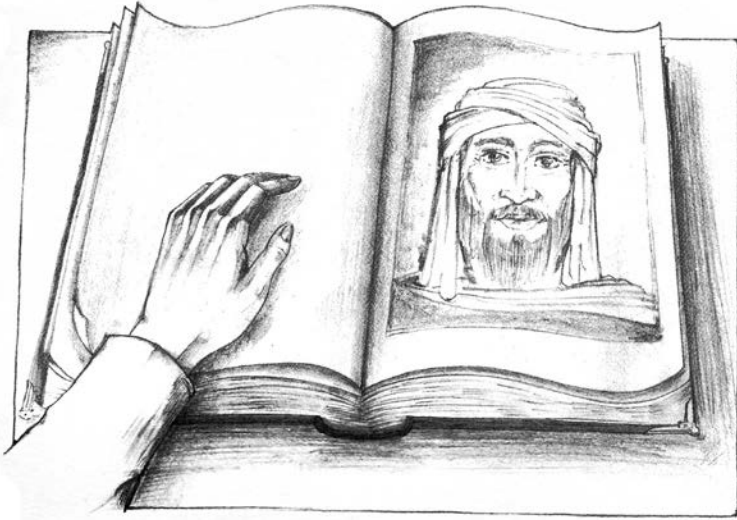
“Anh lập tức mở sách ra,” Subuh kể tiếp. “Trên trang đầu là một chân dung rất đẹp, trông thực sự như một ảnh bản kẽm muôn màu. Đó là chân dung của một người đầu đội khăn xếp”

Rumindah lặng thinh nghe anh nói.

“Dưới bức tranh đó là những chữ bằng tiếng Ả Rập.”

“Mas, làm sao anh đọc được?” cô hỏi. “Đáng lí ra thì anh đã phải đưa nó cho em xem. Tối thiểu thì em vẫn còn đọc được vài chữ Ả rập.”

“Anh tìm cách giải đoán từng chữ một, như khi còn là một đứa bé



Trên trang nhất có hình một người mỉm cười và gập đầu trong lúc chữ viết hiện ra.

– nhưng phải tốn nhiều thời gian...”

“Đột nhiên, những chữ đó cử động! Chữ Ả Rập biến mất để nhường chỗ cho những mẫu tự La Tinh, khiến anh đọc được từ trái qua phải: ‘Thiên Sứ Muhammed, Sứ Giả của Thượng Đế.’ ”

Mắt Rumindah không nhấp nháy mở to ra. Quai hàm cô hơi hạ xuống. Cô bị xâu xé giữa sự thích thú ngạc nhiên và sự lo ngại. Như tất cả các người Hồi giáo, cô hay biết là người ta không bao giờ được phép vẽ chân dung của Thiên Sứ. Có cuốn sách nào đã được phép làm như vậy?

“Khi anh lớn tiếng đọc danh xưng đó, bức tranh đó gập gù nhìn anh!” Subuh ngoác mồm cười. “Gập gù y như thế này.” Anh bắt chước cách gập đầu đó. “Thực vậy, cái đó *sống động* – một cuốn sách sống động. Rumindah, người đó mỉm cười nhìn anh. Ông mỉm cười. Đó là lúc anh tự nói với mình: ‘Mình phải đưa cho Rumindah coi điều tuyệt diệu này.’ Nhưng rồi anh lại nghĩ nên để

cho em ngủ để hôm nay sẽ đưa cho em coi. Dù sao thì anh đã lật qua trang kế tiếp.”

“Có một bức tranh khác.”

“Bức tranh đó cho thấy có những người khác nhau, nhưng họ đều da nâu. Họ làm đủ chuyện: họ cử động – thực vậy, họ cử động trên trang giấy! - cử động, đi đứng, nói năng. Có những kẻ khóc, có những kẻ cười, có những kẻ đang chạy, có những kẻ đang bơi, có những kẻ nhảy múa – những hoạt động theo mọi cách”.

“Và anh có thể *nghe thấy* họ – họ hát ra sao, họ cười và khóc ra sao.”

“Trang kế tiếp có đầy những người da trắng. Họ cũng cử động và phát ra những âm thanh – khi họ cầu nguyện và phụng thờ, cầu xin cho những tội lỗi của mình được tha thứ, cầu khẩn sự dung thứ của Thượng Đế. Họ cũng làm những điều này nọ theo mọi cách.”

“Những trang tiếp theo là một trang gồm những người da vàng, một trang gồm những người da đen, một trang gồm những người da đỏ: mọi người đều tự nhiên cử động, như đang theo tập *latihan kedjiwaan*.”

“Cuối cùng là một trang cho thấy những người thuộc mọi chủng tộc, mọi màu da, mọi người đều cùng nhau cử động và ca hát.”



Những trang khác cho thấy những người thuộc những chủng tộc khác nhau. Subuh trông và nghe thấy họ ca hát, nhảy múa, lễ bái, chơi thể thao, làm việc. Anh muốn chỉ cho Ruminah thấy sách đó, nhưng nó biến mất vào ngực anh.

“Xin tạ ơn Chúa đã nhân từ! Anh nghe thấy chính mình nói. Anh giữ chặt cuốn sách đó trong ngực mình và nghĩ: ‘Rumindah và bạn bè mình sẽ kinh ngạc biết bao khi mình cho họ xem cuốn sách khó tin này!’ ”

“Rumindah, cuốn sách đó biến mất là lúc anh cảm thấy vô cùng thất vọng...”

“Nhưng anh có thể cảm thấy có gì đó trong ngực mình – như có một vật nặng nơi đó. Cái đó thì cũng biến mất.”

“Cuối cùng anh nghe thấy một tiếng nói: “Đừng lo lắng, những gì người trông thấy trong cuốn sách đó, một ngày nào đó người sẽ tự mình nghiệm thấy. Cuốn sách đó đã không mất đi, và sẽ không bao giờ mất. Bởi nó là một thành phần của người.”

Rumindah lặng thinh trong một lúc.

Cô vẫn còn nghe thấy những gì cụ Abdurachman đã nói. Cô đã nghe thấy đi nghe thấy lại: ‘Subuh sẽ được Thiên Sứ truyền dạy cho.’

Điều này xảy ra một vài tuần sau. Subuh đang ngồi khoanh chân trên sàn nhà, thì cái sức mạnh đó lắc lư rung động trong lòng anh như cỏ *alang-alang* trước cơn gió.

Đột nhiên một cuốn sách dày và lớn đặt vào lòng anh.

Nó không như cuốn sách đầu tiên. Subuh thấy nó như một từ điển Van Dalen.

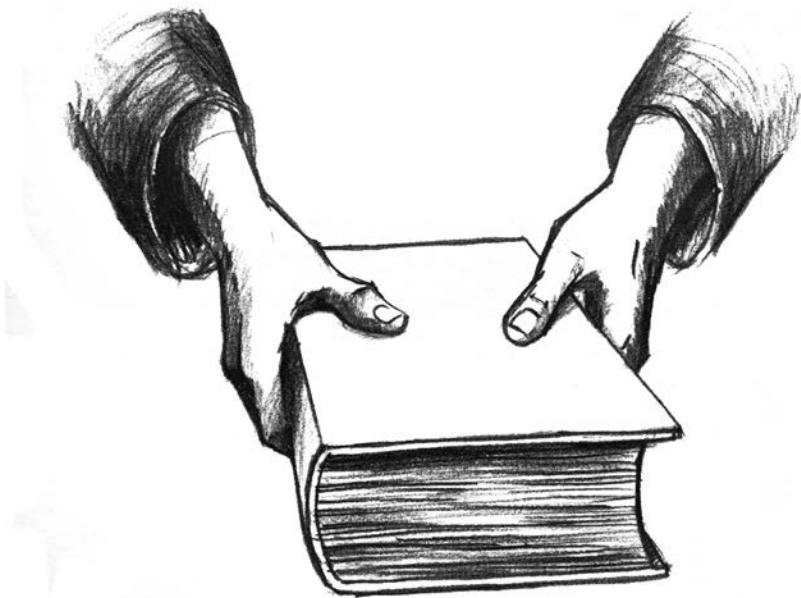
Không quên là cuốn sách trước kia đã biến mất ra sao, Muhammed Subuh thận trọng giữ chặt lấy nó. Anh ngáp ngừng mở sách ra, chỉ để lén nhìn có những gì trên trang đầu.

Trang đó để trống.

Khi lật qua trang thứ hai và thứ ba, Subuh ngạc nhiên thấy chúng cũng để trống.

Anh thận trọng giở từng trang. Chẳng có gì hết trên bất cứ trang giấy nào, không có đến một chữ nào, đương nhiên là cũng không có những bức tranh sống động và biết nói.

Anh bối rối thay vì thất vọng. Khi bắt đầu gấp sách lại, anh tự hỏi trong tâm mình: ‘Một cuốn sách gồm những trang trắng tinh để trống thì dùng để làm gì? Tại sao các trang sách đều không viết gì trên đó?’



Vài tuần sau có một cuốn sách khác. Các trang đều trống trơn. “Sách này dùng để làm gì nếu chẳng có gì hết?” Subuh hỏi. Có một câu trả lời tự động phát ngôn trên trang sách. “Những gì người muốn hỏi sẽ được viết trên sách này.”

Vừa mới gấp bìa sách lại thì anh thoáng nhìn thấy có gì đó – cái gì đó có vẻ như đang cử động ngay bên trong bìa sách.

Anh mở sách ra và trông thấy những chữ viết khắp trang đầu, những chữ phát ra lời nói dưới tầm nhìn của anh.

“Sách này chỉ viết khi có những câu hỏi phải được giải đáp. Tất cả các câu hỏi của người sẽ được giải đáp với những gì viết trên những trang giấy này.”

Trong một lúc, Subuh cũng thấy chính mình cũng trống trụi – kinh hoàng không hiểu điều đó sẽ xảy ra như thế nào.

Phó mặc cho sự cao cả của Thượng Đế, anh lấy can đảm hỏi:

“Cuốn sách vừa qua tiếp nhận được, mục đích của nó là gì? Tương lai mình sẽ ra sao?”

Subuh kinh ngạc mỉm cười, khi những chữ hiện ra trên trang giấy tự động phát âm: “Những bức tranh trên sách cho thấy nhiệm vụ trong những ngày sắp tới của người là sự thật.

“Bổn phận của người là làm cho thiên hạ ý thức được sự cần thiết phải phụng thờ Thượng Đế.

“Người sẽ khiến họ có khả năng quy thuận Thượng Đế một cách kiên nhẫn và chân thành.”

“Nhưng tại sao lại có tất cả những người khác nhau đó?” Subuh hỏi.

Từng trang một có những chữ tự động viết và nói trong lúc viết: “Những kẻ mà người trông thấy, là những kẻ mà người sẽ gặp trên khắp thế giới: những kẻ thuộc những chủng tộc màu da khác nhau – nâu, đen, đỏ, vàng và trắng.

“Người sẽ gặp họ khắp nơi, vì người sẽ đi khắp thế giới; những kẻ thuộc mọi chủng tộc sẽ quý mến người.

“Người sẽ không giàu có, sẽ không có một địa vị cao, nhưng mọi người trên thế giới sẽ coi người là người cha họ.

Muhammed Subuh không thể hình dung được một chuyện phi thường như vậy có thể xảy ra cho một phạm nhân là người Java như mình. Nhưng cái cơ hội hỏi bất cứ những gì để rồi nhìn xem và nghe thấy những giải đáp – dù đó là bất cứ gì – thì hứng thú tới nỗi không thể bỏ mất được.

Nên anh tiếp tục hỏi hết điều này tới điều nọ.

Anh cố gắng tránh dò hỏi những chuyện tầm thường, những điều về tiền bạc chẳng hạn, hay những gì muốn hỏi chỉ vì hiếu kỳ.

Khi hỏi về tương lai, anh nghe thấy và đọc được:

“Sẽ có chiến tranh, những cuộc chiến nhỏ và một thế chiến lớn. Trước hết chiến tranh sẽ xảy ra giữa Italy và Ethiopia, tiếp theo là bắt đầu có một cuộc thế chiến.

“Java sẽ bị xâm chiếm bởi những đạo quân của Nhật Bản. Người Hà Lan sẽ bị đánh đuổi, nhưng họ sẽ tìm cách lấy lại Java.

“Khi Nhật Bản bại trận, Java và những hòn đảo mà người Hà Lan chiếm làm thuộc địa sẽ được tự do. Một quốc gia mới sẽ được thành lập.

“Hậu quả là sẽ có một cuộc chiến giành lại độc lập.

“Sau khi đất nước người được tự do, người sẽ đi khắp thế giới để truyền thụ sự giao tiếp với cái *latihan kedjiwaan* mà người đã tiếp nhận và theo tập.

“Nhờ vậy mà latihan kedjiwaan sẽ bành trướng, lớn mạnh và phát triển.

Sau khi đọc những chữ đó, Subuh cảm thấy vui mừng và sung sướng. Nhưng cơ thể anh không còn chút sức lực nào. Anh gào thét trong tâm kêu gọi Thượng Đế, bởi ngay lúc đó anh cảm thấy gánh nặng của nhiệm vụ mình.

“Xin Chúa thương xót cho! Con có thể chịu được gánh nặng đó? Con chẳng có gì đặc biệt. Con chẳng làm được gì. Làm sao con thực hiện được một điều như vậy? Con nghèo khổ, học lực không có là bao, hiểu biết và kiến thức cũng chẳng có gì.

“Người phải tin tưởng những gì ta đã chỉ cho thấy,” cuốn sách thuyết phục nói trong khi những chữ đó viết ra.

“Thượng Đế là Đấng Tạo Hoá của tất cả những gì hiện hữu, những gì có thể trông thấy cũng như không trông thấy với con mắt phàm.

“Ngươi phải tin tưởng Thượng Đế.”

Subuh phó mặc mọi chuyện cho Thượng Đế; anh thấy mình trở nên can đảm hơn – can đảm hỏi về những điều mà anh đã nghiệm được trong *latihan*.

Các giải đáp được đọc và viết ra trong cuốn sách, từng trang một, và tất cả các bí ẩn mà Subuh nhận thấy, đều được giải thích.

Những nét mờ nhạt màu xám của lúc sắp bình mình tràn lan trong phòng học của Subuh, khi anh gấp sách lại.

Anh muốn giữ nó, mong nó sẽ không biến mất như cuốn sách vừa qua. *Latihan* anh làm tay anh nắm chặt lấy sách đưa nó vào ngực. Cuốn sách dày cộm đó biến mất.

Nhưng lần này Subuh không cảm thấy thất vọng. Những lời anh nghe thấy trong đáy lòng mình khiến anh yên tâm.

“Sách đó sẽ không biến mất. Cũng không có bất cứ ai đã lấy nó đi. Nó đã nhập vào bản chất ngươi, đồng hóa với bản ngã ngươi. Tất cả những gì ngươi hỏi sẽ tự nhiên được giải đáp từ đáy lòng.

“Như vậy có tốt hơn hay không nếu chỉ giống như loại sách thường? Bởi nó có thể mất hay bị đánh cắp. Nhưng khi biến mất để nhập vào đáy lòng, nó sẽ có bên cạnh *jiwa* ngươi. Và *jiwa* là cái vĩnh viễn sẽ còn.”

Cái chứng nghiệm đó khiến Subuh hoang mang.

Anh không ngớt suy nghĩ; đầu óc anh có vẻ như liên tục hoạt động.

Trong 3 ngày sau đó, lúc đang trong hay ngoài trạng thái *latihan*, anh thấy mình cúi đầu nói: “Mình dốt nát, kiến thức hạn hẹp, không có địa vị gì trong xã hội, không thuộc tầng lớp quý tộc hay sang trọng. Mình không thể làm những gì viết trong sách.

Anh cố gắng giải quyết sự mâu thuẫn của những chỉ thị và tiên tri của sách với giấc mơ lúc 16 tuổi trong đó anh được cho hay sẽ bị kêu gọi trở về với Thượng Đế.

“Làm sao mình có thể đi khắp thế giới để gặp tất cả những người đó trong một năm còn lại trước khi chết?”

“Làm gì có thể có một cuốn chiến lớn xảy ra để rồi Java được giải phóng, tất cả chỉ trong vòng một năm – không những vậy mình còn có thời gian đi khắp thế giới gặp mọi người?”

“Làm sao điều đó xảy ra được, theo cách nào đó? Mình cũng không biết sẽ truyền thụ như thế nào sự giao tiếp với latihan!”

“Không được, nếu sách đó không là sự thật, những gì mình hiểu về giấc mơ của mình không thể là thật. Hay có lẽ cái chết của mình chỉ là đối với cuộc sống trước đây của mình?”

CHƯƠNG 23

Bầu trời ban đêm trên Semarang trong như thủy tinh và sáng như ban ngày với ánh trăng tròn.

Không biết từ đâu, các đám mây bắt đầu tụ tập ngay phía trên căn nhà của Subuh tại Bergota Kalisari.

Những đám mây dày đặc đó nhanh chóng kết thành một vật tròn hình đĩa.

Sự hình thành đó bắt đầu xoay chuyển rất chậm rồi dần dần hơi nhanh hơn.

Lúc đó Rumindah đang phục vụ nơi phòng khách những kẻ tới thăm. Kadarusman vừa mới đi ra hiên nhà, nên anh là người đầu tiên nhận thấy hiện tượng đó. Anh kêu gọi Subuh ra xem. Từng người một, những người khách khác đều ra theo để quan sát biến cố đang xảy ra đó.

Các đám mây đều cuộn xoáy tạo nên một cơn lốc trên nền trời.

“Cái đó như xoáy nước *kedung* lúc lũ lụt,” Subuh nói thəm.

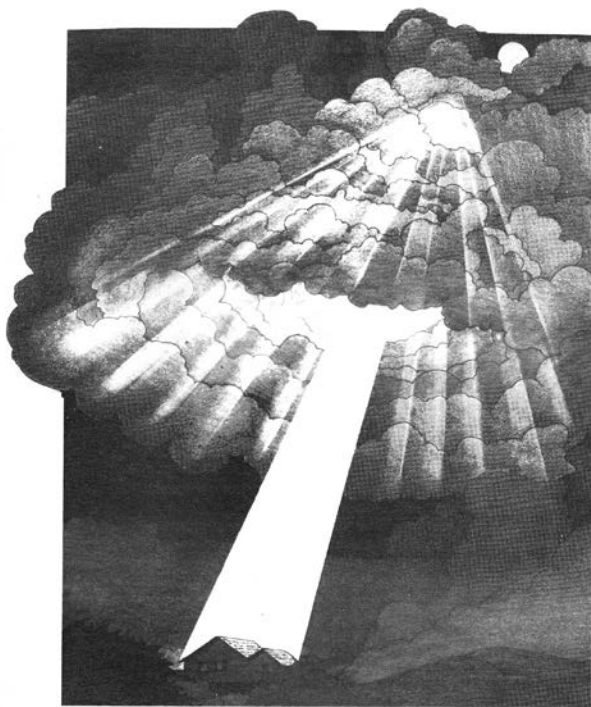
“Như chỗ nước xoáy tại eo biển Java,” Kadarusman nói tiếp.

Cơ xoáy đó trông như một nón lá rộng lớn, loại nón các nông dân thường đội để tránh ánh mặt trời.

Những người khách tại nhà Subuh đều kinh ngạc không nói nên lời: những đám mây to lớn hình nón chột sáng chói.

Ánh sáng màu của vàng từ đỉnh hình nón chiếu xuống dọc theo những cạnh đang cuộn xoáy, có thêm những đường kẻ là tia sáng vào các đám mây.

Một vài tia sáng, như từ một ngọn hải đăng trên nền trời, có vẻ như từ đỉnh hình nón chiếu thẳng xuống mặt đất, để soi sáng mái nhà và vườn nhà của Subuh.



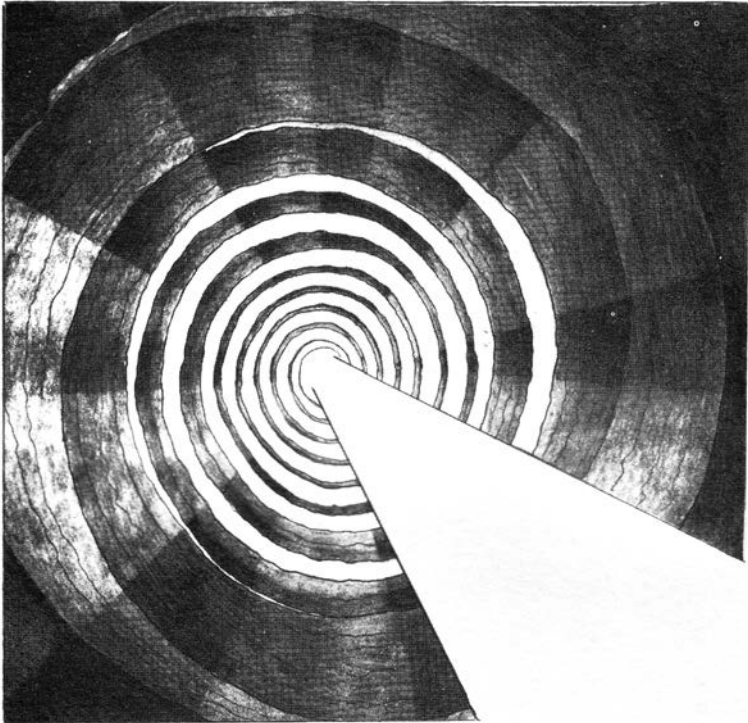
Một đêm nọ những đám mây hiện ra từ nền trời trong vắt tạo nên một cơn lốc xoáy tròn trên căn nhà của Subuh. Ánh sáng màu của vàng chiếu xuống. Đó là từ mặt trăng?

“Xin tạ ơn Chúa,” Kadarusman kêu lên. “Đó là Cây Dù Vàng!”

Những kẻ đang chứng kiến đều há hốc miệng vì kinh ngạc.

Muhammed Subuh có thể cảm thấy sự rung động mãnh liệt của *latihan* tuôn chảy qua thân thể mình.

Anh biết chiếc lọng của vua chúa mà Kadarusman nói tới là gì: đó là biểu tượng trong *kraton* của ân huệ Thượng Đế, nghĩa là sự che chở cho nhà vua và dân chúng.



“Đó là dấu hiệu của cây dù bằng vàng!” Kadarusman la hét. “Dấu hiệu ân huệ của Thượng Đế,” một người khách khác nói.

Ánh sáng chói chang khi các đám mây thông thả cuộn xoáy. Sự tĩnh lặng mà hiện tượng đó mang theo khiến nghĩ tới việc họ đang đứng trong trung tâm một cơn bão yên lặng và sáng rực.

Một cách bất ngờ, ánh sáng tắt hẳn. Subuh tự hỏi không biết điều này có đúng không: nguồn gốc đích thực sự phát quang màu vàng rực rỡ là mặt trăng đang chiếu ngay trên đỉnh những đám mây hình cây dù.

Chợt nhiên, mưa đổ xuống như thác lũ. Những cơn gió dữ dội không biết từ đâu gầm thét trong đêm thâu.

Tất cả những người tại nhà Subuh đều tụ họp nơi phòng khách để tản ơn và cầu xin Thượng Đế che chở cho họ.

Rumindah ngồi bên chân Subuh, bụng tròn vì mang bầu. Cô bé ẵm Haryadi, trong khi Rahayu và Haryono núp mình bên cạnh người cha mình.

Chỉ Subuh là trầm lặng và bình thản đang ngồi. Kadarusman nghĩ: “Không phải là anh ấy đang trong trung tâm cơn bão; anh ấy chính là cơn bão.”

Cơn bão thật ác liệt suốt đêm.

Khi trở nên bình tĩnh hơn, mọi người đều đoán những điều này nọ.

“Đó là dấu hiệu của wahyu,” một kẻ từ Demak nhận xét. “Có ai đó nơi đây hay gần đây đã tiếp nhận được.”

“Chỉ có thể là ai đó nơi đây,” một đệ tử của Abdurachman nói. “Chỉ chúng ta nơi đây là những người đã trông thấy ‘Cây Dù Vàng’. Từ một nơi nào khác thì nó sẽ không hiện ra như vậy.”

“Ngoài ra, cán dù rõ rệt đã chỉ chiếu sáng căn nhà này,” Munandar lưu ý mọi người.

“VẬY thì chỉ có thể là Bapak Subuh,” Jokolelono kết luận. “Nhưng đó là điều mà tất cả chúng ta đều biết.”

“Tôi thấy cái đó là cho tất cả chúng ta,” Supartono phản đối. “Mỗi người chúng ta đã tiếp nhận được một phần của cái ân huệ đó, tùy theo khả năng mình.”

“Quả thực mỗi người chúng ta đã bị chấn động khi Cây Dù Vàng hiện ra,” Kadarusman nói. “Nhưng theo tôi nghĩ, chúng ta chỉ có thể hiểu được với thời gian biến cố đó có nghĩa gì. Subuh, em có cảm nghĩ gì?”

Subuh tỏ vẻ thần nhiên đối với những nỗ lực coi một hiện tượng thiên nhiên là uy quyền tâm linh của bạn bè mình.



Tuy ánh sáng đến nhà của Subuh nhưng những người khác lại nghĩ đó là cho họ. Subuh nói: “Đó chỉ là một dấu hiệu. Chúng ta phải nghiệm thấy ân huệ của Thượng Đế bên trong chính mình.”

“Cây dù là một dấu hiệu,” anh nói. “Nhưng *wahyu* không có trong dấu hiệu đó. Nếu có nơi nào đó, thì đó là bên trong *chúng ta*. Chỉ Thượng Đế mới biết được ai trong chúng ta đã tiếp nhận được Ân Huệ.”

Sắp là buổi sáng, cơn bão lắng dần, những vùng lân cận bị thiệt hại nặng nề.

Tiếp theo là những chuyện ngòi lê đôi mách, những tin đồn, và cuối cùng là tin tức về trận lở đất làm vỡ nứt hồ chứa tại núi Telemoyo gần Ungaran. ‘Dung nham nguội’ ngập lụt chôn vùi những thôn xã quanh núi.

Tai họa của Telomoyo hầu như chưa qua hẳn, thì núi Merapi tại miền Trung Java đã phun trào những dung nham nóng cháy lan tràn qua những thôn xã trên sườn núi.

“Điều đó anh được cuốn sách trông như cuốn từ điển đó bảo phải làm,” Subuh giải thích cho Rumindah.

“Bảo anh ngưng làm việc?” Rumindah hoài nghi hỏi.

“Không, điều bảo đó là anh phải đứng trên bàn chân mình trong 12 năm chỉ để làm việc cho sự phát triển của *latihan kedjiwaan*.”

“Nhưng thậm chí anh đã không được phép truyền thụ *latihan*,” Rumindah nhắc anh nhớ lại chính những gì anh thường nói. “Mas, vậy thì nó có thể phát triển như thế nào?”

“Quyền năng của Thượng Đế sẽ chăm lo cho chuyện đó. Anh chỉ có thể tuân theo những gì mình được chỉ dẫn, từng bước một, đi theo một con đường mà anh không biết trước được.”

“Đó là cách chúng ta sẽ phải cấp dưỡng cho con cái mình?”

“Đúng vậy.”

“May mà chúng tiết kiệm được những thứ mình có thể bán được!” Rumindah tỏ vẻ lo lắng, bối rối. Quyết định của chồng cô quá đột ngột: anh sẽ dứt bỏ hai công việc anh đang làm.

Thực ra, Subuh đã tiếp nhận được sự chỉ dẫn trong latihan, cách đây 3 tuần kể từ đêm trông thấy Cây Dù Vàng: những chỉ thị là phải ngưng đi làm để dành hết thời gian mình cho kedjiwaan. Anh không thể chối bỏ, tranh cãi hay trì hoãn những gì mình được khiến cho làm.

Rumindah ngồi làm đi làm lại cho nhẵn chiếc kain của mình. Điều đó khiến Subuh nhớ tới đã trông thấy cô lần đầu trên xe lửa – chỉ lúc này là không có gió.

“Chỉ làm một công việc thôi không được sao?” cô hỏi.

Khuôn mặt Subuh trở nên dửng dưng.

“Bố mẹ em sẽ nói gì khi họ hỏi điều gì đã xảy ra cho anh?” Rumindah không thể tưởng tượng được phản ứng của bố cô sẽ ra sao nếu ông ấy hay biết được.

“Sao? Chồng con đã biến thành một *dukun* khi 32 tuổi?” Ông không tán thành những *dukun*, những thầy bói, những *guru*, những thầy pháp và thầy lên đồng.

Đối với ông chỉ có một chân đạo duy nhất là Hồi giáo. “Tất cả những gì mà chúng ta cần đều có trong kinh Quran,” ông thường nói. “Chúng ta không cần phải đi tìm những gì khác dẫn dắt mình. Tất cả những gì chúng ta phải làm là kiếm tiền trong những công việc hằng ngày.”

Rumindah biết chồng mình không là một *dukun*; anh cũng đương nhiên không là một *guru* theo những gì cô đã biết.

Rumindah có thể cảm thấy sự hiện diện và tác động của cái gì mãnh liệt và trong lành trong latihan khiến cô biết điều đó xảy ra

là nhờ Subuh. Cô nghiệm thấy những rung động mình cảm thấy đầy áp tới nỗi mình sẽ gục ngã: như một chiếc thuyền chứa nhiều đồ tới nỗi không thể mang nổi. Nhưng Subuh sẽ được tạo cho cách truyền nó cho những người khác?

Những sự tiên tri trong cuốn ‘sách dày cộm nói được’ mà anh đã nói với cô, cho thấy là anh sẽ truyền bá *latihan kedjiwaan* cho những người trên khắp thế giới. Nhưng khi nào? Họ sẽ phải đợi 12 năm? Mười hai năm có những khách nơi hiền nhà, những câu hỏi vô tận, những bánh trái và cà phê vô tận - mà không có đồng bạc nào để mua?

“Nói cho em hay một lần nữa khi nào anh sẽ phải đi khắp thế giới,” Rumindah kiên nhẫn hỏi. Trên khoé mắt cô có những nước mắt.

“Cuốn sách nói điều đó sẽ xảy ra một ngày nào đó sau khi Java được tự do, và sẽ có một người từ Trung Đông tới gặp anh để tìm hiểu chân đạo. Anh sẽ biết mặt được người đó, bởi ông ấy là một người mang huyết thống Ai Cập, một người Do Thái theo Hồi giáo.”

“Điều gì sẽ xảy ra nữa?”

“Nhờ ông ấy, anh sẽ tới những nước Tây phương, từ nước này tới nước khác trên khắp thế giới.”

“Mas, em sẽ đi cùng anh?” Rumindah hỏi. Cô mong là mình cũng sẽ có thể đi xem mọi nước trên thế giới.

“Tất nhiên là bà xã anh sẽ đi cùng anh,” Subuh đáp. “Còn có những người khác nữa để giúp chúng ta trong cái nhiệm vụ nặng nề đó.”

Rumindah ngồi trong một lúc lâu không nói bất cứ gì. Cô nghe thấy tiếng những đứa con mình đang chơi đùa trong vườn: cô nghĩ tới những ruy-băng mứt mượn mà mình sẽ không bao giờ được mó tới hay có thể mua; cô tự hỏi không biết sẽ chịu đựng

được bao lâu vì mấy món đồ trang sức quý báu của mình đã phải đem bán.

“Mình không thể chấp nhận bất cứ gì mà thiếu bằng chứng,” cô nghĩ. “Bằng chứng mà mình có thể tận mắt nhìn thấy và hiểu được với tâm trí. Bằng chứng cái *latihan kedjiwaan* này thực sự là do Thượng Đế.”

Sáng hôm sau, bầu trời trở nên xanh tươi, nhưng vô số những đám mây màu trắng chất đống tại chân trời, khiến phải nghĩ rằng buổi trưa sẽ mưa.

Rumindah và Kursinah đã làm xong công việc giặt giũ và phơi khô. Họ lợi dụng nạn lụt ở Kalisari với những trận mưa vừa qua để làm đầy lại những bể chứa nước cho những công việc rửa chùi – nước uống, nấu ăn và tắm gội họ lấy trong giếng.

Hôm đó là chủ nhật nên Subuh ở nhà. Anh đọc một tờ báo tiếng Java, và chỉ cho bé Haryono viết một vài chữ hoa mỹ của các mẫu tự tiếng Java bác học.

Rahayu đang ngủ với bà nội. Còn Haryadi thì chợp mắt một lát. Rumindah vừa nằm xuống cho giấc ngủ trưa. Cô có thể nghe thấy những hạt mưa đập lộp độp trên mái nhà...

Cô thức dậy lúc cuối chiều. Cơn mưa như trút nước kéo dài một tiếng đồng hồ. Mưa vẫn còn nhưng đã bắt đầu nhẹ bớt. Cô ngồi dậy, vươn vai, đi tắm cho được tỉnh táo, rồi cho Haryadi ăn uống. Cô chăm chú nghe ngóng.

“Rahayu và Haryono chắc vẫn còn đang ngủ,” cô nghĩ. “Nhưng subuh thì đâu mất rồi?”

Đặt Haryadi lên giường nằm giữa hai chiếc gối dài. Cô ra phòng khách mở cửa chớp ra nhìn.

Chính là Subuh đang đứng dưới cơn mưa.

Rumindah nhìn rồi nhìn lại một lần nữa. Có điều gì đó kỳ quái. Điều gì đó không ổn. Không phải là việc chồng cô bị ướt đầm vì cơn mưa – nhưng coi kìa! Quả thực là vậy!

Chính anh đang tại đó, đang đi đứng, dưới cơn mưa.



Rumindah muốn có bằng chứng nội dung của latihan là do Quyền Năng của Thượng Đế. Một hôm cô trông thấy Subuh đi đứng trong mưa mà không bị ướt. Hình như anh có một cây dù vô hình.

Anh mỉm cười, ngâm nga hát, mỗi bước đi anh liếc nhìn phía trên đầu mình, đưa tay lên, xoa tay vào nhau...

Không có đến một giọt mưa nào trên người anh.

Áo sơ-mi anh khô ráo, khuôn mặt anh khô ráo, cánh tay, quần đùi và chân anh khô ráo.

Rumindah bắt thần rùng mình. Cô cấu véo chính mình.

Thực sự là vậy. Subuh đang đi đứng trong phạm vi một hình trụ khô ráo. Bất cứ nơi nào anh bước tới, hình trụ đó cũng đi theo.

Anh trông thấy cô, ngoác mồm cười kêu gọi: “Rumindah ra đây coi đây này!”

Cô nhìn thấy với chính mắt mình, tuy thấy sợ hãi. Cái sức mạnh siêu nhiên nào đã bao quanh anh, khiến mưa không đọng vào?

Cô bị lôi cuốn khiến cho đi từ cửa sổ tới cửa nhà, từ cửa nhà tới đầu hiên nhà. Subuh đi tới nơi cô. Anh đứng trước mặt cô: vui sướng và khô ráo.

“Cái đó như là một cây dù vô hình,” anh la hét. “Em đi cùng anh, chúng ta cùng đi dạo. Anh đang được *latihan* khiến cho phải đi xuống phía con sông.”

“Nước sông đang cuồn cuộn chảy,” Rumindah la lên. “Cây cầu qua sông đã bị cuốn trôi đi.”

“Em đi cùng anh đi nào,” anh nài nỉ.

“Em cũng muốn đi, nhưng em sợ lắm,” cô la hét.

“Đừng sợ, đừng sợ gì hết,” anh dịu dàng nói. Anh đụng vào cánh tay cô, ngón tay anh khô ráo. “Đừng lo ngại gì, đừng lo ngại gì cho anh. Em có thể nhìn anh từ nơi đây.”

Dưới sự thúc ép tác động của *latihan*, Subuh đi từ sườn đồi tới những dòng nước dâng trào của cơn lụt ở Kalisari.

Subuh nghe thấy mệnh lệnh trong *latihan*: “Người đi qua con

sông.”

“Làm sao đây? Không có cây cầu nào, thật nguy hiểm – mình có thể bị chết chìm.”

“Chỉ Thượng Đế là có quyền năng, Thượng Đế là Đấng Toàn Năng.”

Latihan kedjiwaan khiến anh bước lên trên chỗ nông cạn xoáy tít, đi qua chỗ thâm sâu tung toé, tới bờ sông dang xa rồi đi ngược lại.

Trong lòng anh nghe thấy âm thanh: “Allah, Allah, Allah – Thượng Đế, Thượng Đế, Thượng Đế.”

Đôi mắt Rumindah thắm đầy những giọt nước mắt, cô không chùi đi vì muốn còn có thể nhìn xem.

“Thiên Sứ GiêXu,” cô nghe thấy chính mình nói, “đi trên mặt nước nhờ ân huệ của *Allah subhana wa t’ala*.”



Ruminah la hét vì cô trông thấy *latihan* làm cho *Subuh* di chuyển trên mặt nước một con sông đầy tràn.

Cô biết là mình đang chứng kiến cái bằng chứng mình muốn thấy.

Chỉ trong lúc đó Subuh mới tự mình biết được thực chất nguồn gốc của cái sức mạnh trong latihan kedjiwaan.

“Chính quyền năng của Thượng Đế đã làm cho Đức Ki Tô đi trên mặt nước.”

Ngày hôm sau, Subuh tạ ơn Thượng Đế – với sự chấp thuận của Rumindah – đã cho mình được nghỉ làm công việc kế toán tại *Semarang Gemeente*.

CHƯƠNG 24

Có một sự đổi thay rõ rệt sau khi Muhammed Subuh bỏ việc làm của mình.

Anh cảm thấy mỗi ngày tâm can mình trở nên an hòa hơn. Chân tâm anh có vẻ như bành trướng rộng lớn hơn với mỗi latihan.

Anh không còn nhận thấy nữa những chứng nghiệm của mình mang những nghĩa lí mâu thuẫn nhau.

Trước hết, anh hiểu được rằng 'được kêu gọi trở về nơi Thượng Đế' và 'lên đường trong một hành trình' là những gì y như nhau. Anh rõ rệt nhớ lại cuốn sách biết nói đã đặt điều kiện cho tất cả những gì có thể sẽ xảy ra cho anh trong tương lai.

Trước khi có thể bắt đầu truyền thụ cho những người khác sự giao tiếp mà anh đã tiếp nhận, Subuh sẽ bị Thượng Đế thử thách. Sự thử thách đầu tiên và khó khăn nhất ngay sau khi anh cùng tuổi với Chúa GiêXu lúc ông sẽ có thể bị đóng đinh trên cây giá thập tự.

Subuh chờ đợi điều gì đó sẽ xảy ra cho mình lúc 32 tuổi: bị thử thách, được kêu gọi, lên đường trong một hành trình. Anh tin rằng điều đó thật nguy hiểm. Anh có thể sẽ mất mạng. Nhưng anh cảm thấy nếu vượt qua được thử thách đó và trở về sau khi được kêu gọi lên đường trong một hành trình, thì anh sẽ không chết: anh sẽ

được đưa dẫn tới cái định mệnh của mình mà cuốn từ điển biết nói của *jiwa* anh đã tiên tri.

Anh hết sức mang ơn vợ và mẹ mình là không những đã không ngăn cản quyết định bỏ việc làm trước lúc sinh nhật thứ 32 của anh theo lịch Hồi giáo, mà còn vui lòng chấp nhận bất cứ những gì sẽ xảy ra do hậu quả quyết định của anh.

“Thưa mẹ,” một buổi sáng nọ anh kêu la,” xin cảm ơn mẹ! Rumindah, bà xã của anh, xin cảm ơn em!” Xin cảm mọi người là đã thương yêu, chúc phúc và hỗ trợ cho những gì mà Subuh đã làm.”

“Bởi Subuh không còn đi làm nữa, nên bản chất của Subuh được ổn định để bành trướng khiến cho, nếu đó là Ý Thượng Đế, Subuh có thể kiên nhẫn chuẩn bị cho tất cả những gì sẽ xảy ra cho mình trong cái *windu* thứ tư là chu kì 8 năm theo lịch Java.”

Rumindah nhìn tấm lịch trong một khung gỗ của *Semarang Gemeente* mà họ còn giữ cùng với chiếc đồng hồ của ông nội. Cô không nhận thức được là chẳng bao lâu nữa sẽ hết cái chu kì 8 năm cuối cùng của Subuh. Cô coi lại ngày tháng. Mỗi cuốn Tây lịch đều có phía dưới ngày tháng theo lịch Hồi giáo và tên tuổi những phiên chợ của Java trong ngày tháng đó.

“Là người Java thật phức tạp,” cô nghĩ. “Làm ăn thì theo lịch Tây phương, nhưng đời sống thì tính theo lúc Thiên Sứ trốn thoát khỏi Medina, hay theo những ngày có tên tuổi của *Chín Vị Walis*.”

“Mas, chúng ta phải chuẩn bị ngay cho cái *windu* của anh,” Rumindah cho hay. “Em đã cầu thả – em không nhận thấy là sắp tới lúc đó rồi.”

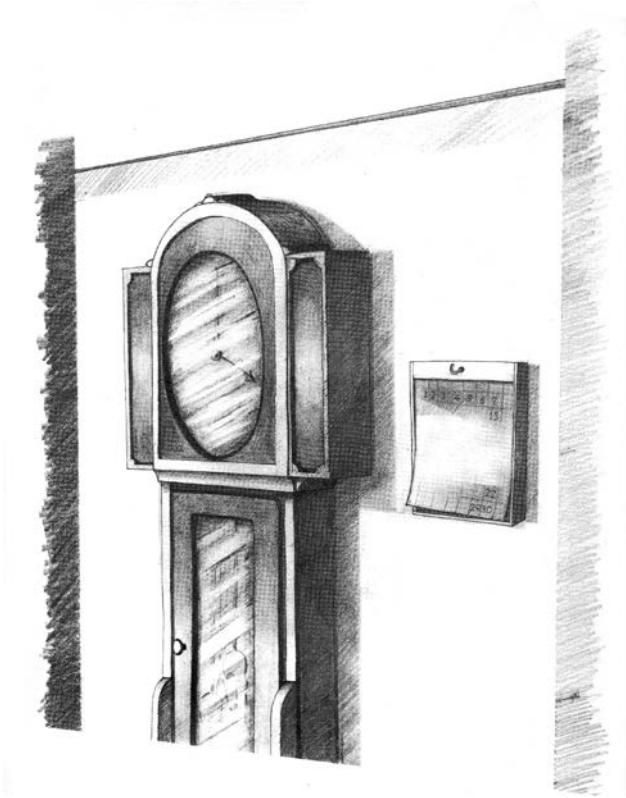
Rumindah nhìn qua phía bà mẹ chông. Bà đang trầm lặng ngồi thẳng đứng, với hai tay chấp lại và hai giọt lệ long lanh trên gò má.

“Ruminndah, cảm ơn em,” Subuh đáp. “Anh tạ ơn Thượng Đế là

em đã vui lòng đi theo anh, hưởng ứng và hỗ trợ cho anh.”

“Nak Subuh,” Kursinah nói, “điều gì sẽ xảy ra cho nhà này nếu con chết?”

“Thưa mẹ, mẹ biết con đã đi đến kết luận là nếu phải chết lúc 32 tuổi, thì tốt hơn là không đi làm nữa trước khi chết. Nhưng nếu con không chết, thì cũng tốt hơn là không đi làm, bởi hình như con sẽ phải bận việc vì kedjiwaan. Dù sao thì tất cả những gì xảy ra sẽ chỉ là kết quả của việc con đã làm hết khả năng mình để tuân theo *Gusti Allah*. Ngoài ra thì con không thể làm gì hơn.”



Ruminah coi lịch Hồi giáo để tìm ra ngày nào là sinh nhật thứ 32 của Subuh. Lễ ăn mừng được làm một cách đơn sơ.

Cái *selematan* cho *windu* thứ tư của Muhammed Subuh được giản dị tổ chức nơi hiên nhà. Những người đến dự là các bạn bè cùng với những người đi tìm đạo khác.

Kadariusman cũng đến dự.

Subuh và Kadariusman ngồi bên cạnh nhau suốt lúc đó, mỗi người đều cảm thấy, có thể nói vậy, sự kề cận của cái chết: sự dễ dàng đi qua nơi bên kia, nếu muốn.

“Adik, Supartono đã tới Jogja,” Kadariusman thở dài. “Anh ấy lập nên một môn phái tu tập mới. Anh nói với thiên hạ là mình đã tiếp nhận được sự khai thị của Lộng Vàng. Anh khai tâm cho họ theo cách Kiyai Abdurachman đã làm. Anh có rất nhiều đệ tử.”

Muhammed Subuh thản nhiên nói: “Mas, anh biết là em không thể khai tâm cho anh hay bất cứ ai, nếu chưa được cho ‘quyền’ làm như vậy bởi vì có ‘thẩm quyền’. Chúng ta không phải lo lắng về những việc làm của Supartono. Dù sao, theo cảm nghĩ của em, *chính anh ấy* là kẻ làm công việc khai tâm với bản ngã của chính mình - trong khi với *latihan kedjiwaan* thì sự khai tâm chỉ có thể xảy ra với quyền năng của Thượng Đế.”

“Hình như em đã biết rõ về nguồn gốc của nó hơn trước kia,” Kadariusman nhận xét.

“Anh nói đúng, em cảm thấy mình đã có những bằng chứng về thực chất của việc nó từ đâu tới.”

Một buổi tối nọ một vài ngày sau đó sau lúc *windu*. Muhammed cảm thấy khó ở. Trước đó Rumindah đã nuôi ăn cho Haryadi trong phòng nơi Haryono ngủ. Cô bước ra, tay ẵm đứa bé.

“Mas, trông anh đau ốm. Em có thể làm gì cho anh?”

“Không, Rumindah, cảm ơn em. Anh không sao hết.”

Rumidah đi vào phòng đưa bé trai.

Subuh đi vào phòng học. Anh làm lễ cầu kinh; anh tuân theo *latihan* mình; anh vẫn còn thấy khó chịu.

Anh đi ra ngoài phòng học. Ban đầu anh ngồi nơi hiên nhà. Kế đến, anh tới ngồi nơi phòng khách. Anh tìm cách ngồi nơi vườn nhà. Dù ngồi bất cứ đâu, anh cũng cảm thấy không thoải mái.

„Mình mang bệnh?“ anh nghĩ. „Mình cảm thấy như bệnh thiếu máu.“

Cơ thể Subuh càng lúc càng trở nên yếu mệt. Anh cảm thấy trí tưởng tượng, đầu óc và tim can mình trở nên trống không. «Anh cảm thấy như sự sống đã bị hút mất hết khỏi nơi mình.

Anh bắt đầu cảm thấy rất mệt mỏi và buồn ngủ. Anh nhớ lại: „Đúng rồi, mình cảm thấy khó chịu là điều thường xảy ra trước khi mình tiếp nhận được cái gì.“

Anh chợt nhận ra: „Đúng là vậy rồi. Đây đúng là lúc mình đã được cho hay khi 16 tuổi. Lúc mình đã đợi chờ...“

Subuh loạng choạng đứng lên. Anh cảm thấy khó chịu vô cùng. Anh cảm thấy đau ốm, trống không tới nỗi có thể chết.

„Mình phải từ biệt mọi người,“ anh tự nói với mình. „Mình phải nói lời vĩnh biệt con cái mình.“

Subuh đi vào được các phòng ngủ. Anh hôn lên trán Rumindah, âu yếm hôn trên má bé Haryadi. Anh nói lời vĩnh biệt với Haryono rồi dịu dàng hôn trên mi mắt nó.

Anh thấy Siti Rahayu nằm bên cạnh bà mẹ anh. Anh không hiểu tại sao, nhưng cảm thấy mình nên đem nó trả lại cho mẹ nó. Hôn lên đầu nó, anh bế nó từ giường của Kursinah tới giường của Rumindah nơi phòng bên cạnh.



Anh tạm biệt hôn con cái mình.

Anh tạm đứng lại nơi cửa phòng để nhìn một lần chót.

Anh khép cửa lại.

„Điều này như là mình đang chết,“ anh nghĩ.

Anh lão đảo đi tới phòng ngủ mình. Anh mở cửa phòng, khép cửa lại rồi lên giường nằm.

Subuh lo sợ. Anh hoàn toàn kiệt sức. Anh không thở được nữa.

Anh tự ép buộc mình hít thở trở lại. Nhưng ngay sau khi thư giãn, anh lại không thở được.

Muhammed Subuh cố sức phò mặc hoàn toàn và duy nhất cho quyền năng của Thượng Đế.

„Tôi không là gì hết. Tôi chẳng làm được bất cứ gì. Tôi là con số không.“

Muhammed Subuh cảm thấy càng lúc càng lạnh và rất nhỏ bé, như linh hồn anh muốn rời khỏi thể xác để bay đi nơi khác.

Sau một thời gian trong cái tình trạng đó, anh cảm thấy, không phải là linh hồn mình rời khỏi thể xác mình, mà là chính thể xác mình đang bành trướng.

Anh cảm thấy từ rốn mình tới phía trên, thể xác mình kéo ra càng lúc càng cao.

Anh cảm thấy từ rốn mình tới phía dưới, thể xác mình càng lúc càng rút ngắn lại.

Anh cảm thấy nó càng lúc càng trở nên dài hơn.

„Thượng Đế, Thượng Đế, Thượng Đế; Allah, Allah, Allah.“

Đầu óc lạnh cóng, chân anh lạnh cóng.

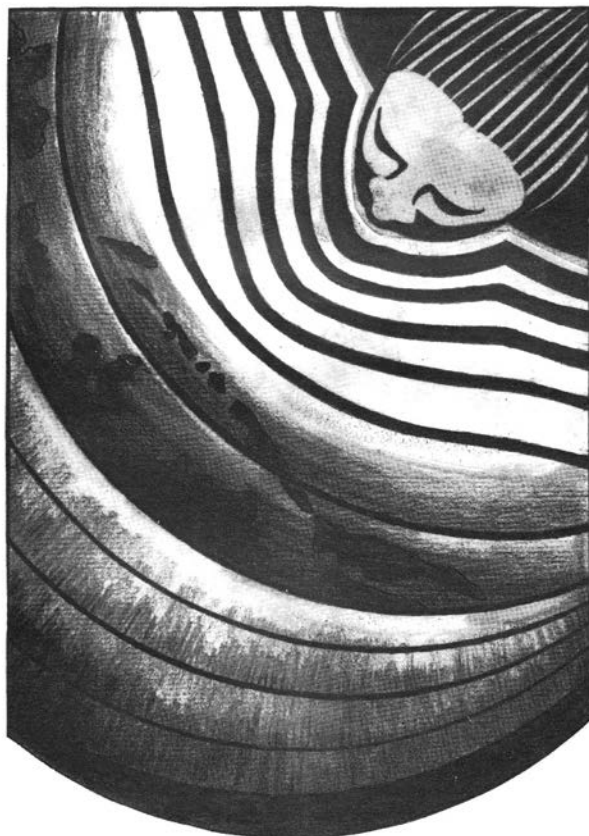
„Như vậy nghĩa là gì?“ câu hỏi đó anh nghe thấy từ đáy lòng mình.

„Đó là dấu hiện đầu người tại Bắc Cực, chân người tại Nam Cực.“

Khi nghe thấy lời nói đó, anh cảm thấy toàn thân mình như bị chia đôi ở giữa, từ đầu tới móng chân.

Từ nơi ngực, cơ thể anh bắt đầu mở ra, từ bên trong ra bên ngoài, để tự động bành trướng thành một khối cầu.

Bây giờ cơ thể anh là một khối cầu.



Anh nằm xuống trên giường. Anh không chết. Anh cảm thấy mình lớn thành như Trái Đất, đầu ở Bắc Cực, chân ở Nam Cực.

Anh cảm thấy nó càng lúc càng rộng lớn hơn, càng tròn trịa hơn.

Anh biến thành cái gì thật lớn, lớn và tròn.

Anh có thể cảm thấy chính mình đang bao bọc trái đất.

Anh bao gồm cả địa cầu.

Trong một chốc lát, có sự biến động mãnh liệt kinh khiếp làm Subuh cảm thấy bị kéo ra ngoài trái đất.

Anh cảm thấy mình bị lôi ra ngoài sự nắm giữ của trái đất, như một viên ngọc khỏi cái khung của nó.

Anh thấy mình được tự do thoát khỏi thế giới với một vận tốc vô cùng cao.

„Mình được tự do, giải thoát khỏi tất cả những gì mình để lại đằng sau của thế giới, trái đất và tất cả những gì nó chứa.“



Một sức mạnh rất lớn đẩy Subuh ra khỏi Trái Đất.

Anh thấy mình vô cùng nhanh chóng đi qua không gian của thái dương hệ. Trong lúc đi, anh thường xuyên thốt ra những lời ,‘Alla-hu-Akbar, Alla-hu-Akbar, Alla-hu-Akbar.’“

„Thượng Đế là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.“

Mỗi lần nói ,‘Alla-hu-Akbar’, Subuh được đưa tới phía trước. Nếu cứ tiếp tục nói, anh còn được đẩy tới nhanh hơn và xa hơn. Nói „Alla-hu-Akbar“ hình như là động cơ đưa đẩy của Subuh.

Ý thức của anh còn đầy đủ và trong sáng. Cảm xúc của anh còn sống động trong suốt lúc đó.

Anh cảm thấy sự cuốn đi của không gian xuyên qua con người mình, như đó là một luồng gió lớn.

Anh đi qua mặt trăng và rõ rệt trông thấy bề mặt đen tối của nó. Anh nhận diện được Hoả tinh. Anh thấy mình lao phóng về phía Mộc tinh. Anh tự nói với mình, „Tôi muốn dừng lại,“ – điều này xảy ra sau 15 hay 20 phút du hành – „tôi muốn nhìn xem thế giới từ một nơi xa.“

Ngay lúc đó Subuh dừng lại, khiến anh có thể nhìn ngược lại thấy cái thế giới trên đó anh sống. Trái đất xoay quanh trục của nó – nhưng Subuh chưa lập tức nhận ra nó.

„Cái gì đây?“

Anh thấy một trái banh lốm đốm hơi xanh đang chậm chạp xoay trong không gian. Trông nó như một đá hoa rất lớn.

„Tại sao nó nhỏ đến như vậy?“

„Nó là như vậy nếu nhìn từ đằng xa. Trái đất quả thực rất nhỏ.“

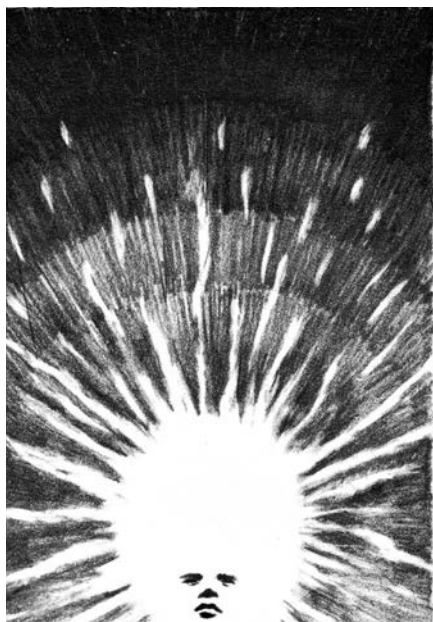
Đó là điều Subuh nghĩ, khi anh đi qua phạm vi của không gian để tới Mộc tinh. «Cái gì quan trọng hơn? Cái thế giới từ đó mình đến

– hay cái thế giới vô cùng rộng lớn, không bờ bến mà mình đang bắt đầu trông thấy?»

So với trái đất, Mộc tinh là một thế giới cực kì lớn.

Tại đó Subuh trông thấy những sinh thể cao mấy trăm cây số và lớn như hàng trăm, thậm chí hàng ngàn, những núi lửa của trái đất. Những sinh thể đó không cấu tạo bằng xương thịt, mà bằng những chất liệu đặc biệt của Mộc tinh. Chúng hình như đã trông thấy Subuh đang đến, và nhiều kẻ đã vươn lên từ những đám mây cuộn xoáy của Mộc tinh để nhìn xem Subuh đang lúc trên đường tới mặt trời. Subuh lướt qua theo vòng cung xuyên qua không gian.

Khi phóng tới phía Mặt Trời, anh trông thấy thực ra đó là lỗ trống, một đường hầm anh phải đi qua.



Subuh bay nhanh qua Thái Dương hệ, tới Mặt Trời. Mặt Trời là một đường hầm đầy lửa và ánh sáng.

Khi trông thấy đường hầm của mặt trời, anh hỏi: „Cơ thể tôi sẽ bị tan tành khi đi vào nơi này?“

Subuh có thể trông thấy Mặt Trời đầy khí rực sáng và nóng nực vô cùng.

Anh nghe thấy lời nói: „Hãy nhìn xem cơ thể ngươi.“

Cơ thể anh – trở nên rộng lớn hơn, rộng lớn hơn nhiều cái thế giới mà anh đã rời bỏ, nhưng vẫn còn nhỏ bé so với đường hầm mênh mông của Mặt Trời – bao gồm ánh sáng rực rỡ.

„Chất liệu mà ngươi bao gồm cũng y như chất liệu của Mặt Trời mà ngươi đi xuyên qua.“

Subuh nghĩ: „Chỉ ánh sáng mới có thể kết hợp với ánh sáng, và chỉ lửa mới có thể không bị lửa làm hại.“

Thực sự là vậy. Subuh đi xuyên qua Mặt Trời mà không bị gì.

Anh thấy mình trong một phạm vi trong đó sự mênh mông của Thái Dương hệ trở nên rất nhỏ bé và Trái Đất thì trông bé tí và tầm thường.

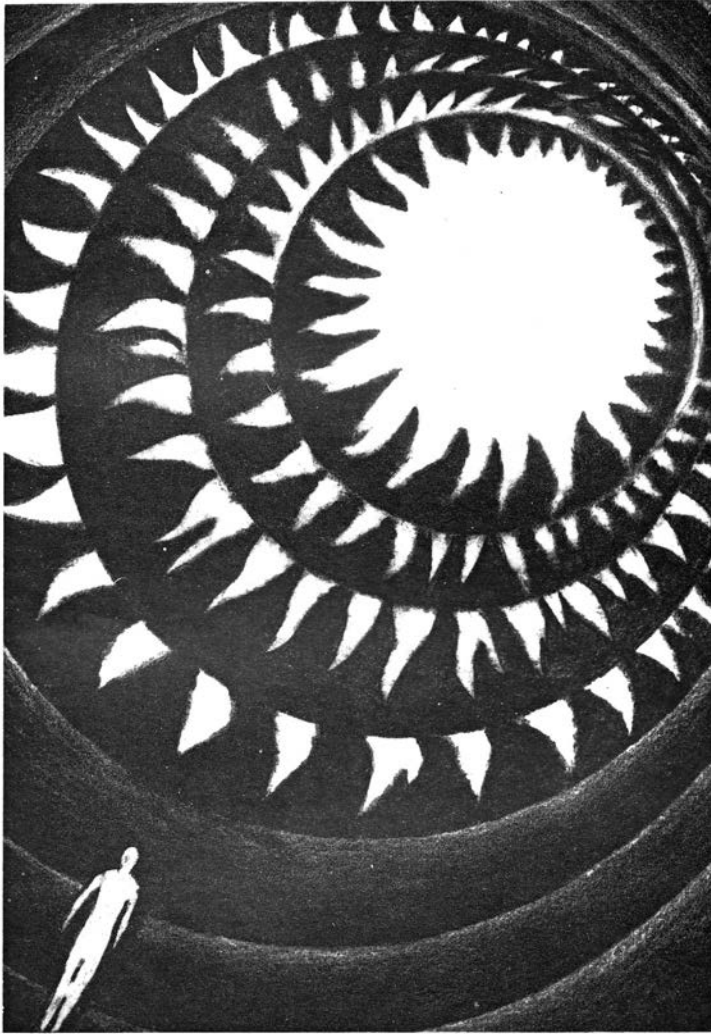
Subuh đi qua cái khoảng trống thiếu tinh tú đó mà không cảm thấy có một sức mạnh nào, tuy đi nhanh hơn lúc trước.

„Tôi muốn nhìn một lần nữa,“ anh nói và nhìn xung quanh.

Tất cả những gì anh có thể thấy nơi xa là một nhóm những kim cương lấp lánh.

„Như ghim hoa kim cương của Rumindah, cái có hình tròn mà mình đã mua cho bà xã. Hoặ như hoa tai kim cương của bà.“

Chỉ có điều này là khi nhìn, Subuh thấy những ‚kim cương‘ trong hoa tai bao gồm hàng ngàn những ‚kim cương‘ bé tí khác – những



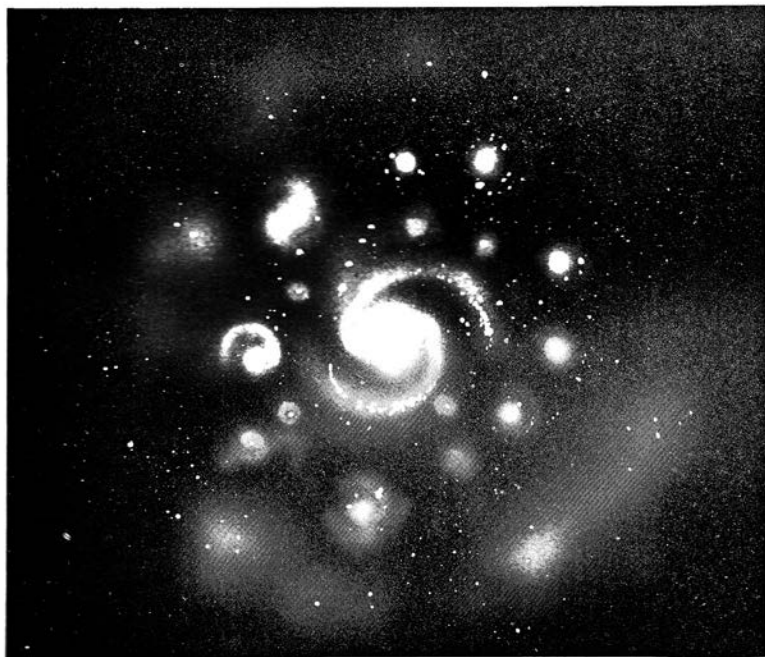
“Làm sao mình có thể vào Mặt Trời mà không bị tiêu hủy?” “Người hãy nhìn xem cơ thể mình,” có tiếng trả lời. Anh nhìn xem và thấy mình to lớn, hoàn toàn bằng ánh sáng. Anh được vô sự đẩy đi xuyên qua đường hầm của Mặt Trời.

vật hết sức nhỏ và nhọn là ánh sáng rực rỡ.

Quả thực đó là hoa tai, nhưng với một quy mô lớn hơn nhiều.

Khi chiêm ngưỡng tài khéo đó – cách những kim cương trong những kim cương được sắp xếp thành vòng tròn này trong vòng tròn khác chung một hạt nhân là trung tâm – anh hỏi: „Cái này là gì?“ Anh nghe thấy:

„Đó là Vũ Trụ.“



Anh xin được dừng lại để nhìn xem một lần nữa. “Cái đó là gì vậy?” anh hỏi. “Trông nó như hoa tai bằng kim cương.” “Đó là cái Vũ Trụ chứa đựng tất cả các ngân hà của các tinh tú,” có tiếng trả lời. “Bây giờ người đã vượt xa khỏi tất cả.”

„Đó là những ngân hà từ đó người đến.“

„Bây giờ thì đã đi rất xa, vượt ra ngoài các tinh tú.“

Subuh hiểu rằng mình thực sự đã chết: anh không chỉ đã rời khỏi Trái Đất, mà là toàn thể cái thế giới vật chất – các hành tinh và Mặt Trời, các tinh tú và ngân hà, kể cả Vũ Trụ – và tất cả những gì có trong đó.

Anh hiển nhiên đã bỏ lại phía sau mình không gian và thời gian trong những ranh giới của cái kim cương lấp lánh là Vũ Trụ.

CHƯƠNG 25

Lúc đó là ngay sau nửa đêm ở Semarang.

Ibu Kursinah giật mình thức dậy. Bà phải vào phòng tắm.

Bà ngồi trên giường, đôi chân đưa qua bên này bên kia, để tìm kiếm những chiếc dép mình.

„Chắc chắn là mình đã để nó nơi đâu,“ bà nghĩ. Kursinah chưa mở mắt ra. Đôi khi bà có thể đi luôn tới phòng tắm rồi đi ngược về mà không nhìn thấy bất cứ gì chung quanh mình. Khi lên giường trở lại, bà có thể tức khắc ngủ.

Sau một phút tìm kiếm mà không thấy gì và lắc lư chân mình nơi này nơi kia, bà thấy mình đã tỉnh ngủ hẳn. Bà mở mắt ra.

„Trời ơi!“ Kursinah không thể tin những gì mình nhìn thấy.

Trong khắp phòng trông như có những dây mắc đèn điện căng khắp nơi. Tim bà bắt đầu đập càng lúc càng nhanh. Bà dụi mắt – như để dụi bỏ sự quang sai của những gì nhìn thấy.

Khi mở mắt ra, bà kinh hãi. Tất cả các ánh sáng vẫn còn đó. Nhưng khi nhìn kĩ hơn, bà thấy đó hoàn toàn không là những bóng đèn.

Đó là những ngôi sao.



Trong lúc đó thì ở Semarang, Kursinah, mẹ Subuh, thức dậy. Bà nhìn lên trên và xuống dưới, nghĩ phòng mình có đầy ánh sáng của đèn điện. Nhưng bà trông thấy đó là những ngôi sao. Bà hoảng sợ, nhắm mắt lại và lên giường nằm trở lại.

„Là những ngôi sao!“ bà há hốc miệng vì kinh ngạc. „Những ngôi sao sáng chói sáng chung quanh mình. Trông như mình đang trên trời.“

Kursinah thu hết can đảm nhìn nơi đầu giường. Phía dưới bà và chiếc giường không có gì hết. Tất cả chỉ là không gian, không gian

vô tận và sự lập loè của những ngôi sao.

„Mình đang trên trời;“ bà lẩm bẩm nói. „Phía dưới và chung quanh mình khắp nơi chỉ là không khí!“

Ibu Kursinah lấy làm kinh khiếp. Bà cảm thấy cơ thể mình khắp nơi lạnh ngắt, kể cả nơi bên trong.

„Mình sẽ phải làm gì đây?“ bà lớn tiếng hỏi. Bà tự trả lời cho mình: „Thôi, đừng nghĩ nữa tới chuyện kiếm đôi dép để đi vào phòng tắm. Mình cứ việc nằm xuống và chờ đợi. Có lẽ tất cả những cái đó rồi sẽ biến mất. Có lẽ mình sẽ buồn ngủ trở lại. Biết đâu chừng?“

Kéo đôi chân mình đặt ngang với tấm nệm, bà nằm lại trên giường. Bà nhắm mắt nằm ngay nơi giữa giường.

Nằm nơi đó với mắt nhắm chặt, bà mong mình có thể nói cho con trai mình hay về tất cả những điều này. Bà tự hỏi không biết Subuh sẽ giải thích ra sao...

„Allah-hu-Akbar! Allah-hu-Akbar! Allah-hu-Akbar!“

Muhammed Subuh được đẩy đi xuyên khoảng trống của phạm vi bên ngoài Vũ Trụ.

Tại một nơi xa trong cái khoảng trống hết sức lớn đó, anh trông thấy một không gian mênh mông. Cái không gian với những kích thước ngoài sức tưởng tượng đó trông như một quả cầu đang sáng chói bành trướng về mọi phía. So với quả cầu đó, cái Vũ Trụ mà anh đã bỏ lại một nơi thật xa đằng sau mình, chỉ là một cục sỏi.

Bên trong quả cầu lớn phi thường đó, Subuh trông thấy một khối ánh sáng hình nón hùng vĩ.

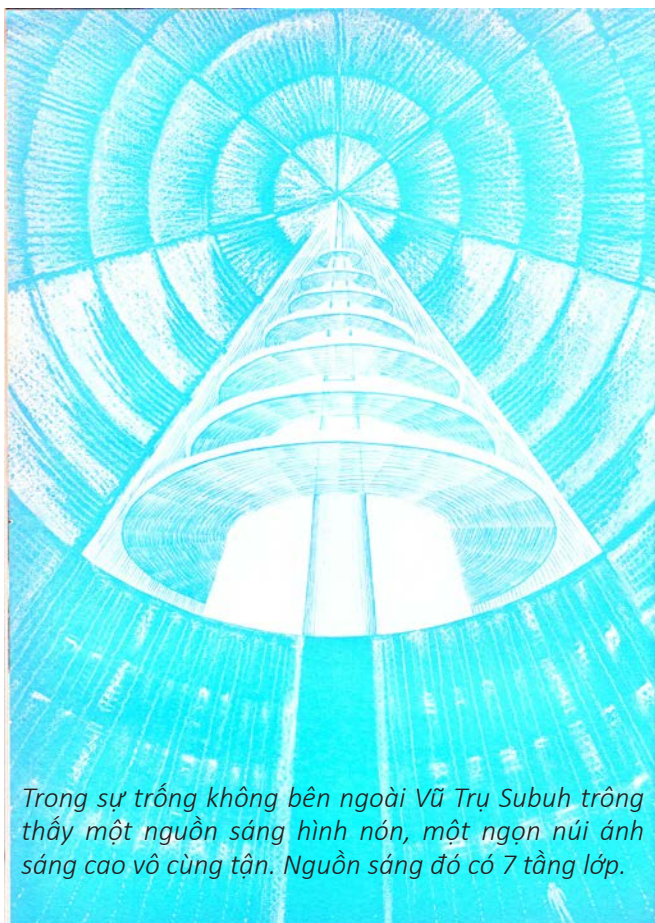
Ánh sáng đó từ một nơi thật cao chiếu tới một vùng xa xôi hình như là cõi vô tận.

Hình thù của ánh sáng trông như một ngọn núi hình nón: một ngọn núi hình nón là ánh sáng.

Từ phía ngoài, ngọn núi sáng chói đó mọc cao hơn, tới những ranh giới vô tận của phạm vi hình cầu trong đó ánh sáng đang đứng.

Subuh lao phóng tới gần hơn.

Subuh trông thấy ngọn núi ánh sáng, hình thù hoàn hảo, có 7 mức, 7 bề mặt tròn bằng phẳng, bề mặt này nằm trên bề mặt kia.



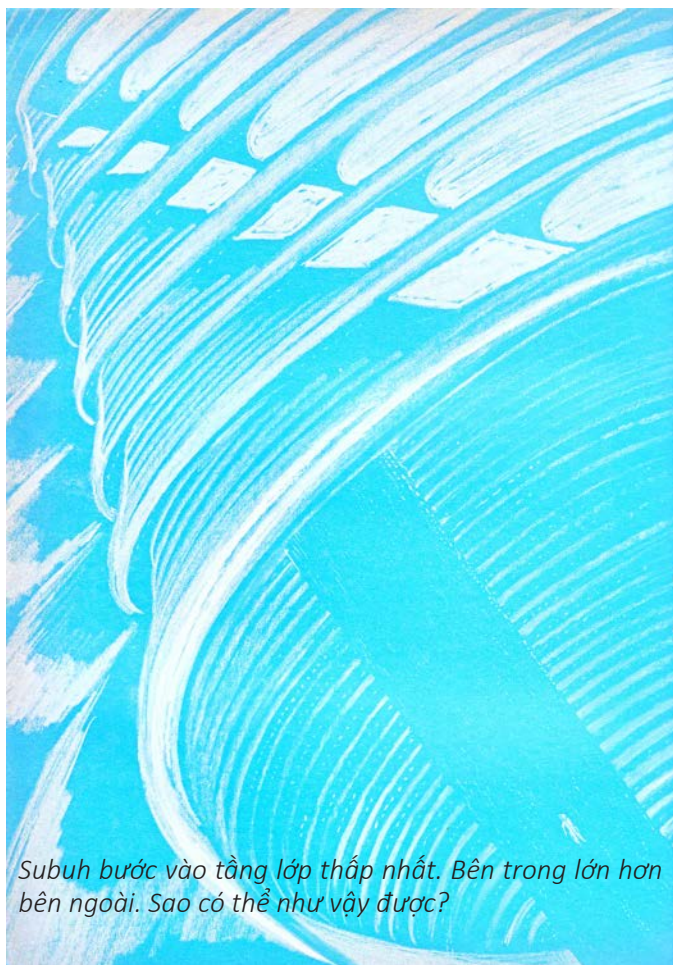
Trong sự trống không bên ngoài Vũ Trụ Subuh trông thấy một nguồn sáng hình nón, một ngọn núi ánh sáng cao vô cùng tận. Nguồn sáng đó có 7 tầng lớp.

Mỗi bề mặt phía trên sáng chói hơn phần phía dưới của nó, và mỗi mức được nối liền với phần trên và dưới của nó bởi những sợi hay dây ánh sáng màu trắng sáng ngời.

Không còn bao lâu nữa Subuh sẽ đến gần ngọn núi ánh sáng.

Subuh tức khắc đi vào đó. Anh kinh sợ.

„Không gian *bên trong* còn lớn hơn *bên ngoài*!“



Subuh bước vào tầng lớp thấp nhất. Bên trong lớn hơn bên ngoài. Sao có thể như vậy được?

Sự nghịch lí đó thật uy nghi. Phạm vi bên trong chân núi ánh sáng còn mệnh mông hơn nhiều sự mệnh mông của khoảng trống anh đã đi qua để tới đây.

Nơi đó Subuh trông thấy – trong cái thế giới sáng chói, hết sức sáng chói mà ánh sáng còn rục rờ hơn sự rục rờ của ánh sáng ban ngày trên Trái Đất – hằng hà sa số những tạo vật của Thượng Đế ăn mặc màu trắng, đứng xếp hàng thành đội ngũ trên vô số những mặt phẳng trong mức thứ nhất của ngọn núi.

Mọi người đang tôn vinh Thượng Đế: múa hát hay biểu lộ sự tôn vinh đối với sự Vinh Quang, Uy Nghi và Nhân Từ của Thượng Đế.

„Nơi chốn này là gì?“ Subuh hỏi và được cho hay:

„Đó là Tầng Trời Thứ Nhất.“



Vô số sinh vật bằng ánh sáng ca tụng Thượng Đế. Phía trên còn có một cõi giới rộng lớn và sáng chói hơn. “Nơi chốn này là gì? anh hỏi. “Đó là tầng trời thứ nhất,“ có tiếng trả lời.

Subuh hiểu được rằng đó là tầng trời thứ nhất mà Thiên Sứ Muhammed và Chúa GiêXu đã nói tới, điều họ nghiệm thấy trong lúc Thăng Thiên.



Subuh bước vào nơi hình cột. "Allah-hu-Akbar," Thượng Đế vô cùng vĩ đại. "Anh đi lên từ tầng trời này tới tầng khác, gặp những vị đóng một vai trò quan trọng và các Thiên Sứ là Abraham, Moses, Giê-Su và Muhammed.

Subuh hay biết được những gì Thiên Sứ Muhammed và Chúa GiêXu thuật lại đều là sự thật. Đó là một chứng nghiệm đích thực, không là một truyện hoang đường.

Subuh trông thấy nơi giữa Tầng Trời Thứ Nhất một cột trụ rất lớn, một cột trụ ánh sáng màu tắng lẫn vàng đưa cao lên nơi vô tận là trung tâm ngọn núi.

Dù lên cao tới đâu đi nữa, nó không hề sút giảm. Hình thù của nó luôn không thay đổi trong lúc đưa lên cao – ngay cả khi Subuh đứng nhìn nó từ nơi dưới cùng.

Khi ngẩng đầu lên nhìn theo con đường của cột trụ ánh sáng màu vàng, Subuh trông thấy một phạm vi đầy ánh sáng chói lòa khác, còn lộng lẫy và mênh mông hơn Tầng Trời Thứ Nhất.

Subuh đi tới phía cột trụ màu vàng. Anh trông thấy cột trụ đó hoạt động như thang máy.

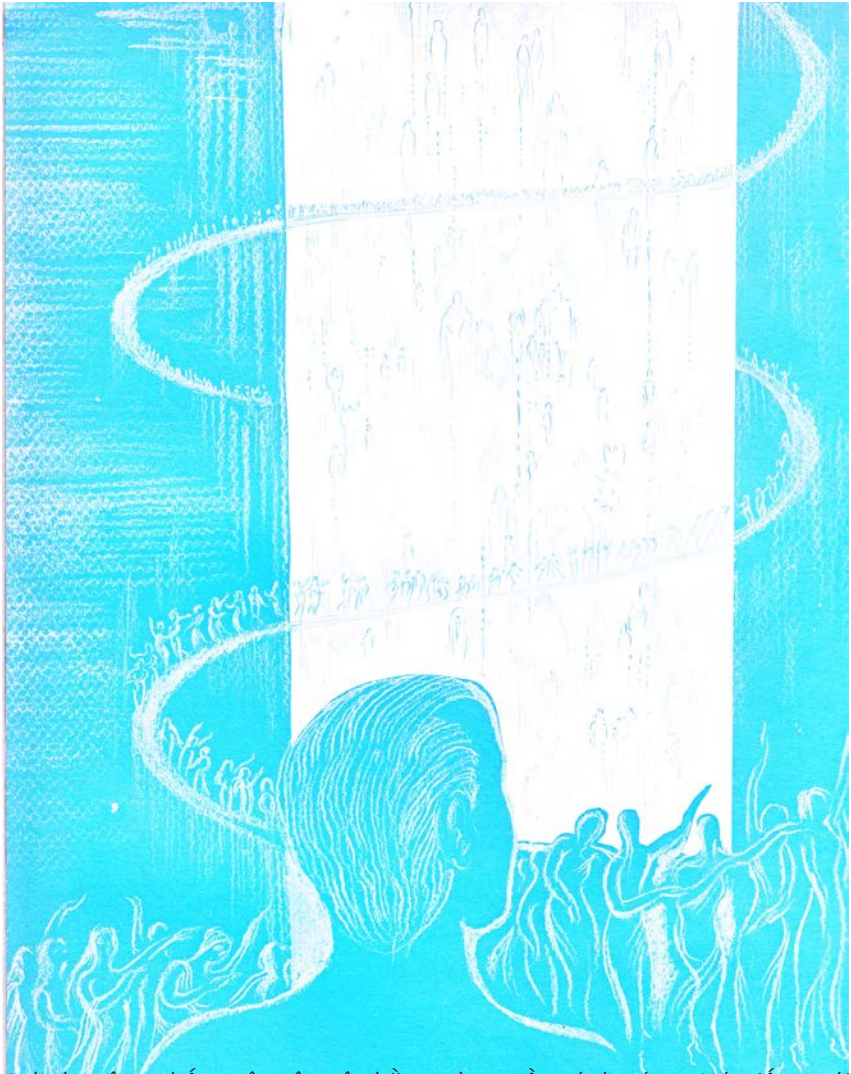
Nhưng thang máy ánh sáng đó không có bất cứ máy móc nào.

Bên trong cột trụ có vô số tạo vật từ Tầng Trời Thứ Nhất đi lên tầng kế tiếp, trong khi những sinh linh khác thì đi xuống từ bên trên để thăm viếng phạm vi phía dưới. Có những sinh linh được hình trụ ánh sáng đem xuống phía dưới của Tầng Trời Thứ Nhất để đưa ra nơi vô tận bên ngoài.

Subuh có ý định bước vào thang máy, thì ngay lúc đó có vô số phụ nữ rất đẹp, mọi người đều ăn mặc những y phục bằng ánh sáng chói lòa, đứng xếp hàng phía trước anh.

Họ múa hát và khi đi ngang qua anh họ cúi đầu chào.

Subuh cảm thấy mình không nên lưu lại nơi này quá lâu bên cạnh các tiên nữ đó. Anh đi vào thang máy ánh sáng. Anh để cho chính mình trong luồng ánh sáng được đưa lên mức kế tiếp.



Subuh trông thấy một cây cột bằng vàng gồm ánh sáng. Nó giống với thân cây của Tất Cả các tầng trời! Nó như một thang máy với những thiên thần đi lên đi xuống trong đó. Một hàng người vô tận gồm những phụ nữ rất đẹp mà y phục là ánh sáng, đi qua phía trước Subuh. Anh tiếp tục cuộc hành trình của mình.

Khi được đưa lên trên, Subuh nghe thấy mình tôn vinh Thượng Đế vì những kì công của các tầng trời: ,Thân Cây với 7 Tầng Trời‘.

Mỗi lúc lại có thêm một điều nghịch lí.

Từ bên ngoài của ánh sáng hình nón, các mức cao hơn lùi xa hơn, hình nón trở nên bớt dần khi càng lên cao.

Từ bên trong, từ mức này tới mức khác, từ tầng trời này tới tầng trời khác, trong lúc ngọn núi càng lúc càng lớn hơn, mỗi phạm vi kế tiếp nhau của thiên đàng trở nên lớn hơn và huy hoàng hơn phạm vi ngay dưới nó.

Trong lúc du hành, Muhammed Subuh gặp các Sứ Giả của Thượng Đế, những ,người được lựa chọn.‘

Anh gặp Abraham và Moses, GiêXu và Muhammed, cùng với những vị được Thượng Đế phong cho chức vụ thi hành các Thánh Chỉ.

Abraham và Moses trả lời những câu hỏi chưa nói ra.

Một vị thiên sứ khác vui mừng chào đón anh, và sau khi chia sẻ kinh nghiệm, vị đó nói: „Muhammed Subuh, bạn may mắn đã tiếp nhận Đặc Ân của Thượng Đế, Đấng Chúa Tể của Muôn Loài!“

Subuh trả lời vị thiên sứ đã nói đó: „Chính tôi đã chẳng làm gì hết, chẳng biết Thượng Đế sẽ ban Ân Huệ gì cho mình. Theo tôi, chỉ Thượng Đế mới biết được những điều đó.“

Khi Subuh gặp Chúa GiêXu, ông khiến anh hiểu rõ về thực chất những phép màu mà ông được quyền làm trên Trái Đất, về sự thật sự sống và chết của ông.

Khi Subuh gặp thiên Sứ Muhammed, ông giảng cho anh hiểu chân lí của Hồi giáo.

Lên tới Tầng Trời Thứ Sáu thì cực kì khó khăn.

„Tôi không đủ sức nữa. Tôi không còn sức để tiếp tục đi.“

„Còn phải đi xa nữa không?“ anh hỏi.

„Vẫn còn một khoảng cách mênh mông nữa: hành trình lâu dài nhất – để từ đây tới nơi người phải tới.“

Tình trạng của Subuh yếu đuối, hoàn toàn bất lực tới nỗi không còn hy vọng gì được nữa. Anh có thể nghe thấy chính mình nói đi nói lại câu:

„Allah-hu-Akbar! Allah-hu-Akbar! Allah-hu-Akbar!“

„Thượng Đế là Đấng Tối Đại! Thượng Đế là Đấng Tối Cao! Thượng Đế là Đấng Toàn Năng!“

Muhammed Subuh tức thì đi vào Tầng Trời Thứ Bảy. Có lúc anh thấy mình không tại nơi đó. Lúc khác anh lại thấy mình nơi đó.

Nơi đó là sự huy hoàng vô cùng của Tầng Trời Thứ Bảy, một ngọn núi ánh sáng của chính nó, như những tầng trời trước đó.

„Núi này trên núi nọ! Ánh sáng này trên ánh sáng kia!“

Muhammed Subuh từ từ lên tới nơi đó, không ý định làm gì hay biết được hướng nào phải theo, ngoài việc nói ‚Allah, Allah, Allah; Thượng Đế Thượng Đế, Thượng Đế.‘

Bên ngoài nơi cao nhất của những ngọn núi ánh sáng, Subuh thấy chỉ có riêng mình trong cõi vô biên.

Subuh không còn hướng đi nào khác ngoài trừ *Allah*.

Subuh không còn ý định nào ngoài trừ Thượng Đế.

Subuh không còn chức năng nào khác ngoại trừ nói: ,Allah, Allah, Allah ; Thượng Đế, Thượng Đế, Thượng Đế.’

Từ nơi đó, Subuh có thể trông thấy mỗi và bất cứ tạo vật nào.



Từ bên này qua bên kia của những cái vô tận đó, Subuh trông thấy tất cả các sinh vật. Vạn vật thật gần gũi. Vũ Trụ, Sao Mộc, Trái Đất và những gì chứa trong đó. Anh trông thấy sinh quán Kedungjati của mình. Anh trông thấy Haryanto, cậu con trai mình, đã té rớt xuống giường.

Những gì tại một nơi xa xôi vô cùng anh trông thấy được; anh trông thấy những cái đó như nó đang trước mặt mình.

Anh trông thấy tất cả những gì đã thấy: các thiên thần, Mộc tinh, Vũ Trụ, Mặt Trăng, Trái Đất. Mỗi gì trông thấy, anh trông thấy đó như là ngay trước mặt mình.

Anh có thể trông thấy ngay cả cái thế giới mình rời bỏ; xuyên qua cõi vô biên là hành trình của mình, anh trông thấy Trái Đất và tất cả những gì trên đó: căn nhà ở Kedungjati nơi mình sinh ra, cây đa gần Kalisari, khuôn mặt của con cái, tách thích dùng uống

cà phê, đồng hồ của Eyang Sumowardojo, thành phố Amsterdam. Anh trông thấy đứa con trai Haryono của mình té xuống giường.

Mỗi gì mà anh thấy, anh thấy ngay gần mình, gần như hình ảnh trên tấm gương soi nơi phòng ngủ mà anh dùng để chải đầu.

Trong tri thức mình, anh cảm thấy mình mang một chìa khóa. Chìa khóa đó nằm trong lòng bàn tay phải của anh.

Chỉ có một mình Muhammed Subuh trong cõi vô biên.

Muhammed Subuh nhìn chung quanh.

“Nhưng Thượng Đế ở đâu?” anh hỏi.

Anh nghe thấy trong đáy lòng mình âm thanh: “Allah, Allah, Allah.”

Muhammed Subuh trở về với một vận tốc khiến ngạc nhiên.

“Đi về còn nhanh hơn ra đi.”

Chợt nhiên, anh nhìn xung quanh. “Trời đã tối. Chắc mình sắp về tới nơi. Mình bắt đầu cảm thấy bình thường trở lại.”

Subuh thí nghiệm. Anh vẫn có thể tăng hay giảm tốc độ. Anh quyết định làm cho chậm hơn. Như vậy, anh có thể nhìn Trái Đất một lần nữa.

Subuh dừng lại tại một nơi khoảng 5km trên địa cầu. Khi chăm chăm nhìn xuống, anh cảm thấy khó chịu.

“Đáng lí ra không có những ngôi sao nơi mình đang nhìn là phía dưới. Nhưng mình lại trông thấy dưới đó lấp lánh ánh sao.” Subuh trông thấy những ánh sao màu trắng, vàng lẫn trắng và những màu khác lấp lánh trong đêm tối.

Anh làm cho mình đi xuống gần hơn.



Lúc trở về dễ hơn nhiều lúc ra đi. Anh dừng lại cách trái đất 5km. Anh dần dần đi xuống.

“Thì ra là vậy, đó hoàn toàn không là ánh sao! Đó là những đèn điện của Semarang!”

Subuh đi xuống trong một hay hai phút, cho tới khi vị trí của anh nằm ngay trên căn nhà tại Bergota Kalisari.

“Bây giờ mình làm cách nào đi vào nhà từ mái nhà? Mình vừa đi, vừa bay, và với cách lắc những cánh tay của mình, mình có thể làm cho ngôi nhà bể vỡ.”

Trên đường về phía mái nhà, Subuh cúi mình xuống khiến anh có thể di chuyển một vài ngôi nhà đo đở, để dễ dàng vào nhà hơn.

Nhưng trước khi hay biết được, anh đã thấy mình đứng trong phòng học là nơi anh thường tập *latihan*.

Anh nhìn đồng hồ của ông nội. “4 giờ 25 sáng.”

Subuh được khiến cho di chuyển từ phòng học tới phòng ngủ.

“Ai đang nằm trên giường mình?” Anh đến gần giường chăm chú nhìn xuyên qua mùng.

Cơ thể nằm trên đó là của chính anh.

Cánh tay anh đặt trên ngực anh.

Giữa trán anh có một ánh sáng.

“Sáng như Sao Mai. Rực rỡ như sao mọc hướng Tây lúc bình minh. Nhưng chỉ lớn bằng một quả trứng gà.”

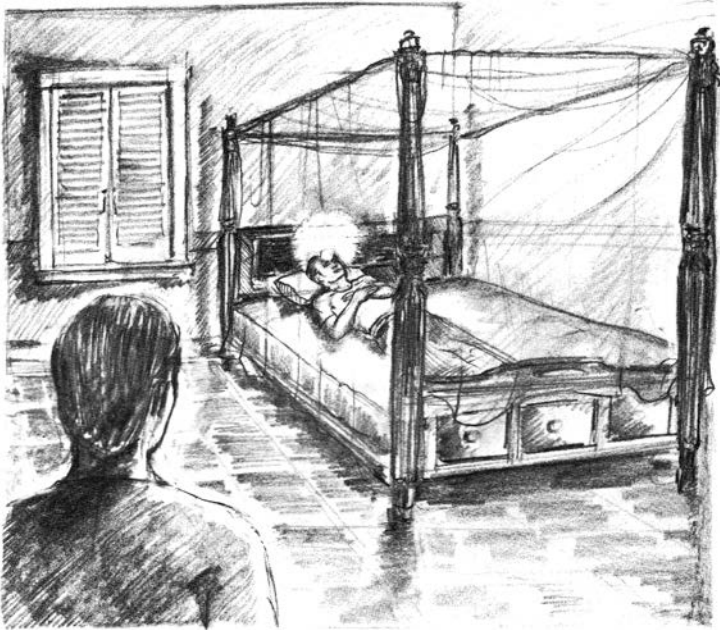
Subuh mở mùng. Một cách chậm chạp, thận trọng, anh đến gần cơ thể mình.

Subuh hôn chính mình là cơ thể.

Kẻ được hôn thức dậy và kẻ đang hôn biến mất.

Mắt anh mở rộng. Anh dần dần ý thức được là mình có một cơ thể của con người.

“Mình muốn thức dậy,” anh nghĩ và tìm cách cử động tứ chi mình.



Anh trông thấy cơ thể của chính mình trên giường. Một ánh sáng như của Sao Mai chiếu ra từ trần anh.

Nó hết sức lạnh và thiếu hẳn sức lực.

Một hay hai phút trôi qua.

Cuối cùng Subuh có thể đứng lên đi tới phòng học.

“Bây giờ là 4 giờ 30,” anh nhận xét khi nhìn đồng hồ của ông nội.

Subuh đi vào phòng tắm để tắm gội theo lễ *wuhdu*, rồi trở về phòng học để làm lễ cầu kinh bình minh.

Anh ngồi tụng niệm *dhikir* tiếp theo lễ cầu kinh.

Ibu Kursinah thò đầu vào phòng.

Bà hít ngửi. Phòng đầy một mùi thơm êm dịu.

“Mùi gì thơm vậy?” bà hỏi.

Subuh tiếp tục tụng niệm *dhikir*.

“Nak, mẹ muốn nói với con về những gì mình trải qua đêm qua.”

“Có lẽ tốt hơn nên đợi cho tới sau lúc mẹ cầu kinh?” Subuh đề nghị.

Ibu Kursinah đi cầu kinh, và sau khi cầu kinh xong, bà đến kể lại trải nghiệm của mình...

“Con có thể nói cho biết những gì xảy ra đó có nghĩa gì?” bà hỏi sau khi kể xong.

“Tất cả những gì xảy ra cho mẹ đều tốt cả,” Subuh mỉm cười.

“Con nói như vậy là vì những trải nghiệm của mẹ mang một tính chất tương tự với những gì xảy ra cho con đêm qua.”

“Mẹ là người làm chứng cho con,” anh nói. “làm chứng cho cuộc hành trình trong đó con được kêu gọi trở về với Thượng Đế.”

IV.

từ nơi này qua nơi kia ở Java

CHƯƠNG 26

Trong cuộc hành đi ra ngoài các tỉnh hà và xuyên qua 7 tầng trời, Muhammed Subuh nhận được quyền khai mở cho những ai muốn giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế trong *latihan kedjiwaan*.

Người bạn anh, Kadarusman, đến xin khai mở ngay sau đó.



Subuh được phép chứng kiến sự khai mở của những người khác cho quyền năng của Thượng Đế trong latihan. Kadarusman đến để được khai mở.

Subuh đem Kadarusman vào phòng học; họ cùng đứng chân không trên tấm thảm và những chiếc chiếu trải trên sàn nhà.

„Mas Kadarusman,“ Subuh nói. , ‘ Em chỉ là kẻ làm chứng cho ước muốn phụng thờ và quy thuận Thượng Đế của anh. Em không là kẻ đưa anh tới quyền năng của Thượng Đế. Chỉ Thượng Đế mới có thể.

„Vậy thì anh đừng mong đợi em làm bất cứ gì, và chính anh cũng đừng tìm cách làm bất cứ gì.

„Anh chỉ việc thư thái, và để cho bất cứ những gì xảy ra thì xảy ra.

„Anh hoàn toàn không cần phải suy nghĩ hay mong muốn bất cứ gì, mà chỉ việc để cho tâm trí mình trở nên yên lặng – như sự yên lặng của mặt nước trên hồ khi không gió.

„Nếu được khiến cho làm bất cứ gì từ trong lòng, anh chỉ việc làm theo mà không phải lo sợ. Anh chỉ việc làm theo bất cứ những gì đến với mình từ quyền năng của Thượng Đế trong *latihan*.“

Ngay sau đó, Subuh bắt đầu có *latihan*.

Anh liền nghe thấy một tiếng vang do quả đấm gây ra. Kadarusman đã lăn té xuống sàn nhà.

Subuh không thấy lo lắng cho bạn mình. Anh chỉ hoàn toàn phớt lờ cho sự trông nom của Thượng Đế.

Nửa tiếng đồng hồ trôi qua thì *latihan* của Subuh ngưng lại; anh cảm thấy mắt mình mở ra. Anh trông thấy cái cơ thể nằm bất động trước mặt mình trên sàn nhà.

Trong một vài giây, Kadarusman đứng lên. Mắt anh mở to vì kinh ngạc.

Subuh thấy khuôn khuôn mặt anh bạn thân mình trở nên sáng rực

và vui sướng.

“Động tác của dhikir tiến hành trong lòng mà không do ý muốn của anh,” Kadarusman cuối cùng nói. “Ban đầu anh cảm thấy một sự rung động mãnh liệt, nhưng bây giờ thì hình như chỉ cảm thấy ‘Allah, Allah, Allah; Thượng Đế, Thượng Đế, Thượng Đế’ trong tất cả những gì mình làm.

“Bởi chính mình đã nghiệm được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế trong *latihan kedjiwaan*, nên anh có thể hiểu được tại sao em luôn nói rằng nó khác biệt, hoàn toàn khác biệt với những gì anh hay em đã nghiệm được hay nghe nói tới với tôn sư này tôn sư kia.

“Bây giờ thì anh biết được giáo lý của cụ Abdurachman, chẳng hạn, chỉ là *tarekh*: chỉ là nỗ lực của tâm trí muốn *hiểu* được Thượng Đế.

“Nhưng nội dung của cái latihan này là hakekat: cái thực tại, sự trực tiếp nghiệm được chân lí, điều mà chỉ Thượng Đế mới có thể ban cho.

“Vậy nên, anh có thể thấy được tất cả những gì mà anh em mình đã trải qua – với Kiyai Sunariodigdo, Kiyai Saman, Kiyai Sidik Wacono và vân vân – chỉ là những trải nghiệm thuộc phạm vi cái thế gian này, phạm vi của tâm trí. Những gì em trải qua là để cho em nhận rõ được là tất cả những cái đó không có kết quả gì, và điều duy nhất để chân thực phụng thờ Thượng Đế là phụng thờ quyền năng của Thượng Đế trong lòng mình.

“Bây giờ anh mới hiểu tại sao em đã phải đợi chờ. Em không là kẻ có thể định đoạt lúc nào. Chỉ Thượng Đế mới có thể: bởi cái latihan kedjiwaan này không chỉ cho em, hay cho anh, hay cho một vài kẻ được lựa chọn.

“Không. Đó là ân huệ của Thượng Đế cho toàn thể nhân loại, ngoài ý muốn hay ý định của mình.”

Muhammed Subuh gật gù tỏ sự đồng ý.

“Adik, em nói đúng đấy,” Kadarusman kết luận, “do ân huệ Thượng Đế mà em là người đầu tiên nhận được, hình như chiếc máy bay của anh đã tới. Anh cảm thấy cuối cùng thì mình đã tới được đỉnh núi.”

Muhammed Subuh nhìn Kadarusman trong một lát rồi nói:

“Mas Kadarusman, bởi *chính* anh đã hiểu và nhận thấy được bằng chứng trong lúc theo tập cái *latihan* này, nên em cũng muốn chia sẻ cùng anh kinh nghiệm của mình.”

“Thực vậy, điều này thì anh đã chứng kiến: nội dung và thực tại của *latihan* khác hẳn với những gì mà con người có thể đạt được qua cách dùng ý chí và trí tuệ, dù là theo một tôn sư, hay theo những ý nghĩ của chính mình.

“Tuy con người có thể đạt được những thành quả bằng cách cố gắng đeo đuổi những đường lối tu thân này nọ, nhưng những thành quả đó không là lí tưởng.

“Đó là bởi vì chính những dụng cụ mà thiên hạ dùng để đạt được những điều đó, là những gì bị sự chi phối của những sức mạnh thuộc tâm trí, những gì chỉ giới hạn cho cái thế gian này, nên những điều đó chỉ giới hạn cho cái thế gian này, và như vậy thì sẽ không bao giờ có thể đem ta tới cái quê hương và của con người sau khi chết.

“Xưa kia, thiên hạ có khả năng khá hơn phân biệt được giữa sự sống xuất phát từ những sức mạnh của cái thế gian này với chính quyền năng của Thượng Đế.

“Theo những trải nghiệm của em, em được chỉ cho thấy cái thế giới này và toàn thể nhân loại đã bước vào một thời đại mới. Trong thời đại này, trí óc con người càng lúc càng trở nên khôn khéo trong việc chế tạo những thứ này nọ – trong quá trình đó tư

tưởng của người ta càng lúc càng bị những thứ vật chất chi phối.

“Dần dần thiên hạ khắp nơi không còn tiếp xúc được với cái bản ngã đích thực, với chân tính mình – họ tin rằng tư chất mình chỉ là những gì mình *nghĩ*.

“Hậu quả là càng lúc càng có nhiều người không muốn phụng thờ Thượng Đế nữa.

“Điều này là đương nhiên, bởi trí óc không thể chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế: trí óc đòi hỏi bằng chứng để có thể tin.

“Vậy nên, mỗi người đều đòi hỏi *bằng chứng* cho chính mình, để tin tưởng và phụng thờ Thượng Đế.

“Những tiếp nhận trong latihan của em cho thấy từ cuối thập niên 1950 sẽ có một sự bùng nổ của những kiến thức về vật chất chưa từng có trong lịch sử.

“Chính đây là lúc mà con người cần có một con đường phụng thờ Thượng Đế cho mình những bằng chứng xác thực.

“Bởi nếu không thì trí óc con người sẽ càng lúc càng mất đi cái khả năng được Thượng Đế dẫn dắt trong cuộc sống.

“Thiên hạ càng lúc càng bận việc và dùng tư tưởng, khiến họ càng không có nhiều thì giờ cảm nhận sự an vui trong lòng mình.

“Và đây chính là điều khiến có latihan kedjiwaan.

“Cái *latihan kedjiwaan* mà anh nghiệm thấy, đã được Thượng Đế ban phát đặc biệt cho thời đại này.

“Ta có thể tiếp nhận ngay trong đời sống hằng ngày mà không cần phải trốn tránh lên núi hay ra bờ biển.

“Bằng chứng ta có là qua cái dụng cụ duy nhất mà thiên hạ có thể

dùng để chứng minh bất cứ gì: cơ thể, cảm xúc và giác quan của chính mình.

“Như vậy là được trực tiếp. Bất cứ ai cũng có thể trực tiếp nhận, cho chính mình, mà không cần phải thông qua bất cứ một *guru* hay tăng sĩ nào.

“Bây giờ anh có thể tự mình tập *latihan*; anh có thể tiếp nhận và nghiệm được quyền năng của Thượng Đế tác động trong lòng mình.

“Chẳng bao lâu, anh cũng sẽ có thể là *chứng nhân* cho sự khai mở của những người khác. Bởi anh không là kẻ khai mở cho ai đó: chính quyền năng của Thượng Đế làm chuyện đó.

“Từ trước tới nay chưa từng có một điều gì như vậy.

“Ân huệ này của Thượng Đế thật khiến kinh ngạc: *bất cứ ai* cũng có thể trực tiếp và tự mình tiếp xúc với quyền năng của Thượng Đế – chỉ bằng cách quy thuận.

“Ban đầu, tất cả những gì em tiếp nhận được là một ánh sáng mãnh liệt rung động; kể đến cái đó khiến em có những động tác theo lối cầu kinh của người Hồi giáo; kể đến nữa, nó khiến em phát ra những tiếng nói của sự cầu kinh.

“Nên em nghĩ: “Điều đó dạy cho mình, Muhammed Subuh, một người Hồi giáo, cách cầu kinh theo người Hồi giáo.

“Nhưng đột nhiên, *latihan* đã khiến em múa hát và làm vô số những điều khác nhau, và mỗi gì mình làm thì đều có sự rung động của Thượng Đế, như lúc mình cầu kinh.

“Thế nên, em hiểu được: cái *latihan* là tất cả sự sống, trong đó mọi hoạt động đều chan chứa sự phụng thờ Thượng Đế.

“Còn điều này nữa: đó là một *latihan* cho mọi người – không chỉ

cho người Hồi giáo, không chỉ cho người Java.

“Mas Kadarusman, điều em được chỉ cho thấy sẽ xảy ra trong tương lai là điều này: *latihan kedjiwaan* sẽ truyền bá khắp thế giới.

“Những người thuộc những chủng tộc, quốc gia và tôn giáo khác nhau sẽ nghiệm chứng được sự *đồng nhất* trong *latihan*.

“Họ sẽ nghiệm chứng được nhân loại không gồm hàng tỷ tỷ người khác nhau, mà thực ra là một khối duy nhất.

“Những dị biệt trong ngoại giới về văn hóa và tôn giáo là từ những cội nguồn giới hạn cho cái thế giới này. Nhưng sự đồng nhất trong nội giới là từ một cội nguồn bên ngoài cái thế giới này – một cội nguồn chỉ có thể tiếp xúc được nhờ chính quyền năng của Thượng Đế.

“Thế cho nên, cái *latihan* này không chỉ là một phương tiện cho con người phụng thờ trong cái thế giới hiện đại luôn bận việc này; đó còn là một phương tiện cho con người nghiệm được bằng chứng về sự đồng nhất của mình với những người khác, dù màu da, quốc gia hay tôn giáo của họ là gì đi nữa.

“Từ trước tới nay Ân Huệ của Thượng Đế chưa từng đến với nhân loại theo một cách làm cho mọi tôn giáo, chủng tộc, văn hóa và quốc gia được hòa hợp.

“Do đó mà cái *latihan* này chỉ thuần túy là chứng nghiệm.

“Chứng nghiệm trước hết. Giảng giải sau đó.

“Vậy nên, như trường hợp của anh, anh trước hết nghiệm được thực tại, và bây giờ thì em giải thích dựa trên sự tiếp nhận và hành trình của chính em trong *latihan*.

“Đó không là giáo lý. Giáo lý là những gì chúng ta nghiệm được với các *kyiai*. Họ nói với chúng ta: ‘Làm điều này điều nọ, đi tới chỗ

này chỗ kia, tin điều này điều nọ.’

“Như vậy là không thể đúng. Bởi như anh đã nghiệm thấy, những chứng nghiệm của anh trong *latihan* chỉ là của anh – không là của em hay bất cứ ai khác.

“Vậy nên, em không thể nói cho anh là phải làm như thế này thế kia – bởi điều đó xuất phát từ chính trong lòng anh.

“Đã có quá nhiều những giáo lý, quá nhiều những dạy bảo và chỉ dẫn của Thượng Đế. Nhiều tới nỗi không cần phải có nữa.

“Nhưng điều hiện nay cần và cần phải có khắp nơi trên thế giới – càng lúc càng cần – là cái khả năng thực hiện những chỉ dẫn đó.

“Đó là điều *latihan kedjiwaan* tạo cho chúng ta.

“Đó là điều *latihan kedjiwaan* tạo cho thế giới hiện đại. Nhưng điều tạo nên đó cũng trở nên khó khăn, bởi chúng ta phải tuân theo những gì tiếp nhận được, dù xảy ra bất cứ gì.

“Thế cho nên, dù xảy ra bất cứ gì, em phải chuẩn bị đi khắp thế giới để truyền bá cái ân huệ này cho toàn thể nhân loại.

Muhammed Subuh bắt đầu nhận và dẫn cách tu tập cho bất cứ ai muốn theo cách phụng thờ Thượng Đế trong *latihan kedjiwaan*.

Có những người tiếp nhận được sự khai mở như Kadarusman. Những người khác thì tiếp nhận theo những cách khác hẳn nhau: những động tác tương tự với những gì mà Subuh đã nhìn thấy trong những tranh ảnh của cuốn sách đầu tiên.

Hiệu quả và kết quả của *latihan* khiến anh ngạc nhiên:

Có những kẻ mà lẽ lối cư xử không mấy tốt đẹp trước khi được khai mở, đã nhận thấy nó tự nhiên trở nên khá hơn khi họ theo tập *latihan*.

Có những kẻ trước kia bị đau ốm thấy sức khoẻ mình trở nên khá hơn trong lúc theo tập *latihan*.

Những kẻ mà tâm trí bị rối loạn và căng thẳng, cảm thấy nó trở nên an bình và trong sáng.

Với hầu hết mọi người, lòng kiên nhẫn, chân thành và phục tùng đối với quyền năng của Thượng Đế mỗi ngày trở nên kiên cường và thâm sâu hơn.

Nhưng dù là Semarang, Bogor, Jogjakarta hay Surabaya, những nơi Subuh khai mở và trợ lực cho thiên hạ trong *latihan*, cái quá trình đó đều y như nhau. Nhưng cuốn sách mà Subuh hỏi, đã tiên đoán:

‘*Latihan kedjiwaan* chỉ thực sự phát triển được sau khi nó bành trướng khắp thế giới. Bởi cái *latihan* này là ân huệ của Thượng Đế cho mọi người thuộc mọi quốc gia và chủng tộc, không chỉ cho đất nước Java.’

Thực vậy, *latihan* hình như đã đạt tới một tình trạng này đối với những người được khai mở trong lúc đó tại Java – một tình trạng trong đó chân ngã họ có vẻ như đòi hỏi tâm trí họ phải đạt tới một trình độ kiên nhẫn hay chân thành nào đó trong sự phục tùng Thượng Đế, và điều này thì khó khăn đối với vài người.

Khi Surahyo, con trai thứ 3 của Subuh chết trong năm 1933 lúc 2 tuổi, điều đó khiến Rumindah rất đau lòng.

Tuy chính Subuh đã tiếp nhận được trong *latihan* lâu trước đó là Surahyo sẽ không thể sống trên thế gian này, nhưng điều đó không mấy an ủi Rumindah, bởi cô rất thương đứa bé đó.

Tuy nhiên, Rumindah đã hết đau buồn và vui vẻ trở lại, khi họ tới Bogo sinh sống để cùng nhau khai mở cho những ai muốn theo tập *latihan*. Đứa con gái thứ hai, Hardiyati, sinh ra tại Bogor và điều đó khiến Rumindah được an ủi nhiều.



Ruminah đau buồn vô cùng, khi con trai họ, Suharyo, chết lúc 2 tuổi.

Tuy hoàn cảnh vật chất của vợ chồng Subuh *thường thường* thì chỉ đủ cung ứng cho những nhu cầu về thức ăn, quần áo và học phí, nhưng họ cũng luôn không biết được ngày mai sẽ có gì để ăn uống hay không.

Subuh đã làm tất cả những gì có thể làm, khi họ từ Bogor trở về Semarang, nhưng cuộc sống họ vẫn còn là làm ngày nào xào ngày ấy.

“Chúng ta hãy tới Wonorobo,” Subuh cuối cùng nói sau khi họ đã trở về từ Bogor được một thời gian. “Chúng ta sẽ bán căn nhà này, sẽ có một mớ tiền: hiện nay thành phố này đang phát triển.”

“Anh sẽ lấy số tiền đó mua một căn nhà nơi thôn quê. Một căn nhà với ruộng lúa. Anh sẽ là một nhà nông.”

Rumindah đồng ý: “Mas, anh không thể kiếm một công việc thường xuyên, thì đó cách làm tiếp theo tốt nhất.”

Subuh đem nhà mình ra bán tại Kalisari.

Trong một lúc lâu, chẳng có ai muốn mua nhà. Nhưng rồi cũng có những ai muốn mua, và trong lúc lên đường tới đó để giao dịch, họ lại mắc bệnh.

Có trường hợp của những kẻ muốn mua, nhưng trước khi được dịp đến xem nhà, họ lại bất ngờ gặp trở ngại khiến không đến được.

Những chuyện như vậy xảy ra nhiều lần, rất nhiều lần.

Rumindah càng lúc càng nản chí.

Nhưng một hôm họ có một *sayid* [một người được coi là hậu duệ của Thiên Sứ Muhammed] giàu có đến thăm họ. Ông thích căn nhà, rất thích nữa là khác.



Subuh muốn bán căn nhà Kalisari, để mua một nông trại và sống tại đó. Hình như thiên hạ bị cản trở không mua được căn nhà. Nhưng một hôm nọ có một sayid chịu mua. Mọi người trong gia đình sửa sang lại căn nhà.

“Trong khoảng một tuần tôi sẽ đến một lần nữa, và chúng ta sẽ có thể thoả thuận về chuyện mua bán,” ông nói.

Subuh, Rumindah và Kursinah phải bận bịu dọn dẹp, sửa chữa và sơn quét những chỗ này nọ.

Khi đến, vị *sayid* đó ngồi trong phòng khách. Ông trông rất giống một *sayid*: những nét mặt một người Ả Rập của ông gián tiếp cho thấy ông là một nhân vật có thể thuộc dòng họ của Thiên Sứ Muhammed.

Tại căn nhà ở kalisari của Subuh, ông *sayid* ngồi trong phòng khách nhìn Subuh một cách kính trọng lẫn thương cảm.

“Mas Subuh, xin thứ lỗi cho,” ông chân thành nói. “Tôi đã nghĩ kỹ lại kể từ lúc tới đây. Tôi không thể mua căn nhà này, ngay cả khi chỉ là ¼ giá tiền mà anh đòi. Anh hãy tin tôi, không phải là chuyện tiền bạc. Giá tiền anh đòi rất hợp lí.”

Subuh chưng hửng. Ông *sayid* đã lặn lội đường xa để tới đây, đã chịu mua, nhưng bây giờ lại có một chuyện bất ngờ xảy ra khiến người ta không muốn mua.

“Xin cho tôi được hỏi tại sao,” Subuh lễ phép dò hỏi.

“Là chuyện này, anh bạn,” ông *sayid* nói. Tôi có thể thấy anh rất muốn bán như thế nào. Nhưng tay tôi đã bị trói chặt. Sự thật là vậy, nhưng mong anh hiểu cho...”

“Chuyện gì vậy?” Subuh hỏi.

“Tôi trông thấy một linh quang xung quanh anh.”

“Một linh quang?”

“Một linh quang thần diệu,” ông *sayid* nói tiếp.



Khi vị sayid đó đến, ông thay đổi ý kiến, vì ông trông thấy một nguồn ánh sáng bao quanh Subuh. Subuh và vợ con lại phải thất vọng.

“Linh quang đó với tôi có nghĩa là anh được một đặc ân hay một điều gì đó của tổ tiên. Điều này là không thích đáng, thậm chí còn là tội lỗi, nếu tôi mua căn nhà của một người cao quý như anh.”

“Nhưng thưa ông, tôi chỉ là một phàm nhân!” Subuh đáp.

Anh có thể cảm thấy sự hiện diện của Ruminah nơi hành lang. Cô đang nghe ngóng, sừng sốt.

“Chúng tôi cần bán căn nhà để có thể mua một nông trại, khiến tôi có thể làm việc và yên tâm phụng thờ,” Subuh cho hay.

“Anh bạn,” ông *sayid* từ tốn nói, “anh phải biết là mình không cần lo lắng về bất cứ gì. Hiện nay thì mọi việc có vẻ khó khăn, nhưng đó chỉ là tạm thời. Sau này, tôi tin chắc là vậy, cuộc sống anh sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Hãy kiên nhẫn!”

Ông *sayid* từ biệt ra đi khiến Subuh cảm thấy trơ trọi.

Sự cố đó quá sức chịu đựng với Rumindah.

Cô bắt đầu nghĩ có lẽ con đường của *latihan kedjiwaan* là nguồn gốc những khó khăn của họ.

Rumindah vô cùng nhạy bén cảm thấy cơn túng quẫn của gia đình. Cuối cùng cô cảm thấy mình không thể chịu đựng được nữa.

“Mas,” cô năn nỉ, “anh làm ơn đi kiểm lại một việc làm thường nhật đi. Anh hãy đi làm như mọi người. Chắc chắn là Thượng Đế sẽ thông cảm.”

Nhưng Subuh luôn nhớ tới điều này trong cuốn sách mà mình đã tiếp nhận, là phải bỏ 12 năm trời tận tâm cho *latihan*. Anh thực sự cảm thấy tình trạng sự phát triển của *latihan kedjiwaan* – một tình trạng chỉ đơn thuần là tiếp nhận và tuân hành nhưng đòi hỏi phải kiên nhẫn và dũng cảm – đang trong cơn bấp bênh.

Có nhiều người đã được khai mở đang có những trải nghiệm mà anh phải giúp họ thông qua và hiểu được. Để được như vậy, anh chia sẻ với họ những trải nghiệm của mình, khiến họ cảm thấy thoải mái và cương quyết. Những giảng giải của anh khiến họ hiểu thấu được cái ân huệ phi thường của Thượng Đế trong *latihan kedjiwaan*. Nhưng làm điều đó thì hầu như chiếm hết thời gian của anh.

Anh biết là nếu kiếm một công việc đi làm thường nhật trở lại,

anh sẽ phải không coi trọng những ai cần sự trợ lực của anh, và như vậy là coi thường bốn phận của mình đối với Thượng Đế.

Dự tính trở thành một nhà nông của anh – điều có thể khiến anh kiếm sống và đồng thời tận tâm săn sóc những ai theo tập *latihan* – đã không thành hình. Có điều gì khác đáng làm, khiến anh vừa có thể tự đứng trên bàn chân mình, vừa thi hành được nhiệm vụ đối với *latihan*?

Nhưng Rumindah không còn muốn chấp nhận sự lựa chọn của chồng mình nữa.

Cô cảm thấy bị đau ốm, đau ốm trầm trọng, và cô quyết định nghe theo đề nghị của bố mẹ mình là về Rembang ở chung với họ. Muhammed Subuh đem cô tới đó cùng với đứa bé gái họ là Hardiyati.

Căn bệnh của Rumindah càng lúc càng trầm trọng hơn.

Subuh ở bên cạnh cô trong nhiều tháng, bất lực nhìn sự sống của cô dần dần suy yếu, dù với tất cả những gì anh đã tiếp nhận được trong *latihan*. ‘Sự sống và chết của con người hoàn toàn do Thượng Đế định đoạt,’ Subuh nhớ tới điều đọc được trong cuốn sách thứ hai.

Năm 1937 là năm Rumindah, người vợ yêu dấu của anh, qua đời.

“Xin để cho Hardiyati ở với chúng tôi,” bố mẹ Rumindah nói, “chúng tôi sẽ nuôi nó cho tới khi nó lớn.”

Subuh không thể từ chối. Anh cầu nguyện cho Hardiyati sẽ là niềm an ủi cho họ vì nỗi đau buồn mất đi một người thân.

“Một lần nữa,” Subuh nghĩ, “cuốn sách đã tiên đoán đúng. Mình không thể tin những gì đã đọc được: ‘Vợ người sẽ không thể đi theo người.’ Sau này, mình còn thấy viết: ‘Vợ người sẽ cùng người đi du hành khắp thế giới.’ ”



Khi Ruminah mất, bố mẹ cô hỏi Subuh là họ có thể nuôi nấng Hardiyati, đưa bé sinh ra sau cùng. Subuh không thể từ chối, vì anh biết đưa bé là nguồn an ủi cho họ.

Bây giờ anh là một kẻ góa vợ với 4 đứa con đang lớn.

Tuy chưa từng làm ăn trong đời mình và cũng không có đủ vốn để làm ăn, nhưng anh cũng quyết định phải làm thử. Anh sẽ làm thử, và như vậy sẽ 'tự đứng trên bàn chân mình,' như cuốn sách đã chỉ cho thấy.

"Có lẽ như vậy mình sẽ làm tròn được bổn phận không những đối với gia đình, mà còn đối với cả latihan," anh nghĩ.

"Con có năng khiếu làm ăn,"Ibu Kursinah đã từng nói. "Cái đó là thừa hưởng của Eyang Karto- Seh."

Thực vậy, những hoạt động buôn bán khiêm tốn của Subuh khiến cho gia đình được bình an và lành mạnh, khiến cho cái khả năng phục vụ những ai theo tập latihan được duy trì.

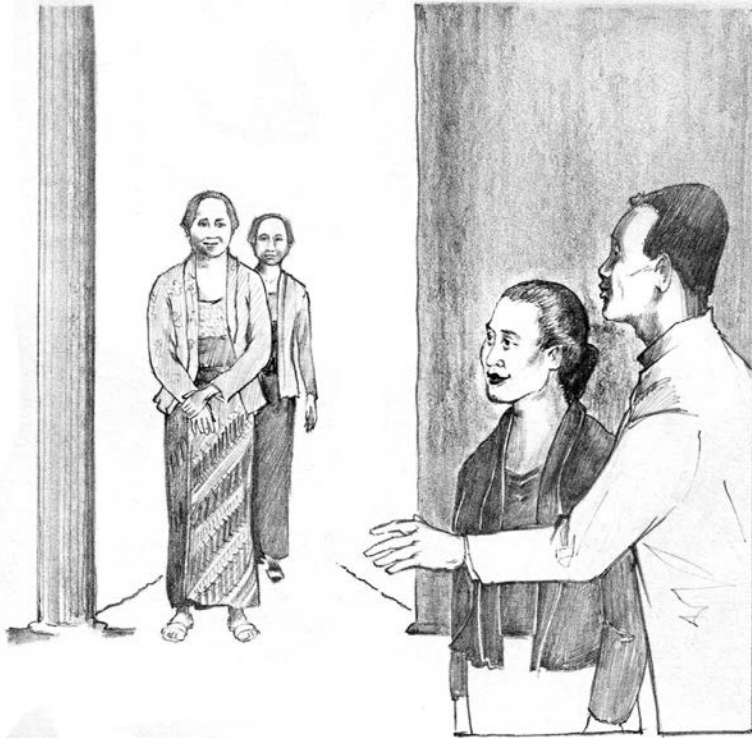
CHƯƠNG 27

Cách Semarang không bao xa có một cặp vợ chồng tên là Yasin. Nhà họ gần nhà Suwarno, một kẻ theo tập latihan kedjiwaan.

Cả Ibu lẫn Pak Yasin đều hay biết Suwarno là một người thích tìm hiểu những vấn đề tâm linh, và thỉnh thoảng họ trò chuyện về điều đó trong lúc nhâm nhi cà phê.

Một buổi tối nọ, trong lúc vợ chồng Yasin và Suwarno đang tranh luận về chuyện những giấc mơ có ý nghĩa gì, thì có một người em gái của Pak Yasin tới thăm.

Siti Sumari, tên người em gái đó, là một góa phụ mà người chồng là một sĩ quan; Warnati, con gái bà, đi chung với bà – một cô gái trầm lặng 17 tuổi.

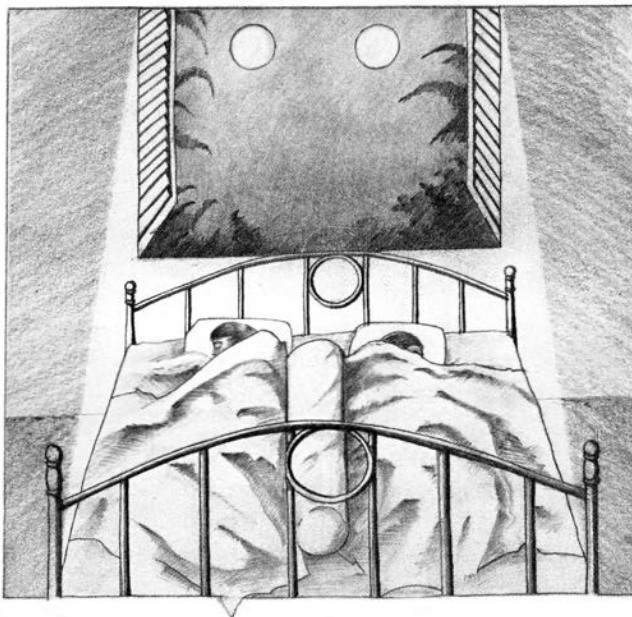


Trong lúc Suwarno, một kẻ theo tập latihan, đang trò chuyện cùng vợ chồng Yasin, thì Sumari, em gái Pak Yasin, cùng với Warnati, con gái bà, đến thăm.

Đêm hôm đó, trong lúc Siti Sumari ngủ chung với Warnati trên chiếc giường sắt rộng lớn trong phòng khách, Ibu Yasin chợt thức dậy.

Bà đi ngang qua cánh cửa phòng khách, thì thấy nó hé nở. Điều khiến bà ngạc nhiên là trông thấy hai nguồn ánh sáng – như hai trăng tròn đang chiếu sáng – rớt xuống từ trên trời.

Một trăng tròn đặt trên đầu Siti Sumari, trăng tròn kia trên đầu Warnati.



Ibu Yasin trông thấy hai mặt trăng rớt vào Sumari và Warnati khi họ ngủ. Suwarno đề nghị Ibu Sumari đến hỏi Pak Subuh sự linh thị đó có ý nghĩa gì.

Ibu Yasin sững sốt tới nỗi bà phải kêu gọi cô em dâu mình thức dậy. Bà cho cô hay những gì mình đã trông thấy; cả hai người đều không chớp mắt ngủ được suốt đêm kể từ lúc đó.

Suốt lúc ban ngày, họ nóng lòng chờ đợi Suwarno về nhà sau khi tan sở.

“Chắc chắn là anh ấy biết điều đó có nghĩa gì,” Ibu Yasin nói.

Siti Sumari nghĩ tới điều mà bà chị dâu mình đã nhìn thấy. Bà cũng nhớ tới những gì mà một người mình triết như cụ Pak Sosrokartono đã khuyên mình tại Bandung.

“Ibu, cô không cần phải lo nghĩ về tương lai mình, về việc như thế nào chăm lo cho con trai và con gái mình. Hạnh phúc của cô đã

ngay bên cạnh cô mà cô không hay. Nói cho đúng, bản chất cô là của một phụ nữ thánh thiện – như vậy thì chắc chắn cô sẽ gặp một người chồng với một bản chất thánh thiện. Cô hãy nghe theo lời khuyên của tôi là về ngay nhà mình tại Wolodono, rồi thì từ nơi đó sẽ có những biến chuyển.”

Ngay sau khi trở về Wolodono, Siti Sumari quyết định tới thăm người anh mình tại Semarang...

Đêm hôm đó, Suwarno nghe Ibu Yasin thuật lại chuyện hai trăng tròn rơi xuống.

“Tôi ngại là chuyện này ngoài sức hiểu biết của tôi,” ông nói với Siti Sumari và Ibu Yasin.

Mặt Ibu Yasin xịu xuống.

“Nhưng có một người có thể cho các chị biết được,” ông nói. Nhân tiện, ông lần đầu thú nhận mình là kẻ đang theo tập *latihan kedjiwaan* mà Bapak Muhammed Subuh là người đầu tiên tiếp nhận được.

“Này chị,” ông nói với Siti Sumari, “nếu chị thích, tôi sẽ sắp xếp cho chị gặp Pak Subuh.”

Siti Sumari đồng ý. Ngay sau đó, bà tới thăm Subuh, như điều nhiều người thường làm: họ mong rằng sẽ được chỉ điểm cho điều gì đó theo đó cuộc sống mình được cải thiện.

Bà ngạc nhiên nhận thấy Bapak Subuh vẫn còn trẻ. Ông chỉ 40, cao lớn, phong cách cởi mở. Ông khiến bà nhớ tới một người mình đã nhìn thấy trước kia – nhưng bà không biết người đó là ai.

Bà hỏi điều chánh yếu muốn hỏi: “Tôi phải làm công việc gì thích hợp để nuôi ăn con trai và con gái mình?”

Subuh lặng thinh trong một lúc.

“Thành thật xin lỗi, điều tôi nói sẽ không khiến bà hài lòng: tôi thấy công việc duy nhất bà có thể làm là công việc cho chồng mình.”

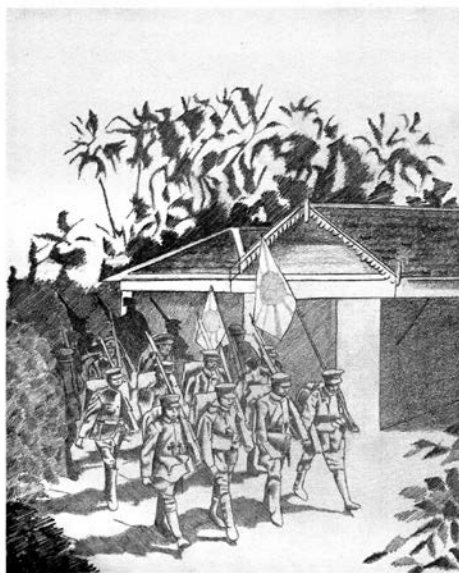
“Ông muốn nói là tôi phải tái giá?” bà hỏi.

“Đúng là vậy,” Subuh đáp.

Ngay lúc đó, Siti Sumari nhớ lại người mình đã nhìn thấy: nhà ái quốc Sukarno – những diễn thuyết về chính trị của ông đã khiến cho nhà cầm quyền phải lo ngại.

Ba ngày sau đó, Muhammed Subuh và Siti Sumari thành hôn trong ngày 15 tháng 11 năm 1941, lúc có tin trên đài phát thanh và báo chí là Nhật đánh phá Pearl Harbor.

Như sự tiên tri của cuốn sách thứ hai mà Subuh đã tiếp nhận, thế chiến đã lan tràn tới Á Châu.



Subuh và Siti Sumari thành hôn chỉ được 3 tuần thì người Nhật gia nhập Thế Chiến Thứ Hai.

Tuy tình hình ở Java trở nên nghiêm trọng hầu như ngay sau đó, nhưng Subuh vẫn duy trì được công việc buôn bán bắt đầu cách đó 4 năm, để cấp dưỡng cho gia đình bây giờ gồm nhiều người hơn của mình.

Siti Sumari đem theo người con trai là Warnoto cùng với người con gái mình là Warnati, nên gia đình ở Kalisari gồm 9 người – cho tới khi Warnoto trở về sinh sống ở Wolodono một thời gian sau đó.

Cuộc chiến giữa người Hà Lan và người Nhật bắt đầu làm tan nát cuộc sống của người Java. Subuh không dính líu tới điều đó và cũng không khiến cho *latihan kedjiwaan* thuộc phe phái nào. Khi người Nhật bắt đầu chiếm đóng đất nước mình trong năm 1942, ông đã có những biện pháp quyết liệt để tránh bị phiền phức.

“Tôi sẽ không khai mở cho bất cứ ai,” Subuh cho những ai đang theo tập *latihan kedjiwaan* ở Semarang hay. “Nếu không thì người ta sẽ nghĩ là tôi xúi giục kháng cự. Tốt hơn là tránh né và cứ để cho xảy ra những gì không thể tránh được. Chúng ta chờ đợi thời cơ và mỗi người hãy *latihan* của riêng mình.”

Subuh và Siti Sumari theo dõi tin tức trong radio và nghe những bài diễn thuyết của Sukarno trong đó ông tán thành sự chiếm đóng của người Nhật với những đoạn hùng hổ về tự do và định mệnh của Java, về khái niệm một quốc gia là một quần đảo.

Những cuộc hội họp tại nhà Subuh, một điều quen thuộc, hoàn toàn không còn nữa. Nhưng dựa vào ban đêm hay lấy cớ là đi làm ăn, một người nam hay nữ hay một cặp vợ chồng thường ghé tới.

Subuh có thể tập chung *latihan* với người chồng, trong khi Siti Sumari trò chuyện với người vợ. Sau khi những người nam tập xong *latihan* thì tới phiên những người nữ.

Có một người khách vừa mới tới từ Jogjakarta. Subuh cho là người đó muốn nói về tình trạng bấp bênh của bất cứ ai có một

năng khiếu gì đó – việc người Nhật cưỡng bách mọi người làm việc cho nền hành chính của họ. Nhưng người khách đó lại nói tới một chuyện khác.

“Bapak,” người khách trẻ tuổi là Wijaya nói “giới tâm linh ở Java đồn đại rất nhiều về những tiên tri trước kia. Có người nói đó là của Nostradamus. Người khác thì nói là của kinh thư cổ xưa thời Majapahit tìm thấy ở *kraton*.”

“Nói tóm lại thì theo những tiên tri đó trong năm 1901 sẽ sinh 4 ông hoàng. Có 3 ông hoàng của 3 quốc gia là những hòn đảo – một quốc gia của người da trắng, một quốc gia của người da vàng và một quốc gia của người da nâu là Java.”

“Ông hoàng thứ 4 không thuộc một quốc gia nào. Ông là vua của thế giới tâm linh.”

“Mọi người đều nghĩ họ biết được 2 ông hoàng đó là ai: Anh hoàng và Nhật hoàng. Sukarno thì nghĩ mình là ông hoàng của Java.”

“Nhưng lúc này thì mọi người đều tìm xem ông hoàng tâm linh kia là ai.”

Subuh uống một ngụm trà. Ông không nói với những người mà mình đã khai mở về những tiên tri trong cuốn sách thứ hai, và đương nhiên là cũng không nói về những gì mình đã đọc được.

“Rồi thì sao nữa?” ông nói ngay sau đó.

“Như thế này, người ta cho ông hoàng của Java và ông hoàng của cõi tâm linh cùng sinh ra trong tháng 6 năm 1901.”

“Tên ông hoàng tâm linh là ‘bình minh’ – bởi ông đến cái thế giới này đúng vào lúc bắt đầu một thời đại mới.”

“Một thời đại mới?” Cụm từ đó khiến Subuh chú ý. Nó cũng y như cụm từ ông đã đọc được trong cuốn sách thứ hai.

“Thực sự là vậy, người đó sẽ mở màn cho thời đại của bằng chứng.

“Một thời đại trong đó con người không còn chỉ tin sự hiện hữu của Thượng Đế là sự thật, mà còn tự mình nghiệm thấy bằng chứng.

“Người đó là một người từ phương Đông; ông sẽ tới những nước phương Tây, để đem Thiên Chúa giáo trả lại cho người Thiên Chúa giáo – nhưng chính mình thì lại không là một người Thiên Chúa giáo.

“Cầm ông ấy hẳn nhụi không râu, ông không mặc áo choàng như những nhà tu hành, là một người bình thường về mọi phương diện với vợ con.”

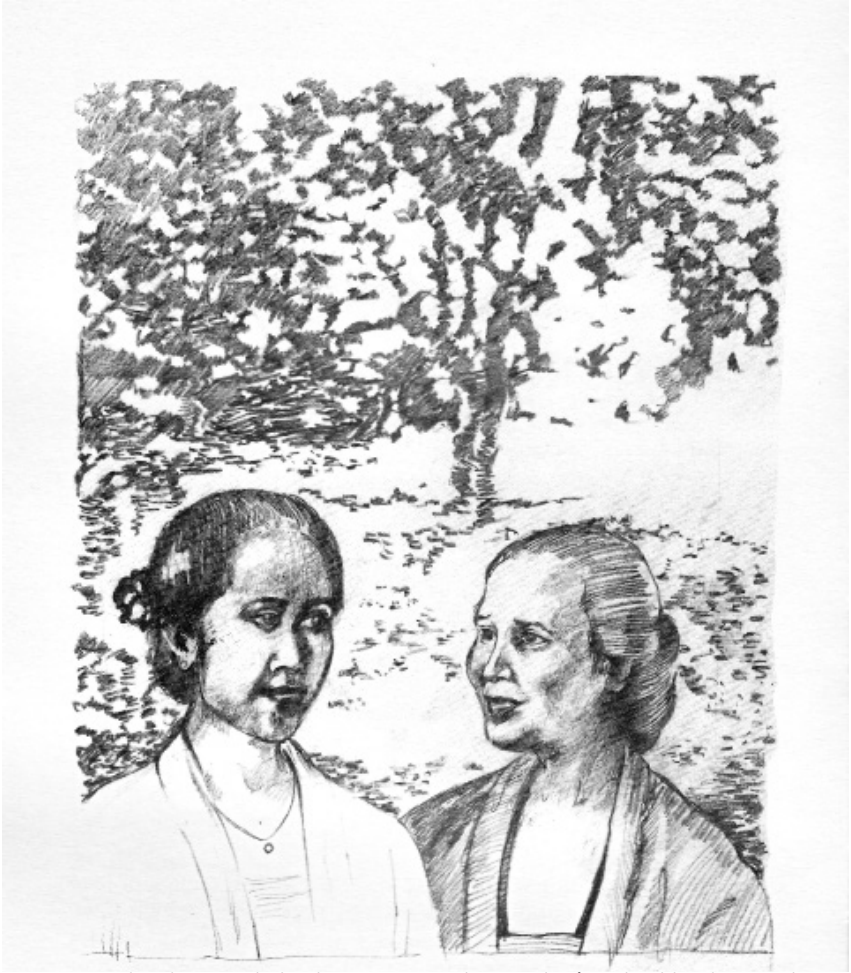
Subuh nhận thấy cô gái trẻ Warnati đang đứng nghe dưới bóng cánh cửa nhà.

“Nak Wijaya, tất cả những chuyện đó đều nằm dưới sự định đoạt của Thượng Đế. Chúng ta không thể hiểu những Thiên Chỉ với trí óc mình.

“Nhưng Bapak,” Wijaya thành khẩn nói, “*bác* sinh tháng 6 năm 1901; tên bác là ‘Subuh’...”

“Nak, cháu đến đây là để phụng thờ Thượng Đế. Chúng ta hãy cùng nhau quy thuận trong *latihan kedjiwwan*,” Bapak mỉm cười. Ông và anh bạn trẻ từ Jogya vào phòng học để phụng thờ Thượng Đế.

Warnati suy nghiệm về những gì cô đã nghe thấy, và kể lại cho mẹ mình nghe một vài điều.



Warnati nói với mẹ mình, Ibu Sumari, những gì cô nghe lén được: những tiên tri về 4 người vua sinh ra trong năm 1901, một người trong họ là một 'ông vua tâm linh' mang một tên có ý nghĩa là 'bình minh' nhưng thiên hạ không biết người đó là ai.

CHƯƠNG 28

Nước cao tới đầu gối, Warnati và Haryono lội qua con sông đang chảy xiết. Nước sông màu trắng đập vào những tảng đá mòn và khối đá nhồi lên mặt đất. Ngón chân họ đã nhiều lần bị đụng vấp tới nỗi không có nhớ được là bao nhiêu lần nữa.

“Con đường này tốt hơn,” Haryono chỉ về phía những tảng đá bằng phẳng nhô lên từ vách hẻm núi.

“Ibu sẽ không thể đi qua được,” tiếng la hét của Warnati lẫn át cả âm thanh dòng sông. “Tốt hơn là đi trên bờ sông đối diện.” Cô chỉ về phía dải đất gồm bùn và cát của bờ sông.

“Nhưng đó là một nơi rất dễ bị phát hiện,” Haryono phản đối.

“Nếu có một đội tuần cảnh đi ngang qua mà nhìn qua nơi đây, bố mẹ sẽ bị coi là những kẻ đi chạy loạn. Trông bố mẹ không như dân địa phương.”

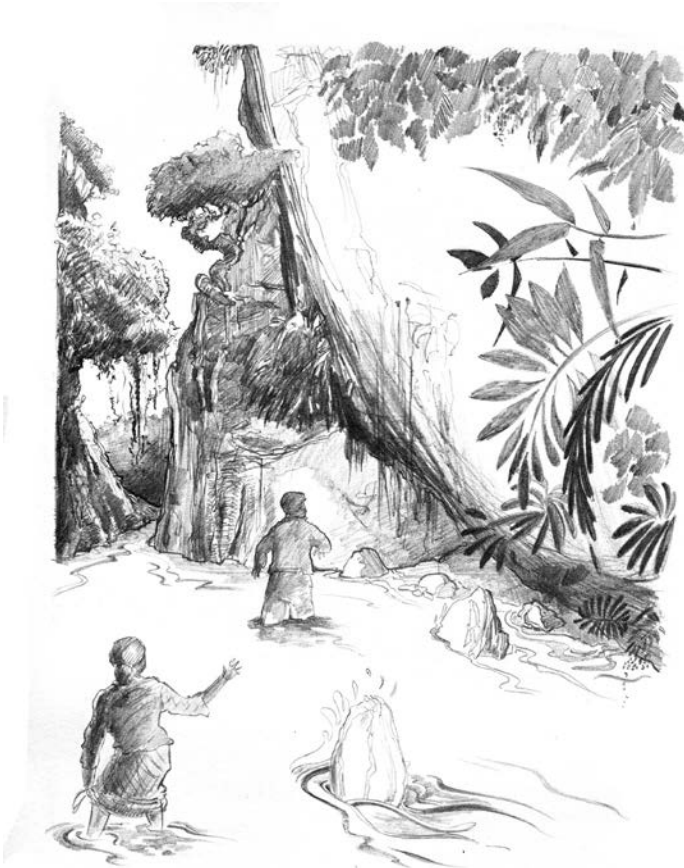
Haryono và Warnati là những kẻ tình nguyện đi dò thám cho cuộc chạy loạn đầy nguy hiểm từ Semarang tới Wolodono.

Mỗi sáng họ thức dậy thật sớm để đi dò đường và giúp mọi người trong gia đình được tối đa an toàn và vô sự chọn đường đi trên một khu vực không quen thuộc.

Đối với họ, cũng như với Rahayu và Haryadi, đây là một cuộc mạo hiểm lớn nhất trong đời mình.

Có những nguy hiểm đích thực – thú dữ, lính tuần cảnh Nhật, kẻ cướp, kẻ có cảm tình với người Hà Lan, nghĩa quân chiến đấu trong thiếu thốn – cùng với sự thách đố của chuyển đi.

Làm cách nào để sống còn?



Subuh và vợ con đi từ nơi này qua nơi kia trên đất nước để tránh nạn binh đao. Cuộc sống trở nên nguy hiểm, nhưng đối với các đứa trẻ thì chuyển đi vật vờ và đó lại là một cuộc phiêu lưu kỳ thú.

Sẽ lấy gì để ăn uống? Họ chỉ có những thứ mình mang theo. Có thể mất nhiều tuần – nhưng họ còn tránh tất cả những đường và lối đi thường được dùng.

Nhiều cuộc hành quân thường xảy ra trên những đường đó.

‘Nếu muốn bị khó khăn, thì chỉ việc đi trên các con đường,’ đó là phương châm của những ai chạy loạn. Haryono và Warnati thường nghe nói tới nó.

Hàng ngàn người đã lên đường đánh đổi cuộc sống mình với những nguy cơ của chuyến đi, thay vì để cho bị cưỡng bách tòng quân bởi những phe phái đang đánh nhau để làm chủ của Java. Các trẻ em đều hay biết tất cả về chuyện đó - nhưng như những trẻ em tại bất cứ đâu, chúng không ý thức được là mình có thể bị chết.

Không ai có thể kiếm chế chúng.

Chúng chạy trở lại chỗ rẽ của con sông, nơi gia đình ở tạm để ngủ đêm.

“Bapak và Ibu đang nấu ăn!” Haryono vui mừng la hét. Những lúc ăn uống, nếu có, là thành phần cuộc phiêu lưu.

“Hôm qua Ibu đã bán được một chiếc *batik* khác?” Warnati thắc mắc hỏi khi chúng leo trèo qua những tảng đá để tới nơi ẩn náu gồm những cây cối to tướng với những lá cây lớn như những chiếc dù.

“Nếu không bán được thì chẳng có gì nhiều cho bữa ăn sáng,” Haryono cười.

Ibu Sumari và Rahayu mang theo những *batik* cũ xưa – bằng vải – mà họ dùng để trao đổi cho thức ăn và việc được tạm trú.

Muhammed Subuh ngồi trên một thân cây bị chặt đốn cầm một

tách cà phê bằng thiếc. Haryadi đang ngáp và vươn vai. Rahayu thì đang quấy một chảo bằng thiếc trong đó là cháo. Đó là thứ cháo lỏng cho người ốm ăn, và trong những lúc khá hơn thì có thể là cháo đặc.

Ibu Sumari sửa soạn lại đầu tóc mình. Tóc bà trải xuống như một khăn choàng màu đen phía sau lưng tới eo.

Warnati lấy làm lạ không biết như thế nào mẹ mình có thể ăn mặc chải chuốt, ngay cả trong lúc đi trong rừng và trên bờ sông.



Họ dừng chân tại một bờ sông để ăn uống và nghỉ ngơi. Trong những khu rừng người ta dễ bị lạc đường vì không có bản đồ.

“Chỗ ngã ba kế tiếp của con sông chúng ta sẽ từ đó đi tới Kedu,” Haryono báo cáo điều mình tìm thấy cho Subuh: hồi đó chưa có một tấm bản đồ đầy đủ chi tiết nào về vùng đó. Phần đông những phụ lưu của con sông chưa từng được ghi vào bản đồ.

Những người chạy loạn khỏi quê quán mình đi được không đầy 5 km là phải bỏ mất những đồ đạc của mình, khi họ không đi trên những con đường.

Vài trăm mét ngoài phạm vi thôn xã và đồng ruộng mình, những người dân quê hầu như không biết chút gì về địa hình và chiều hướng của những dòng nước.

Subuh giữ cho gia đình mình không đi xa khỏi những ngọn núi. Tuy có những nơi ẩn náu tại chân đồi, nhưng bọn cướp thường đến những vùng đất thấp là nơi dễ cướp bóc hơn, và do đó cũng thường không có mặt tại những nơi ẩn náu.

Nếu chỉ có một mình thì Muhammed Subuh đã có thể mỗi ngày đi được 30 km - ngay cả khi dùng những lối đi lên xuống vòng quanh, không là những lối đi thường dùng.

Nhưng mấy đứa con ông đã mệt mỏi vì chơi đùa, còn chân cẳng của Siti Sumari thì không đủ sức mạnh.

Họ đôi khi dừng chân lại để chuyện trò với những người cùng chạy loạn khác, những kẻ cũng như họ muốn đến những thôn xã xa xôi tìm nơi trú ẩn tại đồng quê miền Trung Java.

Đến được đích vẫn còn xa.

Mọi người trong gia đình đi dọc theo một ngọn suối nông cạn bên ngoài nơi gần cận của Kedu. Họ đã đi được một tuần. Wolodono – cộng đồng nhỏ bé gần Temanggung là quê quán của Siti Sumari – chỉ cách 2 hay 3 ngày đường. Subuh và Siti Sumari đi đằng sau và thường không bắt kịp các con cái. Rahayu thường trông chừng Haryadi, còn Haryono và Warnati thì dẫn đầu.

Bapak đi chung với Siti Sumari để cho có bầu có bạn; khi đi ông kể cho bà nghe nhiều chuyện. Những chuyện tự phát được kể cho tới lúc cuối. Một chuyện có thể kéo dài nửa tiếng đồng hồ hay mất nửa ngày trời. Đôi khi Warnati và Rahayu thường đi theo phía sau để nghe kể những chuyện như ‘Căn Nhà bằng Cẩm Thạch’ hay ‘Người Đàn Ông với Ống Điếu’ hay ‘Anwar và Anwas,’ câu chuyện về hai người con trai của Adam.

Hôm nay, Siti Sumari cảm thấy lo lắng. Khu rừng thật thâm sâu và u tối. Họ chưa gặp một mạng người nào kể từ lúc giữa sáng.

“Mas, tôi cảm thấy sợ; tôi không hiểu tại sao, nhưng cảm thấy sợ. Ông có nghĩ là người Nhật sẽ có thể tìm thấy chúng ta – hay ngay cả bị quân phiến loạn tìm thấy – bọn này thì còn tệ hơn nữa...Mas, điều gì sẽ xảy ra với chúng ta? Chúng ta sẽ phải chết?”

“Để tôi kể cho bà nghe chuyện này,” Subuh nói.



Để giúp vợ mình chịu đựng cuộc hành trình, Subuh kể cho bà nghe chuyện một thầy tu Hà Lan của Sulawesi.

“Cách đây không lâu có một người rất tốt bụng, một người ân cần và lương thiện. Ông là một nhà tu hành, một tu sĩ Thiên Chúa giáo – một *Belanda*, một người Hà Lan da trắng.

“Ông hết mình tận tâm phục vụ các con chiên mình tại một thôn xã nhỏ bé ở Sulawesi; ông sát cánh với họ ngay cả sau khi nước ta bị người Nhật xâm chiếm. Ông tiếp tục sát cánh cùng họ khi người Nhật bao vây thôn xã và tất cả những cuộc chống đối bị tiêu diệt.

“Ông ở lại nhà mình để an ủi cộng đoàn. Một đêm nọ có một giáo đồ đến gõ cửa vội vã nói: ‘Cha, cha phải đi ngay lập tức. Nếu không cha sẽ bị xử tử!’

“Nhưng vị tu sĩ đó nói: ‘Chuyện sống hay chết không tùy thuộc một người lính Nhật, mà tùy thuộc Thiên Chúa. Tôi tin cậy Thiên Chúa. Tôi sẽ không đi đâu hết.

“ Người giáo đồ đó bỏ đi, chán nản. Ban đêm, vị tu sĩ đó cầu nguyện phó mặc mạng sống mình cho sự Cao Cả của Thiên Chúa.

“Lúc quá nửa đêm, có một tiếng gõ cửa. Ông ra mở cửa.

“Một sĩ quan Nhật đứng đó với biểu chương và y phục bóng loáng. Hắn bước vào phòng; vị tu sĩ đó không nhúc nhích, vẫn điềm tĩnh quy thuận Thiên Chúa.

“Ông thầy tu này, lúc bình minh ông sẽ chết,” viên sĩ quan Nhật nói.

“Có thể là vậy và cũng không thể là vậy,” vị tu sĩ đó đáp. “Dù gì đi nữa, chuyện sống hay chết không tùy thuộc bất cứ ai ngoài Thiên Chúa.

“Vị tu sĩ đó đợi chờ sự định đoạt của Thượng Đế.

“Đột nhiên, ông nghe thấy viên sĩ quan Nhật nói:



Ngay sau lúc giữa đêm có một tiếng gõ cửa nơi ở của thầy tu đó. Một sĩ quan Nhật nói với ông là ông sẽ bị xử tử lúc bình minh, nhưng cũng cho ông biết là sẽ được cứu thoát như thế nào. Viên sĩ quan liền biến mất không gây một tiếng động.

“Hôm nay, ngay lúc trước bình minh, đúng lúc 4 giờ 30 sáng, ông sẽ phải ra khỏi căn nhà này, rồi đi qua bên phải trên con đường làng, đi độ 400 bước thì sẽ tới góc một trại lính của quân Nhật, và phải quỳ trên đầu gối

“Từ nơi đó, ông sẽ đi qua bên trái và phải quỳ trên đầu gối mà bò, nhưng không được nhìn qua phải hay trái. Ông sẽ bò dọc theo một hàng rào. Dù có gì xảy ra đi nữa, ông phải tiếp tục bò. Tiếp tục bò mà không được nhìn qua trái hay phải.

“Ông sẽ tới góc một hàng rào. Từ đó, ông phải quẹo qua bên phải, nhưng phải tiếp tục bò, cứ tiếp tục bò thẳng tới phía trước.

“Ngay sau đó, ông sẽ thấy trước mặt mình, trên một cái bệ, một thanh kiếm Nhật Bản. Ông phải tiến tới phía thanh kiếm đó trên đầu gối mình, mà không được nhìn qua trái hay phải. Hãy hôn lên thanh kiếm đó.

“Kể đến, ông sẽ đi về một cách y hệt như những gì đã diễn tả, nhưng đi ngược lại. Ông không được đứng cho tới khi đến con đường làng. Sau đó, ông sẽ đứng lên rồi chạy về nhà mà chờ đợi. Như thế có lẽ ông sẽ không chết.

“Hết sức ngạc nhiên về những lời khuyên đó, vị tu sĩ đó ngẩng đầu lên nhìn.

“Viên sĩ quan Nhật đã đi mất. Nhưng cửa nhà đã đóng. Vị tu sĩ đó đã không nghe thấy cửa đã từng được mở hay đóng.

“Ngay lúc đó, ông nhận thấy trong một nỗi lo sợ khiến ông tự hỏi không biết Thiên Chúa và các thiên thần sẽ làm ra sao.

“Ông thức cho tới 4 giờ 30 sáng, và đi làm đúng những gì mà viên sĩ quan bảo mình làm. Ông đi trên con đường làng, đi qua bên trái rồi bò trên đầu gối mà không nhìn qua phải hay trái.

“Khi tới hàng rào, ông chợt nghe thấy những tiếng la hét ồn ào,

khàn khàn. Ông tự ép mình không cho phép mình theo hướng những tiếng đó, mà chỉ việc tiếp tục bò, mắt nhìn thẳng.

“Ban đầu những tiếng la hét đó xuất phát từ hai bên, kể đến là tiếng thịch thịch của giày ống, tiếng lách cách của lưỡi lê và âm thanh của tiếng súng.

“Ông vẫn tiếp tục bò, không nhìn qua trái hay phải. Tại hàng rào ông quẹo qua phải. Sự náo động ầm ĩ đi theo ông từ hai bên, khi ông bò tới phía thanh kiếm đặt trên bệ.



Ngày hôm sau, lúc bình minh, thầy tu đó làm y hệt những gì mà viên sĩ quan đã chỉ thị, bằng cách bò trên đường mà không nhìn qua phải cũng như trái. Mỗi bên của ông đều có tiếng chửi mắng và tiếng súng nổ.

“Tiếng ầm ĩ hỗn loạn trở nên mãnh liệt hơn, khi ông đến gần thanh kiếm. Nhưng khi ông hôn lên nó, những tiếng ồn ào kinh khiếp đó biến thành những tiếng tiếng cười phá lên.

“Tiếng cười và tiếng chế nhạo đi theo ông, khi ông trên đường đi về. Rút cục thì ông đã hoàn thành những gì người ta bảo mình làm: ông đến con đường làng, đứng lên và chạy về nhà để đợi chờ.

“Lúc đó là bình minh.

“Khoảng 8 giờ sáng có một tiếng gõ cửa. Năm người lính Nhật bước vào, trói tay ông lại, rồi lôi dẫn ông đi.

“Không bao lâu, chúng lôi dẫn ông tới một nơi gần thanh kiếm trên bệ. Dưới ánh sáng đầy đủ của ban ngày, vị tu sĩ đó trông thấy đó là thanh kiếm dùng để xử tử chặt đầu mình.

“Bọn lính đánh đập cho ông quỳ xuống bên chân một viên đại tá Nhật, râu đen, thân hình mập lùn với giày ống lớn màu đen. Viên đại tá đó đang rửa tay. Có một kẻ trước đó đã bị xử tử.

“Hắn quay người lại nhìn từ nơi đặt chậu nước; khuôn mặt hắn trở nên đỏ bừng; hắn chột bặt cười.

“Hắn cười đi cười lại, ngón tay chỉ vào vị tu sĩ. Cuối cùng hắn ngưng cười và nói bằng một thứ tiếng Anh ngập ngừng.

“ ‘Đây rồi! Đây rồi *chính* ông hôm nay là kẻ hôn lên thanh kiếm lúc bình minh!’

“ ‘Điều gì khiến ông làm vậy! Ai đã bảo ông phải hôn thanh kiếm?’

“Vị tu sĩ đó cúi mặt xuống.

“Khuôn mặt viên đại tá trở nên dữ tợn. ‘Sự hôn lên thanh kiếm có kết quả là định mệnh ông đã được an bài,’ hắn nói.

“Vị tu sĩ đó đặt định mệnh mình cho sự định đoạt của Thượng Đế, ngay cả khi viên đại tá nói điều đó.

“ ‘Định mệnh ông đã được định đoạt,’ viên đại tá nói. ‘Ông sẽ sống.’ ”

Ibu cảm lặng trong một lúc. Ánh sáng khu rừng bắt đầu trở nên mờ nhạt.

“Như vậy thì viên sĩ quan Nhật đến gặp vị tu sĩ đó,” bà mạnh dạn hỏi, “người đó là một thiên thần?”

Subuh gật đầu tỏ sự đồng ý. “Bà nên biết là đi theo con đường của *latihan* thậm chí còn khó hơn theo con đường của vị tu sĩ đó.”

Chợt nhiên, Subuh thay đổi hướng đi qua bên phải, và bắt đầu đi vào khu rừng, thay vì đi dọc theo ngọn suối.

“Mas, ông đi đâu vậy?” Siti Sumari kêu la. “Con cái chúng ta đều đi theo bên trái ngọn suối!”

Subuh tiếp tục đi, và nói với bà trong lúc đang đi: “Ibu, bà cứ việc đi theo tôi.”

“Chân tôi không đủ sức,” bà phản đối. “Trời đã tối rồi. Tôi không thấy được gì. Điều gì sẽ xảy ra cho mấy đứa con?”

“Bà cứ theo tôi,” Ibu nghe thấy ông nói. “Bà hãy can đảm mà theo tôi.”

Warnati là kẻ đầu tiên nhìn thấy căn nhà gần như bị khu rừng che kín.

“Adik Haryadi, coi kìa,” cô thì thầm nói với em trai mình. “Em có trông thấy ngôi nhà kỳ ngộ kia không?” Haryadi cuối cùng cũng nhận ra nó. “Trông muốn rụng tóc gáy...” Khi nói điều đó, cậu cảm thấy có một bàn tay mạnh mẽ đặt lên vai mình.



Warnati tìm thấy một căn nhà. “Trông khiến sờn gáy...” Warnati đang nói thì chợt có một bàn tay mạnh mẽ nắm lấy vai cô.

“Muốn rụng tóc gáy, thực vậy sao? Nói như vậy thì không tốt chút nào cho căn nhà mà tao đã sửa lại.”

Warnati và Haryono quay đầu lại nhìn thì trông thấy khuôn mặt r ám ánh nắng của một người đàn ông thấp và lùn. Kề đó đang nhăn mặt, và sự nhăn mặt đó khiến cho nét mặt của hắn trở nên hung tợn và khó coi. Warnati và Haryono cảm thấy khiếp sợ.

“Sợ hả?” hắn hỏi rồi cười hố hố. “Vào đây, chúng ta đi gặp ông già tụi bây.”

Điều hết sức ngạc nhiên là Pak Subuh và Siti Sumari đang ngồi trong nhà.

“Bapak và Ibu đã dùng một con đường tắt,” Subuh nói với mấy đứa con.

“Điều khiến tao ngạc nhiên,” người đàn ông da ngăm đen nói, “là ông già tụi bây đến bên cửa nhà tao nói: ‘Tôi và gia đình đã đi từ Semarang tới đây. Chúng tôi mệt mỏi vì đã phải ngủ ngoài trời - điều đó chúng tôi không quen. Ông có thể cho phép chúng tôi ngủ đêm nơi đây?’ ”

Hắn đập tay lên đùi nói: ‘Trên đời có ai mà can đảm được như vậy?’ Hắn làm một động tác vung quét với bàn tay nặng nề của mình.

Nhìn theo chỗ hắn chỉ, người ta có thể trông thấy một vài món khí giới tụy tại một góc nhà.

“Như một ổ cướp!” Haryadi thì thầm nói.

“Đúng đấy,” hắn nói, “và tao là thủ lĩnh của tất cả bọn cướp nơi đây.” Hắn nhìn Subuh. “Nhưng ông già này, ông là một thủ lĩnh cao siêu, còn cao siêu hơn tao nhiều!

“Tại sao lại vậy, tao không hiểu tại sao có điều đã ám ảnh mình

tuần vừa rồi! Tao chỉ *biết* là mình phải sửa cho đẹp nơi chốn này. Tao sai một vài đũa trong nhóm mình chỉnh sửa lại tường nhà, và bắt đám ghê của chúng làm cho tao nhiều tấm màn che. Tao còn bắt phải đem tới lên núi cho mình những chiếc giường lấy của những trại lính Nhật. Không phải ăn cắp – không. Mua bán đàng hoàng.

“Suốt ngày tao tự nói với mình: ‘Bung, mày là một thằng khùng mà làm những chuyện này. Không có lí do nào bắt mày phải làm.’ Nhưng tao lại đi ra ngoài để mua thêm thức ăn!

“Sau đó thì ông già tụi bây tới, trông hết sức thanh thản. Tao nhìn khuôn mặt ổng rồi tự nói với mình: ‘Bung, trước đây mày chưa từng nhìn thẳng vào cặp mắt một con người lương thiện – bây giờ thì mày được dịp nhìn trước khi chết.’

“Nên tao nói: ‘Bapak, xin ông cứ tự nhiên vào đây,’ ổng bước vào, ngồi xuống và hình như nơi chốn này đã được chuẩn bị để đón ổng...” Tên cướp tạm ngưng nói, khuôn mặt hắc trở nên dịu hiền và thân thiện. ‘...Mà *thực sự* là vậy.’

“Bung, những gì ông làm đều được hướng dẫn, khiến ông trở thành một con người lương thiện, phục tùng và độ lượng – tuy tôi biết là ông không nghĩ như vậy khi ông làm những gì mình đang làm,” Subuh nói.

“Chính linh hồn ông đã khiến ông làm một việc tốt lành. Việc làm đó có kết quả là những người lương thiện cảm thấy mến ông.”

Trên khuôn mặt tên cướp nhiều giọt nước mắt chảy xuống. Hấn không nói một lời nào mà chỉ đi chuẩn bị một bữa ăn đơn sơ nhưng làm vừa lòng mọi người. Hấn còn đi đặt những tấm nệm sạch sẽ lên giường và chúc Subuh cùng gia đình một giấc ngủ ngon.

Đám con ông đã thức dậy trước lúc bình minh, nói năng bi bo cùng với những con gà trống trong rừng.

Tên cướp khẩn cầu Subuh ở lại để giúp hắn, coi nhà hắn như nhà mình.

Nhưng Subuh nói: , ‘Bung, xin thứ lỗi cho, tôi không thể ở đây. Tôi phải tuân theo sự hướng dẫn mà mình tiếp nhận được. Bây giờ thì tôi phải tới quê quán bà xã mình. Từ đó còn phải đi đâu nữa thì tôi không biết. Nhưng một ngày nào đó, sau khi đất nước chúng ta được tự do, có lẽ tôi sẽ phải đi khắp thế giới.’

Bình minh đang lên khi Muhammed Subuh từ biệt để cùng Ibu và con cái tiếp tục lên đường.



Lúc bình minh, Subuh và gia đình từ biệt tên tướng cướp để tiếp tục lên đường tới Wolodono.

LỜI BẠT

NHỮNG HÀNH TRÌNH VÒNG QUANH THẾ GIỚI

Bapak Muhammed Subuh an toàn đến Wolodono cùng gia đình.

Khi nền độc lập của Indonesia được tuyên bố trong năm 1945, ông tới ở thành phố lịch sử Jogjakarta.

Số người theo tập latihan kedjiwwan tại Jogja tăng lên khoảng hơn 300 người.

Bapak Subuh cảm thấy đã tới lúc phải có một tổ chức để khai mở cho thiên hạ và trông nom họ, cũng như để bảo quản những cơ sở cho việc tập latihan.

Bapak đặt tên cho tổ chức đó là Subud. Subud là chữ viết tắt của những chữ Sanskrit Susila Budhi Dharma.

Ba chữ đó hợp lại có nghĩa là một lối sống theo nhân tính bằng cách quy thuận Thượng Đế.

Hồi đó trong số những người không là người Indonesia được khai mở tại Jogjakarta có một người tên là Hussein Rofé. Một người quốc tịch Anh, tổ tiên là người Trung Đông, Rofé theo tập *latihan kedjiwaan* trong một thời gian tại Indonesia.

Trong những chuyến đi hải ngoại, Rofé tiếp xúc được với một nhóm người ở Cyprus. Nghe nói tới Bapak Subuh và những chứng nghiệm *latihan* của Rofé, họ mời Bapak tới Cyprus để khai mở cho họ.

Những cuộc xung đột giữa dân địa phương khiến cho điều đó không thể xảy ra. Nhưng Rofé tới London là nơi anh gặp John Bennett, chủ tịch một trung tâm tu tập tại Coombe Springs theo đường lối của Gurdjieff.

Trong năm 1957 một buổi họp quốc tế của những môn đồ của Gurdjieff được tổ chức tại Coombe.

Khi Bapak và Siti Sumari cùng với đoàn người đi theo đến nước Anh, đó tình cờ là lúc có buổi họp đó.

Ban đầu chỉ có vài người được khai mở bởi Bapak và Ibu Subuh. Nhưng có những người khác đã tìm hiểu về những chứng nghiệm của những kẻ được khai mở, và họ cũng xin được theo tập *latihan* của Subud.

Kết quả là Bapak phải lưu lại nhiều tháng ở Anh.

Trong khi đó thì những kẻ được khai mở đã đem *latihan* trở về quê hương mình.

Như vậy, Bapak Subuh đã thực hiện chuyến du hành đầu tiên vòng quanh thế giới. *Latihan kedjiwaan* của Subud đã truyền bá khắp nơi cho mọi người.

Sau đó, có hơn 20 chuyến đi thế giới của Bapak trong đó ông trợ lực cho *latihan kedjiwaan* của hàng ngàn hội viên Subud, cũng như có những buổi nói chuyện với họ tại hơn 70 quốc gia.



Bapak Muhammed Subuh trong những năm 1950



Bapak Muhammed Subuh tại Anh, 1959.



Tại căn phòng là nơi Muhammed Subuh chào đời. Từ trái qua phải: Eyang Supa'at, Luqman Keele, Mas handono, Isni Astuti Wiryodoyo.



Đi ra ngoài từ nơi sinh quán.



Những thành viên nhóm học đạo của Kadarusman và Subuh. Subuh đang bồng bế một đứa bé không là con mình. Kadarusman là người thứ 4 tính từ bên trái, mặc áo vét màu tối tằm.



Ruminah (bên trái), Ibu Kursinah (ngồi giữa) và Muhammed Subuh (bên phải). Vào khoảng 1926.

THUẬT NGỮ

A

Adik: lối xưng hô đối với người em trai.

Agung: lớn, vĩ đại.

Alang-alang: một loại cỏ.

Allah-hu-akbar: Thượng Đế là Đáng Tối Cao (tiếng Ả Rập).

Allah subhana wa't'ala: Thượng Đế là sự vinh quang tối thượng (tiếng Ả Rập)

Al Fatihah: chương đầu của kinh Koran.

Arjuna: một trong 5 người anh em Pandawa là những vai chánh trong wayang.

Azr: lễ cầu kinh buổi chiều của Hồi giáo.

B

Bapak hay Pak: lối xưng tôn kính đối với người cha hay người đàn ông.

Batik: một vải bông đặc biệt được trang trí với hoa văn của người Indonesia.

Becak: xích-lô

Belanda: nước hay người Hà Lan.

Bima: một người anh em của Arjuna, đồng thời cũng là một nhân vật rất được ưa chuộng, trong những truyện của Wayang.

Bugis: những hội đoàn đi biển của đảo Sulawesi.

Burung hantu: con cú.

C

Cangkir: tách hay chén.

Cicak: một loại thần lằn ở Indonesia được đặt tên theo tiếng kêu của nó.

D

Dalang: người điều khiển những con rối trong kịch đèn chiếu wayang.

Dewas: những thần linh của thần thoại Hindu.

Dhikir: lời cầu kinh của Hồi giáo trong đó người ta tụng niệm đi tụng niệm lại câu 'Không có thần thánh nào ngoài Thượng Đế', đồng thời còn lắc lư từ bên này qua bên kia theo nhịp điệu của câu kinh.

Diponegoro: một ông hoàng trong thế kỉ 19 của Java đã nổi loạn chống lại người Hà Lan.

Dukun: thầy bói hay thầy lang xưa kia của Java, thường là kẻ thông thạo pháp thuật.

Durian: một loại bánh trứng sữa .

E

Eyang: lời xưng hô đối với ông bà nội hay ngoại.

Eyang Kakung: lời xưng hô tôn kính đối với ông nội hay ngoại.

Eyang Puter: lối xưng hô tôn kính đối với bà nội hay ngoại.

G

Gambang: nhạc cụ gồm đàn phím gỗ của Java.

Gamelang: dàn nhạc của Java gồm đoàn chơi nhạc gõ và đoàn gảy đàn.

Gekko: một loại thần lằn được đặt tên theo tiếng kêu của nó.

Gemmeente: Toà thị chính (tiếng Hà lan).

Goton royong: một đường lối tương tế xưa kia tại những thôn xã của Java.

Guru: tôn sư, sư phụ.

Gusti Allah: Thượng Đế Toàn Năng:

H

Hakekat: trực tiếp nghiệm được chân lí hay thực tại tâm linh (từ Ả Rập được du nhập vào tiếng Indonesia)

I

Ibu hay Bu: lối xưng hô tôn kính đối với người mẹ hay người đàn bà.

Id-ul-Fitr: lễ ăn mừng lúc chấm dứt Ramadhan và đồng thời cũng là lúc mọi người xin tha thứ cho nhau (tiếng Ả Rập).

Ilmu: sự hiểu biết liên quan tới tâm linh.

Imam: người chủ lễ tại chùa Hồi.

Insh'allah: nếu đó là Thiên Ý.

J

Jati: gỗ tẻch

Jiwa: linh hồn hay tinh thần. Nguyên văn là 'nội dung tâm linh.'

Joglo: lối nhà cửa cổ truyền của Java.

K

Ka'aba: một kiến trúc hình vuông tại Mecca là nơi theo đó tất cả các nhười Hồi giáo phải hướng tới lúc cầu kinh.

Kain: một loại vải bông của Java, thường là batik, mà đàn ông hay đàn bà thường dùng làm vật áo hay váy.

Kakek: lối xưng hô đối với người anh hay chị.

Kampung: thôn xã.

Kedung: xoáy nước.

Kedjiwaan: liên quan tới tâm linh.

Kiyai: người truyền dạy những đạo lí của Hồi giáo.

Kraton: triều đình.

Krupuk: một loại bánh chiên trên đó thường có tôm.

Kulit: da hay da thuộc.

L

La illaha ill'allah: không có gì đáng được phụng thờ ngoài

Thượng Đế.

Latihan: tập luyện, thực tập.

Lebaran: từ đồng nghĩa với *Id-ul-Fitr* của Indonesia.

Latihan kedjiwaan: tập luyện tâm linh.

Lemper: một loại nem.

M

Maghrib: lễ cầu kinh lúc bình minh của người Hồi giáo.

Mantra: thần chú.

Mas: lối xưng hô đối với một người anh hay người mình coi là anh em.

N

Nafsu: ham muốn, thị dục.

Nak: lối xưng hô đối với một đứa bé (gọi tắt của *anak*).

Nangkar: quả mít.

Nasi rames: một loại thức ăn gồm cơm, thịt, rau cải và gia vị.

N.I.S: công ty đường sắt của Hà Lan ở Indonesia.

O

Onde-onde: bánh bao nhân đậu xanh.

Oleh-oleh: quà tặng sau một chuyến du lịch.

Orang-sakti: nhà tu hành hay người thông đạt pháp thuật.

P

Pak: gọi tắt của Bapak.

Panca indra: ngũ quan.

Pasar: chợ búa.

Pencak silat: môn võ thuật của Java.

Pendawa (anh em): 5 nhân vật chính trong những truyện của wayang.

Petruk: nhân vật gây óm đóng vai hề trong wayang.

Pesta: lễ lạc, lễ ăn mừng.

Prihatin: tập khổ hạnh.

R

Raden Mas: lối xưng hô đối với kẻ là con cháu phái nam của vua chúa ở Java.

Raden Nganten: lối xưng hô đối với kẻ là con cháu phái nữ của vua chúa ở Java.

Raka'at: một chu kỳ trong lễ cầu kinh của Hồi giáo.

Rambutan: một loại trái vải của Indonesia.

Rasul Allah: sứ giả của Thượng Đế (tiếng Ả Rập).

S

Samadi: nhập định.

Sambal: một loại nước chấm với ớt.

Sarekat Islam: một đảng phái quốc gia ở Nam Dương đầu những năm 1920.

Sarong: lối ăn mặc bình thường là một chiếc váy ở Java, đặc biệt cho đàn ông.

Satria: hiệp sĩ.

Sayid: một kẻ được coi thuộc dòng dõi Thiên Sứ Muhammed.

Selematan: bữa ăn sau lúc cúng bái.

Semar: một vai hề là một kẻ mập mạp được ưa thích trong wayang.

Sirih: lá trầu.

Sub'hi: lễ cầu kinh lúc bình minh của Hồi giáo (tiếng Ả Rập).

Subuh: phát âm của Sub'hi theo tiếng Java hay Indonesia.

Sufi: một nhà tu hành theo những thuyết thần bí của Hồi giáo.

Sunan: hoàng vương hay hoàng thân, thường dùng để gọi một nhà tu hành đức cao độ trọng.

Sunat: lễ cắt bao đầu quy.

Sungkem: lối tỏ sự tôn kính của người Java bằng cách cúi rạp mình xuống.

Sungkeman: những dịp làm sungkem.

T

Tarekh: sự học hỏi để hiểu thấu kinh Koran hay những vấn đề tâm linh (tiếng Ả Rập/Indonesia).

Tuan: lối xưng hô tôn kính đối với một người đàn ông.

V

Van Dalen (từ điển): một cuốn từ điển Hà Lan rất dày.

W

Wahyu: thiên khải.

Walis: thánh nhân Hồi giáo.

Warung: quán ăn ở Java.

Wayang: tuồng kịch dựa trên sử thi Mahabharata và Rama Yana.

Wayang kulit: kịch đèn chiếu múa rối của wayang.

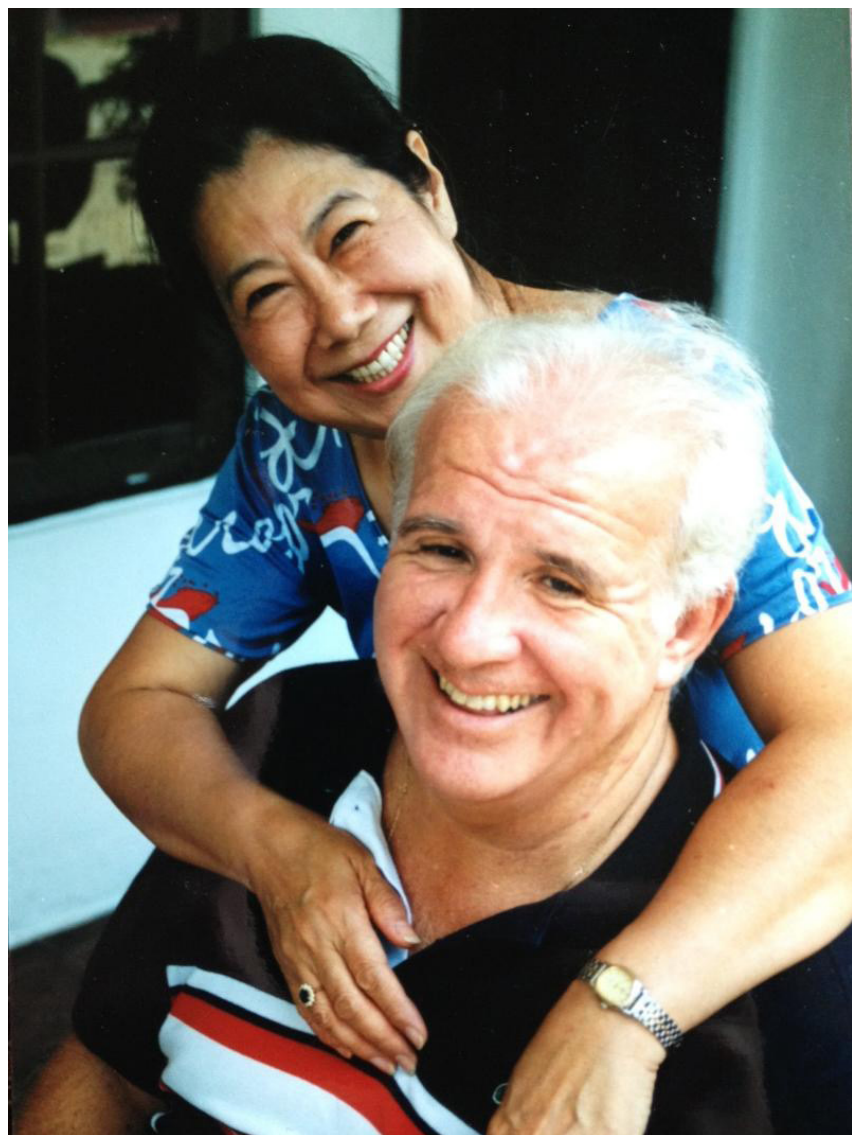
Wayang orang: kịch wayang với diễn viên.

Windu: chu kỳ 8 năm theo lịch Java (81x35 ngày).

Wisnu Murti: một nhân vật wayang có khả năng dẫn dắt người ta theo chánh đạo.

Wuhdu: lễ tắm gội trước lúc cầu kinh mỗi ngày 5 lần của Hồi giáo (tiếng Ả Rập).





...who would
twenty times sharing an extraordinary experience with people of different races
and cultures.

This is the retelling of that remarkable journey: a journey which really began
at dawn, 22 June 1901, when Subuh was born.

It is the story of a boy who meets tigers in the forest. Who has to leave school
to work on the railroads. Who signs on to sail to Holland. A boy who wants to
be a book-keeper but ends up being a pioneer.

It is also the story of Subuh's mother, whose experiences presage the kind
of man her son will be.

Of his grandfather whose noble ancestry is touched with mystery.

Of the friend who guides him through the shoals of a spiritual search.

Of his wife, Rumindah, who witnesses a miracle but does not live to see it
fulfilled.

Of his family who follow him on foot in a trek across Java during the last
dangerous year of the Second World War.

Above all, it is the story of the conscious experiences of a young man who
went on a journey more real than everyday reality.

Beyond the Earth. Beyond the Solar System. Beyond the Universe of stars
and galaxies. To realms beyond ordinary understanding.



JOURNEY BEYOND THE STARS



STARLIGHT PRESS